HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

SỐ 46 THÁNG 4 & 5 NĂM 1999

thụy khuê, trần hữu thục, hoàng phủ ngọc tường, nguyễn hoàng vân, bùi giáng, georg esteiner, nguyễn quốc trụ, phạm quang tuấn, phạm việt cường, nguyễn quang huy, thận nhiên, huệ thu, trần hiệp, nguyễn vĩnh long, nguyễn thị ngọc nhung, đức phổ, lê minh hà, hà nguyên du, nam dao, huy tưởng, cung tích biền, thiên yên, nguyễn huy thiệp, tường vũ anh thy, trần thị ngh., mường mán, phan nhiên hạo, ngô thế vinh, lê bi, mai ninh, lê thánh thư, phạm thị hoài, sử mặc, hoàng ngọc biên.





TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 265-1394 - Email: tchl@aol.com

http://www.kicon.com/hopluu

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 46 tháng 4 &5 năm 1999

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ trương:

Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Lê Bi, Phạm Việt Cường, Hồ Minh Dũng, Triều Hoa Đại, Phan Tấn Hải, Như Hạnh, Luân Hoán, Vũ Quỳnh N.H., Đỗ Kh., Thụy Khuê, Thân Trọng Mẫn, Trần Thị Mai Ninh, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Hồ Đình Nghiêm, Chân Phương, Thường Quán, Trân Sa, Hoàng Xuân Sơn, Đỗ Hữu Tài, Kiệt Tấn, Đặng Tiến, Tường Vũ Anh Thy, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Quốc Trung, Phan Thị Trọng Tuyến, Lê Thị Thấm Vân, Trần Vũ, Trương Vũ.

Chủ biên:

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèn theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài). Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại. Gửi bài qua email xin sử dụng địa chỉ hopluu@hotmail.com

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



tranh Nguyễn Trung

HỢP LƯU

Số 46, tháng 4 & 5 / 1999

NHẬN ĐỊNH, BIÊN KHẢO

PHỎNG VẤN, THƠ, TRUYỆN



MỤC LỤC

Tranh bìa:
Tĩnh vật **Khánh Trường** (*sơn dầu*)





Thư tòa soạn



Tuy số báo đặc biệt tưởng niệm Bùi Giáng được dư luận độc giả đánh giá là khá đầy đủ, nhưng nhiều văn hữu trong lẫn ngoài nước vẫn còn muốn nói thêm về tài năng thi ca đặc biệt này. Vì vậy, Hợp Lưu số 46 tiếp tục gửi đến độc giả ba bài viết nữa, về Bùi Giáng.

Một, của Trần Hữu Thục (tức nhà văn Trần Doãn Nho) "cảm hứng" sau khi đọc bài của nhà phê bình Thụy Khuê. Một, của Hoàng Phủ Ngọc Tường. Như độc giả đã biết, nhà văn này bị tai biến mạch máu não, thoát chết, nhưng bán thân bất toại. Mặc dù vậy, tinh thần của ông vẫn sáng suốt, văn chương vẫn đầy chất thơ, và đẹp. Bài viết được viết trên xe lăn, tại nhà riêng, ở Huế, nơi ông đã sinh ra. lớn lên, nhập cuộc và trở về với nhiều đắng cay, ngộ nhận (từ tha nhân và từ chính mình, với mình). Một bài nữa của Nguyễn Hoàng Vân, một người trẻ, hiện sống tại Australia. Trong số báo tưởng niệm Bùi Giáng cũng đã có sự góp mặt của ông, nhưng hình như "cơn say" vẫn còn chuyếnh choáng, Nguyễn Hoàng Vân lại tiếp tục viết về họ Bùi, từ một góc nhìn khác.

Ngoài mảng đề trên, nhà phê bình Thụy Khuê sẽ đánh giá "quan niệm về lòng yêu nước" trong tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960), một nhà văn "theo cách mạng từ đầu, và trung thành đến chót".

Nguyễn Quốc Trụ, cùng với sự góp sức của Nguyễn Tiến Văn, sẽ giới thiệu một bản dịch rất công phu về Bi Kịch Tuyệt Đối - *Tuyệt Bi* (*Absolute tragedy*). "Một kiểu mẫu thậm oan khiên về phận người, coi con người có mặt trên cõi đời như những kẻ lén vào chẳng (mong)

muốn; những sinh vật mà số kiếp phải trải qua đau khổ".

Kết thúc phần nhận định, biên khảo số này, một bài viết nữa của Phạm Quang Tuấn, có một cái nhìn khá táo bạo về thơ lục bát và những ca khúc phổ từ thể loại thơ này. Bài viết có thể sẽ gây tranh cãi từ giới làm thơ và viết nhạc.

Phần thơ văn cũng không kém phong phú, được chọn lọc cẩn trọng qua những sáng tác của Bùi Giáng, Nguyễn Huy Thiệp, Cung Tích Biền, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Ngô Thế Vinh, Nguyễn Quang Huy, Trần Hiệp, Mường Mán, Nam Dao, Mai Ninh, Trần Thị Ngh., Lê Minh Hà, Phạm Việt Cường, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Vĩnh Long, Huệ Thu, Hoàng Ngọc Biên, Giang, Thận Nhiên, Sử Mặc, Lê Bi, Đức Phổ, Hà Nguyên Du, Thiên Yên, Tường Vũ Anh Thy...

Sau số này, Hợp Lưu sẽ thực hiện số chủ đề NGƯỜI VIẾT & NGƯỜI ĐỌC, xoay quanh hàng trăm câu hỏi liên quan đến hai nhân tố hỗ tương: tác giả & độc giả. Người viết, tại sao viết, viết để làm gì, viết cho ai? Nhà văn chỉ nên viết cho một thiểu số chọn lọc, hay nên phục vụ quảng đại quần chúng? Có hay không cái gọi là Văn chương viễn mơ, Văn chương nhập cuộc? Người đọc, là ai? Đọc, như một nhu cầu thiết thân (cơm ăn, áo mặc), hay đọc, chỉ nhằm mục đích "mua vui cũng được một vài trống canh"? Ngày nay, với tiến bộ khoa học, kỹ thuật, computer trở thành một phương tiện thông tin kỳ diệu. Nhưng thành phần người đọc trên mạng lưới điện toán (internet) có phải là độc giả thực sự của văn chương hay không?... Còn nhiều, rất nhiều những câu hỏi khác, Hợp Lưu trân trọng mời văn hữu và độc giả tham gia đóng góp, để số báo thêm phong phú, đa diện. Bài vở xin gửi về tòa soạn trước ngày 30 tháng 5/ 1999.

HỢP LƯU



THỤY KHUÊ

Nguyễn Huy Tưởng (1912-1960), một quan niệm về lòng yêu nước



Trong số những nhà văn nổi tiếng, theo cách mạng từ đầu và trung thành đến chót(1), dường như chỉ có một mình Nguyễn Huy Tưởng bạt ngã những đòi hỏi chính trị nhất thời, để tạo một sự nghiệp văn học xa lánh tuyên truyền, đặt nhân cách người trí thức và giá trị nghệ thuật, tư tưởng lên trên tất cả, trong văn cũng như trong đời.

Phải chăng vì thế mà ngày nay, khi đọc lại phần lớn mảng văn học cách mạng, hầu như chỉ toàn bộ tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng còn trụ vững, qua lối nhìn lịch sử chân phác, lành mạnh và quân bình: Đối với ông, lịch sử không là một sản phẩm quảng bá đấu tranh, cũng không là bộ máy phân biệt chính tà, lịch sử chỉ là sự chuyển biến nhân sinh trong những điều kiện đặc dị mà từ đó nhà văn có thể triển khai những băn khoăn sâu sắc về thân phận con người, thân phận nghệ thuật. Ở tầm mức đó, sử quan của Nguyễn Huy Tưởng thoát khỏi lăng nhãn "bạo lực cách mạng" khắc nghiệt đã kiềm chế văn chương và phong tỏa trí thức thời đại ông.

Nguyễn Huy Tưởng đi tìm cổ điển. Ở tiểu thuyết lịch sử, văn ông âm hưởng biền ngẫu, nghiêm đài. Cố ý cổ điển hóa văn phong

trong cách chỉnh lời, chuốt ý làm toát ra không khí cổ sử, đối thoại gắn bó với triều nghi, với tâm uất giai nhân trong nội cảnh vàng son hoặc kích thế uy hùng của những chiến thắng Vân Đồn, Vạn Kiếp, Bạch Đằng...

Phải đó là tham vọng tái trúc không gian và tâm thức quá khứ qua ngôn ngữ xưa? Và đồng thời tân trang hóa tiểu thuyết lịch sử: Đưa ra những chủ đề, những biện thức về bản thân con người trực diện với hoàn cảnh lịch sử, với sáng tác nghệ thuật; hoặc về ý nghĩa của lòng yêu nước, về mối tương quan giữa nghệ thuật và quần chúng, về sự đe dọa của áp lực thần quyền, áp lực thị dân trên số phận sáng tác...

Như dự báo và đề phòng một tương lai sáng cho cách mạng và tối cho văn học mà thơ văn chỉ là những sản phẩm tiền chế vội vàng để phục vụ những đơn đặt hàng nhất thời về lòng yêu nước, tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng (phần lớn viết trước 45 và còn được viết đi viết lại nhiều lần trong suốt thời kỳ kháng chiến) không đi cùng chiều với đảng lệnh văn hóa, mà phản ánh nỗi băn khoăn, lao lung trường kỳ của một nhà văn có tư tưởng biệt lập và biệt cách, muốn viết nên những tác phẩm cổ điển, gắn bó với lương thức con người.

Âm ỷ những trăn trở về trách nhiệm trí thức trước thời cuộc, về lòng ái quốc và chiến tranh, về sự giằng co giữa tinh thần phản chiến nhân bản và cường độ yêu nước cực đoan chủ chiến, chảy trong máu người dân mất nước, tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng, nếu đôi chỗ có cho tình yêu nước chiếu ưu thế thì nỗi kinh hoàng của con người trước cảnh chém giết cũng dữ dội không cùng.

Ở thời điểm mà sự phỉ báng và tiêu diệt đối lập là quốc sách, Nguyễn Huy Tưởng là người cộng sản đầu tiên và duy nhất, công khai đề cập đến vấn đề đối lập trong tác phẩm văn học. Tinh thần chủ hòa, thương thuyết của "những người ở lại" trong thành, trong "Sống Mãi Với Thủ Đô", những người không theo cách mạng, đối lập với kháng chiến, được coi như những thực thể khác, những lựa chọn khác, cần được tìm hiểu và trân trọng: Tinh thần dân chủ trong ông, âm thầm mà quyết liệt, thật sự chưa bao giờ vắng mặt, cúi đầu.

Ở thời điểm mà giai cấp thợ thuyền được độc tôn ngang hàng với lãnh tụ (không biết là thật hay giả), Nguyễn Huy Tưởng xét lại ý thức lao động, mối tương quan giữa nghệ thuật và thợ thuyền, nghệ thuật và bạo lực, trách nhiệm của lao động (ở đây có thể coi là quần chúng lao động hay giai cấp vô sản) trong các sự phá phách đền đài, miếu mạo? Ở đâu bắt đầu và ở đâu chấm dứt trách nhiệm của bạo lực cách mạng?(2)

Cháy thầm trong nội tâm mỗi tác phẩm là lòng ái quốc mãnh liệt, chìm dưới chiều sâu của những điều không nói. Tẩm trong bản chất của con người gắn bó với thân phận sống và với người chung quanh một nghĩa tình tương thương, trợ cảm. Phế truất quan niệm tuyệt đối hóa và một chiều hóa lòng yêu nước. Yêu nước không là sở hữu của riêng ai. Nó cũng không phải là thứ ngôn ngữ tuyên truyền, đầy mặc cảm và phi nghệ thuật. Nội dung lòng yêu nước, nơi Nguyễn Huy Tưởng, thuần phác và bình đẳng với tất cả mọi người, cả những người không yêu nước. Nó thể hiện ý niệm tự do lựa chọn, hội nhập với tình yêu sự sống, xuyên qua văn hóa tư tưởng, và là một giá trị nhân bản, không thể dập vùi, thổi phồng hay sa thải, theo điều kiện chủ quan của chính trị lịch sử.

Tiểu thuyết lịch sử của Nguyễn Huy Tưởng:
Đêm Hội Long Trì và An Tư

Truyền thống viết tiểu thuyết lịch sử ở nước ta có thể kể như bắt đầu từ Hoàng Lê Nhất Thống Chí. Ngô Thì Chí trình bầy cục diện lịch sử dưới dạng chất liệu sống, với những chi tiết ngoại sử để cung cấp cho người đọc những thông tin về sinh hoạt triều đình, về xã hội, về ngôn ngữ Việt Nam thời Lê Mạt. Những người đi sau như Phan Trần Chúc, Nguyễn Triệu Luật, Lan Khai... thường dựa trên cơ sở Hoàng Lê Nhất Thống Chí để dựng tạo tác phẩm của mình.

Nguyễn Huy Tưởng không theo hướng ấy, ông sáng biến một không khí lịch sử riêng, không có tính cách phóng tác theo Hoàng Lê Nhất Thống Chí như Bà Chúa Chè, Trịnh Khải, Loạn Kiêu Binh... của Nguyễn Triệu Luật, cũng không lãng mạn hóa lịch sử như Lan Khai. Nguyễn Huy Tưởng dựa vào một dữ kiện lịch sử có thật, đôi khi chỉ được ghi lại vài dòng trong chính sử, rồi ông nghiên cứu về xã hội, phong tục, ngôn ngữ thời đại và hư cấu thêm tình tiết, để tạo nên một bối cảnh khá chính xác, có sức hấp dẫn của tiểu thuyết, với văn phong bi tráng, gọi hồn nước. Ông còn tận dụng tích cách nguỵ tín (mauvaise foi)(3) hay là tính cách thông đồng giữa người viết và người đọc (biết rằng bịa nhưng vẫn tin) trong tiểu thuyết, lại vừa chiếm hữu lòng tin đích thực của độc giả qua những dữ kiện lịch sử có thật, để đưa ra những chủ đề suy tưởng về tâm thức và hành động của con người bị quy định trong hoàn cảnh lịch sử. Tiểu thuyết của ông vừa sát lại vừa xa lịch sử.

Tuy lấy Thăng Long - Đông Đô - Hà Nội làm bối cảnh cho tiểu thuyết của mình, Nguyễn Huy Tưởng có phải chỉ gắn bó với đất kinh

kỳ hay không?

Không. Thăng Long chỉ là cái cớ, là phương tiện dựng truyện. Tác giả đã vượt Thăng Long, vượt thế chính trị của Thăng Long để đến với địa linh, địa hình đất nước.

Nguyễn Huy Tưởng dùng Hà Nội như một điểm tựa để thoát ly Hà Nội, để tiến về Chi Lăng, Vạn Kiếp, Vân Đồn, tiến vào lòng người ở những ngã ba lịch sử. Kịch Vũ Như Tô và hai tiểu thuyết Đêm Hội Long Trì và An Tư, đều lấy bối cảnh Thăng Long, nhưng khi đọc xong, chúng ta không biết thêm gì về Thăng Long, mà lại thấy mở ra bao nhiêu câu hỏi về đất nước, nghệ thuật và con người.

Sách Tang Thương Ngẫu Lục của Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án viết về đêm Hội Long Trì:

"Đúng hôm rằm, Chúa ngự ra chơi Bắc cung. Cung này có cái ao gọi là Long Trì, rộng độ nửa dặm, giồng nhiều hoa: hoa sen, hoa súng v.v... Bên bờ ao đắp đất, chồng đá làm núi, chỗ cao chỗ thấp, dàn đặt mặt trước mặt sau, trông đường nào cũng có thế đẹp. Bên phải để riêng một chỗ ngồi dành cho việc đàn hát. Trên bờ ao có giồng mấy trăm gốc phù dung, treo đèn ở trên, ánh soi xuống nước, lấp lánh như muôn vàn ngôi sao."

Đêm Hội Long Trì dựng trên bối cảnh lịch sử kể trên vào cuối thế kỷ XVIII, dưới thời Tĩnh Đô Vương Trịnh Sâm (1739-1782). Chúa say mê Tuyên phi, dung túng Đặng Lân (Cậu Trời), em ruột Đặng Thị Huệ. Để làm vừa lòng người đẹp, chúa đem Quỳnh Hoa Quận Chúa, người con gái yêu kiều và yếu đuối của mình gả cho "Cậu Trời" vô lại.

Theo sát với bối cảnh lịch sử, Nguyễn Huy Tưởng đưa Long Trì vào tiểu thuyết bằng những hàng: *"Hồ Long Trì đã thành một nơi bồng lai mộng ảo, cách biệt với phàm trần. Hồ rộng hơn nửa dặm, thả rất nhiều sen ấu. Bên hồ, có đắp những ngọn giả sơn rất to, bằng đất hoặc bằng đá. Trong hang, trong hốc hoặc trên đỉnh, hoặc dưới chân, hoặc trước hoặc sau, ẩn ẩn, hiện hiện, có những chàng Tương như hay những gã Tiêu lang ngồi hòa nhạc ăn mặc ra vẻ tiên phong đạo cốt. Núi vọng ra những tiếng bổng tiếng chìm, tiếng ti tiếng trúc, nghe lả lướt du dương. Bên hồ, trên cành hàng mấy trăm gốc phù dung, dương liễu có treo muôn thứ đèn lồng bằng gấm vóc. Những đèn ấy đều do chúa Tĩnh Đô sai cung nữ chế ra, tinh khéo tuyệt vời, mỗi chiếc đáng giá mấy lạng bạc. Xa trông như muôn vàn sao lốm đốm sáng."*

Đêm Hội Long Trì mở vào cửa phủ chúa, một Tĩnh Đô uy nghi, bách biến, chao đảo giữa thần quyền và nữ sắc.

Ở đây, nữ quyền vắng mặt. Tiêu ma nhưng có thể hồi sinh

dưới dạng nữ sắc. Dưới dạng này, nó có khả năng hủy hoại những quyền lực tuyệt đối. Nữ sắc bành trướng trong môi trường xa xỉ quốc gia, dưới những lộng hành của loạn thần và sự bất lực của những người ngay thẳng. Nếu chủ đề thứ nhất của Đêm Hội Long Trì hướng về sự chuyên quyền của sắc đẹp, thì chủ đề thứ hai hướng về trách nhiệm của kẻ sĩ, võ cũng như văn. Ở thời buổi nhiễu nhương, cái học từ chương, ngâm vịnh của bọn Bảo Kim, có tác dụng gì cho đất nước? So với thực lực võ tài của Nguyễn Mại? Vị trí yếu hèn của người trí thức, vấn đề nhập thế của kẻ sĩ? Nỗi hoang mang trước những câu hỏi có thể đặt ra cho một chàng trai 27 tuổi (thời Nguyễn Huy Tưởng viết Đêm Hội Long Trì, Vũ Như Tô và An Tư), những năm 39-40 khi gót giầy thực dân đã đặc chặt bốn bề?

Sự đối chất giữa Tuyên phi Đặng Thị Huệ và Quận chúa Quỳnh Hoa, như hai bản diện sáng tối, thiện ác của nữ quyền, dập dình thắng bại bất phân. Nếu cái thiện sớm bị bại vong (cái chết của Quỳnh Hoa) thì cái ác cũng chỉ kéo dài thêm cuộc sống bầy nhầy, chờ lên máy chém (loạn Kiêu Binh).

Trong thời đại cực đoan của những tranh giành đảng phái, những "tiêu diệt quân thù" bên ta bên địch, thái độ ôn hòa, giọng văn nhân hậu của Nguyễn Huy Tưởng làm dịu đi những mê chấp của con người thời đại và được cảm nhận như một linh tri văn học.

Đối với Tuyên phi, Tĩnh vương, tác giả những bất ổn trong triều, Nguyễn Huy Tưởng chỉ nhẹ nhàng: "Tĩnh vương chỉ vì say đắm Tuyên phi mà làm toàn những điều bất chính." Viết về Thoát Hoan (trong An Tư) và viết về người Pháp (trong Sống Mãi Với Thủ Đô) sau này, Nguyễn Huy Tưởng vẫn giữ một giọng nhã hòa, đưa ra những chân dung hào hoa và nhân bản của kẻ địch. Trái ngược với thái độ xung kích của những người cùng thời, xắn váy quai vồng, mày tao chí tớ, xỉa xói bất luận "thằng Tây", "thằng Mỹ" nào, sừng sộ đắp lên "chúng" những máu mê, tình tội đôi khi nhiễm chất hoang đường: Nguyễn Huy Tưởng đã vượt lên khuynh hướng mị dân lụy đảng, bần cùng hóa ngôn ngữ và giữ lại cho tiếng Việt, trong bối cảnh bần cố và điêu ngoa, một tư cách, một tự trọng.

An Tư hay số phận người phụ nữ trong sử, trong đời

Nguyễn Huy Tưởng, trong nhật ký, băn khoăn đến vị trí của người phụ nữ trong kháng chiến chống Pháp. Ông tra vấn: "Sao không thấy người ta nói gì đến vai trò phụ nữ."

Ghé xuống An Tư, chẳng phải vì vô tình, bởi cái tên An Tư

hầu như vô danh trong sử sách, cũng như những đóng góp của phụ nữ trong đời sống lịch sử và xã hội, thường không tên, không ghi. Phải chăng Nguyễn Huy Tưởng viết An Tư vì ông đã nhận thấy những bất công trong ngôn ngữ lịch sử, ngôn ngữ văn học, trải nhiều đời, cố tình đãng trí về những đóng góp của phụ nữ nói riêng và những thành phần thấp cổ bé miệng nói chung, trong lịch sử dân tộc?

Ở thời phong kiến, người phụ nữ, ngay cả đến những người quyền quý nhất như quận chúa Quỳnh Hoa, công chúa An Tư, cũng chỉ là vật đổi trao, quyền sinh sát trong tay huynh phụ. Quỳnh Hoa và An Tư, hai mẫu hàng nhỏ của một lịch sử toàn diện lớn lao: Từ Lý Chiêu Hoàng đến Trần Huyền Trân, thế chính trị của phụ nữ trong thời phong kiến có những nuốt phận xót xa, oan khiên nghiệt khắc.

Nếu Đêm Hội Long Trì đưa ra khía cạnh tiêu cực, tàn phá, dẫn đến kiêu binh của nữ sắc, thì trong An Tư, sắc đẹp có thể chuyển biến cục diện chiến tranh, mang một nội lực cao sâu hữu hiệu hơn ngàn binh đao.

Công Chúa An Tư là em gái út Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, là cô ruột của vua Nhân Tông. Tháng hai năm Ất Dậu (1285), triều đình đem An Tư dâng cho Thoát Hoan làm kế hưu chiến, mong Thoát Hoan ham mê tửu sắc, trễ nải việc quân, để Hưng Đạo Vương có đủ thì giờ chuẩn bị phản công.

Vào tư dinh Thoát Hoan, đem trinh tiết, sinh mạng để ngăn chặn -dù chỉ nhất thời- sức tàn phá của quân Mông Cổ. Công tác của nàng ra sao? Số phận của nàng ra sao?

Việc này Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chỉ ghi vắn tắt hai dòng: *"Sai người đưa công chúa An Tư, em gái út của Thánh Tông, đến cho Thoát Hoan là muốn làm thư giãn mạn nước vậy."* An Nam Chí Lược của Lê Tắc chua thêm: *"Trần Thị theo Thoát Hoan về Trung Quốc và có hai con trai với Hoan."*

Nếu so sánh việc An Tư (mấy ai biết An Tư là ai?) với dũng khí "lộng trời", bóp nát trái cam của Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản ở hội nghị Bình Than, hay khẩu khí thà làm quỷ nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc của Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng từng "lưu danh muôn thuở", người ta mới thấy ngòi bút lịch sử đối với đàn bà, hà tiện và phi nhân làm sao! Công lao "phá cường địch, báo hoàng ân" của Hoài Văn Hầu, so với việc An Tư hoãn binh Mông Cổ bằng sinh mệnh mình, thế nào khinh? Thế nào trọng? Hãy chưa bàn đến, chỉ tạm nhìn chất nghiệp dư, tài tử và ước lệ trong truyền thống viết sử và sự cảm nhận sử của người Việt: Thích nhớ những điều ngoạn mục và nông cạn (bóp cam, bóp quít) mà quên tìm hiểu những nội dung sâu xa: thân

phận con người bán mình trong trại giặc.

Tính ham ngoạn mục này đôi khi dẫn chúng ta đến những cả tin, tự hào dân tộc ngây thơ và ấu trĩ: Quá bằng lòng với huyền thoại Hai Bà Trưng trầm mình trên sông Hát, mà không tìm hiểu thêm về dữ kiện Hai Bà bị chặt đầu đem về Lạc Dương (theo Hậu Hán Thư)(4). Mặc dù dữ kiện thứ hai này khốc liệt và uy hùng hơn thoại thứ nhất, và có thể là bối cảnh cho những tìm kiếm lịch sử: Thủ cấp Hai Bà chôn ở đâu? Có được người Hán lập miếu thờ không? Hai Bà không phải là Quan Công nhưng người Hán rất ngưỡng phục những anh hùng, tráng khuất, nghĩa liệt. Biết đâu chẳng đã có đền thờ Hai Bà?

Trở lại với An Tư. An Tư và Trần Huyền Trân (con gái vua Nhân Tông), từ bà cô đến cháu, cách nhau 20 năm, cùng chung thảm mệnh: Huyền Trân bị triều đình gả bán cho vua Chiêm Chế Mân (1306) để chuộc hai châu Ô Lý. Chuyện Huyền Trân -dù nổi tiếng- nhưng cũng không lưu được "tiếng thơm", mà chỉ là đối tượng của những câu ca dao mai mỉa, thị kỳ và hạ tiện:

Tiếc thay cây quế giữa đường
Để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo.

Ký ức lịch sử tàn phũ, không chút ngậm ngùi, không dành cho thân phận những người phụ nữ "bán mình cho tổ quốc" một giọt nước mắt đích thực.

Nguyễn Huy Tưởng xé lại vết thương, hướng về những ngậm ngùi ấy, trang trải cho lịch sử món nợ tinh thần đối với An Tư, đồng thời đem lại cho chiến thắng Bạch Đằng, Vân Đồn, Vạn Kiếp những nỗi xót xa về thân phận con người.

Ngoài An Tư, người ta còn tìm thấy một Nhân Tông khoan độ, lượng từ, một Hưng Đạo đa nghĩa, phũ phàng mà tiết liệt. Để việc nước lên trên nhân tình, chọn đổi An Tư như một thế tận của chiến trường, sẵn sàng chém đầu hàng trăm quân đào ngũ. Thoát khỏi tư thế "thần thánh", đại vương chỉ là một cá nhân giữ nghiêm lệnh bảo vệ quốc gia, nhưng cô đơn và hoang mang ở mỗi quyết định, mỗi thế cờ.

"Thoắt ở Vạn Kiếp, thoắt ở Chí Linh, Phao Sơn, thoắt ở Huyền Đình, ngựa của đại vương bay khắp cánh đồng, đỉnh núi. Vậy mà đến đêm, khi mọi người đã đi ngủ, đại vương vẫn còn một mình suy tính bên ngọn đèn xanh, có khi suốt sáng..."

"Vương đau thương, tâm hồn cứng cỏi ấy nhiều khi cũng có những mềm yếu của kẻ dung thường." (trang 278 và 282)

Mà không riêng gì Hưng Đạo, từ Nhân Tông đến Thoát Hoan, kẻ thắng, người bại, đều có nỗi xa xót riêng chung về chiến tranh, về đánh hay đừng: Chiến tranh chỉ là cực điểm của ngõ cụt, của tai ương,

của tham vọng và tuyệt vọng.

"Vua Thiệu Bảo (5) biết chiến tranh là tai hại, khốc liệt, không lợi gì cho kẻ dự chiến, bên thắng cũng như bên bại, và ông vua giỏi không phải là người cùng binh độc vũ, tìm những thủ đoạn oanh liệt trên chiến địa, mà là người biết mưu hạnh phúc cho dân gian." (trang 240)

Nghĩ đến *"biết bao quỷ không đầu đang bơ vơ bên phần mộ tiên tổ! Những người còn sống ngẩn ngơ trước bàn thờ giá lạnh, nhớ đến kẻ thân yêu không bao giờ về nước [...] vua bỗng xúc động trong lòng và cảm thấy một niềm thương vô biên, bao trùm cả chúng sinh, cây cỏ."* (trang 259)

Hưng Đạo Vương đưa ra một chân lý luận chiến khác: *"Thương dân không cứ phải thương kẻ đương thời, còn phải thương đến con cháu muôn đời sau nữa."* (trang 259)

Cùng một lòng yêu nước, thương dân quặn ruột, Nhân Tông cầu bình, Hưng Đạo chủ chiến. Chiến tranh và hòa bình, thế lưỡng cực ấy day dứt tâm linh, dày vò bao nhiêu thế hệ? Vẫn còn là câu hỏi không bao giờ có lời giải đáp.

Vũ Như Tô

Người ta bước vào kịch Vũ Như Tô(6) với những câu hỏi: Nhưng còn Cửu Trùng Đài? Nhưng còn Cửu Trùng Đài? Ác mộng hay Nghệ thuật? Vũ Như Tô? Vũ Như Tô là ai? Trí thức hay thị dân? Thầy hay thợ? Vũ là ai mà dám đòi vua phải "kính sĩ mới đắc sĩ"?

Khác với những tác phẩm cổ điển cùng thời, Vũ Như Tô vặn các dấu hỏi lạ lẫm, hỗn hào xoay quanh tác phẩm. Mỗi biến xoán xẩy ra đều đáng nghi, đáng ngại. Không rõ từ đâu đến? Ai là thủ phạm? Ai trách nhiệm?

Hoài nghi. Vô trách nhiệm. Đổ vạ. Mỗi nhân vật nhìn các sự kiện xẩy ra theo chủ quan của mình.

Kịch Vũ Như Tô bầy ra loạn cảnh chính trị và tâm linh của một thời bạo quyền chuyên chế: Không biết ai làm chủ? Dân hay Quân? Thần hay Chúa? Thầy hay Thợ?

"Ai xây một kiểu nhà mới khả quan, thì lập tức kết vào tội lộng hành đem chém. Thành thể ra không ai dám vượt ra khuôn sáo nghìn xưa [...] nghề kiến trúc đọng lại một vũng ao tù." (trang 399)

Người có tài không được thi thố đành phải tiến về mặt tiểu xảo. (trang 399)

Cách đối đãi như thế thì nhân tài nhiều sao được? (trang 400)

Mà ai chịu luyện tập cho thành tài? (trang 400)

Thậm chí người ta nói kẻ có tài đã không giúp cho gia đình, còn là một cái vạ nữa. (trang 400)

Ấy là thời Lê Tương Dực. Nhưng cũng có thể là bất cứ thời nào mà người tài không được thi thố, nhân tài bị bạc đãi, bị kiểm tra: Có tài còn đem vạ vào thân.

Vũ Như Tô là kẻ vô tư, dám nói thẳng, nói thật, nói toác ra như vậy trong một lộng trường nặng mùi chặt chém.

Vũ là kẻ có tài. Vũ không muốn đem tài của mình để phục vụ hôn quân, xây Cửu Trùng Đài cho bạo chúa dâm hoang, xa xỉ.

Vũ Như Tô chọn chết hơn là phụng sự bạo quyền. Khi ấy thì Đan Thiềm xuất hiện. Cung nhân Đan Thiềm khuyên Vũ Như Tô phải sống để sáng tạo tác phẩm "để đời". Bạo quyền chỉ là phương tiện cung cấp dữ liệu thực hiện kiến trúc ngàn năm, làm "rạng ngời" tổ quốc. Vũ Như Tô nghe lời Đan Thiềm, chịu khuất phục Lê Tương Dực để xây Cửu Trùng Đài. Kinh phí vô độ. Thợ thuyền và quần chúng ta thán. Thừa dịp nháo nhương, Trịnh Duy Sản xui thợ làm loạn, giết vua. Đan Thiềm xui Vũ Như Tô trốn để bảo toàn sinh mệnh.

Đan Thiềm là ai? Nàng chính là bộ óc, là quân sư, là kẻ sĩ nghĩ hộ Vũ Như Tô. Nàng đặt vấn đề ưu tiên: Sống để sáng tác.

Nhưng Đan Thiềm chưa kịp tra vấn phương tiện thực hiện tác phẩm. Nghệ thuật có thể dựng xây trên xương máu con người hay không? Chắc chắn rằng có. Cung A Phòng, Angkor, Vạn Lý Trường Thành, Tháp Chàm và bao nhiêu kiệt tác kiến trúc trên thế giới chứng minh rằng có. Nhưng cũng chính cái phương tiện đó lại có khả năng quật ngã kẻ dụng nó: Tần diệt, Chàm suy và Chàm diệt.

Tác phẩm nghệ thuật cũng chỉ là ảo ảnh, nó có thể vững như Kim Tự Tháp Ai Cập, Vạn Lý Trường Thành, mà cũng có thể mong manh hư ảo như Cung A Phòng, như Cửu Trùng Đài... Nghệ thuật chỉ có giá đối với những trái tim vị và vụ nghệ thuật. Đối với những kẻ ngoại đạo, nghệ thuật là chuyện vứt đi, bởi nó chưa bao giờ thật sự nuôi sống con người. Nghệ thuật đến từ cái chết. Nghệ thuật vừa là con đẻ, vừa là tác giả của thần chết. Của những đọa đầy. Kẻ sĩ Đan Thiềm chưa nhìn thấy vũng lầy tha ma của nghệ thuật; nghệ thuật bốc lên từ xác và hồn của nghệ sĩ sáng tạo, từ máu và nước mắt của người thợ thực hành trình đồ sáng tạo. Nhưng con người không thể sống không nghệ thuật, bởi con người chưa bao giờ vượt qua cái chết.

Kẻ sĩ Đan Thiềm, một phế phận trong cung cấm, nàng *"thức khi người ngủ, khóc khi người cười, thương khi người ghét."* Nàng

trọng tài, yêu nghệ thuật, muốn bảo toàn sinh mệnh nghệ sĩ và tác phẩm nghệ thuật.

Nhưng kẻ sĩ không phải là nhân dân (ở thời kỳ vô sản chuyên chế, thợ thuyền hay giai cấp vô sản có thể đồng nghĩa với nhân dân), cũng không phải là thế quyền. Họ sống vật vờ giữa một quyền lực chính thống (chính quyền) và một quyền lực ngoại thống (quần chúng). Chính thống có thể là chủ thể nghệ thuật, mà cũng có thể là kẻ cưỡng hiếp nghệ thuật, còn ngoại thống thì không hiểu nghệ thuật. *"Dân chúng nông nổi, dễ sinh tàn ác. Họ không hiểu công việc của ông"* Đan Thiềm nói với Vũ Như Tô.

Vật vờ giữa hai khối nguy: Chính quyền và quần chúng, hai lực đối chất, hai đao phủ của nghệ thuật, Đan Thiềm đồng bệnh với Nguyễn Huy Tưởng, đồng bệnh với tất cả những người cầm bút trung thực muốn bảo vệ sự sống còn của nghệ thuật và tư tưởng trong một môi trường mà hai đao phủ đều ở thời điểm sung sức, đều hung hăng kịch liệt xung đột lẫn nhau: Thời điểm cách mạng. Bất cứ thời điểm cách mạng nào từ xưa đến nay, nghệ thuật cũng là thí điểm: Đốt phá. Nghệ thuật bị mang ra pháp trường trước tiên, trước vua, trước kẻ phản nghịch. Đó là tội ác muôn đời của nghiệp dĩ cách mạng. Cách mạng luôn luôn mù chữ. Nước nào kéo dài tình trạng cách mạng càng lâu, nghệ thuật càng bị suy đồi, triệt hạ.

Đan Thiềm muốn tránh cho nghệ sĩ ngọn giáo cách mạng. Nàng thất bại.

Trong suốt thời kỳ đảng Lao Động (tên cũ của đảng Cộng Sản) có chủ quyền chính thống trên miền Bắc đất nước, chưa ai dám đặt lại vấn đề thợ thuyền. Dám hồ nghi bản chất thợ thuyền.

Kịch Vũ Như Tô, lật bầy tính cách "tráo trở" của thợ thuyền. Vũ Như Tô là kẻ nửa thầy nửa thợ. Khi thực hiện Cửu Trùng Đài, Vũ Như Tô đã liên kết với cánh bạn thợ, thành lập một sức mạnh, giúp Vũ thực hiện công trình kiến trúc của mình. Vũ Như Tô xây dựng một đảng lao động, để kiến tạo Cửu Trùng Đài, đối chất với sức mạnh của bạo quyền Lê Tương Dực. Trong khi làm việc, Vũ Như Tô cho họ hưởng đặc quyền biệt lợi: Chia sẻ những ân huệ vua ban. Nhưng khi có biến, trừ một người độc nhất (phó Cõi) trung thành với Vũ, còn tất cả quay giáo, trở cờ, theo Trịnh Duy Sản, giết vua, tham gia vào việc đốt "kiệt tác" Cửu Trùng Đài do chính họ xây dựng.

Sự tráo trở của họ không ở bản chất, bởi thợ thuyền thường chất phác, mà ở vấn đề trình độ: Không biết cảm nhận tác phẩm nghệ thuật. Không có lập trường. Cả tin. Dễ a dua: Thợ thuyền tập trung là

một sức mạnh đáng ngại.

Nguyễn Huy Tưởng dường như muốn kín đáo dự báo những phá phách của sự dốt nát dưới thời lao động chuyên chế.

Vũ Như Tô là nghệ sĩ. Không nhìn trên, nhìn dưới. Không thấy xung quanh. Không thấy xa xỉ. Không thấy xác chết. Vũ vô trách nhiệm. Vũ là kẻ anarchiste. Vũ sống trong mơ. Vũ chỉ biết một điều duy nhất: Đam mê nghệ thuật. Đừng lầm Vũ Như Tô với Đan Thiềm. Đan Thiềm là kẻ sĩ. Vũ là nghệ sĩ. Nghệ sĩ có thể đốn mạt, có thể bị nguyền rủa. Nhưng kẻ sĩ thì không. Khi một xã hội đòi hỏi nghệ sĩ phải vào khuôn vào phép, ấy là xã hội đi trật đường rầy: Đem rây ra rây rận, rận sẽ lọt rây hết cả.

Cũng như Đan Thiềm và Vũ Như Tô: Kẻ sĩ và nghệ sĩ luôn luôn tri âm, tri kỷ. Kẻ sĩ bảo hiểm cho nghệ sĩ. Cả hai tạo nên đời sống văn hóa tư tưởng của con người.

Vắng mặt họ, cuộc đời thiếu những giấc mơ.

Có ai biết rõ sống là cầu mơ hay cầu thực?

THỤY KHUÊ
4/1998

---

(1) Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Nguyễn Huy Tưởng...
(2) Kịch Vũ Như Tô.
(3) Chữ của Sartre, Nguyễn Văn Trung dịch.
(4)Xem Cuộc Khởi Nghĩa Hai Bà Trưng Dưới Mắt Sử Gia của Bùi Quang Tung (tạp chí Tự Do số 20-21, tháng Tư/1985). Đại Việt Sử Ký Toàn Thư cũng ghi: "Trưng Nữ Vương cùng em gái là Nhị chống cự lại với quân nhà Hán, thế cô, đều thua chết", vậy không biết thuyết Hai Bà trầm mình trên sông Hát là do căn cứ ở đâu?
(5)Thiệu Bảo là tên vua Nhân Tông lúc còn sống. Nhân Tông chỉ là miếu hiệu đặt sau khi vua mất.
(6) Theo Việt Sử Thông Giám Cương Mục: "Vũ Như Tô, một người thợ ở Cẩm Giàng, xếp cây mía làm thành kiểu mẩu cung điện lớn trăm nóc dâng lên nhà vua; nhà vua bằng lòng phong cho Như Tô làm đô đốc đứng trông nom việc dựng hơn một trăm nóc cung điện lớn có gác, lại khởi công làm Cửu Trùng Đài. Sửa sang xây dựng hết năm này qua năm khác. Quân và dân phải đi làm việc bị bệnh dịch chết khá nhiều... Nguyễn Hoàng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, được tin Duy Sản bạo nghịch giết vua, bèn chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa thành. Lúc Như Tô bị giết, mọi người đều chỉ trích, chê cười, có người nhổ nước bọt vào thây của hắn. "

Những trích đoạn trong bài viết này rút từ Nguyễn Huy Tưởng Tác Giả Tác Phẩm Chọn Lọc, Nxb Hội Nhà Văn, 1994



TRẦN HỮU THỤC

Bùi Giáng giữa chúng ta



(Lời tác giả: Bài này được viết sau khi đọc xong Hợp Lưu số đặc biệt về Bùi Giáng, như một nén hương lòng tưởng niệm người thi sĩ quá cố. Dẫu muộn.)

Có lẽ chưa có người nghệ sĩ nào mà cái chết gây ra sự quan tâm nơi nhiều người thuộc nhiều thế hệ khác nhau như Bùi Giáng. Từ trong nước ra ngoài nước, từ già đến trẻ, từ chống Cộng đến thân Cộng và kể cả Cộng sản, tất cả đều nhất loạt bày tỏ tình cảm và lòng trân trọng của mình đối với Bùi Giáng. Tin tức về sức khỏe cũng như cái chết của ông được loan báo tức thời, đồng loạt trên các báo trong và ngoài nước. Chúng ta có cảm tưởng như cái chết của ông đã tạo nên một sự đoàn kết hiếm có giữa những người viết lách trong giai đoạn lịch sử mà sự nghi kỵ vẫn còn nằm ở hàng đầu.

Hầu như các nhà văn, nhà thơ, nhà báo đều nhất loạt ca ngợi nhân cách và sự nghiệp của nhà thơ đất Quảng này. Mọi người đều dùng những từ hay nhất, đẹp nhất để xưng tụng ông. Ta thử đọc qua một số câu trích của một số nhà văn, nhà thơ viết về ông trên Hợp Lưu, số đặc biệt về Bùi Giáng (1) sau đây:

* Nhà thơ Huy Tưởng: Bùi Giáng *"thông tuệ và tài ba ngất trời điên đảo" ....."thiên tài thơ Bùi Giáng"* (HL, tr. 9)

* Nhà văn Mai Thảo: *"Bùi Giáng chất ngất một trời chữ nghĩa, Bùi Giáng trùng trùng một biển văn chương"* (HL, tr. 12)

* Nhà phê bình Huỳnh Hữu Ủy: *" Đi cho tới cùng cái sâu thẳm nhất của ngôn ngữ, tới đỉnh cao chót vót của nó, sống với nó trong từng mỗi giây phút, trong từng mỗi sát na, xưa nay có lẽ chỉ mới có Bùi Giáng là một"* (HL, tr. 19)

* Nhà văn Cung Tích Biền: *"Bùi Giáng giàu ngôn ngữ như cát bãi biển"... "Bùi Giáng đã trải một cánh bay dài mênh mông chiếc bóng trong bầu trời thi ca Việt Nam nửa thế kỷ qua"* (HL, tr. 62 & 54)

* Nhà phê bình văn học Bùi Vĩnh Phúc: *"Ông là một thi sĩ bát ngát, ngây thơ và cỏ hoa điên đảo"* (HL, tr. 75)

* Nhà phê bình Hoàng Nguyên Nhuận: *"Đời anh là một công án tử sinh"* (HL, tr. 96)

* Ông Huỳnh Ngọc Chiến: *"Bùi Giáng là bậc thượng trí, hầu như "vô sở ngộ"* (HL, tr. 135).

* Nhà thơ Ý Nhi: *"...những câu thơ được chắt ra từ máu của con người khắc khoải khôn nguôi về thân phận con người, về thế gian này"* (HL, tr. 138)

* Nhà thơ Thanh Tâm Tuyền: *"Bùi Giáng là một thiên tài tự hủy ghê gớm nhất của thi ca hiện đại"* (2)

* Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc: *"Thơ Bùi Giáng là những phún thạch phun lên từ hỏa diệm sơn của hồn ông"*. (3)

* Ông Nguyễn Hoàng Vân: *"Thơ ông là khối trầm hương chữ nghĩa"* (4)

vv...và vv...

Tóm lại, đặt bút viết về ông, ta chỉ biết có ca tụng và ca tụng. Dường như ta có quyền dùng bất cứ ngôn ngữ xưng tụng nào sáng giá nhất để nói về ông mà không sợ đại ngôn, không sợ nhầm lẫn.

Bùi Giáng giữa chúng ta: hư cấu.

Thế là, năm nay, văn học Việt Nam có ba cái tang lớn: Mai Thảo, Nguyên Sa và Bùi Giáng. Nói chung, cảm giác của chúng ta đối với ba cái chết không hoàn toàn giống nhau, Mai Thảo một cách, Nguyên Sa một cách và Bùi Giáng một cách. Nhưng Bùi Giáng khác xa nhất. Xa chẳng phải vì Bùi Giáng ở xa chúng ta nhất, chẳng phải vì Bùi Giáng còn kẹt lại trong nước.

Theo tôi, khi nghĩ đến Mai Thảo hay Nguyên Sa, ta nghĩ đến những con người thật. Họ đã đến, đã sống, đã tồn tại đâu đó, như ta,

bên cạnh ta, vui buồn với ta, chia xẻ với ta, cao thượng như ta và cũng tục tằn như ta. Mai Thảo chết như là một maithảo. Nguyên Sa chết như một nguyênsa. Cũng như, tôi rồi sẽ chết như tôi, anh rồi sẽ chết như anh. Bùi Giáng thì khác. Bùi Giáng không chết như Bùi Giáng. Ông chết như một người khác chết. Khi nghe tin ông chết, ta có thương tiếc, nhưng dường như không xúc động mấy. Không bàng hoàng mấy. Không xót xa mấy. Ta có cảm giác như nhà thơ vừa lên đường rong chơi ở một nơi nào đấy rất xa, rất khác thế giới chúng ta đang ở. Và sẽ trở về. Mai, mốt, hay một lúc nào đó, nhưng chắc chắn trở về. Tại sao ta có cảm giác đó? Tôi không nghĩ rằng vì Bùi Giáng hiện đang ở trong nước còn Mai Thảo hay Nguyên Sa thì ở ngoài nước, tức là gần chúng ta hơn. Theo tôi, ngay khi ông còn sống, ông vốn đã cư ngụ ở một thế giới khác với chúng ta rồi, dù ông vẫn ăn, vẫn uống, vẫn gần cận ta hàng ngày. Chúng ta vẫn gặp ông đâu đó, thỉnh thoảng, hoặc có khi hàng ngày, hàng tuần mà không có cảm giác gì khác ngoài cảm giác này: đó là Bùi Giáng. Thế thôi. Ta biết ông vẫn còn đó, chưa đi đâu xa. Cần cho ông cái gì, ta sẽ có ông bên cạnh để cho. Cần thơ, ông sẽ chép ngay một loạt mấy bài thơ hay cả chục bài thơ không chừng. Ông ở đó, như ta, với ta, nhưng dường như khác băng tầng. Hồi còn ở Sài Gòn, nhiều khi ở tiệm sách ra, trên tay còn cầm cuốn sách của ông vừa mới mua, lại gặp ông đang đứng ngay giữa đường, múa may, cười cợt mà tôi vẫn ít có liên hệ nào giữa cuốn sách đang cầm trên tay và tác giả đang ở đó. Hình như Bùi Giáng trên sách không dính dáng gì đến Bùi Giáng đang ở kia.

Thế đấy! trong chúng ta, Bùi Giáng nửa thực, nửa hư. Vừa thiên tài, vừa là người điên. Vừa rất giống lại vừa quá khác chúng ta. Trong chúng ta, Bùi Giáng luôn luôn là một nghịch lý. Ta vừa quan tâm đến ông, vừa hững hờ với ông. Tin ông chết không làm tim ta đau nhói lên như một số người khác, Nguyên Sa chẳng hạn. Tôi muốn nói: Bùi Giáng hiện diện giữa cuộc đời và giữa chúng ta như một hư cấu. Nghĩa là một nhân vật. Một câu chuyện. Có thể nói cho rõ hơn, theo tôi, ông là nhân vật trong một cuốn truyện dài không kết thúc, và sẽ không bao giờ kết thúc. Ngay lúc này đây, ông chết đã mấy tháng rồi mà tâm thức của tôi về ông vẫn chẳng khác gì trước đây, khi còn ở Sài Gòn hay cách xa ông đến 1/2 vòng trái đất. Tôi vẫn tự hỏi: chẳng biết ông chết thật hay ông giả vờ. Bùi Giáng thân xác đã tiêu tán, nhưng Bùi-Giáng-như-một-hiện-sinh vẫn còn đâu đó, nghêu ngao ca hát, làm thơ và sống hồn nhiên trên các đường phố Sài Gòn. Một Sài Gòn có Bùi Giáng và một Bùi Giáng có Sài Gòn:

Và ở Sài Gòn vẫn còn Bùi Giáng

Tối tối về chùa đêm làm thơ
Ngày ca múa khóc cười giữa chợ
Kẻ sĩ điên thế kỷ mù rồi.
(Mai Thảo)

Sống như là hư cấu. Chết như là hư cấu. Và vì là hư cấu, ta có quyền *đọc lại đời ông*. Nghĩa là cũng như bất cứ một nhân vật hư cấu nào khác, nhân vật Bùi Giáng sẽ *phục sinh và lại chết và lại phục sinh và lại chết...cứ thế*. Điều đó giúp ta hiểu thêm vì sao đời ông kết tinh bởi những giai thoại. Những giai thoại chồng chất, trùng nhau và khác nhau. *"Đã có rất nhiều giai thoại, huyền thoại về ông; vô số được thế gian tô bồi sau này, khó minh xác thực hư"* (Cung Tích Biền, tr. 56 & 57)). Không hề gặp ông, ta nghe kể về ông như một hư cấu, kiểu Trạng Quỳnh hay Ba Giai Tú Xuất chẳng hạn. Gặp được ông, đối diện với ông, nắm tay nắm chân ông, nhậu với ông, mà cũng như ta đọc về ông. Cuộc đời ông = giai thoại + thơ. Chính vì thế mà tôi có thể quả quyết rằng, tất cả những gì mà ta đang nghĩ về Bùi Giáng thảy đều là nghĩ về một nhân vật, một hư cấu. Hư cấu của hư cấu. Rồi hư cấu của hư cấu của hư cấu. Nghĩa là, hiểu theo một cách nào đó, ta có thể tùy tiện bày ra một giai thoại nào đó về Bùi Giáng mà vẫn có cảm giác không hề xúc phạm tới ông và làm thương tổn người nghe. Nghĩa là, hư cấu mà là thực. Ta thì hư cấu mà Bùi Giáng trong đó vẫn cứ thực như thường. Và Bùi Giáng đứng bên cạnh ta mà vẫn hư cấu như thường. *"Sống giữa đời, ông có khả năng lấy mật đắng ớt cay làm ngọt. Ăn cơm để thiu nguội rất nhiều ngày. Ông ăn chè ngọt nấu cả với tương chao, nêm vài con mắm. Ông nổi tam bành lúc người đời lẽ ra nên cười, được phúc đắc lợi. Ông rất vui với những ngày chói lòa ánh dương trong một thị thành mà nhìn xe cộ tưởng hươu nai"... "Ông lạ trong sinh hoạt đời thường, lạ trong thi ca, tư tưởng. Ông rất đỗi cô đơn tự đọa đày; vầy cuộc chơi múa hát chỗ vô thanh, đùa giỡn quỷ thần, tương đắc kẻ ở mộ, nhớ nhung người sẽ tới. Ông trào lộng tuyệt cùng giữa bi đát, siêu thoát ngay giữa một tồn sinh tinh mật. Nói chung cuộc sống của ông khá bí ẩn và kỳ dị."* (Cung Tích Biền, tr. 56).

Tôi vốn mê Kim Dung, vì mê những nhân vật đầy "chất khái niệm" mà ông tạo dựng ra trong hơn chục pho truyện đồ sộ của ông, nào Thần Điều Đại Hiệp, Anh Hùng Xạ Điêu, Tiếu Ngạo Giang Hồ... Tôi tìm thấy nhân vật Bùi Giáng của tôi chứa đầy "chất khái niệm" như thế. Ngẫm mà xem, ta có thể tìm thấy ở Bùi Giáng khi thì một chút cuồng ngạo nghịch thường hoàngdượcsư, khi thì lém lỉnh hoàngdung, khi thì ngờ nghệch quáchtỉnh, khi thì đầy cả trào lộng lãongoanđồng,

khi thì chân chính, hào sảng, trượng phu hồngthấtcông, khi thì quái đản kiểu mấy quái nhân luyện võ trong hang động, khi điên tàn, thống hận tạtốn... Ngẫm mà xem, ông sống đó cũng như ông mất đi. Ông như có đó mà như không hề có đó. Kẻ sĩ hay người điên. Nhà thơ hay triết nhân. Ông sống giữa thế kỷ này hay một ngàn, hai ngàn năm trước. Thiên tài hay tên vô lại. Trong hay ngoài. Tỉnh hay say. Ông làm thơ hay thơ làm ông. Chính vì thế, ngẫm mà xem, tưởng nghĩ đến ông lúc nào cũng làm ta bối rối. Đọc thơ ông lại càng bối rối hơn. Dở hay, hay dở. Điên tỉnh, tỉnh điên. Đời ông như một dấu hỏi lớn ném vào hư không. Rất giống mọi người và chẳng giống ai. Tôi có thể quả quyết rằng, nếu bạn chịu khó tưởng tượng ra một nhân vật, rồi vẽ rắn thêm chân, tô màu tô mè, vẽ râu vẽ ria... theo cách của bạn, bạn sẽ có ngay một Bùi Giáng để thưởng thức, để làm quen.

Chúng ta trong Bùi Giáng

Bởi thế mà viết về ông tưởng như rất dễ mà hóa ra không dễ tí nào.

* *Nguyễn Hưng Quốc: "Thơ ông cũng lạ lùng, lạ lùng đến nỗi ai cũng ngại ngùng khi viết về ông. Kể chuyện về ông: có; nhưng phê bình thơ ông: chưa"* (5)

* Huy Tưởng: *"...vốn sống, vốn chữ nghĩa và cảm thức của mình vẫn chưa thể hứng chờ nổi chiếc bóng lồng lộng, đa âm sắc và linh hoạt của ông"*. (HL, tr. 9)

* Cung Tích Biền: *"Viết về Bùi Giáng là tôi làm cái việc chỉ vào cục gạch mà bảo rằng đây là Như Lai phu nhân"*. (HL, tr. 55)

* Hoàng Nguyên Nhuận: *"Những điều tôi sắp nói chỉ là viên đá dò đường ném vào hư không hoặc chỉ như người chạy bắt bóng"* (HL, tr. 95)

* Huỳnh Ngọc Chiến: *"Viết về ông quả là điều mạo muội nếu không muốn nói là liều lĩnh"* (HL, tr. 137)

Chắc chắn là không ai giả đò khiêm tốn trong những lời thú nhận thêm. Chắc chắn không ai cố tình viết "cho quá", phóng đại để tâng bốc, kiểu tâng bốc lãnh tụ trong các chiến dịch tuyên truyền, mà là nói thực. Dường như khi viết về Bùi Giáng, chúng ta càng tỏ ra khiêm tốn càng hay. Có lẽ càng khiêm tốn chúng ta càng thấy dễ chịu, để cam đảm cầm bút viết về ông. Tâm trạng đó chẳng phải là lạ lùng, độc nhất vô nhị sao? Cầm bút viết về Bùi Giáng người ta rất ngần ngại, dù chỉ viết để khen, nói gì đến chuyện viết để phê bình.

Ấy thế mà có người "dám" phê bình; không những chỉ phê bình chung chung, lấy lệ mà là phê bình "nặng tay", nghĩa là chê, chê thật. Đó là nhà phê bình Thụy Khê. Chị viết:

"Trong gần nửa thế kỷ làm thơ, Bùi Giáng để lại hàng ngàn bài, có những câu thơ tuyệt hay, nhưng chính sự lập lại những khám phá ngôn ngữ buổi đầu khiến thơ ông trở thành khuôn sáo về mặt từ ngữ cũng như tư tưởng. Những dạ thưa, tồn sinh, trùng lai, phố thị của Bùi Giáng, tà huy của Nguyễn Gia Thiều, mù sa, trăm năm của Nguyễn Du ban đầu làm xao xuyến người đọc:(...) Nhưng vì lập lại nhiều lần, chúng bị phá giá. Hiện tượng phá giá này có mặt ngay ở những tác phẩm đầu và chủ yếu của Bùi Giáng" (HL, tr. 39-40)

....

"Nhà thơ tiện tay bắt đươc chữ nào vội bỏ ngay vào lục bát, không màng nhìn lại những câu đầu nữa" (HL, tr. 42)

...

"Cho nên biết bao lần người đọc tiếc, giá Bùi Giáng đừng ham chơi, chịu khó dừng lại ở chỗ đáng dừng để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bị lọt vào khu rừng hoang, ôm đồm những lời thơ vội vàng, mọc lên như cỏ dại". (HL, tr. 43)

Đọc xong bài Thụy Khê, ít nhất có hai người bạn gọi điện thoại hỏi ý kiến tôi và bày tỏ "thái độ": sao bà Thụy Khê "dám" phê bình Bùi Giáng? Sao lại không dám nhỉ, tôi trả lời. Bùi Giáng khi sống thì phiêu lãng như hương đồng cỏ nội, như châu chấu như chuồn chuồn, lúc chết thì chết bình thường, thậm chí tầm thường hơn cả những kẻ tầm thường, chứ có phải lãnh tụ vĩ đại gì đâu mà phải dám với không dám. Tôi cho rằng, nếu Bùi Giáng sống lại, đọc được những giòng trên của nhà phê bình Thụy Khê, chắc phải vô cùng sảng khoái kêu lên: "Thiệt đúng ý qua! Thiệt đúng ý qua!". Y như Archimedes la lên: "Euréka, euréka!" khi tìm ra được nguyên lý về sức đẩy của nước. Hay như nhân vật Độc Cô Cầu Bại của Kim Dung vô cùng sung sướng khi tìm ra được kẻ có thể đánh bại được mình. Theo thiển ý của tôi, nhận xét của chị Thụy Khê không có gì sai (không có gì sai không tất nhiên có nghĩa là đúng). Thơ Bùi Giáng, và kể cả văn, quả là bị "phá giá", ông làm thơ theo kiểu "tiện tay gặp được chữ nào là bỏ vào chữ nấy", rồi lại "ham chơi" khiến cho có những lời thơ "vội vàng mọc lên như cỏ dại".

Nói cho rõ ràng ra, thơ của Bùi Giáng dở. Trừ một số câu thơ hay - chưa hẳn là rất hay -, còn lại hầu hết thơ ông đều dở. Tôi có cảm tưởng rất nhiều câu thơ ông làm chẳng khác gì những câu thơ ngây ngô của mình khi mới bắt đầu tập tễnh làm thơ hồi còn học trò. Thậm

chí có nhiều câu hệt như các em "ma-ri-sến" làm thơ tặng tình nhân. Vần điệu ráp nối tùy tiện, ý tứ lại tầm thường. Chúng ta thử đọc lại một vài câu:

ngô nghê:

Giật mình lúc chợt nghĩ ra
Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi.

đạo văn (của Nguyễn Du):

Rừng phong thu đã nhuốm màu
Quan san ngần ấy tư trào ngần kia

gượng ép chữ cho có vần:

Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói được nghiệp nghề người điên

lập lại(vần):

Non nửa thế kỷ xa quê
Mà chưa có dịp về quê một lần

nói nhăng nói cuội:

một hôm gầu guốc gầm ghì
hai hôm gần gũi cũng vì ba hôm

vv...và vv...

Tóm lại, những câu thơ như thế rất, rất nhiều trong sự nghiệp thi ca của ông. Đôi khi tôi có cảm tưởng ta cứ làm đại một bài thơ lục bát nào đó thật dở rồi đề tên Bùi Giáng là ta có một bài thơ rất Bùi Giáng. Nếu bạn không tin, bạn cứ thử đi rồi sẽ biết.

Ta có thể nói, cái dở trở thành tính cách của thơ ông. Nói cho đúng ra, nhà văn nhà thơ nào chẳng có cái dở. Chẳng hạn Mai Thảo, nhà văn được xem như một trong những khuôn mặt hàng đầu của văn học miền Nam, cũng có nhiều cái dở, đến nỗi ta khó mà không đồng ý với nhận xét sau đây của Nguyễn Hưng Quốc: *"Đọc lại những cuốn tiểu thuyết một thời rất ăn khách ở miền Nam, sau này được in lại tràn lan ở hải ngoại của Mai Thảo, dù thương ông đến mấy, tôi nghĩ, chúng ta cũng nên thẳng thắn thừa nhận một điều là chúng chỉ là những cuốn tiểu thuyết dèm dẹp. Cố gắng lắm, tôi cũng chỉ đọc vài chục trang là phải buông sách xuống"*. Cái dở của Mai Thảo cũng như cái dở của nhiều nhà văn, nhà thơ khác là vì không thể viết hay hơn hoặc theo như Nguyễn Hưng Quốc *"người ta không thể không cúi xuống vỗ về những thị hiếu kém cỏi của quần chúng"*(6). Nhưng Bùi Giáng có cái dở riêng, phải nói là rất riêng, của Bùi Giáng. Và ông không che dấu cái dở của mình. Không bao giờ. Chẳng những thế, ông lại còn cố ý phô bày nó ra, phô bày một cách chân tình, hồn nhiên, toàn diện. Hay nói cho đúng hơn, ông phô bày mọi thứ. Chúng có thể hay, có thể

dở, có thể thế này có thể thế khác. Chúng dính kết vào nhau thành từng chùm, đến nỗi chị Thụy Khê lấy làm tiếc, cho rằng vì ông quá "ham chơi". Mấy câu thơ đang hay như thế này, bỗng xen vào những câu thơ dở không chịu nỗi. Thật uổng!

Gẫm lại, con người chúng ta thường sống hai mặt: tốt và xấu. Tốt khoe, xấu che. Trong văn chương, có bản nháp, bản thật. Thường thì chúng ta tìm cách dấu đi, càng dấu kín càng tốt, bản nháp hay background của đời mình. Chúng ta sống với cái phía khác của đời mình, một phía khác thường không mấy thật. Nếu viết văn, làm thơ, chúng ta rất sợ những câu thơ dở, những đoạn văn tầm thường, nhạt nhẽo hay chữ nghĩa ngô nghê phô bày ra giữa ba quân thiên hạ để tránh bị xem thường, tránh bị tổn hại "thanh danh" (nếu lỡ có thanh danh). Chúng ta trau chuốt chữ nghĩa, tạo nên "nhân cách', tạo nên bề mặt, tạo nên cái vỏ, càng nhiều lớp càng tốt. Biết bao nhiêu bản nháp của đời mình bị chính mình cố tình quên lãng, tìm cách quên lãng. Cũng như biết bao nhiêu bản nháp của thơ, văn, tiểu luận bị đôi vào sọt rác. Chúng không phải là của mình, vì chúng dở. Tưởng chừng như, một kẻ thiên tài như ta đâu có đời nào lại có thể sáng tác ra cái thứ dở như thế. Chúng ta không thích cái dở của mình, không thích cái sai của mình, không thích cái điên của mình, không thích cái xấu của mình trong lúc biết rất rõ, thấy rất rõ cái dở, cái sai, cái điên của người khác. Ta đâu có cam đảm công bố một câu thơ dở, một đoạn văn dở của chính chúng ta, trừ phi nó dở mà ta cứ tưởng là hay, là số một. Cái gì xuất hiện trên văn đàn thường cũng đã được cắt xén, hoàn chỉnh, được "review" năm lần bảy lượt. Chúng ta hoàn thành "nhân cách" của mình, vai trò xã hội của mình trong cái vỏ đó.

Bùi Giáng làm trái lại. Bùi Giáng cho chúng ta thoải mái xem bản nháp của đời ông, của văn chương ông. Ông sống và làm thơ, viết văn hở hang, trần trụi. Không trau chuốt, kiểu cách. Ông bỏ cái dở vào đời mình, vào sự nghiệp của mình, trân trọng nó y như chúng ta trân trọng cái hay. Càng nổi danh, chúng ta càng ngụy trang, càng dấu đốt. Bùi Giáng thì càng nổi danh, càng được ca ngợi, tâng bốc, lại càng dở, dở một cách thành thật, hồn hậu. Cái dở của Bùi Giáng, hiểu một cách nào đó, chính là phía khác của Bùi Giáng, cũng là phía khác của đời người, mà cũng là phía khác của chúng ta. Vì sao? Cái hay có thể chúng ta không giống nhau (nếu giống nhau thì làm sao mà hay được). Nhưng cái dở thì hầu như chắc chắn rất giống nhau. Đại loại là...dở. Ta cứ tưởng Bùi Giáng tách bạch cái hay, cái dở. Hay thì để dành cho ông, còn dở thì xem như ông diễu cợt (kiểu làm thơ tự trào). Không.

Hay và dở trong Bùi Giáng trộn vào nhau y như bụi trộn với đất, nước lạnh trộn với nước nóng, rất khó lựa ra khiến chị Thụy Khê tiếc hùi hụi: "giá như ông đừng ham chơi...để những câu thơ sáng giá như (...) khỏi bi lọt vào khu rừng hoang".

Tôi tin rằng có mặt của mỗi một người chúng ta trong vô vàn những câu thơ dở đó, trong cuộc tồn sinh trần trụi đó của Bùi Giáng. Hãy dùng chữ của Thanh Tâm Tuyền: bóng vang. *"Ông luôn luôn nhắc nhở nơi ông là những bóng vang của ai khác. Và ta hãy là bóng vang của ông"* (7) Chúng ta đã từng làm thơ dở và có thể vẫn tiếp tục làm thơ dở như thế. Ví như, có thể trong sâu thẳm của tâm hồn chúng ta vẫn vang lên tiếng hát thuộc loại "sến" của Tuấn Vũ, Thanh Tuyền, Chế Linh trong lúc, bên ngoài, chúng ta chỉ thích nghe Tuấn Ngọc, Thái Thanh, Vũ Khanh...Ta vẫn "sến" ngay khi rất "trí thức", vẫn yếu đuối trong lúc vô cùng mạnh mẽ, vẫn vô cùng bần tiện, tục tằn ngay khi được tôn thờ như lãnh tụ, thánh nhân (Quang Trung, Gia Long của Nguyễn Huy Thiệp chẳng hạn). Có một đứa bé trong người lớn, có một ác quỷ trong tâm hồn thánh thiện, một lão ngoan đồng trong vị "bắc đẩu võ lâm". Chúng ta sống trong và bằng ngụy tín. Bùi Giáng gánh hết cái dở của đời ông, của đời người, của chính ông và của chúng ta. Ông là kẻ cứu chuộc chúng ta bằng cái dở toàn diện của đời ông và thơ ông. Ông giúp ta nhìn thấy "bản lai diện mục" của mình: dở. Đôi khi tôi cũng muốn lý luận như sau về ông: thơ ông càng về sau càng ngô nghê, càng dở là vì ông đi từ hữu chiêu tới vô chiêu, từ chấp ngã tới phi ngã, từ chấp trước tới phá chấp, từ lý luận đến triệt bỏ lý luận, từ chữ nghĩa đến phá bỏ chữ nghĩa, từ nói đến ...vô ngôn (như hiện giờ dưới lòng đất). Nhưng thành thật mà nói, khi chúng ta khen ông biết đâu lại chính là chê ông, tưởng "thấu hiểu" được ông, té ra chẳng hiểu mô tê gì ráo:

điên cuồng mà tưởng nên thơ
cuồng điên mà tưởng làm thơ như thần

Gặp

Khoảng mùa hè năm 1969. Đêm đó, nhân nhà tôi ở trọ có giỗ, tôi mang một ít thức ăn đến chỗ thầy Tuệ Sĩ để thầy dùng. Phòng thầy ở thuộc tầng hai đại học Vạn Hạnh. Kế bên phòng thầy là phòng của anh Nguyễn Hữu Hiệu (hồi đó là nhà tu Thích Chơn Pháp). Đến gõ cửa phòng thầy thì thầy đi vắng. Anh Hiệu cũng đi vắng. Thường thì khi

thầy Tuệ Sĩ không ở nhà, tôi dùng lối đi bên phòng anh Hiệu để đột nhập phòng thầy, ở đó nằm đọc sách hoặc nghe nhạc đợi thầy về. Lần này cả hai đều đi vắng. Vậy là tôi tìm một lối leo ra phía lan can, bò dọc bên ngoài, đến chỗ cửa sổ, thò tay kéo cửa sổ để vào phòng thầy Tuệ Sĩ. Tới nơi, thấy cửa đã mở sẵn, tôi hơi ngạc nhiên. Trèo vào, thấy có một người đàn ông đã ở trong phòng. Ông mặc quần xà lỏn, áo mai-ô. Tôi hết sức ngạc nhiên, không biết người đàn ông này là ai và sao ông ta lại biết lối đi này để vào. Cảm giác đầu tiên của tôi là: ông ta là một tay trộm cắp. Tôi hỏi: "Anh quen với Tuệ Sĩ à? Anh là ai vậy?". Người đàn ông trả lời tỉnh bơ: "Ta chẳng biết ta là ai nữa. Mà sao? Nếu ta nói ta không phải là ta, thì sao?". Câu trả lời là lạ khiến tôi nhìn kỹ lại khuôn mặt và chợt biết ngay đó là ai. Tôi mừng rỡ nhào vào ôm người đàn ông, la lên: "Bùi Giáng hả?!".

Vâng, ông ta là Bùi Giáng. Thấy tôi mang đồ ăn vào, ông hỏi và tự nhiên lấy đồ ăn ra ăn, chừa lại một ít cho thầy Tuệ Sĩ. Ăn xong , ông hỏi: "Có rượu không?". "Không. Nhưng hề gì, đi mua thôi". Tôi lao xuống lầu, chạy ra tiệm rượu gần chợ Trương Minh Giảng mua chai Johnny Walker và một ít đồ nhắm. Tôi nói nhậu ở trong phòng thầy bất tiện. Ông bảo: "Được, đi theo ta". Ông kéo tôi đi lên tầng bốn, đến chỗ Thiền viện. Hai chúng tôi ngồi giữa sân Thiền viện bày ra nhậu. Nơi đây, thực là một chỗ nhậu lý tưởng. Đêm trời đầy sao, không trăng, ánh đèn đường từ bên ngoài phản chiếu lên vừa đủ. Lại nghe tiếng khánh reo leng keng đồng loạt khi có gió thổi qua. Không khí vô cùng tĩnh lặng.

Đêm đó, hai chúng tôi nhậu quên trời quên đất, quên luôn chuyện trở lại phòng Tuệ Sĩ (đêm đó, may là thầy không về). Tôi, anh học trò nhỏ từ Huế vào, mang trong mình một ít mớ kiến thức triết học tạp nham, thảo luận về đủ thứ chuyện cùng một bậc thầy về nhiều mặt. Nói cho đúng , chẳng thảo luận gì ráo. Tôi chỉ thắc mắc, đặt câu hỏi và nghe trả lời. Thỉnh thoảng dè dặt đưa ra một vài ý lấy lệ. Nhưng rồi, khi rượu đã ngà ngà, tôi bắt đầu chẳng úy kỵ gì nữa, gặp đâu nói đó, ngông nghênh, lếu láo y như đang đấu hót với đàn em. Chẳng hiểu sao, Bùi Giáng cũng hứng chí, đấu hót với mình y như bạn. Ôi, thiên thung mang nai, từ Platon, Socrate đến Sartre, Heiddeger, Gabriel Marcel, Camus, Lão Tử, Trang Tử, rồi Freud, Jung... rồi Kim Dung, gái điếm, chiến tranh, Cộng sản, Mỹ. Được nói chuyện với ông dường như làm tôi hứng khởi cực độ, nên có gì trong đầu là tuôn ra tưới hột sen. Cái làm tôi ngạc nhiên nhất là tôi tiếp cận với một Bùi Giáng hoàn toàn

khác hẳn với điều tôi tưởng nghĩ, khác hẳn với những giai thoại, những hình ảnh khác thường mà thi ca và những cuốn khảo luận triết học của ông gợi ra. Ông bình thường, vô cùng bình thường. Một Bùi Giáng thông tuệ, ưu tư, tra vấn về mình và về cuộc đời với một ý thức tỉnh táo vô lượng. Một Bùi Giáng uyên bác, kinh viện hết mực. Chẳng ba đào, tồn lưu, mù sa, thưa rằng... Chẳng châu chấu, chuồn chuồn, xoang điệu, hồng quần, mẫu thân Phùng Khánh...Mà là một Bùi Giáng trên bục giảng đại học. Một Bùi Giáng rất mực luận lý. Một Bùi Giáng rất đời thường với những bất bình, giận hờn, tủi nhục, đau đớn của những đoạn đời trải qua. Ông nói về cái học của ông, về hai người mà ông hận nhất trong đời. Ông nói về việc học chữ Hán và đọc cho tôi nghe mấy bài thơ mới nhất bằng chữ Hán ông vừa mới làm để tặng Kim Dung (Kim Dung thời gian này đang ở Sài Gòn trong một chuyến viếng thăm hình như khá dài ngày) (8). Triết gia mà ông đề cập nhiều nhất đêm hôm đó là Pierre Teilhard de Chardin. (9) Tôi không còn nhớ rõ từ đâu lại đưa đến đề tài này. Nhưng lạ là ông nói về những quan điểm triết lý của cha Teilhard rất say sưa hào hứng. Khoa học và triết lý. Tôn giáo và triết lý. Giáo điều, bảo thủ và tiến bộ... Nhất là ông bàn về một trong những quan điểm của Teilhard: việc "thấy" ("voir" trong tiếng Pháp). Ông đối chiếu quan điểm này với khái niệm về "kiến tánh" trong Phật Giáo.

Nửa đêm, hết rượu, tôi lại phải leo tường ra tìm mua thêm rượu. May mà chưa đến giờ giới nghiêm và may mà có một quán phở ở đường Kỳ Đồng còn mở cửa. Rốt cuộc cả hai người nằm gục trên sân Thiền viện. Sáng ra, chúng tôi thất thểu tìm về phòng thầy Tuệ Sĩ. Ở đây, Bùi Giáng lục tìm một số sách của ông, tặng tôi hai cuốn sách vừa mới in. Ở cuốn "Trăng Tỳ Hải", ông đề tặng như sau:

Tồn lỡ bốn lần sinh bấn loạn
Tặng chàng Hữu Thục hục hay hang.

Sau lần đó, tôi còn tìm gặp ông hoặc tình cờ gặp ông nhiều lần, khi thì giữa đường, khi thì trong Vạn Hạnh, khi thì đâu đó trên đường phố Sài Gòn. Ông chẳng hề nhớ tôi, và cũng chẳng nhớ gì về cuộc nhậu trên sân thiền viện Vạn Hạnh ngày nào. Nói chi đến hai câu thơ ông hồn nhiên viết vội sau một đêm nhậu sa đà. Hai câu thơ ngây ngô, vô nghĩa và dở. Như rất nhiều, rất nhiều câu thơ vô nghĩa, ngây ngô và dở khác của ông. Ấy thế mà tôi cứ nhớ mãi, nhớ mãi đến bây giờ. Ba mươi năm sau.

Xin thưa rõ, Bùi Giáng mà tôi gặp đó chỉ là một hư cấu! Tất nhiên, câu chuyện trên cũng hoàn toàn là hư cấu!

TRẦN HỮU THỤC
(Giáng Sinh 1998)

---

(1) Trừ những đoạn trích có ghi chú riêng, tất cả những trích dẫn trong bài này đều lấy từ Hợp Lưu (viết tắt là HL) số 44 đặc biệt về Bùi Giáng, tháng 12/98 và tháng 1/99.

(2) Thanh Tâm Tuyền, *Bùi Giáng, một hồn thơ bị vây khốn*, Tạp chí Thơ (Cali) số 1, năm 1994, tr. 73

(3) Nguyễn Hưng Quốc, Thơ, V.V...và V.V..., Văn Nghệ (Cali) 1996, tr. 217-218

(4) Nguyễn Hoàng Văn, Về nơi cố quận..., tiểu luận, Văn Học số 152, tháng 12/98, tr. 6

(5) Nguyễn Hưng Quốc, sđd, tr. 217

(6) Nguyễn Ngọc Tuấn, Mai Thảo, tiểu luận, Tạp chí Việt số 2, Úc châu, tr. 184-185

(7) Thanh Tâm Tuyền, bđd, tr. 75

(8) Có thể là nhà văn Quỳnh Dao, tôi nhớ không rõ lắm.

(9) Pierre Teilhard de Chardin (1881-1955), linh mục Công giáo người Pháp, triết gia, nhà cổ sinh vật học. Ông dùng các nghiên cứu khoa học để chứng minh sự hiện hữu của Thượng Đế. Nhưng vì ông chấp nhận quan điểm tiến hóa luận, nên trong một thời gian khá dài ông gặp nhiều chống đối từ phía giáo hội Công giáo.



BÙI GIÁNG

Lúc ngoảnh lại

Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu
Thà khuyên chàng đừng chọn tước phong
(Chinh Phụ Ngâm)

Lúc ngoảnh lại ngắm màu dương liễu
Thà khuyên chàng đừng chịu rong chơi
Bao ngày gần đất ngủ trời
Lúc đi ngắm gió lúc ngồi ngắm sương
Lúc ngoảnh lại - mùi hương bay mất
Lúc quay đi - phảng phất phía sau
Muôn phương muôn sắc muôn màu
Tập thành hậu diện Chiêm Bao Niết Bàn
Cuộc trần thế bách ban sự huống
Bao sự tình chìm xuống nổi lên
Người đi góc biển gập ghềnh
Kẻ về xó bếp quên tên tuổi mình
Lúc ngoảnh lại thình lình chợt thấy
Sau lưng mình lẩy bẩy đa đoan
Hồi sinh gió núi trăng ngàn
Thấy em cơ cẩn đá vàng hơn xưa
Lúc ngoảnh lại chép bừa ra bút
Chào mai sau hun hút biển dâu
Phù trầm ký ức thiên thâu
Nặng tình quá khứ anh chào tương lai.

Nương nương đâu rồi

Không điên mà giống như điên
Không điên có vẻ như điên mới là
Chiều nắng xuống sớm sương sa
Khuya tăm tối lạnh cứ ra ngoài đường
Hét la đầu phố cuối phường
Thất thanh kêu gọi: nương nương đâu rồi.

Chén rượu mời

Chúng ta sẽ về đâu
Trên chặn đường xa ngái
Chúng ta ngắm ngàn dâu
Đang hình thành thương hải
Em rồi sẽ đi đâu
Trước một giờ vĩnh biệt

Còn xa

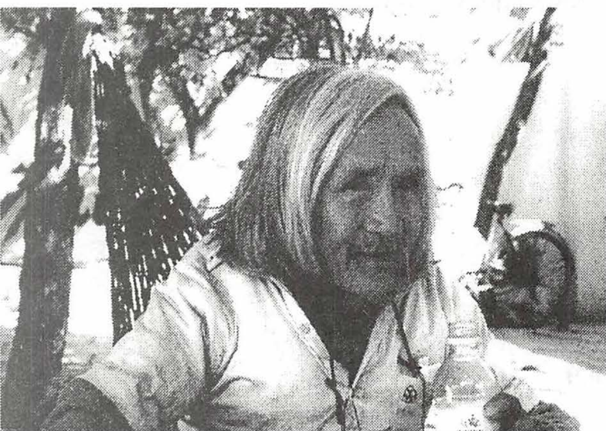
Anh trở lại đười ươi
Em trở thành thi sĩ
Chúng ta sẽ cùng cười
Trên tiền trình vạn lý
Tiền trình vạn lý đầu hoa
Ngờ đâu cuối tuyết còn xa vô cùng

BÙI GIÁNG



HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG

Bùi Giáng trong tôi



Trước mắt tôi là chân dung của một người đứng tuổi, tóc và râu cằm lưa thưa, gương mặt hốc hác, có một mắt mang kính đen khiến tôi nghĩ đến một câu nhạc của Trịnh Công Sơn "Còn hai con mắt khóc người một con"... đó là chân dung Bùi Giáng do Bé Ký vẽ để lại cho tôi trước khi xuất ngoại. Còn lại là, đầy ắp trong tôi, những điều tôi nghĩ về Bùi Giáng và đã kết luận từ lâu.

Điều tôi kết luận, thứ nhất, rằng tên tuổi Bùi Giáng thuộc lớp thi sĩ hàng đầu của hậu bán thế kỷ 20, có trước cả tác giả của những câu thơ sang trọng kiểu này: "Thướt tha hồn của bông hường. Nghe trong hơi gió còn vương máu hồng." Vậy cứ một nửa thế kỷ còn lại một người. Tôi nói như thế chắc sẽ làm nhiều người bực mình, và tôi cũng e rằng miền Bắc có ít người biết đến Bùi Giáng thuở ông nổi tiếng. Chế Lan Viên đã khẳng định trên báo Tuổi Trẻ như thế về Hàn Mạc Tử và thơ Việt Nam tiền bán thế kỷ 20.

Bùi Giáng có công rất lớn với thi ca Việt Nam, trước hết là về

phương diện từ ngữ, chữ của Bùi Giáng là những chữ bụi bặm thường ngày; hình như người ta vất đi, và ông nhặt lên, phủi phủi, hà hơi vào, để tất cả hóa thành thơ. Trong thơ Bùi Giáng có cả "cánh chuồn chuồn và cánh bướm." Đó chính là tập thơ *Mưa Nguồn* mà gần đây Nxb Văn Học mới in lại của Bùi Giáng. Bên cạnh *thơ siêu thực, thơ tự do* của thời thượng bấy giờ, giọng thơ dân gian của Bùi Giáng đã khiến ông trở thành một hiện tượng không thể phủ nhận, cũng giống như Nguyễn Bính thời tiền chiến. Ví dụ, ai đã đọc những câu sau:

Làm con bé chạy đồi sim
Vấp chân hốc đá tiếng kèn nghiệt ma
Ngày mai bưng mặt khóc òa
Trời trên đất dưới té ra chung tình.

thì ắt không thể nghi ngờ về công của Bùi Giáng đối với thơ Việt Nam.

Thứ hai, nói đến thơ Việt Nam, là chắc chắn ta nghĩ đến *thơ lục bát.* Không hẳn vì chỉ có Việt Nam mới có thể thơ này (Chiêm Thành cũng có) mà bởi vì đó là thể thơ của Nhịp hai, là nhịp của gàu tát nước, là tiếng võng đưa, là nhịp của tao nôi, và là nhịp của trái tim đậm trong lồng ngực. Thí dụ thứ nhất thuộc về Nguyễn Du:

Trăm năm/ trong cõi/ người ta
Chữ tài/ chữ mệnh/ khéo là/ ghét nhau

Bùi Giáng cũng đi nhịp hai như vậy. Hồi chúng tôi còn trẻ (hồi cuối thập niên 50), tôi thường lui tới một căn nhà trọ thuộc hẻm Lê Văn Duyệt (nay là đường CMT8), và đi ngang qua nhà của Bùi Giáng. Đó là một căn nhà hầu như trống trải, nghe nói do một người bà con giàu có là bác sĩ Tín mua cho và gửi trước cả tiền cơm tháng dù ông Bùi Giáng có về ăn hay không. Tôi nhìn vào thấy lũ trẻ con hàng xóm đang ngồi đầy căn phòng, miệng hò la:

- Ông Bùi Giáng, ông đờn (đàn) đi!

Bùi Giáng làm bộ cầm một cây đàn violon và kéo, vừa "hát" thơ của ông theo điệu bài chòi:

Đem tôi đến giữa màu đêm
Giết tôi chết giữa người quên mặt người

Lũ trẻ vỗ tay ran ran. Chúng tiếp tục hò reo:
- Ông Bùi Giáng đờn hay quá! Đờn nữa đi!
Bùi Giáng tiếp tục:

Hãy đem tôi tới ngoài xa
Giết tôi chết giữa màu hoa trên ngàn

Ông lại cười ha hả, vừa đàn với cây vĩ cầm ảo tưởng, vừa hát theo ý lũ trẻ: "Ông hát đi, ông hát nữa đi!"

Hãy đem tôi tới nơi gần
Giết tôi chết giữa dâu Tần cỏ Yên...

Ông Bùi Giáng giống như người Nghệ, ít thay đổi giọng nói. Giọng Quảng của ông phổ vào điệu bài chòi nghe gan ruột lạ lùng. Có người thấy việc kể lại rằng: Một ngày nọ, ông Bùi Giáng ra hóng mát đầu hẻm, thấy một người đàn ông từ lục tỉnh lên, vừa đi vừa dòm những số nhà. Bùi Giáng giữ ông già lại, mới biết ông đang đi tìm để thuê một căn nhà. Bùi Giáng đon đả:

- Mời ông vô ở với tui, khỏi phải thuê nhà. Tôi cho ông ở không lấy tiền.

Ông già lắc đầu:

- Cám ơn thầy, nhưng tôi còn ở chung với cả gia đình.

Bùi Giáng ngập ngừng một lát, rồi gật đầu:

- Gia đình cũng được. Tui ở một mình buồn quá!

"Gia đình" của ông già gồm có vợ, hai cô con gái mà ông gọi là "con Hai, con Ba," và người chồng của cô Ba là một trung sĩ (chế độ cũ). Một hôm ông trung sĩ đi chiến trường Tây nguyên về, gặp ông Bùi Giáng đang đưa cô Ba đi chơi công viên. Ông Bùi Giáng lịch sự xin phép ông trung sĩ đi chơi với cô Ba một quãng, tới cái máy nước gần đó rồi đi vào trở lại, "trả vợ " cho ông trung sĩ. Ông trung sĩ cười vui vẻ:

- Thầy cứ tự nhiên, có sao đâu!

Và Bùi Giáng làm theo lời hứa. Một hôm cả nhà làm một bữa cơm thịnh soạn đãi ông Bùi Giáng. Nửa chừng, ông già ngỏ ý gả cô Hai cho ông Bùi Giáng, "vì con Ba đã có chồng rồi." Ông Bùi Giáng nói tỉnh bơ:

- Tui biết rồi. Hiềm vì cô Hai xấu quá, không hạp nhãn tui.

Sau này người ta biết rằng ông Bùi Giáng yêu cô Ba mê mệt. Thỉnh thoảng người ta đọc thấy một dòng chữ viết phấn trên cái bảng đen vẽ giữa nhà: "Vì BG làm cô Ba giận nên không dám về. BG xin

phép cô Ba vắng mặt... ngày."

Hồi đó, tôi dạy Việt văn ở trường Tư Thục Văn Lang còn Bùi Giáng dạy lớp luyện thi ở gần đó. Tôi thấy Bùi Giáng ra đề: *"Nếu cho anh chọn giữa Thúy Kiều và Thúy Vân làm vợ, thì anh sẽ chọn ai."* Tôi cười thầm trong bụng, vì tôi cũng dạy Kiều ở lớp Đệ nhị. Lớp đông học trò, nên dạy nửa chừng, áo ông Bùi Giáng ướt dầm dề. Ông cứ tự nhiên đứng giữa lớp cởi áo ra, nhét vào túi quần và lôi từ túi quần kia một cái áo nhàu nhò và mặc thay vào cũng giữa lớp. Cách dạy đó, từ lối ra đề đến lối mặc áo đều bộc lộ tính tự do tuyệt đối của Bùi Giáng.

Ở Huế, có một người in thiệp dòng trên tên mình thì dòng dưới ghi cả tên và chức vụ của cha, ông nội và cố, toàn là quyền cao chức trọng. Bùi Giáng chẳng xem những điều đó quan trọng gì, dù ông thuộc về gia đình của Hoàng Diệu. Nhân một cuộc cãi vã, ông đứng trước nhà thờ họ Hoàng, kêu Hoàng Diệu bằng thằng, chửi vã một hồi rồi bỏ đi thẳng đến mấy chục năm.

Rồi chiến tranh làm chúng tôi xa nhau.

Sau giải phóng, tôi tìm thấy một tấm thiệp mốc meo ở trong sách nhà Đinh Cường. Tấm thiệp chỉ ghi:

Hỏi tên, rằng "Biển Dâu Ngàn"
Hỏi quê, rằng: "Xứ Mơ Màng," đã quên

Quả nhiên đó là thiệp của Bùi Giáng. Ông chỉ nhớ như vậy và đã quên cả tên mình. Tôi nhớ Đặng Quân "ở bên Pháp" có lần nói, Quê hương nhà thơ thuộc "Bông Lông xã, Ba La huyện." Hỏi quê, rằng xứ Mơ Màng, đã quên.

*

Tôi có thói quen khi đi đường rừng một mình thường ngâm thơ, hoặc hát vang, để nghe giọng người trong hoang vắng cũng đỡ cô độc. Lần ấy, tôi đi lấy lá nón về lợp nhà, ngâm to bài thơ sau đây:

Người trở về trên năm ngón chân
Tôi buồn, người bảo có tay nâng
Bàn tay người có đầy năm ngón
Người đứng xa tôi tiến lại gần
Tôi gặp người mừng rỡ biết bao

Trời xanh như lá ở trên cao
Con chim nó nhảy trên cành lá
Người nắm tay tôi nhẹ dẫn vào
Ngôi nhà người dựng giữa trời xanh
Cửa ghép bằng cây với nhánh cành
Để khép sơ sơ và cũng để
Mở mời anh chị bước vào nhanh
Hôm xưa đi đốn củi trong rừng
Lạc mất đường về chợt bỗng dưng
Sực nhớ nơi đây rừng núi thẳm
Là quê, thân thiết biết bao chừng

Vừa đọc đến đoạn cuối tôi chợt nghe một giọng sang sảng vang lên sau lưng:

- Chà, anh T đọc thơ hay quá. Thơ ai đó?

Nghe giọng nói, tôi đoán đó là anh Th, đang đứng bên lề con đường mòn dẫn vào cơ quan tỉnh ủy, tôi lẹ miệng:

- Dạ, thơ Xuân Diệu.

- Ông Xuân Diệu làm thơ hay quá hỉ? Vậy mà hồi đi học tôi không biết.

- Ai mà đọc cho hết thơ của Xuân Diệu. Ông Xuân Diệu làm thơ nhiều lắm.

Tôi quay lại nhìn, thấy anh Th vội vã đi trên đường mòn. Thật ra đấy là một bài thơ của Bùi Giáng, không biết bao giờ đã lọt vào trí óc tôi. Tôi nhận thức đây là một bài tóm gọn *hiện tượng luận* của Heidegger trong quyển *Những Con Đường Rừng*: khách thể (ở đây là chân lý) có đặc điểm cởi mở (sẵn sàng để được nhận thức) và chủ thể thì hiểu bằng sự thông cảm. Hình như Bùi Giáng thích *hiện tượng luận* của Heidegger hơn *thuyết hiện sinh* của Jean P. Sartre. Chả thế mà trong một quyển sách viết về Heidegger, Bùi Giáng đòi dùng roi quất Jean P. Sartre, "để cho nó biết thế nào là triết học" và khi có người chê quyển sách ấy thì Bùi Giáng đến sớm gõ cửa đòi đánh nhau (lúc ấy Bùi Giáng còn trẻ nên rất hăng).

Tôi cho rằng cái tài năng làm thơ không cần phải *đi thực tế*. Một lần tôi đi ngang qua Rừng Thông, một xã Trường Sơn giáp giới giữa Thừa Thiên Huế và Quảng Trị. Những o du kích đi bật hầm sau Mậu Thân lên sống tạm ở hầm hố trên núi đến độ họ bị nạn chấy rận: các o đi ra miền Bắc, ngồi giữa rừng thông bắt chấy cho nhau vì khi họ vạch tóc ra, thấy tóc xanh trở thành tóc bạc vì trứng chấy. Tôi nhớ lại:

Hai bên đường ngồi lại
Những người đếm tóc nhau
Kỷ niệm về kinh hãi
Tóc xưa đã phai màu

và thầm nghĩ: quái lạ! Ông Bùi Giáng đi thực tế lúc nào mà biết cảnh này? Có lẽ ông đã thấy nó khi ông còn là một thiên thần sống trong thế giới hoàn hảo mà Platon gọi đó là *thế giới ý niệm*; ở đó, ông đi dự đám rước những ý niệm, trong đó có ý niệm *đếm tóc* nói trên. Ông sa đọa xuống cõi trần và trở thành một nhà tiên đoán, đời gọi là thi sĩ...

Tôi xa Bùi Giáng khá lâu. Hết chiến tranh, tôi ghé tìm ông ở nhà Đinh Cường, nói: "Nghe ông Bùi Giáng dạo này điên rồi có phải không?"

- Điên đâu mà điên, trưa ông thường ghé đây, tắm rửa, chải đầu rất bảnh trai, ngồi nơi ghế đó làm thơ rồi biến mất.

- Bây giờ tìm ông ở đâu?

- Suốt ngày ông ấy lang thang không biết đi đâu. Ban đêm thường lảng vảng trong đó. Giờ này chắc còn.

Cường vừa nói vừa chỉ tay ra trước mặt, phía nghĩa trang bên kia đường.

Tôi chạy đi tìm, thấy ở nơi nhà của nghĩa trang có giăng một chiếc màn tuyn trắng, bên cạnh chiếc đèn hột vịt. Vừa thấy tôi đến, một bóng người trong màn vụt chạy ra, trốn sau bia mộ. Tôi tưởng ông Bùi Giáng có ý đùa, bèn gọi to tên ông và xưng tên tôi. Khi tôi đến gần, bóng người lại chạy trốn sang ngôi mộ khác, cứ thế cuộc đuổi bắt tiếp tục diễn ra. Lúc đầu tôi nghĩ ông Bùi Giáng có ý đùa dai; sau cùng, tôi biết là ông có ý định "chạy trốn" thật bèn bỏ cuộc. Sáng hôm sau tôi vào nghĩa trang, dọc con đường có mộ đề tên Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu... còn căn nhà cuối nghĩa trang, là một căn nhà lục giác bỏ hoang, nền cao, và chiếc màn trắng trên đó đã biến mất. Tôi đến sau bức tượng thiên thần bằng đá, giở nắp lên nhìn xuống đáy, suýt thét lên một tiếng kinh hãi: dưới đáy nền, một hầm mộ ngổn ngang những xương ống, xương sườn và đầu lâu... Hỏi Đinh Cường, tôi mới biết rằng đó là mộ của một gia đình Hồng Kông. Hóa ra bấy lâu ông Bùi Giáng vẫn ngủ trên đống xương người như vậy.

Năm ngoái, tôi đến nhà riêng ở Bình Thạnh tìm ông. Ông giằng điếu thuốc trên tay tôi như sợ tôi hút hết và quên mời ông, nói:

- Từ đây đến chết tao còn một vạn câu thơ. Nhưng mày chỉ cần nhớ hai câu này là đủ. Và ông đọc:

"Ngày mai cá sống phiêu bồng
Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi."

Ông nói chuyện với tôi, ngồi xổm trên nền nhà và mặc chiếc quần lãnh ở trong, thò hai ống quần ra ngoài chiếc quần cộc. Nên có người nhân thấy ông chòng một tấm vải có treo lon tùm lum và rong chơi khắp phố phường, bị đánh nằm lăn lóc giữa những đám cưới gọi ông là "Ông Bồ Đề." Ông tự xưng là "Trung niên thi sĩ." Còn tôi coi ông là người của nỗi cô đơn không thèm nói ra. Nghe nói chiếc quần lãnh kia cũng thuộc một người đàn bà mà ông ngưỡng mộ. Trong bài thơ Phùng Hiến nổi tiếng, Bùi Giáng viết những câu thật là nhân ái:

Tôi gửi lại đây mấy dòng áo não
Mấy vần thơ tuyệt vọng gửi cho em
Rồi gục đầu trên trang giấy hão
Em bảo rằng: đừng tuyệt vọng nghe không?
Còn mãi đây,
Trang thơ thắm lại với đời hồng

Hóa ra đỡ đầu cho nỗi cô đơn của ông cũng là một bàn tay con gái...

Tháng Chạp, 1998
HOÀNG PHỦ NGỌC TƯỜNG



NGUYỄN HOÀNG VÂN

Bùi Giáng, một cõi điên



Chuyện thiên tài hóa điên không phải là điều hiếm hoi. Nhưng thường có sự rạch ròi nào đó. Nietzsche lạc vào cõi điên để rồi không thể nào bước ra, để mặc người thân tha hồ bóp méo tư tưởng. Nash cũng điên, được trao giải Nobel, nhưng giải Nobel ấy chỉ dành cho những gì trước đó. Van Gogh cũng nhiều khi lên cơn điên, toan tính kết liễu đời mình; và giữa những cơn điên vẫn sung mãn sức sáng tạo. Nhưng hầu như không ai tự nhận mình điên.

Chỉ có Bùi Giáng vừa điên, vừa sung mãn sức sáng tạo lại vừa tỉnh táo về cái điên của mình. Chỉ có mỗi một Bùi Giáng tự biết mình tháng ngày vô tận quàng xiên nói bừa:

Cho hay là giống điên cuồng
Đố ai gở mối tầm ruồng cho ra
Chớm vừa tỉnh táo hôm qua
Mà hôm nay đã thét la vội vàng
Ồn ào quậy phá xóm làng...
(Cho hay là giống)

Tỉnh táo về cái điên của mình, cái điên đảng trí hay quên, nợ nần thiên hạ ngày đêm quên hoài, nhà thơ vẫn ý thức được những con mắt nghi hoặc chung quanh:

Một cô hàng xóm một hôm
Nhìn tôi như thấy một ông khác thường
Vừa điên dại vừa thê lương
Vừa vui trời đất vừa buồn nắng mưa

Một cô hàng xóm nghịch đùa
Gọi tôi như gọi già nua ông trời
Thật ra có lẽ lầm rồi
Ông trời muôn thuở ông trời đã điên
(Lẩm Cẩm)

Điên vì lẩm cẩm vừa vui trời đất vừa buồn nắng mưa. Cái điên ấy hẳn đã khởi sự từ cái uyên nguyên đầu tiên hay tận cùng của vũ trụ. Vì chưng đất trời được tạo nên với cả những phi lý buồn vui; và, phải chăng cái phi lý của sự điên dại thê lương cũng là cách sống với bản thể đích thực, vượt qua những cơn cớ ràng buộc? Tìm về với tận cùng bản thể, tất phải loay hoay với câu hỏi đầu tiên:

Bảo rằng nó thật là tôi
Hay tôi là nó? lôi thôi lạ thường
Từ sau tới trước thủy chung
Tôi không hề biết mênh mông là gì...
(Bảo Rằng)

Tôi là ai? Từ đâu đến? Câu hỏi ngàn năm của nhân loại. Và, câu giải đáp vô cùng tận ấy cứ vòng vo, lẩn quẩn:

Tôi từ cái bóng của anh
Dệt thêu ngôn ngữ tôi thành ra tôi

Tôi từ cái bóng của em
Ngữ thêu ngôn dệt ngày đêm thượng thừa...

...Tôi từ miền cõi chiêm bao
Bước ra mộng tưởng bước vào mộng mơ
Bước từ mộng mị ban sơ
Uyên nguyên cổ lục nguyệt mờ như sương...

...Tôi từ cái bóng tân toan
Của em dịch biến đoạn trường mà ra...
(Từ Một Cái Bóng)

Bóng của anh. Bóng của em. Miền cõi chiêm bao và nơi mộng mị ban sơ. Rời chiếc bóng tân toan... Loay hoay, loay hoay mãi nhưng nào thoát khỏi cái kiếp điên dại thê lương:

...Ông điên ông dại ông già
Từ xa xôi lắm, ông đà về đây
Ông đi viễn tượng muôn ngày
Muôn năm tháng rộng kéo dài dằng dai
Ông từ tao ngộ tuyệt tài
Nguyễn Du Xuân Diệu Lý Hoài Đông Pha
Ông đi từ đó mà ra
Ông về bất chợt bài ca cuối cùng...
(Bé Con Chiêm Bao)

Từ đó mà ra, từ đó mà về. Người và tôi. Và những cơn điên-say lẫn lộn:

Gặp người tôi tưởng người điên
Gặp tôi, tôi tưởng tôi điên như người
Người từ thiên thượng về chơi
Tôi từ địa phủ về chơi chốn này
Tao phùng ở giữa đường mây
Thoạt tiên tôi tưởng.tôi say mất rồi...
(Gặp Người)

Điên mà có thể tỉnh với cái điên. Mà có thể băn khoăn với câu hỏi lớn ngàn năm của nhân loại. Cái điên của Bùi Giáng vượt hẳn cái điên bình thường:

Anh điên rồ quá mực thường
Bình sinh rất mực yêu thương thập thành
Dẫu rằng bước chậm bước nhanh
Tuy nhiên bước bước vẫn loanh quanh hoài...
(Anh Điên)

Người điên bao giờ cũng đánh mất ký ức. Và để khôi phục một trí não bình thường, các nhà tâm lý học, các bác sĩ tâm thần làm mọi cách để phục hồi những hồi ức đánh mất ấy. Nhưng một Bùi Giáng điên dại thê lương vẫn ngồn ngộn những ký ức về cô em mọi nhỏ, về đồi sim trái chín của những ngày Tô Vũ... Và, với cái điên quá mực

thường của một thi sĩ đầy ắp những hoài niệm, làm thế nào để khôi phục lại sự bình thường của trí não? Cái điên phi thường đòi hỏi sự hồi phục của một ký ức phi thường. Ký ức về một lịch kiếp phôi pha. Ký ức về một cõi vô lượng bất ngờ về đây. Về cõi uyên nguyên của bản thể, về chốn cố hương chưa hề biết mặt:

Tôi từ một tỉnh mười mê
Đêm điên ngày dại nhớ quê hương nào
Của tình mộng tưởng chiêm bao
Ngàn thu rớt hột lũy hào tan hoang...

Đoạn trường là sổ thế nào
Không sau không trước niềm đau không đầu
(Một Tỉnh Mười Mê - ĐNT)

Một tỉnh mười mê vì những đêm điên ngày dại nhớ về chốn quê tận cùng, chốn quê chưa hề biết mặt. Vì câu hỏi lớn của nhân loại. Cái câu hỏi đã khai sinh bao tôn giáo như đã quá tải với hồn và xác của một cá nhân nhỏ nhoi. Phải chăng sự điên dại là kết quả của sự mất cân bằng giữa sự hạn chế của võ bọc đầy quy ước của thể chất và trí não với sự bay bổng đến vô cùng tận của tư tưởng? Câu hỏi, cùng với những cơn điên, càng ngày càng vươn xa, thoát khỏi biên giới của thế giới hiện hữu. Và, thân xác mỗi ngày một hư hao, tàn tạ:

Tôi từ tẩu hỏa nhập ma
Phổi tim tan nát kể đà bao năm
Lời ăn tiếng nói rì rầm
Ăn lời tiếng nói? ăn nhầm vào đâu
Chỉ xin toàn thể nhiệm màu
Toàn nhiên vô tận nhiệm trao tâm tình
(Gửi Anh Em)

Với một tư tưởng và thể xác đã mất cân bằng, nên đôi khi, phối cảnh về thế giới bao quanh lại đảo lộn, trật lất:

Trận be bét khởi trận đầu
Tận cùng trật lất nhiệm màu trận đuôi
Trận đuôi khởi sự từ đầu
Trận đầu kết tập tư trào trận đuôi
Giấn thân hằng thể ngậm ngùi

Tử sinh liều giữa sụt sùi từng cơn...

Trận đầu be bét sơ khai
Trận đuôi ngất ngưỡng còn say sưa hoài
Tuy nhiên tâm sự mệt nhoài
Cũng còn gắng gượng u hoài nhớ em
(Trật lất)

Đã có trận đầu tất phải có trận cuối. Và nối liền hai trận ấy lại một đời điên trật lất. Điên trật lất với những mê tỉnh lộn hồn:

Một mê mười tỉnh lộn hồn
Tình mê lạc phách cho phồn thịnh hoa
Cho sương cho nguyệt ngọc ngà
Băng tâm tuyết diện sơn trà bổ sung...
(Một Mê Mười Tình - ĐNT)

Và, giữa những mê tỉnh lộn hồn ấy, thơ đã trở thành lối thoát duy nhất:

...Tôi từng một héo mười hon
Một điên mười dại vẫn tròn vuông đây
Bình yên cầm bút lạ thay
Viết thơ chúc phúc từ rày về sau...
(Chiều Vàng Tái Sinh - ĐNT)

Nhưng cái bình yên mà ngòi bút đem lại ấy không làm thơ tĩnh tại như một lời chúc phúc. Thơ phải biến điệu theo những trăn trở si cuồng mà nghiệp điên đã trót đa mang:

Ông điên từ bữa ngặt nghèo
Thấy con tự tín, ông hoài nghi ông
Liên miên ông khắc khoải lòng
Tầm sưu túy điệu ông lòng thòng gieo câu
Câu thơ? Tình mộng từ đâu
Tới đuôi đứt ruột - hương màu tan hoang
Ông gieo vần điệu dã man
Tờ điên hoa giậy lang thang lên mùa...
(Con Vui Vô Tăn - ĐNT)

Những túy điệu lòng thòng, những vần điệu dã man của người

điên say rượu nói càn có vượt lên, cao hơn những thằng không điên cũng vô cùng bậy bão nhưng vẫn chưa thể nói hết cái cao cả của nghiệp điên:

Người điên gân cổ kêu gào
Trái tim vũ trụ kêu gào trong ta
Người điên ngôn ngữ điệp trùng
Dở chừng như mộng, dở chừng như mê
Thưa em ngôn ngữ quặt què
Làm sao nói hết nghiệp nghề người điên
(Người điên)

Trần gian bó buộc. Cả thơ, lối thoát cuối cùng ấy cũng gò bó kiếp điên với sự quặt què của ngôn ngữ. Kiếp điên của một đời day dứt về chốn đi về cuối cùng. Về lối thoát cuối cùng:

Tôi về chấm dứt cuộc điên
Thấy em tưởng thấy thần tiên đi về
(Thằng Điên Nịnh Đầm)

Với Bùi Giáng, cái cuộc đời *Vào điên ra rượu bấy chầy/ Xiết bao ngày tháng thơ đầy túi thơ* ấy chỉ chấm dứt với sự phục hồi của một ký ức về chốn cố hương chưa hề biết mặt. Cố hương chung của biết bao người. Của những Nguyễn Du Xuân Diệu Lý Hoài Đông Phão...

Và, với ký ức hồi phục của kẻ chấm dứt cuộc điên, của kẻ đã về chốn vô lượng từng đèo bòng ám ảnh một đời; nhà thơ có nhìn xuống cõi đời đang chìm đắm giữa những căn cơ phù thế chúng ta bằng con mắt nghi hoặc hay chăng? Bởi, nhìn từ chốn ấy, chúng ta hẳn đã trở thành những gì rất ư là khác thường; còn nhà thơ điên năm xưa, có thể nào tiếp tục tự nhận là giống điên cuồng nữa?

Tỉnh, điên, không điên cũng vô cùng bậy bão; biết lấy gì đây để làm thước đo? Thước đo tạm bợ của cõi phù thế hay thước đo khôn cùng của cái vĩnh cửu?

NGUYỄN HOÀNG VÂN
Melbourne 20.11.98

ĐỌC VÀ GIỚI THIỆU NGƯỜI ĐỌC HỢP LƯU



GEORGE STEINER

Absolute tragedy

Tặng Alexis Philonenko

Tuyệt Bi

(Tưởng niệm Bùi Giáng. Người dịch).



Tuyệt Bi (Bi kịch Tuyệt đối) cực hiếm. Nó là một mẩu văn chương (hay hội họa, hay âm nhạc) được tạo thành thiết yếu từ một tiền đề, đời người là số kiếp. Nó tuyên bố, theo kiểu định đề, rằng tốt nhất đừng sinh ra, hay là, chót lỡ sinh ra, đành chết trẻ. Một kiểu mẫu thậm oan khiên về phận người, coi con người có mặt trên cõi đời như những kẻ lén vào chẳng (mong) muốn; những sinh vật mà số kiếp phải trải qua đau khổ - không đáng bị, không thể hiểu được, rất đỗi khơi khơi - và thất bại. Tội tổ tông, cho dù theo kiểu Adam hay Prométhée, không thuộc phạm trù tuyệt bi, bởi vì trong đó chứa tới hai khả thể: động cơ và sự cứu rỗi sau cùng. Trong tuyệt bi, là tội ác của con người: rằng nó có đó, rằng nó hiện hữu. Sự hiện hữu trần trụi, và bản mặt của nó, tự thân là điều xúc phạm. Từ đó, tuyệt bi là một bản thể học phủ định. Thế kỷ của chúng ta đã đem đến cho nghịch lý trừu tượng này một màn diễn hiển nhiên. Trong thời kỳ Lò Thiêu, những người Gypsy hay người Do-thái đúng là đã phạm tội

ác làm người. Tội ác liên quan tới định nghĩa về sự kiện (được) sinh ra. Do đó, tận diệt, ngay cả những kẻ chưa sinh. Vào đời có nghĩa là vào với tra tấn và tử vong.

Tuyệt bi - như một viễn ảnh triết học có hệ thống, hay như văn chương được sản sinh từ viễn ảnh đó - rất hiếm, bởi vì nó thật khó kéo dài, không kham nổi. Pascal xúi chúng ta hãy tỉnh thức bởi vì *Chúa đang hấp hối, cho đến tận cùng của thời gian.* Nhưng không ngủ, nhân loại trở nên khùng. Hậu quả thật là nghiêm ngặt, tuyệt bi xúi: nên tự tử. Nó không chấp nhận chuyện hữu lý, hay điều trị bằng ngôn từ dù triết học, hay mỹ học. Nó không trông chờ một cải thiện thực tiễn. Tại sao lại viết kịch (vẽ tranh, soạn giao hưởng) nếu chỉ dấy lên hư vô? Hư vô làm trắng tội, chỉ có nó triệt tiêu lỗi lầm (được) sinh ra. (*hư vô* bám riết từng chữ trong Vua Lear, *xóa sạch* là trụ cột những ngụ ngôn của Beckett). Riêng về hình thức, chúng ta phải nhìn nhận một điều, một kiểu mẫu ý thức, hay cảm tính cực kỳ bi đát, là điều không thể hiển nhiên, chưa được bầy tỏ. Một nam hay một nữ, bị vây khổn bởi niềm tin, rằng chẳng ai mong mi có mặt ở trên cõi đời này, kẻ đó tìm sự im lặng, hoặc cái chết. Tội tử hình đâu cần viết ra, khi được tự do lựa chọn.

Khi phải phán về tuyệt bi, về một con người không được ở nhà trong cõi tồn sinh, màn diễn - mẩu văn, mẩu chuyện, mẩu triết ngôn, mẩu thông báo mang tính tâm lý - sẽ chỉ là tản mạn. *Tản mạn* ở đây, có một nghĩa đặc biệt. Bi kịch thực, câu chuyện-Kafka, đường tới hư vô, nẻo về tự sát: chúng hoàn tất chỉ nhờ cái vỏ bề ngoài. Hiển nhiên, chỉ một mẩu. Không thể dài, bởi vì viễn ảnh mà nó cưu mang thực không chịu nổi, bởi vì chiêm ngưỡng, cũng đành chấp nhận vực thẳm, cho dù chân thật, cho dù không phải những trò dàn trải tình cảm, những ẩn dụ nhằm tự hạ mình: chúng đều đẩy chúng ta tới mép bờ. Sự đối đầu của lý trí và hình thức với tận điểm của phi lý, hay trò sa-đích (lại Pascal ở đây, trong hình ảnh của ông về *cái chết và mặt trời*): chỉ kéo dài giây phút, nếu trọn vẹn. Tiếng kêu trầm thống đó, con người chỉ có thể bi kịch hóa, giả tưởng hóa, bằng phương tiện ngăn kéo: nén chặt nó lại. Không-điểm là vậy: một điểm, thu gom mọi tối đen vào nó. Muốn chịu nổi sự xét lại, chỉ cần (rất hiếm hoi) dàn trải năm ba hồi cho một bi kịch, vài đoạn cho một câu chuyện ngụ ngôn, một bi ca, một bầy tỏ ngắn gọn (như của Swift hay Artaud). Hiện nay, phát ngôn viên tuyệt bi, là một nhà châm ngôn (Cioran). Chỉ có tản mạn, ở đó hoàn tất là cắt xẻo, là chấm hết - nhờ vậy mà được miễn dịch, dưới ánh sáng.

Hiển nhiên - phần lớn bi kịch Hy-lạp không tới được chúng ta - bảng danh sách bi kịch thật ngắn ngủi. Nó gồm có, loại đầu bảng:Vua

Oedipus và Antigone của Sophocle, một số kịch của Euripide như là Medea, Hecuba, Những Người Đàn Bà Thành Troy, Bacchae; nút chính trong Faustus của Marlowe; Timon of Athens của Shakespeare; Bérénice của Racine (tuyệt bi chủ yếu là ở câm nín, và kín bưng của nó) và Phèdre của Racine; The Cenci của Shelley, cùng với mô phỏng của Artaud; Woyzeck của Buchner; những *lỗ đen* trong guignol và những độc thoại của Beckett.

Chỉ trong những kịch đó và một dúm giả tưởng và những màn nói hay vẽ - những họa phẩm chót của Goya, Wozzeck của Alban Berg - xuyên qua chúng, lập luận về tuyệt bi được suy tưởng chiêm nghiệm, được trình diễn, một lần rồi thôi. Chỉ trong một dúm văn bản, chúng ta nhận ra, tràn đầy ở trong đó, là ý niệm về đời người như một trừng phạt mà chẳng cần luật lệ, một mẩu chuyện tếu thô bỉ nhắm vào con người, hay là, mượn một bảng hiệu đã được cả hai Dostoevsky và Nietzsche sử dụng, viễn ảnh thực tại như đã được chỉ ra một cách tuyệt vời qua sự tra tấn nhẩn nha một đứa bé, hay một con vật. (Trong Cái Chết Của Bi Kịch, tôi đã không chi li về sự khác biệt, cũng không nhìn ra đâu là giới hạn của bảng phân loại bi kịch).

Trong những màn diễn, sức bật tự nhiên, là của bi-hài kịch. Chất người bầy ra, được bắt chước, được văn phong hóa, được lựa chọn theo số nhiều. Nơi nào có điêu tàn, lang bạt, thiếu quê hương; ở đó có lạc thú, hy vọng. Sự thực sinh động, chốn chung chạ thiết yếu cho sống còn của con người được nhìn qua chuyển động nào đó của con lắc đồng hồ, hay một chuyển động đồng thời như thế. Ngay đúng vào phút giây Agamemnon bị sát hại, hay Hamlet trúng độc, một đám cưới, một bữa ăn được san sẻ rất đỗi hòa bình, hay trong trang trọng, đang xẩy ra tại một nhà nào đó, không xa tòa lâu đài, biết đâu ở trong một căn phòng tòa lâu đài, chẳng đổi cách biệt phòng tắm vương giả, hay nơi xung đột. Kinh nghiệm đời thường xác nhận nó là vậy, và kịch nghệ nắm lấy hiểu biết này.

Hết đỗi bi, bằng nút thắt hay bằng trình diễn: bi kịch Hy-lạp có vẻ *tuyệt đối*. Nhưng đây chỉ là một ảo tưởng thị giác. Với một ngoại lệ hết sức quan trọng, chúng ta biết không có một bộ ba đầy đủ mà chỉ là những đoạn rời. Oresteia là một hài kịch, commedia, theo nghĩa chân xác và ngắn gọn mà Dante đã đem đến cho từ này. Nó dẫn dắt, nó chấm dứt bằng xá miễn và bằng hy vọng mang tính chính trị-cá nhân. Chúng ta không biết kịch-bộ-ba-như-tranh-tam bình của Aeschylus là một trường hợp ngoại lệ hay là một chuẩn mẫu. Điều mà chúng ta biết, đây là dàn dựng một bộ ba Hy-lạp, những huyền thoại bi đát - chồng chéo hoặc tách rời - tiếp theo sau bằng một biếm kịch. Như chúng ta có

thể biết được cho tới nay, khúc bạt này châm chích, diễu cợt, tóm bắt chất bi trước đó qua những thành phần của kịch, vào vài nét biếm họa, vài cú chọc cho nó xì hơi, xẹp xuống. Chúng ta không biết, về hiệu quả của phản ứng ngược này. Nhưng thật khó nói, rằng biếm kịch đạt hiệu quả triệt để, đảo ngược cái nhìn bi, làm bật tiếng cười, bằng sự trái cựa thô bạo. (Người nào còn nhớ sự thay đổi tuyệt vời của kịch sĩ Lawrence Olivier trong vai Mr. Puff, nhảy bổ lên sàn chỉ trong vài giây hề - cho dù có vẻ như vậy - của Sheridan, sau tiếng rú và cuộc tắm máu kết thúc màn diễn Oedipe, người đó sẽ có một ý nghĩ về *tu tận hoan* sau tai ương bi thảm; đây có thể coi như yếu tố quyết định của kịch bộ tứ mang chất Nhã-điển).

Thí dụ lấy từ Shakespeare lại càng trinh nguyên, rõ nét. Theo Dr Johnson, nếu mở rộng *hài kịch*, theo ý nghĩa và cách sử dụng của Dante và Balzac, chúng ta sẽ khám phá ra, chất bẩm sinh của kịch Shakespeare không cho bi mà cho hài, đó là mầm sáng của kịch. Chưa bao giờ sức tưởng tượng tạo hình lại gây được ấn tượng mạnh mẽ, về một tiếng hát lưỡng tính cao vút của cuộc đời, về sự trộn trạo giữa hy vọng và chán chường, đông và xuân, giờ tý và buổi đứng ngọ đời người. Hầu như không có gì trong kịch Shakespeare là đơn tính, hoặc chỉ một bản chất, một hậu quả. Dùng một trong những hình ảnh của riêng ông, về sự ám muội nhập nhằng hai mặt hoài hoài trong thực tại: có tiếng cười ở ngay cổ họng của cái chết. Từ đó, chuyển động bi hài nền tảng của tinh thần và của nút thắt, ngay cả ở trong những bi kịch lớn - một chuyển động mà sức mạnh đời sống không loại trừ những cực điểm của cơn hấp hối, và sự bất công.

Scotland sẽ tái sinh, vương triều hợp pháp sẽ tiến tới vinh quang, sau cái chết của Macbeth. Với chúng ta, rõ ràng xứ sở Cyprus sẽ được cai trị một cách trang nghiêm, một cách hiệu quả bởi Cassio, như nó chẳng hề được như vậy với Othello. Fortinbras sẽ làm một ông vua nặng nề, phàm phu hơn so với Hamlet, tổn thất thật nhiều mặt, nhiều nơi, nhưng những tháng ngày sẽ tới, xứ Denmark qui về một mối, người dân được cung cấp những dịch vụ xã hội. Lear là một thách đố hiển nhiên một cách đọc đại cương như thế. Cuộc hành quyết Cordelia hình như đã đóng lại cuốn sách của cuộc đời và của lẽ phải. Nhưng tiếng nhạc cuối sao thật kỳ bí, qua những âm thanh e ấp giã từ. Cái xấu cái ác đã bị huỷ diệt, một cách khủng khiếp. Vương quốc lại có được sự thống nhất. Gần như luôn luôn có một nốt nhạc ân sủng, không khác chi một lời nguyện cầu, in pacem, không chỉ ở đoạn cuối của riêng Lear, mà còn ở trong những trích dẫn, hay tóm gọn, mà nó đề ra. Những ghê rợn như vậy sẽ không tái diễn.

Độc nhất *đen tuyền* (*đen trên đen*), theo tôi, là Timon of Athens, một khối không ngừng gây lầm lạc, ngỡ ngàng. Trong bản văn méo mó, gợi hứng một cách lạ lùng này, vũ trụ được tạo thành như là một cái đích, của những lời nguyền rủa thậm tệ. Không một hành động tốt nào mà không bị trừng phạt. Không một thiện ý nào không gây diễu cợt, làm nhỏ máu. Đời người tiếp nối, sinh sinh nở nở, chẳng là chi, nếu có chăng, chỉ là những gây gổ ngu đần đưa tới đau thương và phản bội. Dứt khoát là vậy, trên những mộ bia rõ ràng chờ biển cả sói mòn, Timons hứa hẹn *cáo chung của ngôn ngữ*. Cho tới nay, như tôi hiểu được, đây là một lần, và một lần độc nhất William Shakespeare dóng lên hồi chuông báo tử của ngôn ngữ; bậc thầy vô địch về ngôn ngữ, hiểu rõ đó là trụ cột của nhân loại, là khí cụ để định nghĩa con người, địa vị của nó trên thế gian. Ở đây, một lần rồi thôi, chúng ta thấy hư vô chủ nghĩa, số không, tuyệt bi đóng lại.

Chúng ta nghe thấy nó, không một chút hàm hồ, ở Racine. Ông ăn dầm ở dề nơi huyền thoại cổ xưa đâu chỉ vì khiếu thưởng ngoạn tân-cổ điển. Như những bậc thầy Jansenists và những địch thủ của ông, Racine coi những kẻ tội lỗi đẩy tới thất vọng, tới trầm luân trước khi Christ tới: những kẻ đọa đầy đặc thù, vô phương cứu chữa. Từ đó, cơn tuyệt vọng thảm thương của Phèdre khi thoáng nhìn ra con đường xuống Âm Cung của mình. Trong niềm tin bi đát vào Chúa của Racine, những kẻ trầm luân này sẽ chẳng bao giờ có được một sự cứu chuộc thông qua ân sủng. Athalie chết dưới lời nguyền của Cổ Luật; bóng ma đầy máu của nàng sẽ hoài hoài than khóc. Racine có thể kết tinh, *như qua một tấm kiếng tối đen*, toàn thể sự thừa thãi bi thảm và nỗi thống khổ, vào chỉ một cử chỉ, hay một chuyển động. Trong những khoảnh khắc không một tiếng động này, tận thế là đây, vũ trụ - những nhân vật thượng thừa của Racine bầy dựng nên - tiến tới điểm ngưng. Chẳng có chi ở trong đó, nếu có chăng, là nỗi thống khổ thê lương; không một thì thào chữa trị, không một sinh khí của ngày mai. Vũ trụ (và điều này không thể chấp nhận được ở Shakespeare, ngoại trừ trong Timon) trở nên một toàn thể bi đát đóng băng. Tôi coi Bérénice là viên đá mẫu của tuyệt bi trong văn chương tây-phương hiện đại, chính vì cái bề mặt lặng lờ, chính vì sự níu lại, về mọi lối ra, mọi cảnh báo, về những cánh rừng đang đi, hay những cơn bão tố gào thét. Một người đàn ông một người đàn bà nói lời từ giã. Thiên thu, vĩnh viễn. Trong cơn tận, mọi ánh sáng cùng một lúc được thu gom để tắt ngấm. Như trong một viên ngọc, của một mầu đen huyền, tuyệt, tuyệt.

Chẳng có một tí dấu vết của công lý hay của cảm thông: những chiến thắng thô bỉ, sa-đích, trong Cenci của Shelley. Với nhân vật

Woyzech của Buchner, cũng chẳng lấy đâu ra phẩm giá và niềm an ủi, về một điều gì được bầy tỏ một cách rõ ràng (một điều vốn luôn luôn dũng mãnh trong Shakespeare). Anh ta lẩm bẩm trên đường tới cái chết rỗng. Nhưng tôi nhắc lại: những đề nghị và những đoạn đọc đơn tính, nhất nguyên này, về hiện sinh, thật quá hiếm hoi. Cuộc đời, như chúng ta cảm thấy: rằng nó bình thường, rằng nó mang tính phạm trù, cho dù theo ý nghĩa sinh học, xã hội, hay tâm linh, nó *không như thế đó*. Và trong kịch, có lẽ hơn bất cứ một thế cách trình diễn nào khác, cái như là, điều xác tín, sức quy tâm tiềm ẩn bên dưới nguyên lý thực tại: chúng thật lì lợm, dai dẳng. Như ở trong những hùng ca Homer, vốn là nguồn của kịch. Niobe nhìn mười đứa con của mình bị sát hại. Nỗi bi thương của bà làm cho đá bật khóc. Nhưng dịu dần, bà chịu ăn uống. Homer nhấn mạnh vào điều này. Đó là sự xen lấn của sự thực sáng chói, vốn cũng là trung tâm của (kịch) Shakespeare. Hữu cơ là bi-hài, ở ngay nơi chất chiu nhất của nó. Từ đó, bi tuyệt bi, sức người chịu không nổi; không chỉ như vậy: nó là đồ dởm, so với cuộc đời.

Phê phán bi huy động cả hai, nhận xét thực nghiệm và tình cảm tự do. Giờ đây, vì những lý do thật quá hiển nhiên, và u tối, nó cần được tra hỏi.

Thế kỷ này đã và đang chứng kiến lễ hội thú. Đây là thế kỷ của những trại tử thần, những *cánh đồng giết người,* những phương sách mang tính hệ thống về tra tấn, những chế độ chính trị và những xã hội có những cách chiêu dụ thật đa dạng. Thời đại của chúng ta là của nạn đói-hàng loạt, của những tống xuất và cầm giữ con tin. Sự khả thi về một cuộc chiến nguyên tử và sinh học, sự huỷ hoại trái đất, tất cả có nghĩa, tình huống sau cùng - nhân loại tự huỷ diệt bằng chém giết, và một thảm họa sinh thái - không còn là những ngông cuồng giản đơn của điều tưởng tượng ghê rợn. Thu và Đông 1989, cùng với sự sụp đổ của bức tường Bá-linh, đã đem ánh sáng ban ngày, thật không trông mong, gần như nhiệm mầu, tới những khu vực Trung và Đông-Âu. Không khí mát dượi. Nhưng trước buổi rạng đông, và điều này thật đáng cho phần lớn cái phần còn lại của nhân loại: sự khôn ngoan muốn, rằng phải tin Kafka có lý, khi ông chiêm nghiệm thật cay đắng, độc địa *có hằng hà sa số hy vọng, nhưng không cho chúng ta, dù chỉ một*: không cường điệu, đây là một thông báo nghiêm trọng.

Nếu chúng ta có thể, nếu phải ôm riết lấy nhận thức này, nếu phải *suy tư* (theo nghĩa năng nổ mà Heidegger đem đến cho từ này): liệu chăng, tái sinh bi kịch là một hệ quả khả hữu có thể xẩy ra, do tiềm lực do tương tự? Ngẫu nhiên tính về những điều xẩy ra, hoặc tình

cờ hoặc cũng chẳng có chi là quan trọng, cộng thêm khí hậu cảm tính của con người khi nóng khi lạnh, nói: chúng chống lại một sự tái sinh như vậy. Bạo lực leo thang và nỗi thất vọng hiện đại cưỡng lại dạng mỹ học. Nó không thể được nhìn toàn thể, họa may như cái xắc của Miletus, hay sự điêu tàn của một bộ lạc vương giả. Chúng ta trở nên vô cảm qua chuyện thường ngày của những cú sốc được gói sẵn, được phương tiện truyền thông đại chúng khử trùng, và tính xác thật giả tạo tức thời. Cùng lúc, cái nhìn trực tiếp như thế làm cho những phương tiện trình diễn đòi hỏi sự cần cù nhẫn nại, trở thành buồn chán, mang vẻ cổ xưa. Như một tiên tri, lời mở đầu Faust của Goethe đưa ra vấn nạn: một cảm tính, một hệ thần kinh và tri thức được điều hợp theo nhịp độ, theo khối lượng khổng lồ tức thời và những giản đơn ngắn gọn, của cái gọi là báo chí (chuyện *thường ngày*), liệu có thể đáp ứng được những nhịp điệu biểu tượng, vô thường của kịch, bi đát hay triết học?

Về mức độ (làm sao phù hợp với) qui ước xã hội, sự tế nhị của tinh thần và con tim, người ta có thể khẳng định, như vốn đã khẳng định, rằng ngay với những tầm cỡ phi nhân như chúng ta đã từng đưa vào tác phẩm, từng kinh nghiệm, trong lịch sử vừa đây, rằng chức năng vô danh, máy móc của chủ nghĩa sa-đích tập thể hiện đại, và sự đàn áp - chúng áp đặt một điều: hãy câm nín. Vấn đề là, nghệ thuật, sự hùng biện, hình thức được kiểm tra, ngay cả khi bắt nguồn từ cơn giận giữ của con người và từ hy vọng sáng chói - chúng chỉ là những trò điểm trang, làm dáng, không thể tránh được. Liệu chăng, nghệ thuật sẽ rủi ro: vinh danh trò man rợ? Tiếng kêu ngắc ngứ từ cái miệng đen ngòm trong ngụ ngôn Beckett có thể coi như là một đáp ứng; đừng coi thường một tiếng thét không trọn vẹn như thế (khác với tiếng kêu kịch tính trong Guernica của Picasso).

Đó là những chuẩn mẫu có giá trị, và đáng tin cậy về mặt tâm lý, chống lại bi đát. Chúng soi sáng sự kiện, phát minh bi đát hiện đại thuyết phục nhất, là ở điện ảnh (trong những tuyệt phẩm của Bunuel, hay của Bergman, thí dụ vậy). Điều này, đến lượt lại cho thấy, rằng cái đọc bi đát về tình trạng nhân sinh hiện thời sẽ tỏ ra hiệu quả nhất, khi nó chấp nhận, nhưng khống chế - vì mục đích sâu hơn của nó - những kinh tế-bề mặt, tính tức thời của truyền thông đại chúng thống trị. Khi kịch nghệ thế kỷ hai mươi quay về với chất liệu và tiếng nói của bi kịch, nhằm trả lời cho hoàn cảnh hiện thời của chúng ta, nó mang tính truy chứng như là chủ tâm của nó. Chính là qua Oresteia mà Hauptmann, T. S. Eliot, O'Neill, Sartre tìm cách nói lên tình cảm của họ về những hỗn loạn và những trò sát nhân hiện đại. Chính là qua Những Người

Đàn Bà Thành Troy và *kịch sống động* mà Sartre bầy tỏ thái độ về chiến tranh tại Algeria và Việt Nam. Hiện đại hóa theo nhiều dạng, Bacchae đã phục vụ một thế hệ, trong việc tìm cách nghiên cứu theo lối biểu tượng, tìm một nghĩa nào đó, cho văn hóa-ma tuý và trẻ-hoa. Oedipus, Elektra, Prometheus đi tới đi lui trên sàn diễn hiện đại, từ Gide và Cocteau tới Robert Lowell. Những Antigones sinh sôi nẩy nở trong một thời đại vốn chứng kiến những cái chết chôn sống, và sự từ chối kinh tởm một nấm mồ, cho những kẻ thù và nạn nhân. Nhưng những tái sinh tái động này, những hiện diện cổ xưa thật nhanh chóng như thế đó, thật hấp dẫn, thật tỉ mỉ, thật giầu có, như chúng vốn luôn luôn là vậy (nhất là ở trong opera hiện đại): chúng không tạo nên, không thể tạo nên một cách trình bầy, một cách nhập thân, của bi kịch - nguyên sản, tự nhiên - cho hoàn cảnh của chúng ta. Sự thực mà nói, đa số những chấn động ma quái của Oedipus, Orestes hay là Elektra, là do nhân chủng học và phân tâm học của Freud đem tới thế kỷ hai mươi. Hầu hết kịch bi đát mới đây, nói theo nghĩa của Yeats, chỉ là bắt chước khùng điên, một buổi phụ đồng (séance) phù thuỷ, nhiều hay ít. Khi có quá nhiều máu: nhung nhúc những hồn ma. Nhưng chúng vẫn chỉ là những hồn ma. Người ta trực giác ra một điều, sự thiếu khả năng *làm nó trở nên mới* của chúng ta, đã có những lý do ở ngay trái tim của hiện đại tính.

Về những thể loại văn chương tây-phương, và điều này cũng chỉ của riêng nó, kịch bi đát thật gần gụi với tôn giáo. Chúng ta biết rất ít nguồn gốc của nó, và cái rất ít này nói cho chúng ta biết về thụ thai thánh, về nghi lễ thiêng. Nội dung huyền thoại thực tiềm ẩn trong kịch Hy-lạp, kịch tân-cổ điển, và hầu như toàn thể kịch bi đát thế kỷ hai mươi, chúng đều là những cuộc đụng độ sinh tử với những tác nhân siêu nhiên của số mệnh, với những va chạm, rung động siêu việt, với những sự can thiệp *khác con người*, theo một trật tự hàm hồ hoặc mang tính huỷ diệt. Bất khả tri luận trong kịch Shakespeare so với thần học và siêu hình tính: một điều không thể chối cãi được. Nó dẫn tới, như chúng ta đã thấy, mẫu mã bi-hài. Tuy nhiên ở đây, là tiền đề: rằng số kiếp nhân sinh phải khổ đau vì những ép buộc, những chen lấn theo một trật tự vượt ra khỏi cõi thực nghiệm, cõi thuần lý: số mệnh muốn như vậy. Làm sao có Hamlet, nếu không có Bóng Ma? Sẽ chẳng có Macbeth, nếu thiếu Những Hiển Linh. Thế giới-Lear ngổn ngang những sức mạnh, những tác nhân xa lạ với con người.

Sự trộn trạo giữa bi kịch và những phạm trù tôn giáo có những nền tảng ngay từ đầu và thật tầm thường. Nghiêm ngặt tưởng tượng, cặn kẽ tra hỏi, những phỏng đoán về nguồn gốc khổ đau con người,

bản chất của Cái Xấu, của điều bất hạnh không sao giải thích nổi, hay sự thành công đạo đức không sao chấp nhận: chúng đều có nội dung tôn giáo. Cũng sẽ là vậy, mọi toan tính làm sao cảm nhận ý niệm *bao dung, bất đắc dĩ phải chấp nhận*, về đàn ông và đàn bà vốn sinh ra như thế, một khi họ ăn ở chung chạ không hợp pháp (cf. trầm tư bằng tiếng hát, về sự dã man của con người trong Antigone của Sophocle, hy vọng tả tơi của con người trong đoạn cuối Bacchae, Timon trên bãi biển, Woyzeck tìm cách giải mã tiếng khóc của những hòn đá câm, và chết đuối giữa những đám sậy rì rầm). Tự yếu tính, bi kịch là một hỏi tra, và một xét nghiệm hoàn tất về một ông trời vốn thiện, vốn công minh. Nó hỗ trợ, về những hồ nghi cơ bản, và những phản đối, trong cuộc đụng đầu giữa nhân bản và phi nhân, một khi mà những chỉ định này có hai nghĩa, có một bề ngoài hết sức thê lương: chúng truy về một điều gì hết sức dũng mãnh, hết sức dai dẳng, còn xa xưa hơn cả loài người, và về một điều, hiển nhiên, không chia sẻ (quan niệm) đạo đức, cảm thông, những bài kiểm tra lương tâm, những ân sủng của tha thứ và lãng quên ở nơi con người. Artemis của Euripides, bị chường ra trước cơn hành hạ tới chết đứa con thân yêu của mình là Hippolytus, bà đã quay mặt đi, sợ rằng nỗi khổ đau của con người làm ô nhiễm sự rạng ngời vô cảm của điều thánh thiện. (Chúng ta muốn gì, khi để cho Đức Cha bước xuống, hay vắng mặt trong thời gian xẩy ra cơn hấp hối của Christ?).

Hỏi phải chăng, *ông trời giết chúng ta như trò du hí, thể thao*, theo như định nghĩa, là làm cho có thể tin cậy, có thể tra hỏi được, bắt buộc phải như thế: có trời, và có trời có ta. Một câu hỏi tương ứng, về khả thể một suy luận mang tính thần học-siêu hình học đối với hài kịch, theo tôi, là một trong những câu hỏi khó khăn nhất và ít được khai phá nhất. Chỉ những tác phẩm như Đêm Thứ Mười Hai, những kịch phẩm của Chekhov, và ở mức độ tuyệt cao, Cosi fan tutte, của Mozart, trong đó câu hỏi này đã được đặt ra một cách triệt để.

Như thế, một nhận định về thế giá và tiềm năng bi kịch trong ánh sáng (hay trong bóng tối) của hoàn cảnh lịch sử-xã hội hiện thời của chúng ta, bắt buộc phải hàm chứa một số đề nghị về chỗ đứng của tôn giáo trong những vấn đề tây-phương đương thời. Trong Nietzsche, tuy điều này ít được chú ý, những luận đề đầu tiên về sự ra đời của bi kịch, đã tạo một nút thật chặt với ám dụ bi thảm về *cái chết của Thượng Đế*. Vòng tròn, bên trong nó bản đồng ca bi kịch Attic được trình diễn, và vòng tròn Qui Hồi Vĩnh Cửu, là bà con. Nếu chúng ta tra hỏi về bi kịch hiện đại hay tương lai, tách bạch hẳn với những biến điệu về những đề tài và huyền thoại bi đát cổ xưa của những nhà viết

kịch thế kỷ hai mươi, đó là chúng ta đang tra hỏi về sự nhập-hóa trong tâm thức và trong văn hóa của chúng ta, những ghi nhận phức tạp về cái chết của Thượng Đế và sự lu mờ của tôn giáo.

Nói về đề tài này, chỉ có vậy. Những tham chiếu, vốn có một sức nặng hiển nhiên, về sự trỗi dậy hiện nay của những trào lưu thủ cựu (hàng triệu tín đồ thủ cựu điên cuồng ở tây-nam Hoa-kỳ, bị thần nhập, đâu có thua những tín đồ Shiites ở Iran); những khẳng định, sức nặng cũng chẳng thua, về sự ngạo mạn hết thuốc chữa của quá nhiều khoa học hiện đại và kỹ thuật, hay về sự tự mãn tầm phào của tâm lý học và xã hội học, chúng không đi vào trung tâm (vấn đề). Câu hỏi hiển nhiên vẫn y nguyên: có hay không một sự hiện hữu của Thượng Đế, một sự hiện hữu như thế có giúp gì cho ý nghĩa nhân sinh chúng ta, và cho chính sự hiện hữu về một ý nghĩa như vậy: đây là một vấn đề sống động. Bụi Cây vẫn chói chang, hay chỉ là món đồ gợi tò mò của tâm lý gia, sử gia, được tái sinh chỉ vì những nhu cầu ẩn dụ, do bệnh lý học hồi tưởng? Nếu giả thuyết sau sự thực là trường hợp (ở đây), nếu ngay cả một sự khả hữu mang tính vấn nạn về sự hiện hữu của Thượng Đế, giờ này tắt ngấm giữa những nhà tưởng tượng sáng tạo, những nhà khai phá, những du hành gia *vượt quá* ngôn ngữ thông thường, những người đã soạn những bi kịch của chúng ta; chúng ta hãy nói ra một điều: vậy là thật khó khăn vô cùng, khi tưởng tượng chuyện làm mới, hay chuyển kiếp hình thức (kịch).

Hãy nhìn hai nhà bi kịch hiện đại. Phương tiện thơ ca, nghệ thuật dàn dựng, sự chọn lựa đề tài của họ làm cho chuyện so sánh với những bi kịch gia Hy-lạp và Shakespeare, là điều hợp tình hợp lý. Brecht và Claudel, cả hai đều là những tác giả kịch mê-lô. Điều này muốn nói, về cái nhìn thế giới của họ, cách thảm kịch hóa những nỗi đau khổ của con người, sự bất công, sự lầm lẫn, và ngay cả sự chán chường, như chúng ta nhận ra trong Mẹ Đảm, hay Đôi Giầy Sa-tanh, qua bốn hồi bi đát. Hồi thứ năm là sửa chữa, hay cứu chuộc. Trong cách thực hành của Bretch, bộ máy bù trừ của ông có hai mặt: Sự khủng bố và lòng thương hại được thanh tẩy bằng hiểu biết chính trị, bằng cách làm cho khán thính giả *dửng dưng* sau cùng hiểu, những nhân vật muốn sao thì được vậy, họ biến chính mình trở thành nạn nhân là do tham lam, ích kỷ, hay do mù lòa về chính trị. Thứ đến, những vở kịch loại trừ hứa hẹn, về một sửa đổi tổng quát. Hãy để chủ nghĩa duy vật lịch sử hiện ra trước mặt anh, như một cột lửa trong đêm trường tư bản, những biến động bi thảm mô phỏng như đang xẩy ra trên sàn diễn với dụng ý đạo đức, chúng sẽ lui dần vào viện bảo tàng của những nỗi thống khổ vô ích. Lối hết mình cho ân sủng của Claudel mang tính thần học thô

thiển. Những vở kịch vỡ bờ của ông là những *bí ẩn thánh thể*, theo nghĩa thời trung cổ và baroque. Đau khổ, mất mát, phẫn uất vì yêu là một dẫn nhập dài đưa tới chuyển hóa. Kiểu nguỵ biện đầy hứng khởi trong Phân Ngọ, Le Partage de midi, tự thân là một suy tưởng về Bérénice của Racine, đã ban vé siêu thoát cho cả chuyện tự sát. Kịch mê-lô là một thể loại (kịch) thiên sứ. Vị deus ex machina hiện xuống trước khi màn sau cùng khép lại, có thể là Chúa Cứu Chuộc hay viên chính uỷ. Vị này đã sẵn sàng, và đang đợi *bên cánh gà* - một nơi chốn thật thích hợp dành cho thiên thần.

Hai thí dụ trụ cột này đề nghị: chúng ta phải gạn lọc những định nghĩa của chúng ta. Nội dung tôn giáo và những định đề siêu thoát, hứa hẹn cứu chuộc Ky-tô hay xã hội chủ nghĩa không tưởng - tự thân nó là một tục hóa mạt thế luận Do-thái giáo - gì gì cũng không sinh sản ra bi kịch. Chúng là đề mục được diễn đạt bởi nhà soạn kịch cách mạng Xô-viết Vishnievsky qua vở Một Bi Kịch Lạc Quan. Nhìn theo kiểu thần học, trong bối cảnh duy lịch sử mang chất tôn giáo về những gì được viết ra, cái mà tôi gọi là *tuyệt bi* không chỉ giả dụ Sự Sa Ngã Của Con Người. Nó không chỉ miêu tả phận người như hậu quả trực tiếp của sự thất sủng mang tính cội nguồn cơ bản, khi mà sự u tối, khi mà nửa đêm không thể tưởng nhớ được của thảm họa đầu tiên, tất cả là một phần của cơn chấn động chưa ngưng, đúng như vậy. Tuyệt bi làm chúng ta trực giác, hoặc mơ hồ hoặc rõ rệt, rằng sẽ chẳng có xuất hiện một đấng Cứu Thế, hay một tái lâm của Chúa Ky-tô, cũng chẳng có sửa chữa, bù đắp. Chẳng có tội phước, felix culpa, chỉ có thiên thu vĩnh hằng, hết lỗi lầm này tới lỗi lầm khác, và phẩm giá - tuy bị nguyền rủa nhưng xuất sắc - của con người, khi từ chối tự tha thứ cho mình, hay tha thứ nỗi thống khổ giáng lên hình hài con người (đây là từ chối kép trong Faustus, của Marlowe). Mỗi một tuyệt bi (chỉ vài vở thôi, như chúng ta đã được biết) tái-diễn sự huyền nhiệm và cơn căm phẫn nóng bỏng về cái ác bẩm sinh, về xung động đưa tới đui mù, tới tự huỷ diệt, chúng khắc sâu vào đàn ông đàn bà, vô phương sửa chữa. Tiếng la hồ hởi tuyên giáo, vương miện cho tấn kịch thế gian của Claudel: *Giải thoát cho những linh hồn ngục tù*, sẽ chẳng bao giờ được nghe, và nếu nghe được, chẳng khác gì một lời chế nhạo.

Tôi coi một cách đọc như thế, về trường hợp nhân sinh, là mang tính dị giáo. Chúng giả dụ, hoặc là một Thượng Đế không tha thứ, và cơn căm giận vì bị xúc phạm của Ngài sản sinh sự trả thù vĩnh cửu; hay là một biện chứng nhị nguyên, trong đó nguyên lý phủ định luôn luôn lấn lướt; chừng nào mà con người trên hành tinh bị ăn cướp, bị đục ruỗng, còn liên hệ với nhau. Cả hai, chẳng quan niệm nào được chấp

nhận theo thuyết viễn đích của Do thái-Ky tô; hay cải thiện luận thế tục, thuần lý, và điều này thật sinh tử. Định nghĩa một cách riết róng, tuyệt bi là cung cách trình diễn của tuyệt vọng. Nó *tội lỗi* chống lại Thánh Linh của hy vọng. Những từ tuyên ngôn của nó, là *chẳng có gì*, và *chẳng bao giờ*, như chúng ta nghe chúng la hú trong King Lear, và trong ghi nhận tuy ít lời nhưng chẳng kém phần không thỏa hiệp: trong tiếng *Vĩnh Biệt*, *Adieu* (hãy chú ý đến cú đảo ngược thần học bằng một từ vốn nhẹ tênh theo qui ước này), nó tận-ngưng vũ trụ, trong Bérénice của Racine.

Nhưng ngay cả những dị thuyết quyết liệt nhất cũng đòi hỏi một phản-hiện diện mang tính chính thống. Tuyệt bi có thể tiếp cận, hay ẩn dụ hóa một vị thần linh thối lui, khánh kiệt, què cụt. Đây là những phạm trù được khai triển trong Euripides và Beckett. Chúng là những trí trá âm u ở ngay trái tim những câu chuyện ngụ ngôn của Kafka. Bi kịch có thể được trình diễn trước một Thượng Đế *giấu mặt*, như là nó đã được diễn đạt một cách thật minh nhiên trong Racine. Ngày nay, vấn đề là thế này: phản-hiện diện có thể khả hữu một cách có ý nghĩa hay không? Có thể nào, những qui ước, và nguyên liệu mang chất huyền thoại vốn là định đề cho bi kịch, sẽ bừng sống lại khi vấn đề, hay vấn nạn về Thượng Đế, là: hoặc Ngài vắng mặt - bất kể điều này có ý nghĩa gì - hoặc không còn là vấn nạn nữa, nếu Thượng Đế chỉ là tàn dư hay bóng ma của sự phi lý?

Chủ đề (topos, trope) Thượng Đế vắng mặt, sau những lần chôn cất của Nitezsche, hay Darwin, hay Freud, cùng với điều trí trá Kabbala về sự Tránh Mặt Của Ngài sau một cuộc tạo dựng sai lầm, thật cực kỳ trừu tượng. Từ *trừu tượng* ở đây đúng nghĩa như vầy: một sự tháo lui khỏi, một sự làm trống vắng. Tuy nhiên, ẩn dụ đắc địa về sự trống vắng này, có trọng lượng lạ lùng. Nó thật không thể kham nổi, khi nói về những cố gắng đem đến cho hiện tượng luận về Auschwitz, bất cứ một chỗ đứng nào, trong tầm tưởng tượng và thấu hiểu của con người. Chỉ có mỗi một nhà thơ, Paul Celan, là đã tìm ra một diễn tả xứng đáng, cho một *Chẳng ai hết*, đó là Thượng Đế, trong thời kỳ những lò thiêu. Nghệ thuật đương thời, có - và ở đây, lại một lần nữa, *trừu tượng* là một tính từ hùng hồn - nó chạm tới cõi hư vô: sự trần trụi mang tính hình tượng của nó gợi lên, một cách mạnh mẽ rằng, vừa mới bỏ đi, là một hiện diện vốn một thời có giá trị. *Mô-típ* tái đi tái lại, về một bóng ma, bóng hề để lại, sau khi từ ngôi, tôi đã kể ra rồi, trong guignol đen thui của Beckett (hay Jarry, hay Pinter).

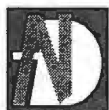
Nhưng những hình dạng của dư ảnh trong phòng tối, theo tôi, không thể tạo nổi những vận động thực chất cho tu từ hiểu theo nghĩa

tích cực của bi kịch. Sự hờ hững ít hay nhiều có tính hệ thống, và sự không quan tâm ít hay nhiều được tổng quát hóa đối với tư tưởng và linh hồn con người, sự phối hợp với giải trí - giải trí là chia-trí, dis-traction tuôn ra từ sự trừu tượng (rút lui), ab-traction tăng dần, sẽ không còn có thể cung ứng lâu dài, ngay cả cho một Thượng Đế *vắng mặt*. Sẽ không cho phép một vắng mặt như thế, (nếu nói về) sự trầm trọng đặc thù vốn (bắt buộc) phải có trong nghệ thuật bi đát. Khi mà thần học, siêu hình học, cho dù nguồn gốc Do-thái, hay Ky-tô, nhắm tới chuyện trưởng thành đối mặt với những sự kiện, những khiêu khích đinh tai mù mắt, của phi nhân, trầm luân đời đời, như chúng thông báo (qua) lịch sử mới đây của chúng ta, chúng phải tự mở ra một cách phóng khoáng trên con đường dẫn tới giả thuyết về tuyệt vọng. Nếu giả thuyết này là một dị thuyết, như vậy là nó đang nằm ngay tại trung tâm. Nhưng một khi chính tôn giáo đưa ra một lối đi như vậy, cơn oán cơn hờn quằn quại, thách đố, của tuyệt bi bị trơ ra (bởi vì) chẳng còn một mục tiêu nào xứng đáng (cho nó nữa).

Thật điên khùng khi làm chuyện tiên tri (sự tự do mang tính bản thể học của nghệ thuật luôn luôn là một tự do, của điều bất ngờ). Nhưng người ta trực giác rằng: nếu những hình thức bi kịch tiêu biểu (lại) nổi lên, nó sẽ khởi từ sự tủi nhục không khoan nhượng, ngay bên trong chính thần học, từ sự chấp nhận trần trụi, về thất bại. Có những vận động tâm linh thực sự vươn tới đỉnh cao này trong Kierkegaard, trong bình luận của Karl Barth về Thư về La-mã (1919). Sự lạnh nhạt, dửng dưng hiện nay đang phổ biến, có thể bị bẻ gẫy. Kafka đã viện dẫn một cái rìu-phá-băng, với nó, có thể chạm tới tâm linh lạnh cứng. Nhưng ngay cả điều này có thể xẩy ra, những giả tưởng từ đó mà có, như người ta linh cảm, chúng sẽ chẳng thể là tuyệt bi hay một kịch mê-lô cấp cao. Chúng chắc chỉ gần gụi với một thứ bài tập nào đó, về những kịch tếu buổi đêm, phù hợp như một kết từ, hay khoảng thời gian của một lời bạt.

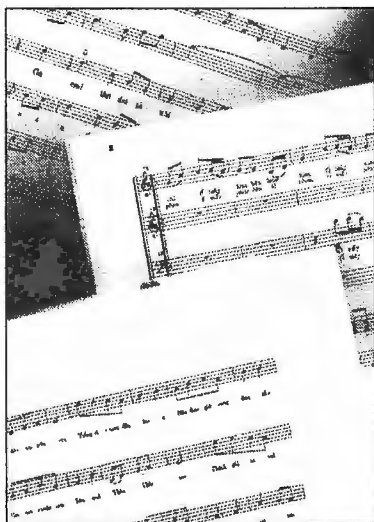
NGUYỄN QUỐC TRU

(*Tuyệt Bi, Absolute Tragedy*, viết năm 1990, được in lại trong *Mê Đắm Chẳng Hoài, No Passion Spent*, essays 1978-1995, nhà xb Yale University Press, 1996. Người dịch có tham chiếu bản tiếng Pháp, nhà xb Gallimard, 1997. Nhân đây xin được gửi lời cảm ơn anh Nguyễn Tiến Văn, đã giúp đỡ rất nhiều trong việc dịch thuật, và ghi chú).



PHẠM QUANG TUẤN

Bàn về lục bát và ca khúc Việt Nam



Bài này không phải là một nghị luận nghiêm túc về lục bát, vì kiến thức của tác giả về văn chương lục bát (nhất là ca dao) rất ít ỏi. Thậm chí suốt đời hình như tôi chưa bao giờ làm một bài thơ lục bát. Tôi chỉ muốn đưa ra một vài ý tưởng riêng, nhiều khi liều lĩnh, của một người mê âm nhạc và hay chú ý về âm điệu, để gợi hứng cho những người hiểu biết hơn về văn chương và dân ca Việt Nam có dịp bàn luận thêm, vì dường như chưa có ai bàn nhiều về khía cạnh âm điệu này.

Lục bát là thể văn vần căn bản trong ca dao và nhiều tác phẩm văn chương khác của Việt Nam, và thường được gọi là "quốc hồn quốc túy". Đoạn văn sau đây (từ VHNT) tôi cho là tiêu biểu cho lối văn "tán lục bát":

"Hãy thử nghĩ về dòng thơ lục bát. Dòng sông thơ mộng chảy luân lưu và phổ thông nhất của thi ca Việt Nam. Lục bát thấm vào máu, vào ca dao, vào lời ru, vào câu hò của văn học Việt Nam, và không một nhà thơ nào không ghé đến tắm thử trên dòng sông này một lần, nhiều lần, có khi ở lại, có khi bỏ đi, hoặc đi rồi trở lại nhiều lần, như cuộc

hẹn với người tình trăm năm còn lưu luyến mãi... "

Những lời tán tụng say mê như vậy tôi đã đọc nhiều và tôi tự hỏi tại sao lục bát lại chiếm 1 vai trò quan trọng trong thơ Việt Nam như vậy? Và, vì là một người yêu nhạc, tôi muốn biết lục bát có ảnh hưởng gì lên nhạc Việt Nam.

Thơ là văn có âm điệu. Nhưng, có một mâu thuẫn là các nhà thơ Việt Nam không bao giờ phân tích âm điệu của thơ! Họ có học về niêm luật, về vần điệu nhưng không phân tích những đặc tính hay hậu quả của các niêm luật vần điệu ấy. Vậy trước hết xin xem xét các dặc điểm về âm điệu của lục bát:

1. Dùng số chẵn âm tiết (syllables). Thơ Tàu thường dùng 5 hoặc 7.

2. Hai câu lục bát tạo thành tế bào căn bản (unit cells). Không có cấu trúc nào ở tầng trên đơn vị này, ngoài sự móc nối (interlocking) 2 vần ở câu bát.

3. Vần luôn luôn là âm bằng, tức là chỉ có thể có một trong hai âm vần.

4. Mỗi vần chỉ dùng ở 2 câu, thay vì 3, 5 hoặc hơn trong thơ Tàu, Tây, và do đó luôn luôn thay đổi trong một bài thơ dài.

5. Vần chen vào trong câu để móc nối những couplets

6. Số kết hợp khác nhau (combinations) rất ít ỏi vì hai vần ở câu bát phải khác dấu: huyền-ngang hoặc ngang-huyền (không có ng-ng hay h-h). Nói nôm na thì phải hoặc là TÌNH TÍNH TANG hoặc là TANG TÍNH TÌNH:

Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh vốn TÌNH TÍNH TANG
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà TANG TÍNH TÌNH.

Vần ở câu lục có thể huyền hoặc ngang, cho ta tổng cộng là 4 kết hợp.

7. Nhịp cũng rất đều đặn, luôn luôn đi theo nhịp nhẹ-mạnh (n-M-n-M-n-M, n-M-n-M-n-M-n-M). Cuối 2 câu luôn luôn là 1 nhịp mạnh. Sự thực thì nếu cộng 2 cái "nghỉ" (rest) ở cuối câu lục thì nhịp lại càng cứng và đều đều buồn tẻ hơn nữa:

ta ĐA ta ĐA ta ĐA (nghỉ nghỉ)
ta ĐA ta ĐA ta ĐA ta ĐA

Nếu phải nghe cái nhịp đều đều này mấy ngàn lần liên tiếp trong một tác phẩm lục bát dài thì quả là 1 cực hình! Cũng may là có thể có vài thay đổi nhỏ. Một số câu lục ngắt ở giữa, tạo ra hai triplets:

Khi chén rượu, khi cuộc cờ
Khi trông hoa nở, khi chờ trăng lên.

nhưng số câu như vậy khá hiếm và được để dùng một cách dè sẻn, có lẽ vì nó hơi chướng tai đối với thính giả thời xưa.

Cũng có thể ngắt ở sau vần một câu lục. Trong truyện Kiều, có nhiều câu lục bắt đầu bằng chữ "rằng" và có thể ngắt cách này:

Rằng sao trong tiết thanh minh...
Rằng hồng nhan tự thuở xưa...
Rằng hay thì thật là hay...

Tuy nhiên tôi ngờ rằng cách ngắt này không phải là một sự cố ý của tác giả để thay đổi tiết tấu, mà chỉ là cấu trúc ngẫu nhiên của ngôn ngữ. Không ngắt ở chữ "rằng" cũng không ảnh hưởng đến nghĩa, và hầu như không tìm được trường hợp nào khác ngoài chữ "rằng". Thực sự khó có thể tưởng tượng rằng tác giả đã muốn gãi tai người đọc bằng thể lục bát mà còn muốn đem vào những tiết tấu "chướng tai" như vậy.

Để so sánh, ta hãy coi thơ thất ngôn: thể loại này có nhiều biến thể. Vần cuối có thể dùng bằng hay trắc (tuy nhiên vần trắc thường gặp trong ngũ ngôn hơn là thất ngôn). Về tiết tấu thì 7 chữ có thể ngắt làm 4 + 3 (thường nhất), hoặc 3 + 4, hoặc 2 + 5:

Gác mái, ngư ông về viễn phố
Gõ sừng, mục tử lại cô thôn

hoặc tự do hơn nữa:

Một đèo, một đèo, lại một đèo
(2 + 2 + 3)

Trong 1 bài bát cú, 4 câu đầu cấu trúc khác 4 câu sau, và trong quatrain, trên, hai câu đầu có âm điệu khác 2 câu sau. Toàn bài, về âm cũng như về ý, có cái khả năng dần dần dựng lên sự căng thẳng (build

up tension) (được nhấn mạnh bởi hai vế đối ở câu 3-6) mà chỉ được hóa giải ở câu kết.

Thơ thất ngôn (và thơ Đường nói chung) có những cấu trúc âm điệu tinh diệu như vậy mà nhiều dịch giả Việt Nam (đặc biệt là Trần Trọng Kim) lại có khuynh hướng dịch ra lục bát, thật là một hành động phá hoại (vandalism) khó có thể chấp nhận được về phương diện âm điệu. Các nhà bình luận Việt Nam, khi bàn về chuyện dịch thơ Đường, cũng thường chú ý tới sự thích hợp hay không thích hợp của ngôn từ chứ không để ý đến âm điệu, nên ít khi nói tới điểm này. Bàng Bá Lân có viết "dịch Đường thi bằng thể lục bát chẳng khác nào đem bức tranh trang trọng cổ kính của (?) chiếc khung sơn son thếp vàng mà lồng vào chiếc khung trúc. Thanh nhã có thừa, nhưng vẻ trang trọng cổ kính không còn nữa" (theo Nguyễn Tuyết Hạnh). Nguyễn Hiến Lê cho rằng khi Tản Đà dịch Hoàng Hạc Lâu ra lục bát đã làm mất tính cách đối ngẫu vừa thanh nhã vừa nghiêm trang trong hai cặp thực và luận (cũng theo Nguyễn Tuyết Hạnh). Tuy nhiên có lẽ hai ông này không nghĩ tới âm điệu mà chỉ nghĩ tới cấu trúc đối ngẫu mà thôi. Lời bàn của Bàng Bá Lân còn vô lý ở chỗ là khi tác giả thơ Đường làm thơ thì họ đâu có cố ý làm ra vẻ cổ kính, mà chỉ xử dụng một thể thơ bình thường đối với họ.

Nguyễn Tuyết Hạnh viết cả một luận án tiến sĩ về việc dịch thơ Đường (Vấn Đề Dịch Thơ Đường ở Việt Nam, 1996) mà không hề so sánh âm điệu lục bát với thơ Đường. Bà khen ngợi Tản Đà khi ông dịch

Tích thời nhân dĩ một
Kim nhật thủy do hàn

thành

Người xưa nay đã đi đâu
Lạnh lùng sông nước cơn sầu chưa tan.

tuy nhiên về mặt âm điệu (tiết tấu 2+3 khắc khoải của nguyên bản, những âm trắc đối với những âm bằng nhấn mạnh sự tương phản) thì theo tôi lối dịch này không thể chấp nhận được. (Đó là chưa nói về sự kín đáo và súc tích của ngôn từ : đem chữ "sầu" vào là hạn chế hẳn ý nghĩa của câu thơ, vì hai câu chữ Hán gợi bao nhiêu là ý nghĩ và xúc cảm chứ đâu phải chỉ có "sầu".)

Trở lại lục bát, vì cách cấu trúc như vậy nên lục bát rất ít thay đổi. Vì nhịp luôn luôn là âm bằng nên lục bát có 1 âm điệu êm ả, ru ngủ. Thật đáng tiếc rằng tiếng Việt đặc sắc ở dấu mà các thi sĩ ta không biết tận dụng lại vứt đi hơn một nửa. Cái vần bằng này được

củng cố bằng tính chẵn và sự đều đều của nhịp: nhẹ mạnh, ắc ê, một hai, không có nhịp lẻ.

Vì mỗi cặp lục bát luôn luôn kết thúc ở nhịp mạnh âm bằng nên gây cho ta một cảm tưởng đã chấm dứt (finality), không thể dùng âm điệu hay nhịp để dựng lên một sự căng thẳng rồi dần dần đưa đến giải quyết. 1000 câu lục bát thì có 500 câu hỏi và 500 câu trả lời, chứ không thể có 1 câu hỏi lớn, đưa đến tranh chấp dài, đưa đến 1 sự giải quyết mãnh liệt ở cuối. Về mặt âm điệu (xin nhấn mạnh tôi không muốn nói về những khía cạnh khác ngoài âm điệu), truyện Kiều là mấy ngàn mô đất nhỏ đứng cạnh nhau chứ không phải là 1 rặng núi lớn.

(Tiện đây tôi cũng lấy làm lạ rằng hình như Việt Nam là nước duy nhất mà tác phẩm lớn của dân tộc lại được dùng vào việc ru ngủ, và có nhiều nhà phê bình văn học lại hãnh diện về chuyện đó.)

Gần đây có nhiều người đã cố gắng đổi mới lục bát bằng cách cho nó mặc những bộ áo mới, chẳng hạn ngắt nó ra thành nhiều dòng, mỗi dòng từ 1 tới 5 hay 7 chữ thay vì 6-8, kiểu như

Con cò
Mày đi
Ăn
Đêm
Đậu
Phải cành
Mềm
Lộn cổ xuống ao...

Nhưng mà mùi vị của lục bát rất nồng và mạnh, không phải chỉ xào nấu sơ sơ như vậy mà thay đổi hay ngụy trang được. Có lẽ chỉ Bùi Giáng là đã thành công trong việc "đổi mới" lục bát với những lối chơi chữ, thay đổi tiết tấu mạnh nhẹ rất bất ngờ. Cũng cần nói tới "Đọc bài Con Cò Mà Đi Ăn Đêm" của Trần Lục Bình trong Việt (1998/1) trong đó tác giả đã đùa giỡn với âm điệu và ý tứ của bài lục bát một cách rất lý thú.

Bây giờ tôi xin liều lĩnh suy diễn một chút. Một thể thơ như vậy, nếu coi là quốc hồn quốc túy thì sẽ cho ta thấy cái gì ở con người Việt Nam? Đó sẽ là 1 dân tộc không thích mạo hiểm, không thích cấu trúc lớn, mà thích an phận với những cái tầm thường, chóng giải quyết. Không thích hỏi câu hỏi lớn, xa xôi và tốn thì giờ đi tìm câu trả lời. Không thích sự căng thẳng mà thích giải quyết vội vã, chóng vánh, dễ

dãi. Không thích sự đa dạng, bất đồng, bất định (uncertainies) mà thích cái gì cũng vào 1 số nhỏ khuôn mẫu nhất định. Không thích cái xáo trộn của vần trắc mà luôn luôn tìm ngay đến cái êm ả của vần bằng. Gãi tai rồi (vần bằng ở chữ 6 câu bát) vẫn chưa đủ đã ngứa, lại phải gãi thêm một cái nữa cho chắc ăn (chữ 8 câu bát). Có thật dân Việt Nam như vậy không? NẾU đã chấp nhận lục bát là quốc hồn quốc túy, thì phải chấp nhận những sự thật kể trên.

Lục Bát và Nhạc:

Lục bát ảnh hưởng rất sâu đậm lên âm nhạc Việt Nam. Phần lớn dân ca Việt Nam là từ ca dao mà ra, mà ca dao thì hầu hết là lục bát.

Như đã nói, lục bát cứ mỗi câu lại dứt bằng 1 âm bằng (hay nói cho đúng, câu bát dứt bằng 2 âm bằng ở vần cũ và vần mới). Âm bằng là những âm đơn cung (monotonic sound):

ngang: đơn cung vừa
huyền: đơn cung trầm

trong khi vần trắc tạo từ 2 cung hay nhiều hơn, đi lên hoặc đi xuống hoặc chặn lại, gây ra 1 cảm tưởng chuyển động, mâu thuẫn, bứt rứt:

Sắc: từ ngang đi lên
Hỏi (và ngã giọng miền Nam): đi xuống hoặc đi lên tùy giọng địa phương
Ngã: âm trong họng bật ra rồi đi lên (ở giọng miền Bắc)
Nặng: âm trầm bị chặn trọng họng.

Trong tiếng Việt, vần bằng đóng vai trò của nốt chủ âm (tonic), là âm thanh làm cho ta dễ chịu nhất, như là gãi ngứa. Trong nhạc mà nghe thấy nốt tonic (nhất là khi được đệm bởi hoà âm chủ - tonic chord) có nghĩa là: xong, hết, nghỉ xả hơi, không còn căng thẳng, tìm tòi gì nữa, không còn gì để giải thích, giải quyết. Khi Phạm Duy phổ nhạc Ngậm Ngùi:

Nắng chia nửa bãi chiều RỒI
Vườn hoang trinh nữ khép đôi lá SẦU
Sợi buồn con nhện giăng MAU
Em ơi hãy ngủ anh hầu quạt ĐÂY

thì đánh luôn nốt tonic vào những chữ RỒI, SẦU, MAU, ĐÂY. Điểm này khiến nhạc bài Ngậm Ngùi rất tự nhiên và hợp với giọng thơ, và cũng rất hợp với tai thính giả Việt Nam. Đến tonic rồi là câu nhạc kể như xong, fini, không còn gì để nói nữa. (Cũng cần để ý là Huy Cận đã để những phụ từ có âm nhẹ: rồi, đây, vào những nhịp mạnh để bớt đi cái vẻ cứng ngắc của lục bát).

Để phổ nhạc lục bát, cách giản dị nhất là đọc thẳng ra như nguyên bản, không thêm bớt. Trong âm nhạc bình dân, đây là cách hát ru con của các bà mẹ. Tiến thêm một bước nữa là ngâm thợ Khi ru con cũng như khi ngâm thì cái tính đều đều buồn tẻ của lục bát đã được giảm đi nhiều vì người ngâm thay đổi độ dài của mỗi chữ và uốn giọng lên xuống.

Trong tân nhạc, đôi khi phổ nhạc theo cách giản dị này (tức là không thêm bớt số chữ và không thay đổi tiết tấu) cũng dẫn đến kết quả khá tốt, như trong bài "Trăng Sáng Vườn Chè":

Một quan là sáu trăm đồng
Chắt chiu tháng tháng cho chồng đi thi
Chồng tôi cưỡi ngựa vinh qui
Hai bên có lính hầu đi dẹp đường...

nhưng thường thì nhịp điệu này có vẻ quá giản dị nôm na. Tiến lên 1 bước nữa, có thể ngắt mỗi câu ra thành nhiều đoạn ngắn (hai hay bốn chữ) như trong bài Ngậm Ngùi. Tuy nhiên Trăng Sáng Vườn Chè và Ngậm Ngùi có lẽ là ngoại lệ. Thường đem lục bát vào 1 bài ca muốn cho hay thì nhạc sĩ cần thay đổi tiết tấu nhiều. Bài sau đây của Phạm Duy là tiêu biểu, khi ông phổ câu "Trèo lên cây bưởi hái hoa / Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân":

Trèo lên lên trèo lên
Trèo lên lên trèo lên
Lên cây bưởi (i í i) hái (i í i) hoa
Bước ra ra vườn cà
Bước ra ra vườn cà
Hái (i) nụ (u u u) tầm (m m m) xuân.

Bài này dùng những kỹ thuật rất thông dụng trong dân ca: thêm những âm đệm, láy những âm có sẵn, kéo dài và uốn âm (melisma - như trong những "i í i" ở bài trên), lại thêm một sự chuyển hệ (metabole) rất đặc thù ở chữ xuân. Quả thực những tác giả dân ca Việt

Nam đã rất tài tình trong việc biến hóa lục bát và làm cho âm điệu của nó trở thành phong phú:

Yêu nhau cởi áo ôi à cho nhau
Về nhà dối rằng cha dối mẹ, a à a á a ...
Rằng a ối a qua cầu
Rằng a ối a qua cầu
Tình tình là gió bay
Tình tình là gió bay

Trong Đường Về Dân Ca, Phạm Duy khẳng định:
Không còn nghi ngờ gì nữa, hát lý là ca dao lục-bát được phổ nhạc. Để biến ca dao thành hát lý, người xưa có nhiều cách bố cục.

1) Một cặp lục-bát là một nhạc khúc
Thông thường là chỉ dùng một cặp lục bát. Cả hai câu 6 và 8, với tiếng đệm và tiếng láy, trở thành một bài hát và chỉ có một nhạc khúc mà thôi. Ví dụ LÝ CON SÁO HUẾ, LÝ CHIM CHUYỀN và LÝ TRIỀN TRIỆN:

Xem lên hòn núi (hòn núi ta lý nọ) Thiên Thai
Thấy (ư) đôi (á đôi con triền) triền triện
Thấy (ư) đôi (á đôi con triền) triền triện
(ta lý nọ) ăn xoài (a ý a, ăn xoài) chín cây.

2) Chia đôi cặp lục bát thành hai khúc
Chia đôi hai câu ca dao, câu 6 là khúc 1, câu 8 là khúc 2, nhưng cả hai đều chỉ được hát trên một nhạc khúc mà thôi. Ví dụ câu ca dao:

Chim khuyên ăn trái nhãn lồng
Thia lia quen chậu vợ chồng quen hơi.

Khi trở thành bài LÝ CHIM KHUYÊN (hay là LÝ CHIM QUYÊN) thì câu 6 được phổ bằng một nhạc khúc:

Chim khuyên (quầy) ăn trái (quây)
Nhãn (i i i lồng nhãn i i i) lồng
(ơ con bạn mình ơi)

Câu 8 cũng được hát trên nhạc khúc có sẵn đó:

Thia lia (quầy) quen chậu (quây)
Vợ (i i i chồng vợ i i i) chồng
(ơ con bạn) quện hơi

3) Toàn vẹn câu lục bát được dùng

... với tiếng đệm, tiếng lót, nhưng lại có thêm câu ca để phụ thêm ý nghĩa cho bài hát. Ví dụ câu ca dao lục bát sau đây:

Chiều chiều ra đứng (ơ mưa) ngoài mưa
(Mưa ngoài mưa)
Thấy ai (tang tình) khuấy nước (ơ)
Đẩy đưa (đẩy đưa) con đò...

4) Dùng hai cặp lục bát

Một bài hát lý cũng có khi dùng hai cặp lục bát, nghĩa là 4 câu thợ Sau mỗi cặp lục bát cũng có thêm một câu thơ phụ để cho câu thơ lục bát đó có thêm ý nghĩa. Chẳng hạn bài LÝ QUAY TƠ. Bài hát lý này được phân ra hai loại khúc với hai nhạc điệu khác nhau.

Khúc 1 là hai câu lục bát có thêm câu tăng cường:

Sáng trăng, sáng cả (tranh mà) vườn tranh
(có) Bên anh (anh ngồi) đọc sách
Bên nàng quay (mối) tơ.

Thêm câu phụ nghĩa:
Cứ đêm đêm khi đèn chưa tỏ
Em ngồi quay dưới bóng trăng...

Khúc 2, với nhạc điệu hơi khác khúc 1, là hai câu lục bát tăng cường:

Quay tơ, em giữ (tơ mà) mối tơ
(dẫu) Se năm (mà) bẩy mối
Vẫn chờ ai mối ai.

Thêm câu phụ nghĩa :
Cứ đêm đêm em ngồi em dệt
Bao vần thơ ôi mến yêu (2 lần)

5) Dùng bốn cặp lục bát

Đặc biệt có bài dùng tới 4 cặp lục bát, tức là tám câu thợ Ví dụ bài LÝ BÌNH VÔI. Nguyên văn:

Lỡ tay, rớt bể bình vôi
Chủ ra bắt được bắt ngồi xướng ca.
Xướng ca là xứ của người
Biểu tôi không ở kêu trời nỗi chi?
Lỡ tay rớt bể bình vôi.
Bắt suôi bắt ngược bắt ngồi với nhau.
Có cau lại có cả trầu
Có dâu có rể ăn trầu bởi ai?

6) Dùng bảy cặp lục bát

Chỉ thấy ở LÝ CỬA QUY ở vùng Huế, Thừa Thiên. Đây là một bài thơ dài, có tới bảy cặp lục bát hát liên tục. LÝ CỬA QUY đặc biệt là ở chỗ câu đầu gồm một cặp lục-bát rưỡi, nhưng từ câu thứ hai trở đi thì câu hát khởi sự từ "câu bát" và kết bằng "câu lục" (của cặp lục-bát sau):

(Bốn) Cửa Quyền chạm bốn con dơi
Hai con (tình như) dơi cái (y y y y)
Hai (hai ý) con đầu xà (ta la)
(Bốn) Cửa Quyền chạm bốn bình ba
Hai bình (tình như) ba sứ (y y y y)
Hai (ỳ hai ý) bình (là bình) ba sen (ta la)
(Bốn) Cửa Quyền chạm bốn cây đèn.
Hai cây (tình như) đọc sách (y y y y)
Hai (hai cây đèn là) đèn quay tơ (ta la)
(Bốn) Cửa Quyền chạm bốn bài thơ

Bài lý này tiếp tục với những câu bát lục sau đây, và vẫn được hát theo điệu công thức đã dùng để hát những câu đầu:

Hai bài thơ phú hai bài thơ ngâm
Cửa quyền chạm bốn con rồng
Hai con lấy nước hai rồng phun mây
Cửa quyền chạm bốn ông thầy
Hai ông đọc sách hay thầy tụng kinh
Bốn cửa quyền chạm bốn tứ linh

Long, Lân, Qui, Phượng như sinh một nhà
Cửa quyền chạm trổ tài hoa...

Kết Luận:

Lục bát thường được coi là quốc hồn quốc túy của Việt Nam, nhưng theo tôi nó tượng trưng và biểu hiện những khuynh hướng bảo thủ của dân tộc.

Trong khi các tác giả dân ca đã có nhiều thành công trong việc thăng hoa lục bát thành những bài hát đặc sắc, thì tân nhạc Việt Nam dường như lại thừa hưởng nguyên vẹn những đặc tính kém cỏi của lục bát. Cái "tinh thần lục bát" như đã nói trên phản ảnh một tinh thần ghét mạo hiểm, không thích cấu trúc lớn, thích nhỏ nhoi, an phận, thích khuôn mẫu, thích êm ả. Tất cả những đặc tính này cũng được thấy quá nhiều trong tân nhạc Việt Nam, với những bài ca ngắn ngủi, cấu trúc không thay đổi (luôn luôn là thể ABA với 4 câu điệu A nhắc lại, 4 câu điệu B, rồi trở lại A), chủ đề cũ kỹ (tình yêu, thiền, chán đời, hoài hương - ở hải ngoại nhớ quê hương đã đành mà ngay ở Việt Nam cũng nhớ!) , kỹ thuật quen thuộc, tiết tấu buồn tẻ không bao giờ thay đổi, âm điệu êm tai dễ dãi (gần như không bao giờ đi ra ngoài tonality), kết thúc vội vã, trở về chủ âm chóng vánh, v.v... Tân nhạc cho tới nay phần lớn là nhạc để ru ngủ, cũng như lục bát phần lớn là thơ để ru ngủ. Với sự tiếp cận thế giới càng ngày càng mạnh mẽ, hi vọng rằng tân nhạc Việt Nam chóng thực sự trưởng thành và vượt qua những nhược điểm này.

PHẠM QUANG TUẤN
(đọc tại Nhóm Yêu Nhạc Sydney, 2/1999)



PHẠM VIỆT CƯỜNG

Mồi tim

con đường
nối hai cổ thành trùng biệt
                mang tên trái tim

                (băng qua cơn mưa trắng rừng
                và bát ngát biển gió và hoa cỏ
                sương tím và ngợp ngợp sông đầy
                và lặng thinh đêm và...)

là
ngòi lửa nhậy

                (và bất tận nước mắt...)

không chịu đựng nổi
sự thiêu đốt

cũng không đủ sức
giữ mãi
ngọn
lửa
đuối

Trên xa lộ

đỏ trắng   mắt đèn   trừng
cuộc hoa đăng thường lệ
mỗi chiều
mê

hút mắt
xa
tức giận vì bất động
đoàn rồng rắn
chết cứng

còn phì phò thở khói
sáng trưng

Gần Tết, nhớ Nguyễn Bính

cũng rầu rĩ
gió may sương muối
núi
lầm lì
vây hãm mùa đông
dưới lòng thung   ngộp

cũng không về được
với xuân   xa
vài
hôm
nữa

đã nhâm nhẩm đau những thập niên
còn bận lòng chi
chuyện tiết mùa

PHẠM VIỆT CƯỜNG



NGUYỄN QUANG HUY

Con gấu



Nàng là một cô gái ngoại thành, con nhà trồng hoa. Từ ngày lên thành phố ở, nàng không trồng hoa nữa, nhưng vẫn rất yêu hoa. Hình như, mỗi một loài hoa, đều mang một phần cái hồn trinh nữ của nàng, mỏng manh, e ấp, mộc mạc, thấm đẫm hương đồng nội. Nàng hay đi chợ và mua hoa lúc chín, mười giờ sáng, lúc ấy mới có hoa tươi, vừa cắt ở vườn, chứ còn đi sớm quá, có khi lại là hoa từ chiều qua. Nàng chẳng lầm giữa hoa tươi và hoa cũ, nhưng nàng không muốn nhìn thấy vẻ rầu rĩ của những bông hoa hái đêm qua. Còn những bông hoa vừa cắt xong, ngay hít thở cái mùi hương dịu lành của nó, cũng thấy thơm mát vào tận trong dạ, và nước từ cuống hoa rịn ra nơi vết dao cắt, cũng thoáng làm nàng chạnh nhớ một thời trinh bạch đã qua...

Nàng đang vừa mải chọn hoa, vừa nghĩ, thì cảm thấy có một cái gì mềm mềm cọ cọ dưới chân mình. Nàng nhìn xuống, và mừng rỡ thốt lên:

- Ôi! Gấu! Sao mày lại ở đây hả?

Con chó - Gấu là tên nó - ngước cái mõm đen mượt hít hít tay nàng, và nàng cảm thấy cái lưỡi mềm ấm của nó rụt rè, chứ không vồn vập như mọi khi.

- Sao lâu lắm rồi, mày không đến chỗ chị? Thôi nào, đợi chị chọn

mấy bông nữa, rồi thì về...

Nàng vỗ vỗ nhẹ mấy cái lên đầu nó, rồi chọn tiếp. Con Gấu quanh quẩn đi theo.

Nó là một con chó Mẹo to, đậm. Ức nở, cổ lực lưỡng, vai tròn, xuôi xuống phía lưng. Mõm ngắn, hàm khỏe, với hai hàm răng sắc, nhọn và đều. Mắt nó nâu đen, giống như màu cánh của con bọ sừng, có cái nhìn lung linh màu hổ phách. Đuôi nó cụt ngủn, toàn thân phủ một lớp lông đen dày, vừa cứng vừa mềm mại. Trông nó hệt như một con gấu và có bản lĩnh của một con gấu: những cữ động từ tốn và điềm tĩnh, chắc chắn và uyển chuyển.

Nàng đã chọn xong hoa, bảo:

- Về đi, Gấu ơi!

Con chó đi cách nàng vài bước, lững thững chứ không có vẻ tung tẩy, ra chiều đang nghĩ một điều gì đó.

Đến một tòa nhà to, ở tách biệt, nàng mở cổng, rồi mở cửa bước vào. Con chó đứng ngoài cửa, không vào theo. Nàng lắc đầu, bảo:

- Vô đi, Gấu! Không có ai đâu! Đây này...

Và nàng mở toang cửa chính, cửa sổ, rồi ngồi xuống một chiếc ghế bọc đệm nhung màu mận chín. Con gấu chậm rãi đi đến cạnh nàng, ngồi xuống, áp cái mõm của nó lên đùi nàng, mắt lim dim.

Nàng đưa bàn tay mềm mại, thơm tho kê dưới mõm nó.

- Chủ mày có khỏe không? Sao lâu không thấy mày đến chơi với chị? Chị buồn lắm, Gấu ơi!

Hình như cái giọng nghèn nghẹn của nàng làm con gấu chợt run rẩy. Nó thè lưỡi liếm lòng tay nàng, ngọ nguậy cái mõm.

- Mày thương chị, phải không, Gấu? Sao dạo này mày gầy vậy? Chắc chủ mày vất vả lắm phải không?

Con Gấu vẫn nhắm mắt, chỉ có hai cái tai hơi động đậy và thỉnh thoảng nó lại thoáng rùng mình nhè nhẹ.

- Thôi, để chị đi lấy cái gì cho Gấu ăn nhé! Ngồi đây!

Nàng đứng dậy, xuống bếp, mang lên một bát cơm to, canh và mấy miếng thịt quay - cái món mà Gấu thích. Nhưng, Gấu không ăn ngay. Nó cứ ngồi như thế, ngước mắt nhìn nàng.

- Gấu cũng nhớ chị à? Hay muốn nói điều gì với chị? Thôi nào ăn đi đã...

Con Gấu nhẩn nha ăn. Hai chỗ hõm ở hông nó phập phồng. Nàng nhìn cách ăn của gấu, biết rằng nó ít khi được ăn ngon. Bàn tay mềm mại của nàng, đang vuốt dọc lưng con vật, bỗng dừng lại. Một nỗi buồn cứ từ từ dâng lên, đầy ắp trong nàng, rồi những giọt nước mắt lần lượt ứa ra, nhỏ xuống bát cơm của con Gấu... Con Gấu làm nàng nghĩ

đến chủ của nó, và thân phận mình. Cứ thế, nàng lặng lẽ khóc...

*

Chủ của con Gấu, một anh giáo trường làng, mồ côi bố, ở với mẹ bệnh tật. Và nàng, cô gái con nhà trồng hoa ngoại thành, xinh đẹp, nết na, thi không đỗ đại học. Đã có một thời, họ sống thật hạnh phúc với nhau dưới mái nhà vá víu bằng đủ mọi thứ vật liệu. Chàng dạy học trường làng, nàng trồng hoa. Một mảnh đất nhỏ thôi, nhưng cũng đủ cho một gia đình sống đơn giản, mà ấm cúng. Sáng sáng, nàng dậy sớm, cắt hoa mang đi chợ bán. Con Gấu đưa chân nàng đến tận đầu làng, mãi đến khi nàng bảo:

- Thôi Gấu, về trông nhà đi!

Con Gấu dừng lại, đứng nhìn theo mãi cái dáng đi mềm mại của cô chủ, đến khi nó chỉ còn là một cái bóng mờ mờ, rồi phi một mạch về nhà. Cũng đôi lần, nó lặng lẽ theo nàng đến tận chợ. Nàng mua cho nó mấy miếng dồi lợn, gói bằng một nửa tàu sen. Nó nằm, thong thả nhai từng miếng vẻ khoái trá, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn cô chủ nó đang bán hoa cho khách...

Cuộc sống của nàng, có lẽ cứ thế lặng lẽ trôi đi, nếu bàn tay của con tạo không bày ra những trò cay nghiệt để thử lòng dạ con người. Đầu tiên, là lấy nhau hai năm rồi, nàng vẫn chưa có một mụn con. Theo lời thầy thuốc ở các bệnh viện, thì lỗi ấy do chồng nàng. Họ nội của chàng, ba bốn đời, chỉ có một con trai. Thôi thì, có một con trai, hay một con gái cũng được! Nàng an ủi chồng vậy. Chút tiền bán hoa ít ỏi, đấp cả vào việc nuôi mẹ chồng và chạy chữa cho chồng, nàng cũng chẳng hề kêu ca. Nhưng, hình như trời không thương nàng, cố tình phụ công nàng. Đã có lúc, chồng nàng bảo;

- Ở với tôi, mình khổ đã đành, lại uổng một đời con gái. Hay là...

Nàng hốt hoảng:

- Hay là... sao...?

- Hay là... mình kiếm lấy một đứa con để nuôi. Là con của mình... Người ta nói con gái có thì...

- Anh bạc lắm! Nàng khóc.

Nhưng cái thực tế phũ phàng, cay nghiệt kia, nàng đã lờ mờ cảm thấy, song từ lâu, nàng cố coi như không có nó... Ngay cả chồng và mẹ chồng đều nhắc đến, thì nó lại hiện diện, rõ rệt, tàn nhẫn, lý trí yếu ớt của nàng làm sao chống lại nổi. Và, nàng mặc cho nó dày vò mình. Nàng sống như một người chết đuối vớ phải một mảng bèo, liều bám lấy nó và để mặc cho dòng nước dữ cuốn đến đâu thì cuốn. Thôi thì,

trăm sự nhờ vào rủi may...

Cho đến một hôm, nàng đi chợ bán hoa như mọi sáng...

- Hoa tươi quá... Chỉ tiếc người hơi héo! Có bán cả không em?

Nàng chợt ngẩng lên, toan mắng người ấy, thì nhận ra người làng.

- Tưởng ai, ra anh!

Rồi nàng nhoẻn miệng cười. Một bên má lúm đồng tiền.

- Sao lâu rồi, không thấy anh về làng?

- Còn ai nữa mà về! Còn em, thì em... Dạo này, sao em khác quá!

- Vừa già, vừa xấu...?

- Cũng có gầy đi, trông vất vả hơn. Còn xấu thì... Em vẫn đẹp như trước, có khi còn duyên hơn....

Thoáng chút hồng trên má nàng. Nàng hơi cúi mặt xuống, cắn cắn môi dưới.

- Nhà anh gần đây, em đến chơi! Tiện thể, chọn cho anh một ít hoa và cắm bình hộ anh!

- Em còn phải bán nốt, kẻo héo mất.

- Nhanh thôi mà. Em đến cho biết nhà... Đưa anh gánh cho.

Nàng không còn lý do để lưỡng lự, gánh hoa đi theo người đàn ông ấy. Và, nàng đã đến cái nhà mà bây giờ nàng đang ở. Còn người đàn ông ấy, chính là chồng nàng bây giờ.

Cho đến bây giờ, nàng cũng không hiểu ma đưa lối, quỷ đưa đường thế nào, mà nàng lại rơi vào cái nhà này, lại chấp nhận làm vợ anh ta. Anh ta không gài bẫy nàng. Anh ta chỉ nói thẳng với nàng những đề nghị của mình, với một sự tính toán trần trụi, chính xác và chi li. Em còn trẻ, lại đẹp, lại nết na. Em lấy anh giáo làng, nghèo kiết xác, lại mẹ già, đau ốm luôn, lại không hy vọng gì ở đường con cái. Bây giờ, thì em còn có thể chịu đựng được. Nhưng dăm ba năm nữa, ở hoàn cảnh ấy, em sẽ già rất mau. Em sẽ xấu xí, sẽ nhăn nheo như một bà cụ già, người sẽ héo quắt. Như vậy, có ích gì cho em, và cũng chẳng ích gì cho mẹ con người ta. Rồi cuộc sống túng quẫn liệu có còn giữ mãi được cái tươi vui của gia đình hay không? Còn em ở với anh, nhà này là của em, em toàn quyền quản lý, chi tiêu. Em sẽ chẳng phải làm gì cả, chỉ đi chợ, cơm nước, quán xuyến nhà cửa giúp anh...

Không phải anh ta nói một lúc tất cả những điều ấy trong lần đầu tiên nàng đến nhà anh ta, mà là nói dần dà trong những lần sau, mỗi khi nàng đi chợ bán hoa và anh ta lại mời nàng đến nhà. Anh ta cứ nhẩn nha, ung dung, tự tin mà đi đến cái đích của mình. Giống như đêm tân hôn, người đàn ông cứ từ từ lột từng thứ áo quần trên người đàn bà. Dù người đàn bà có yêu người đàn ông ấy hay không, nhưng mặc

nhiên cam chịu hoặc thích thú. Sự e lệ trinh bạch lúc ấy chỉ là một trò giả vờ cố ý... Nàng cũng vậy.... Những lời nói của anh ta, lần lượt tước bỏ dần những dằn vặt, băn khoăn của nàng, lần lượt dồn nàng vào cái thế phải chấp nhận. Nó không hẳn là tự nguyện, nhưng nàng không thể làm khác. Nó đúng, nhưng tàn nhẫn, khốc liệt và man rợ. Ngay cả khi, anh ta ôm nàng, ghì riết thân hình nàng bởi một vòng tay mạnh mẽ, phả vào mặt nàng cái hơi thở hầm hập, gây gây của một giống đực, thì nàng không còn chút ý chí nào để chống cự. Cả người nàng mềm lả, nàng nhắm mắt chấp nhận cuộc hành quyết, để mặc cho cái cảm giác đau đớn, tủi hổ tràn vào, lấp đầy con người nàng với cường độ của những cơn xoáy lũ. Nàng hoàn toàn đầu hàng số phận. Nàng chấp nhận cái chết của kiếp sống này, để đổi lấy một kiếp sống khác, mà cũng chẳng cần biết nó sẽ như thế nào, giống như một sự giải thoát nhục nhã.

Nàng đổi kiếp sống mà không gặp phải sự ngăn trở gì nhiều nơi gia đình chồng cũ. Người làng có trách móc, thì nàng có bao giờ về đâu mà nghe. Đến mẹ anh giáo mất, nàng cũng không dám về, dẫu nàng biết nghĩa tử là nghĩa tận, và biết nếu vậy thì nàng là một con đàn bà khốn nạn. Nàng không đủ can đảm. Nàng chỉ khóc rấm rứt và tự xỉ vả mình suốt những đêm sau đó. Sợi dây duy nhất nối nàng với quá khứ là con Gấu. Những ngày mới lìa bỏ ngôi nhà dột nát của anh giáo, nàng sợ gặp người làng, nhưng vẫn không thể không đi chợ mua hoa. Những đóa hoa tươi làm lòng nàng dịu lại. Nhưng một nỗi đau không tên cứ âm ỉ thiêu đốt nàng, mỗi khi nàng bước chân đến cái chợ quen thuộc. Rồi sự gặp gỡ với con Gấu. Nó ngạc nhiên lắm, khi nàng là người mua hoa chứ không phải là cô chủ bán hoa của nó. Chắc nó tìm nàng mấy hôm rồi, hôm nay mới gặp. Nàng bảo nó về nhà. Ấy là lần đầu, nó bước vào cái ngôi nhà đồ sộ kia. Chắc nó ngạc nhiên tại sao cô chủ nó lại ở cái nhà này. Nó cứ ngồi im mà quan sát tất cả mọi đồ vật trong ngôi nhà với vẻ cảnh giác, sẵn sàng bỏ chạy hoặc tự vệ. Chỉ có thái độ của cô chủ làm nó hơi yên tâm. Khi cô cho nó ăn xong, đang nói chuyện với nó, thì người chồng mới của cô chủ bước vào. Anh ta giật mình, lùi lại một bước:

- Con chó nhà ai đấy? Sao lại đưa nó vào nhà! cẩn thận đấy!

Nàng vỗ vỗ con Gấu:

- Chó nhà em đấy mà! À... nhà trước. Không sao đâu, nó hiền lắm...

Con Gấu im lặng quan sát anh ta, không tỏ thái độ gì. Nhưng khi anh ta vừa bước một bước đến phía nàng, nó liền nhếch mép, để lộ một khóe hàm trắng ởn. Nàng phải đưa tay ôm lấy đầu nó:

- Gấu, ngoan nào...

- Tốt nhất là tống ngay nó đi...!

Nàng nhíu mày, nhưng cũng đứng dậy, kéo con Gấu theo. Nàng mở cổng, ngồi xuống, nâng đầu con Gấu lên, nhìn sâu vào mắt nó:

- Thôi, Gấu về đi, về đi! Từ nay, đừng tìm chị nữa! Nhớ chưa?

Cái động tác lắc đầu của nàng và ánh mắt nàng, chắc con Gấu hiểu. Nó đưa lưỡi liếm liếm, hít hít bàn tay nàng, rồi phóng thật nhanh ra cổng...

Sau cái lần ấy, nàng không mua hoa ở cái chợ ấy nữa, mà đi chợ khác, xa hơn. Và con Gấu cũng không đến nhà để tìm nàng. Không hiểu sao, hôm nay, nàng lại trở lại cái chợ cũ, và gặp con Gấu ở đấy...

Con Gấu cọ cọ cái mõm đen mượt của nó vào lòng tay nàng, làm nàng sực tỉnh. Nàng biết, giờ này, chồng nàng sắp về. Nàng không muốn anh gặp con Gấu, và chắc con Gấu cũng không muốn gặp anh ta. Nàng lý giải cái vẻ bồn chồn của con Gấu như vậy. Nó cứ định đứng lên, rồi lại thôi, hết nhìn ra cổng, lại nhìn nàng, và trong đôi mắt nó, cái ngọn lửa màu hổ phách cứ lung linh, lung linh.

Nàng đứng dậy, lấy một chiếc dép của chồng, đưa vào mũi Gấu, và bảo:

- Nào, về thôi, Gấu! Kẻo họ sắp về rồi đấy!

Con Gấu, sau khi hít hít chiếc dép, như hiểu, đứng dậy theo nàng ra ngõ. Nó lủi thủi đi sau, cái đầu cúi thấp.

- Đừng giận chị, đừng trách chị, Gấu nhé!

Và nàng mở cổng. Con Gấu nhìn nàng, tru lên một tiếng, rồi phóng đi.

Nàng đóng cổng, ngồi thừ một lúc trên chiếc ghế bọc nhung, rồi uể oải đứng dậy nấu cơm trưa, vừa làm, nàng vừa nghĩ miên man. Và, cái cảm nhận cuối cùng, là nàng vừa tự trách mình, vừa tự thương thân. Ở với người chồng mới, nàng là một người làm công, một con ở, một kẻ tù giam lỏng hơn là một người vợ. Công việc của nàng: quét dọn, giặt giũ, đi chợ, cơm nước, coi nhà và những công việc khác để hầu hạ chồng-ông chủ. Ngay tiền đi chợ, anh ta cũng khoán cho nàng từng ngày, theo chỉ dẫn của anh ta. Sắm sửa riêng cho nàng, nếu cần thì phải xin, trừ cái dây chuyền hai chỉ và một cái nhẫn một chỉ, anh ta mua tặng nàng hôm cưới. Nàng hiểu, ngay cả những thứ đó, cũng không phải của mình, bởi anh ta để mắt đến chúng luôn. Những người giàu có thường ích kỷ và keo kiệt, hay chính vì ích kỷ và keo kiệt mà họ giàu có? Nàng không muốn nghĩ nhiều đến điều này, bởi dẫu sao thì cuộc đời nàng cũng đã như thế rồi....

Sáng hôm sau, con Gấu lại đến nhà tìm nàng.

Mõm nó tha một dép đứt quai. Thấy cổng còn đóng, nó lấy hai chân trước giật giật vòng xích khóa. Không có nàng ra mở cửa, nó bỏ chiếc dép xuống, chõ vào trong nhà sủa. Nghe tiếng con Gấu, nàng vội vã chạy ra, không giấu nổi vẻ mừng rỡ: - Gấu đấy à? Đợi chị mở cổng cho mày ngay đây!

Con Gấu tha chiếc dép chạy vào trước. Đến thềm nhà, nó bỏ chiếc dép xuống, ngồi đợi nàng và tru lên mấy tiếng thảm thiết. Nàng nhận ra chiếc dép nhựa cũ của anh giáo, và chợt hiểu:

- Thì ra vậy đấy! Chủ mày ốm phải không, Gấu?

Nàng vừa nhặt chiếc dép lên, dứ dứ vào mũi con Gấu, vừa nói vậy. Con Gấu lặng lẽ nhìn nàng, như cầu khẩn, rồi đứng dậy, cắn gấu quần nàng, lôi ra phía cổng.

Nàng ngồi xuống, đưa hai tay giữ nó lại:

- Không được đâu, Gấu ạ? Chị không đi được!...

- Thôi, ngồi đây! Để chị đi lấy cái gì cho mà ăn, rồi về...

Con Gấu không động đến bát cơm. Nó cứ quanh quẩn bên nàng, tru từng tiếng ngắn trong cổ họng. Nàng bối rối và bất lực. Chợt nàng *à* một tiếng, và đi xuống bếp. Lần này, con Gấu đi theo nàng. Nàng mở chạn, lấy một cái bánh giò mà nàng mua ăn sáng, một miếng chả to, hai quả cam và nửa cân đường. Nàng gói các thứ đó vào một túi nilon rồi bỏ vào một túi vải có quai. Xong xuôi, nàng bảo:

- Thế là được rồi! Nào Gấu, chịu khó một tí nhé! không nặng lắm đâu!

Nàng quàng cái túi vải vào cổ con Gấu, dẫn nó ra cổng:

- Bây giờ, thì Gấu về ngay đi! Đi đi! Mai lại đến nhé...

Gấu co cẳng phóng một mạch, quên cả từ biệt nàng. Nàng biết là anh giáo đang ốm nặng. nàng cứ bần thần, bởi một ý nghĩ: anh giáo sẽ biết những thứ con Gấu mang về là của nàng, anh ấy sẽ không thèm đụng đến. Tự nhiên, nước mắt nàng ứa ra, những giọt nước mắt tủi hổ của một người vợ trót bội bạc. Nhưng không, chắc anh ấy sẽ ăn. Anh ấy đang ốm mà. Nếu anh không ăn, thì con Gấu cũng sẽ không ăn. Nó không bao gì ăn trước chủ. Mà anh ấy thì quý con Gấu, thương con Gấu lắm. Bây giờ, anh ấy chỉ còn mình nó...

Sáng hôm sau, con Gấu lại đến, tha theo cái túi vải. Nhìn thấy cái túi, nàng thở ra nhẹ nhõm. Anh ấy hiểu mình và anh ấy vẫn còn thương mình. Một nỗi đau cứ thế nhói lên, làm nàng không chịu nổi. Nàng ghì đầu con Gấu vào ngực mình:

- Chủ mày không giận chị à? Chủ mày vẫn còn thương chị à?

Rồi nàng vội vã bỏ các thứ vào cái túi vải, quàng lên cổ con Gấu, những thứ mà sớm nay, nàng đã kịp đi chợ mua.

Cứ như vậy, con Gấu đến nhà nàng ba, bốn lần sau đó, đều trót lọt, chồng nàng không hay biết.

Rồi một tối, khi ăn cơm, anh ta hỏi:

- Cái con chó nhà cô nó vẫn đến đây phải không?

Nàng đang gắp thức ăn, dừng đũa, không dám ngẩn lên ngay:

- Đâu có, chắc anh nhìn nhầm chó nhà ai đấy!

- Ờ... cũng có thể! Nhưng cô vẫn cứ cẩn thận. Nó thả rông thế, dễ mắc bệnh dại lắm! Nó mà cắn tôi, thì cô cứ liệu!

- Nhưng mà em khóa cổng kia mà...

- Cô mới học đâu cái kiểu cãi giả chồng thế hả? Tôi nói thế, thì phải im đi mà nghe!

Nàng nín lặng, cố nuốt nốt miếng cơm. Chiều hôm sau, anh ta về sớm, quăng cái gói giấy báo cái *"bịch"*:

- Cô không thích ăn thịt quay, nên mua miếng thịt cũng chẳng ra hồn. Từ nay, cô cứ để tôi khi nào thích ăn thì mua...

Nàng lẳng lặng mang gói thịt xuống bếp thái. Miếng thịt to, nàng bớt lại một phần, để sáng mai cho con Gấu mang về. Nàng cất miếng thịt trong chạn, úp một cái bát lên trên, yên tâm vì biết anh ta chẳng bao giờ thèm ngó ngàng đến bếp núc.

Sáng hôm sau, con Gấu đến. Nàng mở chạn, lấy miếng thịt quay gói lại, cho vào túi vải, cùng với những thứ khác, vội vã giục nó về ngay. Nàng sợ chồng bắt gặp con Gấu.

Buổi chiều, nàng cảm thấy ruột gan cứ bồn chồn không yên. Cái tâm trạng ấy, khiến nàng như mất hồn, hết đứng lại ngồi, đi ra lại vào. Không phải vì chiều này, chồng nàng ở nhà. Anh ta cũng chẳng quan tâm đến trạng thái ấy của nàng, cứ nửa nằm nửa ngồi trên đi văng, vừa nghe nhạc, vừa đọc chưởng.

Bỗng có tiếng tru thảm thiết của con Gấu ngoài cổng. Nàng run bắn người, linh cảm thấy có một tai họa khủng khiếp. Nàng không đủ sức đứng lên mở cổng nữa. Chồng nàng hỏi:

- Cái con chó đen nhà cô phải không? Nó chưa chết à?

Nàng tái mặt lắp bắp:

- Anh... anh... bảo... bảo... ai ch... chết?

- Con chó nhà cô ấy. Nó không ăn miếng thịt quay ấy à? Tôi đã tẩm thuốc độc vào đấy đấy!

Nàng ngã khuỵu xuống, như một cây chuối thối gốc:

- Giời ơi là giời!... Anh giết anh ấy rồi!...

Nàng khóc và ngất đi. Chồng nàng hoảng sợ, vội vớ lấy dầu bạc

hà xoa cho nàng, lay gọi nàng:

- Cô nói làm sao? Ai chết? Tôi giết ai? Cô điên rồi à?

Nàng dần dần tỉnh lại, cùng với tiếng khóc càng to hơn:

- Giời ơi là giời... Anh giết anh ấy rồi... anh ấy ốm... Tôi lấy miếng thịt bảo con chó mang về cho anh ấy... Đồ độc ác... đồ dã man!...

Anh ta cho nàng một cái tát, hai cái tát. Nàng choáng váng, nín bặt, nhìn trừng trừng:

- Mày đánh nữa đi! mày giết nốt tao đi! Tao có cần sống đâu mà... Quân giết người!

Anh ta dằn từng tiếng:

- Này! Cô nghe đây! Tôi định giết là giết con chó. Tôi ghét nó, vì nó cứ lui tới đây tìm cô! Cô tưởng cô giấu tôi, lấy của tôi cho nó mà lọt à! tôi biết hết! Nhưng tôi không ngờ rằng anh ta lại ăn tranh của chó. Chính cô mới là người đã giết anh ta!

Nàng giật bắn người, miệng há hốc, mắt trợn trừng. Nàng ghê sợ cái suy nghĩ, cái cách nói trần trụi, tàn nhẫn của con người đó. Nàng lảo đảo đứng dậy, xiêu vẹo đi ra phía cổng, nơi con Gấu đang đu người lên mà tru từng hồi. Anh ta quát:

- Cô không được mở cổng! Tôi cấm cô!

Nàng không thèm nghe. Nàng đang ở vào cái trạng thái không biết sợ một cái gì - kể cả cái chết. Nàng mở toang cửa, ôm lấy đầu con Gấu mà khóc không thành tiếng. Nước mắt con Gấu cũng ướt cả tay nàng. Rồi nó toài ra, ngoạm tay nàng kéo đi. Nàng đắn đo giây lát, rồi bảo:

- Gấu, ở đây đợi nhé. Đợi chị.

Nàng ấn con Gấu ngồi bên góc cổng, rồi rảo bước vào nhà. Nàng nói với chồng, nhỏ nhưng quyết liệt:

- Tôi phải đi! Anh có cấm, tôi cũng đi! Nếu anh cấm, tôi sẽ tố cáo anh. Rồi ra sao thì ra.

Anh ta nhìn vẻ mặt nàng, nhìn ánh mắt điên dại của nàng, nghĩ một lúc, rồi gằn giọng:

- Thôi được! Cô cứ đi, nếu cô thích. Nhưng tôi nói để cô biết, cái mặt cô cũng chẳng đẹp đẽ gì, nên cứ liệu đấy mà phơi ra...

Nàng không thèm trả miếng, hấp tấp quay ra cổng. Con Gấu vẫn đứng đấy, vội vã vượt lên trước. Dọc đường, cứ một quãng, nó lại đứng lại đợi, vẻ bồn chồn. Mãi đến khi đi một quãng xa, nàng mới sực nhớ mình chẳng có một đồng nào cả. Nàng gọi:

- Gấu, lại đây đã!

Và nàng đi đến một tiệm vàng. Nàng tháo chiếc dây chuyền, cái nhẫn. Chủ tiệm nhìn vẻ mặt nàng, không hỏi, đem đi cân, thử, và nói

giá, tính tiền, đếm tiền. Nàng lặng lẽ cầm bọc tiền và lặng lẽ ra khỏi tiệm.

Trên đường đi, cho đến lúc này, nàng mới nhớ lại tình cảm của mình. Và, những lời nói của chồng, làm nàng phải cân nhắc: *Có nên đến thẳng chỗ anh ấy không?*

Nàng hình dung ra căn nhà tồi tàn, không khí lạnh lẽo của nó, vẻ mặt khổ não và ảm đạm của người quá cố, ánh mắt của người làng... Nàng thoáng rùng mình và do dự. Nàng thấy tốt nhất, là hãy sang nhà bên cạnh xem sao đã. Hai vợ chồng ông lão hàng xóm vốn phúc hậu, rất quý nàng, khi nàng còn là vợ anh giáo. Vả lại, trời cũng đã nhá nhem, ít người nhận ra nàng...

Đến gần ngôi nhà cũ, nàng thấy người vào ra thì đông, mà tiếng khóc thì thưa thớt. Nàng thấy mình có tội với anh ấy, thấy mình chẳng còn mặt mũi nào mà bước vào ngôi nhà đó, nhìn mặt người chồng cũ lần cuối. Nàng vội vã rẽ vào nhà bên cạnh, lén lút như một con ăn cắp. Gặp bà cụ, nàng òa khóc:

- Anh ấy đi rồi, bà ơi?

- Tội nghiệp... sao chị biết mà về?

- Lạy giời Phật! Thảo nào... Vừa mới trưa, nó sang nhà tôi. Ông lão nhà tôi đang nghỉ, nó vừa tru, vừa ngoạm tay ông lão tôi dậy. Sang, thì anh giáo đã đi rồi. Người ta bảo là do ốm sẵn mà ngộ độc thức ăn... Đồ nóng anh giáo không ăn mà chỉ ăn đồ nguội. À... à... ra con Gấu nó đến báo cho chị đấy...!

Những lời của bà già, làm nàng buốt nhói tim đến tận ruột gan. Nàng muốn nói *Bà ơi! Chính cháu đã giết anh ấy!* mà không dám. Một cơn ớn lạnh làm rùng mình. Nàng vội giơ bọc tiền, dúi vào tay bà lão, mếu máo:

- Bà ơi... cháu có lỗi với anh ấy... Cháu chẳng còn mặt mũi nào mà nhìn anh ấy nữa. Số tiền này, cháu dành dụm được, nhờ ông bà với hàng xóm láng giềng lo cho anh ấy. Thôi thì, trăm sự nhờ cả ông bà... Bà lão, thấy nàng như vậy, cũng mủi lòng:

- Chị nghĩ vậy, là phải! Để tôi gọi ông lão về!

Nàng vội níu tay bà cụ:

- Thôi, bà ạ! Cháu xin phép bà, cháu phải về ngay đây!

Nàng nấc lên, vội vã đi như chạy ra khỏi cái ngõ hẹp nhà bà cụ, và cứ thế, nàng lầm lũi đi. Con Gấu không biết nàng về. Nó bỏ nàng ngay từ lúc nàng đến gần nhà. Nó làm thế là đúng thôi. Chỉ có nàng mới là kẻ phụ bạc.

Đêm trăng suông. Con đường vắng. Những ngọn gió hoang thỉnh thoảng lại cồn lên. Nàng có cảm giác đó là những âm hồn đang đi lang



THẬN NHIÊN

Tan như mưa

Thế nào đi nữa
làm sao em tan như mưa
bay về phía tôi

Thế nào đi nữa
làm sao em trôi như sông
ngang qua đời tôi

Có thể là chút sa mù
la đà mai sớm
cho tôi làm thơ

Có thể là que kem
màu trời ảo
tôi thành trẻ nhỏ
ngậm tan trong mơ
...
khi em chỉ yêu những câu thơ
tôi dấu mình sau những con chữ
kết chuỗi tiếng cười trong vắt
lóng lánh mưa

THẬN NHIÊN

thang...

Có tiếng chân chạy phía sau, làm nàng giật bắn người. Một bóng đen vụt qua, rồi đứng khựng lại. Con Gấu. Nàng mừng rỡ, ngồi thụp xuống, ôm lấy đầu nó và cảm thấy trống ngực vẫn đập thình thình.

Con Gấu đi cùng nàng đến đoạn đường sáng đèn phố thì dừng lại. Nó để yên cho nàng vuốt ve một lúc, rồi vùng chạy ngược về nơi mà nàng từ bỏ.

NGUYỄN QUANG HUY



HUỆ THU

Suy nghĩ đơn sơ

Hồi nhỏ tôi học bài học vỡ lòng của người công dân
Không đâu đẹp cho bằng Quê Hương mình
Tôi thương những tàu dừa gió rụng
Tôi thương những đám ruộng sâu rầy
Tôi thương những vườn cây bão giật
Ý tưởng buồn hiu: Quê Hương mình buồn nhất!

Mẹ mặc cho tôi áo mới mừng Xuân
Ba cho tôi cái phong bì màu đỏ mừng Tết
Tôi quên
Tôi quên hết những nỗi buồn của ngày hôm qua
Tôi đi thăm Ông, Bà và tôi có thêm những tờ tiền mới
Sách vở nằm im một tuần lễ đầu năm
Trời - Đất - Gió - Mưa - Giông - Bão có một chỗ nằm quên lãng
Quê Hương tôi bừng bừng ánh sáng
Nắng Ấm và Tình Thương!
Quê Hương tôi có niềm vui trên mặt người nào cũng đẹp!

Hồi nhỏ và bây giờ
Mới đó mà tất cả thành xa xưa
Mẹ, Cha, Ông, Bà mất biệt
Quê Hương thảm thiết ngày tôi đi
Quê Hương rũ liệt ngày tôi về
Tôi đi không là bỏ, tôi về vì quá nhớ
Bài học Công Dân vỡ lòng còn ẩn hiện trong tôi
Quê Hương ơi!
Chỗ tôi rời... khó nói!

HUỆ THU



TRẦN HIỆP

Đi tìm cái đã có



Chị đi như người mộng du trên đường phố ngày này qua ngày khác. Phố Lê Hoàn ngày xưa tĩnh lặng là thế mà bây giờ ồn ã, tấp nập, hàng hóa chẳng thiếu một thứ gì, sạp hàng nào cũng đầy ăm ắp và lộng lẫy. Thị xã Thanh Hóa vừa to lại vừa nhỏ. To vì nó choán một vùng đất khá rộng, một chiều từ cầu Hàm Rồng đến cầu Quán Am dài ngót chục ki-lô-mét, một chiều từ dưới sân bay Lai Thành lên đến Rừng Thông cũng dài khoảng như thế. Thị xã có núi, có sông, có đường xe lửa, đường ôtô xuyên Việt chạy qua. Nhưng nó nhỏ vì vẫn tàng tàng, phố xá chưa đâu vào đâu. Nhà cửa mạnh ai nấy xây, hai ba tầng, thòi ra, thụt vào tùy thích. Trông cứ nghèo nghèo, tức tức thế nào ấy. Chỉ được cái lắm người. Thị xã của một tỉnh hơn ba triệu dân cũng có khác. Vừa thẩn thờ bước, chị vừa suy ngẫm. Hơn mười năm mới có dịp trở lại thị xã quê hương, chị như lạc vào miền đất lạ. Lân la dò hỏi qua bao nhiêu chặng, bao nhiêu người chị mới biết được người chị đang tìm ở phố này. Ba ngày với mấy chục lần quay đi quay lại và cả hàng chục giờ ngồi ở bên kia đường nhìn qua, ngôi nhà ấy vẫn vắng bóng người chị cần thấy.

Rét dữ trong những ngày đầu năm và hanh khô làm cho chị mệt mỏi đến bã bời. Mười năm ở Nha Trang, Sài Gòn, Đà Lạt, chị đã quen

với khí hậu miền Nam. Nước da trắng hồng và khuôn mặt đẫy đà của chị như cũng bợt bạt, teo tóp lại vì thời tiết. Chốc chốc chị lại khúng khoắng ho khan, nước mắt tứa ra, hiện trạng của một cơ thể sắp suy sụp. Chẳng thể chờ đợi mãi được, chị đánh bạo đến trước ngôi nhà ấy. Trong các sạp hàng ở phố này, có lẽ sạp hàng của nhà này là lèo tèo nhất. Gọi là sạp cho nó sang, thực ra chỉ là cái chõng tre bày các thứ bánh kẹp, mỳ ăn liền, mỳ chính, bia chai, nước giải khát, có cả nước chè đá, nước trà chén. Ba cái ghế băng quây lấy quầy hàng. Chủ hàng là một thiếu phụ dưới bốn mươi có khuôn mặt của Đức Mẹ Đồng Trinh. Vừa thấy chị bước vào quán, chủ quán chào mời ngay:

- Em mời chị nghỉ chân. Thưa chị, chị có dùng thứ gì không ạ?

- Cô cho tôi một ly trà nóng. Lạnh dữ!

- Vâng, mấy năm nay lại mới có một đợt rét dữ như thế này. Em mời chị.

Chị đỡ ly nước, mắt không rời người thiếu phụ. Chị nhấp từng ngụm nhỏ và chú ý quan sát phía trong ngôi nhà.

- Hình như chị mới trong Nam ra?

- Sao cô biết?

- Nghe chị nói, em biết. Nhưng chắc chị là người ngoài này?

Chị không thừa nhận bằng lời mà bằng nụ cười rất duyên, chiếc kiếng mát to bản choán một phần đáng kể của khuôn mặt chị làm cho chủ quán không nhận ra chị đang chăm chú quan sát nhà mình.

- Mấy hôm nay em vẫn thấy chị qua lại đây nhiều lần. Chắc chị đang có công chuyện làm ăn?

- Không! Tôi đang chờ người nhà từ Lạng Sơn về. Họ hẹn gặp tôi ở đây. Sao nhà cô vắng người thế?

Thiếu phụ nhìn chị với cặp mắt thiện cảm:

- Dạ, nhà em và cháu lớn đi làm, hai cháu nhỏ đi học. Đến tối, cả nhà mới xum họp đông đủ.

Chị đặt ly trà xuống bàn, lấy mù xoa lau miệng rồi mở lọ dầu gió thoa nhẹ lên mũi và hai bên thái dương.

- Cô bao nhiêu tuổi mà đã có con đi làm rồi?

Thiếu phụ cười, hai tay phủi phủi gối quần:

- Em ba sáu, cháu đầu năm nay hai mốt.

- Mẹ con chênh nhau có mười lăm tuổi?

- Vâng, cháu đầu là con riêng của anh ấy.

- Thế còn mẹ cháu?

- Chị ấy bỏ lại cho anh ấy từ khi cháu mới lên mười.

- Bỏ lại?

- Vâng! Chị ấy theo một người nào đó, không rõ đi đâu, nhưng có

gửi thư về cho anh ấy ly hôn, chị ấy bảo không thể sống nổi với cái gia đình nghèo đói ấy đến trọn đời được.

- Anh ấy làm nghề gì?

- Trước đây anh lái xe tải, nhưng anh đã bỏ nghề...

- Cô cho tôi một điếu thuốc.

- Chị mời thuốc gì ạ?

- Thuốc gì cũng được. Vì sao anh ấy lại bỏ nghề?

- Chuyện dài lắm chị ạ. Vợ chồng anh chị ấy chỉ có một cháu trai. Anh lái xe cũng có đồng ra đồng vào. Chị ấy làm công nhân nhưng dạo ấy nhà máy không có việc làm, chị phải lên ga xe lửa buôn bán lặt vặt, mấy lần chị theo bạn bè lên biên giới Lạng Sơn. Về sau, chị có quan hệ với một anh lái tàu, anh biết nhưng cũng chỉ khuyên ngăn chị sơ sơ. Chẳng hiểu vì sao, chị bỏ chồng con đi luôn. Thấy anh ấy nói, chị ấy đẹp người, đẹp mắt. Khổ, chị em mình vẫn cứ khôn ba năm dại một giờ, thế là tan vỡ. Anh như người mất hồn. Chồng em đi phụ xe cho anh ấy, nhiều hôm về phàn nàn với em. Anh Nguyên độ này thế nào ấy, hôm nay lại suýt đổ xe. Những khi như thế, nhà em chưa có bằng lái chính vẫn phải lái thay anh. Một lần xảy ra tai nạn...

Thiếu phụ không cầm được nước mắt, nghẹn ngào nói chẳng nên lời. Chị ngồi nghe, vừa xúc động vừa hồi hộp.

-... Xe đổ, nhà em vào bệnh viện được hai hôm thì mất, anh Nguyên phải vào tù. Thông cảm với khó khăn của anh, en nhận cháu Sinh, con trai anh về nuôi. Thế là với cái quán này, bán nải chuối, ấm trà, mấy gói kẹo nuôi ba miệng ăn. Con gái em năm ấy mới lên ba, có cháu Sinh về ở cùng, mẹ con em cũng đỡ góa bụa, đơn côi.

- Cô cho tôi một ly trà nóng nữa.

Thiếu phụ nhìn chị, ái ngại:

- Sao người chị nhợt nhạt đi thế, không khéo chị lại bị cảm, chị vào trong nhà nằm nghỉ một lát.

- Không sao, cô cho tôi vài thìa đường vào ly trà.

Khi đã uống vài ngụm nước trà đường chị lại khúng khoắng ho.

- Các cháu có được đi học không?

- Chị bảo các cháu không đi học thì ở nhà làm gì. Được cái cả ba anh em đứa nào cũng chăm học và học được. Hồi còn trong trại giam, anh biên thư về bảo cháu Sinh có gì trong nhà đem bán đi lấy tiền đưa cho tôi nuôi cháu ăn học. Nhưng em không cho cháu bán. Nhà có gì đáng kể đâu chị, ngoài cái tủ hai buồng, cái đài cũ, vốn liếng có đồng nào chị ấy đã cuỗm đi cả rồi.

- Anh ấy phải ngồi tù mấy năm?

- Án ba năm nhưng anh chỉ phải ngồi có hai năm. Khi anh về em

cũng đã mãn tang chồng. Chúng em tự sống chung với nhau, chẳng cưới xin gì. Cách đây năm năm, em sinh thêm một cháu trai. Thế là chúng em có cả con chung và con riêng. Phúc nhà là ba anh em nó rất thương nhau. Nói giấu gì chị, em chỉ thương thằng cháu Sinh, ngoan ngoãn, siêng năng, chăm chỉ học hành, thế mà hai năm thi vào đại học năm nào cũng chỉ thiếu nửa điểm. Vợ chồng em khuyên cháu học lại, thi năm nữa, nhưng cháu đòi đi làm, học thêm vào buổi tối. Năm nay cháu định thi vào Tin học. Em đã bàn với bố cháu, sang tháng sau gửi cháu ra Hà Nội cho cháu ôn thi, lại có người anh họ dạy học ở ngoài ấy, nhờ bác giúp cho. Em nghĩ rồi chị ạ, nó bị mẹ bỏ rơi, mình thay mẹ nó mà không cho nó học nên người thì không đành. Có phải không chị?

Càng nghe thiếu phụ kể chị càng như người mất hồn. Những gì người thiếu phụ kể như những ảo ảnh nhào lộn, quay cuồng trong đầu chị. Không thể còn nghe thêm được nữa, nghe nữa chị sẽ òa khóc mất, sức chịu đựng của chị đã quá tải rồi. Thanh toán tiền, chị đứng lên và nói:

- Cô giỏi lắm, nhân đức lắm. Tôi sẽ còn trở lại. Chào cô.

- Không khéo chị ốm mất. Mặt chị tái bợt đi rồi.

Còn một hiện tượng nữa thiếu phụ trông thấy mà không dám nói. Hai mắt chị mọng nước và cơ má giật giật như người sắp lên cơn động kinh.

Thật là trớ trêu, chị thuê một phòng trọ ở khách sạn Sao Mai, mỗi lần mở cửa sổ lại nhìn thấy căn phòng ở gác bốn trên ngôi nhà năm tầng, đường Phan Chu Trinh. Đó là căn phòng đã một thời vợ chồng chị sống với nhau êm thấm ở đấy. Chiều chiều chị bế bé Sinh ra cửa sổ nhìn xuống đường lắng tiếng còi nhịp ba xe IFA của anh vang lên ở ngã ba đường Nam - Bắc thành, báo cho mẹ con chị anh đã về. Bé Sinh nghe tiếng còi xe quen thuộc chỉ muốn trườn ra khỏi tay mẹ, vẫy tay gọi bố líu ríu:*Bố! Phinh, pinh, pinh! Bố đã về*. Anh bước vào phòng, người sực nức dầu mỡ. Anh xòe hai bàn tay lấm lem dầu mỡ ra trước mặt con:

- Nào, bố bế con cưng nào.

Bé Sinh thụt cổ lại, ôm cứng mẹ, cười rúc rích.

- Eo ơi, bố *bửng* lắm.

Dù nóng hay lạnh, về đến nhà là anh đi tắm. Bao giờ chị cũng chuẩn bị sẵn cho anh chậu nước, khăn tắm, quần áo và bánh xà phòng thơm để trong nhà tắm. Khi đã thật sạch sẽ thơm tho anh mới ra với mẹ con chị. Tất cả những gì vất vả trên đường anh coi như đã trút hết đi, đùa với con và dành những lời âu yếm, mềm mại cho chị. Mang tiếng lái xe thì lắm tiền, nhưng đâu phải. Thời bao cấp, được một đồng về

đến xí nghiệp phải chia năm xẻ bảy. Phần cho giám đốc, phần cho đội trưởng, phần cho kế hoạch, điều độ vận tải, tài vụ. Mỗi khi xe vào xưởng lại phải cống nạp cho quản đốc, tổ trưởng, anh em thợ thì đòi đủ thứ. Không chơi đẹp với họ là không xong, nằm đấy suốt tháng mà nuốt nước bọt. Ngoài ra còn tiền nhà, tiền điện, nước, hai vợ chồng làm cật lực nuôi một đứa con nhỏ mà vất vả, tằn tiện qua ngày. Khó nhất là mỗi khi ốm đau, con quấy quả, bên nội, bên ngoại có việc hiếu, hỉ có lúc không biết sờ vào đâu, vợ chồng chị phải chạy vạy giật tạm, hoặc vay lãi. Anh vẫn bảo chị: *Nhà mình có khó khăn nhưng còn đỡ hơn nhiều nhà khác.* Chị cũng hiểu như thế, nhưng chị không phải là con người cam chịu. Ở Thanh niên xung phong chuyển ngành về xí nghiệp cơ khí tỉnh, vì không có nghề nghiệp gì nên chị phải làm lao động phổ thông như thu dọn nhà xưởng, quét tước, khuân vác và khi cần thực thi các việc sai vặt của quản đốc phân xưởng. Nhưng chị không cam chịu như vậy. *Cũng là một kiếp người* là câu nói đầu lưỡi của chị. Bằng vừa làm vừa học, bốn năm sau chị đã là thợ tiện bậc ba và cứ vài năm một lần thì tay nghề chị lại được lên bậc. Đùng một cái chị cùng chung số phận của hàng trăm công nhân nhà máy, bị mất việc làm vì nhà máy đình đốn, không có khách đặt hàng. Đất nước thì mở cửa, nhà máy chị thì đóng cửa. Một lần nữa chị lại trồi lên. Gửi con vào nhà trẻ phường, chị lên ga đón mua hàng trên tàu trong Nam ra. Có gì mua nấy, khi là hoa quả, bia, thuốc lá, khi là gạo, mỳ ăn liền... Lúc đầu mua về chợ thị xã bán lẻ, sau dần dần mua đấy bán đấy. Thoát ra khỏi căn phòng chật hẹp lao vào cuộc sống thương trường, chị tái xuân thật sự. Hai má lúc nào cũng rừng rực hồng như đang say, cặp mắt đen, mi dài vốn đượm buồn cũng long lanh ươn ướt. Từ mua đón ở sân ga, được người mai mối chị trực tiếp giao dịch với lái tàu. Có lần họ giao cho chị lô hàng ngót chục triệu đồng mà không cần giao kèo, thế chấp. Chị thanh toán với họ sòng phẳng sau khi bán hàng. Làm ăn bận rộn như thế nhưng chị vẫn cố thu xếp chiều chiều đi đón con ở nhà trẻ, về lo chua đáo cơm nước cho chồng con. Nếp sống trong nhà đã thay đổi từ khi chị mượn được người cô họ lên giúp việc. Rộng chân, chị bắt đầu theo tàu vào Nam ra Bắc. Có khi biền biệt cả tuần. Mọi thứ ve vuốt bờm xơm, nịnh nọt trên tàu chị đều vượt qua được hết. *Sách* của chị là *lấy độc trị độc.* Thân với mọi người đàn ông mà họ muốn dính với chị, ban phát cái nhìn và nụ cười ưu ái cho tất cả họ để họ canh chừng lẫn nhau. Anh đàn ông nào cũng tưởng chị là của riêng mình và phải bằng mọi cách bảo vệ chị, không để cho kẻ khác giành giật chị. Chị thấy cuộc đời không phải như gia đình chị, quê hương chị, hay hơn nhiều, hấp dẫn hơn nhiều. Chị đã thề trách mình, trách chồng. Tuy vậy, chị

vẫn cố giữ thân. Nếu không có chuyện xảy ra sau đây thì chị vẫn còn là chị. Hôm ấy tàu ra đến Quảng Bình thì mắc lũ. Hai ba ngày nằm chờ nước rút, chị bị cảm lạnh, đau bụng đi ngoài. Người ta bảo đấy là bệnh tả. Chị lo lắm và ai ai cũng lo cho chị. Hùng là thợ lái tàu, anh có tầm vóc lực sĩ và đẹp trai. Mỗi lần chị lên tàu, Hùng dọn nơi nghỉ của anh cho chị mượn, còn anh thì nghỉ chung buồng với anh em thợ máy. Chị là khách của cả kíp thợ. Trong quan hệ Hùng luôn luôn giữ đúng mực, không bao giờ tán tỉnh, cợt nhả chị.

Ở đây, tất cả đều là đàn ông, không có ai cùng giới nên chị phải nhờ Hùng xoa dầu đánh cảm cho chị. Anh làm việc ấy ngượng nghịu, vội vàng, hai tay run lật bật. Đêm ấy mọi người phải đi kiểm tra đường tàu và góp sức cùng cảnh sát bảo vệ tàu, trở về đầu máy ai nấy đều mệt phờ, đặt lưng xuống là thiếp đi ngay. Chị khỏe lại rất nhanh, trong giấc ngủ mê mệt chị nằm mộng thấy những con rắn rất to bơi trên mặt nước đang lao vào người chị. Hùng ở dưới đường vừa leo lên toa đầu máy nghe tiếng chị hét thất thanh, anh đẩy cửa phòng chị bước vào:

- Chị Tầm, có chuyện gì thế?

- Cứu tôi...

- Chị mơ à?

Anh đặt tay lên trán chị thấy mồ hôi ướt đẫm. Trong ánh sáng nhờ nhờ từ thị xã hắt lại qua cửa kính, anh thấy áo xống của chị như bung ra tất cả. Có lẽ nóng quá và mệt mỏi chị đã kéo tung ra mà không biết. Hùng ngồi ghé xuống mép giường, lấy khăn gối lau mồ hôi trán cho Tầm rồi lau xuống cổ, xuống ngực chị, Tầm nắm lấy tay Hùng và giữ chặt ở giữa ngực...

Cuộc đời bắt đầu thay đổi từ giây phút ấy. Chị đã cố cưỡng lại số phận, nhưng đã không cưỡng lại được sự cám dỗ tầm thường, cay đắng hơn là chị đã chạy theo cám dỗ ấy. Dù nếu chỉ có thế chồng con chị cũng chưa đến nỗi hoàn toàn mất chị. Cái chính là sau đó, chị đã không tự hứa mà còn dấn thêm vào những lỗi lầm không thể sửa chữa được. Chị quyết làm lại cuộc đời, kiên quyết dứt bỏ tất cả tình yêu và đạo lý, vứt bỏ tất cả những gì mà chị đã từng vun đắp, nâng nhấc để đi tìm cái ngoài tầm tay chị. Nhưng mọi sự mê muội rồi cũng phải tỉnh lại, mọi sự say đắm chợt đến rồi cũng đến lúc chán chường. Dù ngoài yêu thương còn có quý mến chị, nhưng Hùng không thể bỏ con tàu, bỏ vợ con ở thành Nam sôi động. Còn chị? Ngay cả khi chị đã thuộc về Hùng vẫn còn bao nhiêu người đàn ông vây ráp chị. Cũ đối với Hùng nhưng mới đối với họ. Một người đàn ông rồi lại một người đàn ông khác dang rộng cánh tay đón chị, đưa chị đi Nha Trang, Sài Gòn, Vũng Tàu, Đà Lạt cho đến khi những khâu, những chỉ tuột ra khỏi hầu bao của chị

thì họ chia tay chị. Chị như miếng mỡ rán đến cho tóp lại thì họ vĩnh biệt chị không một giọt nước mắt, đúng ra là họ trốn chạy, bỏ chị trên đường đời, bơ vơ với quê người. Một người bạn giang hồ nghe dòng tâm sự của chị đã nói với chị:

- Tao chẳng có gì để mà mất để mà đi tìm. Còn mi, mi đã có tất cả nhưng mi đã giũ bỏ tất cả để đi tìm cái không có. Khổ thế. Ước gì tao có một người chồng, một đứa con, một căn nhà nhỏ như mi.

- Bây giờ mày bảo tao phải làm gì?

- Về!

- Về đâu?

- Nơi mi đã từ đấy ra đi.

- Liệu có quá muộn không?

- Biết thế nào là sớm hay muộn. Nếu là mi, dù phải chết dưới chân chồng con tao cũng trở về với họ.

Để mặc cho hai dòng nước mắt chảy như suối, Tầm gục đầu xuống hai gối nghe bạn nói.

- Liệu họ có còn yêu thương tao nữa không?

- Chỉ biết rằng mình đã nhận lỗi lầm, mình vẫn yêu thương họ. Có lẽ trong tháng năm vừa qua có lúc mi đã quên như họ chưa hề có trên đời này và có lúc mi đã oán trách họ, căm giận họ, nhưng có lẽ chưa bao giờ họ bước ra khỏi trái tim mi. Có phải hiện thời mi đang nhớ thương họ, đang cầu mong được nhìn thấy họ, dù chỉ chốc lát, thế thì cứ *nhào dô* còn mắc mớ chi nữa.

Tầm nhìn thẳng mắt bạn:

- Trời ơi, sao mày giỏi, tài tình thế, mày đã đọc được từng ý nghĩ trong tao.

Nói rồi chị gục vào vai bạn mà khóc nức nở. Bạn chị lại nói:

- Tao lớn lên chẳng biết bố mẹ là ai. Đi làm qua bao nhiêu nhà chủ là bấy nhiêu lần qua tay ông chủ và cũng từng bấy nhiêu lần bị bà chủ quẳng ra đường. Tao chỉ cần có một thằng đàn ông yêu thương tao, coi tao như một người vợ đúng nghĩa của nó, thì dù cả đời làm nô lệ cho hắn tao cũng vui.

- Có lẽ mày chưa được làm vợ...

- Đúng, nhưng tao đã thấy rất rõ thế nào là vợ chồng. Không có cặp nào trọn vẹn, nhưng vẫn là vợ chồng. Không có sự chung đụng nào của một thằng đàn ông với một con đàn bà như tao với mi hơn được vợ chồng.

Cứ thế, người bạn gái giang hồ bằng tuổi chị đã dạy bảo chị, khuyên can, đe nẹt, mắng mỏ và cuối cùng còn những gì là của nả chị ta san sẻ cho chị và đẩy chị lên chuyến tàu Thống Nhất.

Vào nhà tắm trút bỏ hết quần áo, mở hết cỡ vòi hoa sen cho nước ấm xối xả xuống người như chị muốn tẩy rửa tất cả những gì là dơ bẩn, lầm lạc. Ra khỏi nhà tắm với tấm thân để trần, chị đứng trước gương ngắm lại mình. Có già hơn mười năm trước một ít, đôi mắt đã có thêm những nếp nhăn, ngực hơi chảy, nhưng chị thấy mình là người đàn bà còn nhiều ma lực. Có lần chồng chị đã la lên: *Ôi, trời ban cho anh* Hùng và những người đàn ông khác cũng đã kêu trời lên khi được nhìn chị như thế này. Bận bộ bà ba đen và khoác bên ngoài chiếc áo len màu xanh da trời, chị thấy mình đã là một người khác, xinh đẹp hơn. Má và môi lại hồng lên, cặp mắt đen lúng liếng, hàng mi dài thần diệu khêu gợi đến mê người. Chị làm tất cả những việc ấy theo thói quen. Đi đâu bây giờ? Lại đến trước ngôi nhà ấy mà rình mò, đón đợi ư? Ôi, con tôi nó đã lớn đến chừng nào rồi? Con có còn nhận mẹ là mẹ của con nữa không? Ôi, anh Nguyên, từ ngày sống với nhau, em đã làm được những gì cho anh? Chưa, chưa làm được gì đáng kể mà phần nhiều dựa vào anh. Đứng núi này trông núi nọ. Đứng ở góc độ nào cũng tự thấy mình kém cỏi, không dưới một lần em thầm trách anh đần, không biết làm kinh tế, em muốn tung hê tất cả, làm lại từ đầu vì em đã giũ bỏ tất cả những gì đã vun đắp để đến nỗi chỉ còn hai bàn tay trắng, phải đi tìm lại cái mình đã có. Trời ơi, liệu chồng con tôi có tha thứ cho tôi? Lại còn người đàn bà góa bụa, nhân đức kia nữa. Cô ta đã đón lấy tất cả những gì mình bỏ đi và bây giờ cô ta đã có tất cả. Còn mình, mình thèm được như cô ấy, ước gì lấy lại được những gì mà mình đã giũ bỏ...

Chị khép cửa bước ra đường phố với nỗi lòng cay đắng, bề bộn, đầy dằn vặt.

Chị tiếp tục đi tìm cái đã có. Tội cho thân chị, cái đã mất làm sao có thể lấy lại trọn vẹn, chỉ có thể làm lại từ đầu với cái giá đắt hơn - cái giá của sự bội bạc.

Đêm đã xuống, những cặp vợ chồng, những đôi trai gái khoác tay nhau đến Nhà hát Lam Sơn. Còn chị, chị đi ngược dòng người ấy, một mình trơ trụi, bơ vơ; những tên đàn ông rửng mỡ nhìn chị thèm thuồng, buông lời chòng ghẹo. Với chị, như đang đi giữa sa mạc, tiếp tục theo đuổi những suy nghĩ, dằn vặt trỗi lên như dông bão trong lòng. Có cái gì dâng lên trong lồng ngực, chị lảo đảo gục vào cột điện đèn bên lề đường, cổ họng như tắc nghẽn, nước mắt trào tuôn...

TRẦN HIỆP



NGUYỄN VĨNH LONG

Thân cát

Đến từ đâu hạt cát
Những bờ cát mêng mông
Xô dạt ngày biển động
Xoá bao vết chân không

Của tuổi thơ, tuổi cát
Biển bao la tiếng hát
Vọng bờ đá lặng câm
Tự ngàn năm, ngàn năm

Cúi nhặt con ốc nhỏ
Nhớ cánh đồng cạn gió
Bao dấu cánh chim bay
Chở cuộc tình từ đó

Sóng bạc đầu nỗi nhớ
Mù mịt trời quê nhà
Sẽ về đâu hạt cát
Khi biển cạn đời ta

Nếu chẳng phải đi xa
Nói chi buồn viễn xứ
Nếu chẳng sống thiết tha
Đời có gì hệ lụy

Thân cát ngày phân ly
Như tình em biển mặn
Ngả vàng theo vạt nắng
Bên trời đông, trời tây

Đưa tay vuốt ngàn mây
Cơn mưa về cố quận
Con dã tràng băn khoăn
Se lòng ai trên cát

Thùy dương buông tiếng hát
Nửa biển trời là đêm
Nửa đời anh mê mãi
Như hạt cát tim em

NGUYỄN VĨNH LONG



NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Nợ đời



Đêm Khang tự tử, tôi về đến nhà hơn bốn giờ sáng.

*

Khu nhà tôi im lìm không tiếng động trừ tiếng cửa nhà xe mở kêu rít âm thanh kim loại va chạm gắt gao, và tiếng máy xe. Những con đường ngoằn ngoèo tôi đi qua trước đó cũng im lìm lặng lẽ với đèn đường vàng tối. Con đường Newport như rộng hơn thường ngày khi tôi bật đèn hiệu quẹo trái chờ nơi ngã tư. Không có xe nào khác nhưng đèn vẫn đỏ một cách ngoan cố. Tôi muốn quẹo trái. Đèn đỏ trước mặt. Tôi rất muốn quẹo trái, một cách mệt mỏi. Đèn vẫn đỏ, sắc màu chói khó chịu trong đêm. Gió thổi hàng cây có lá dài giống lá khuynh diệp lao xao dọc theo đường bộ hành ngăn bởi rào gỗ cách khoảng đường đất dành cho người cỡi ngựa. Tôi muốn quẹo trái. Tôi muốn về nhà dù biết rằng không ai chờ đợi mong ngóng. Tôi muốn an lành trong khung cảnh quen thuộc của riêng mình. Tôi bỏ chân thắng. Xe nhích nhẹ về phía trước, rất chậm. Lấn quá nửa đường, tôi đặt chân lên thắng, nhận ra hàng rãnh cao su bọc chân thắng. Mấy ngón chân tôi ngọ nguậy nóng nảy, giày bỏ lăn dưới ghế. Đèn vụt đổi. Mũi tên màu xanh. Tôi bẻ tay lái, chân ga đạp mạnh một cách giận dữ, tai vẳng nghe tiếng bánh xe

nghiến trên nhựa đường, bỏ lại sau lưng ngã tư vắng lặng. Mắt không nhìn nhưng tôi vẫn thấy đèn đổi vàng rồi đỏ nơi kính chiếu hậu.

*

Jaimie ngước đầu nhìn qua cửa kính, tròng mắt lấp lánh ánh đèn nhà bếp, nhưng tôi biết nó không còn thấy rõ và chỉ dựa vào mùi hơi tiếng động. Tôi mở cửa vuốt ve đầu nó. Jaimie quẫy nhẹ đuôi như đã gắng hết sức rồi thở hắt. Tôi để cửa mở. Jaimie gát mõm nơi ngạch cửa, hướng vào trong nhà. Tôi biết nó muốn vào nhưng không còn đứng nổi, và sức tôi không làm sao khiêng được con chó trên dưới tám mươi cân Anh. Jaimie sắp chết. Bốn chân thấp khớp. Bây giờ tôi chỉ đợi. Jaimie sống với tôi mười ba năm. Đã hai ngày nó bỏ ăn. Tôi đang đợi. Quyết định của tôi.

*

Đêm đứng khựng. Tôi mở tủ rượu không biết muốn tìm gì. Chai Kahlua còn nửa nằm cạnh chai Scotch. Đẩy chai Vodka sang một bên, tôi với lấy chai Cognac nằm sát bên trong chưa mở. Tủ chứa ly bên trên chỉ có ly champange. Không còn ly Cognac nào cả. Những cái ly thủy tinh mong manh dễ vỡ. Tôi lục lạo tủ nhà bếp tìm ly sực nhớ loáng thoáng một đoạn hồi ký Xuân Vũ kể về một nhà văn thích uống rượu bằng cốc pha lê lúc nào cũng mang theo bên mình. Hết ngăn trên đến ngăn dưới, máy rửa chén, tôi tìm tòi khẩn thiết, như chỉ thấy 'cốc pha lê' của Xuân Vũ chập chờn trước mắt. Sau cùng, tôi trở lại tủ rượu, lấy chiếc ly champange màu khói đục đơn chiếc. Cái ly có hình dáng ngộ nghĩnh tôi mua đơn lẻ đâu đó. Bạn tôi đã cười. Ai mua ly lẻ bao giờ. Tôi đã cứng đầu. Mua cho tôi. Thì ra tôi đã không nghĩ đến Khang khi mua một cái ly, đã không nghĩ đến bất cứ người đàn ông nào tôi sẽ có, có thể có. Tôi muốn ích kỷ, đã ích kỷ trong tình cảm, từ lâu, như sợ điều tôi biết, điều tôi đã có và không muốn có nữa.

Gió lạnh ùa thổi qua cửa sau tôi để hé. Ngồi xuống ghế, tôi tiện tay mở truyền hình. 'Cốc pha lê' của tôi với chân cao đầy rượu vàng óng ánh mùi thơm ngát nằm cạnh ly nước lã. Qua cửa mở, tôi thấy ánh đèn vàng con đường nhỏ quanh co giữa bãi cỏ dài xanh mướt. Hàng rào từng thanh sắt sơn màu trắng cách đoạn đều ngăn vườn nhà tôi với bãi cỏ và con đường dạo mát của khu phố sau lưng. Gió thổi bay vèo hàng thông trên cao nữa, mãi tận dốc. Tôi ngồi một lát mới nhận ra đang theo dõi một quảng cáo bán máy tập thể dục. Tôi đổi đài. Thỉnh

thoảng Jaimie thở hắt mạnh. Tôi lắng nghe. Con chó thở nặng nhọc. Tôi nghĩ đến cơn đau thể xác của nó, và nỗi đau lặng lẽ của mình. Tôi nghĩ đến khả năng, giới hạn chịu đựng của mình, của người chung quanh. Và sực nghĩ, còn nỗi đau nào đó của Khang, thì sao?

*

Tôi biết Khang tự tử không phải vì tôi. Khang tự tử vì Khang, cho Khang. Khang không hề tự tử vì tôi cho dù mọi việc có vẻ như vì tôi mà Khang tự tử. Tôi biết Khang rõ đến thế sao? Tôi tự hỏi, trên đường vào bệnh viện, trên đường về nhà. Tôi sẽ phải giải thích như thế nào về một người đàn ông uống quá liều Xanax? Tôi sẽ phải giải thích như thế nào khi người đàn ông ấy gọi tôi trước đó để nói rằng, anh không biết anh đã uống bao nhiêu viên, em có nghe anh nói không? Và tôi sẽ phải giải thích như thế nào khi đã ngồi im lặng nghe tiếng chuông điện thoại, sau đó, reo nhiều lần từng hồi lanh lảnh như biến thành lớn hơn dội từ tường nhà, trên lầu xuống bếp, lồng lộng giữa trống vắng? Ừ thì tôi muốn giải thích với tôi. Với chính tôi. Riêng mình tôi. Những người khác, không ai cần lời giải thích. Họ đã có những giả thuyết, minh định, chối từ hoặc ảo tưởng có được nhờ những tấm slides đã được Khang tình cờ hoặc cố tình rọi chiếu lên khoảng tường trắng một phòng khách nào đó. Không, tôi không có hối hận. Không, tôi không có cả bất nhẫn. Tôi chỉ không bằng lòng khi Khang lựa chọn một hành động vô lý để làm phiền tôi. Một hành động tôi cho là bất công với nhiều người. Có lẽ, Khang cho rằng mười lăm năm có giá trị mười lăm phút. Tôi vẫn nghĩ, mười lăm năm là một khoảng thời gian dài, rất dài, đời Khang và đời tôi.

*

Tôi và Khang, ngày đêm, trắng đen, tối sáng, nặng nhẹ, đàn ông và đàn bà. Ở nhiều chỗ và nhiều chỗ. Giống và không giống. Khác và khác hẳn.

*

Những người có mặt đêm nay, bác sĩ, y tá, y công bận rộn với việc riêng của mình. Phòng cứu cấp, một ngày làm việc bình thường. Những người đợi mặt mày xơ xác bối rối hay lạnh tanh. Kẻ vùi đầu trong tạp chí, người ngơ ngác ngó quanh. Tôi lang thang đi tìm caféteria

nửa đêm về sáng, theo mấy hành lang dài quanh quẩn.

Sàn ướt nước phản ánh nhẹ màu sáng đèn néon trắng sau chân người lao công tạm dừng tay đợi tôi đi ngang. "Bà cẩn thận, sàn ướt!". Tôi hỏi. "Caféteria ở đâu ông chỉ giùm." Ông đưa tay về phía trước. "Bà đi đến cuối hành lang rẽ trái rồi rẽ trái lần nữa, trước khi đến khu giải phẫu bà rẽ phải, caféteria nằm bên trái." Ông chậm rãi hơn, dường như có đằng hắng lấy giọng. "Nhưng giờ này nó đã đóng cửa. Bà muốn gì?". Tôi hơi khựng không hiểu sao ông chịu mất thì giờ chỉ đường để rồi bảo nó đóng cửa. "Tôi muốn mua cà phê." Ông cười xua tay phía sau lưng tôi. "Bà trở lại hướng này, gần khu quang tuyến, bên phải, có mấy cái máy." Tôi cảm ơn, đi ngược trở lại phía cấp cứu nơi tôi đã ngồi gần nửa giờ bên phòng đợi.

Ba cái máy chen nhau trong một khoảnh nhỏ lọt thỏm vào trong tường. Tôi mở ví lục tìm đống cắc lẻ tận đáy vẫn ném bừa vào đấy mỗi khi nhận tiền thối. Một cái hai mươi lăm xu, thêm một cái nữa, rồi năm xu, năm xu, năm xu, mười xu. Ly cà phê chẳng ra gì. Bảy mươi lăm xu. Nút bấm thêm kem. Nút bấm cà phê đậm. Vẫn nhợt nhạt. Chỉ được cái nóng.

Tôi bỏ phòng đợi, nơi đã ngồi chán chê với những nét mặt nặng nề ra ngoài ngồi nơi bệ tường ngắn chắn gần cửa ra vào, phía trên là tấm bảng đèn sáng. Emergency. Tôi nhìn ngắm mấy chiếc xe cứu thương rồi đến những chiếc xe đậu rời rạc ngoài bãi. Xe tôi đậu xa hơn, trơ trọi. Gần hai giờ sáng. Trời đêm hơi lạnh nhưng khoáng đãng hơn không khí ẩm đạm nồng nặc của phòng đợi. Tôi khoanh tay trước ngực sực nhận ra đã quên mặc áo lót. Tôi nhớ đã vội vã lột áo ngủ, vớ lấy sweatshirt xám tròng ngang đầu, vừa xỏ vừa kéo cái quần thun đen vừa nhảy từng bậc thang xuống lầu. Không trượt nấc thang nào, cũng hay. Làm như vẫn từng vừa nhảy cầu thang vừa mặc quần. Tôi ghé ngang quầy bếp tìm xâu khóa, thuận tay cầm theo cái áo khoác đen đang vắt lưng ghế. Xỏ chân vào đôi giày thấp, tôi tông cửa ra nhà xe một cách thô bạo lỗ mãng. Chẳng biết tôi hối hả vì sợ Khang chết hay vì bực bội cơn giận đang hầm hực nóng trong người.

Cô y tá trực đã bảo tôi đợi. Đợi gì tôi không rõ. Hình như đợi Khang tỉnh. Đợi hết đời tôi, họa may.

Ly cà phê phả hơi ấm nơi mặt mỗi khi tôi đưa lên môi nhấp ngụm nhỏ. Mỗi sáng Khang pha cà phê trong lúc tôi sửa soạn quần áo chải tóc. Khang vẫn pha cà phê mỗi sáng cho đến ngày cuối. Như thể đấy là một bổn phận Khang phải chu toàn cho dù thế nào chăng nữa. Như thể đấy là hành động duy nhất Khang nợ tôi, một đời. Ừ. Từng tách cà phê tôi uống mỗi sáng. Từng ly rượu Khang đưa tận tay. Từng ly nước

lã Khang mang từ bếp giữa khuya tận giường. Từng bó hoa Khang gởi vào sở, về nhà, không cần duyên cớ không đợi dịp. Từng tấm cạc hình vẽ xanh đỏ, cạnh những dòng in sẵn, chữ Khang nhỏ nhắn nét cạnh đỏm dáng, kiểu chữ người ta dùng để chép nhạc Trịnh công Sơn, thập niên nào đã cũ đã xa. Từng lần gọi, mỗi ngày, sáng trưa, giọng Khang vui vẻ quá trớn trên điện thoại, anh nhớ em, anh nhớ em. Từng đêm, tay Khang vuốt ve mơn trớn.

*

Nợ? Ai nợ ai? Ai trốn nợ ai? Ai quịt nợ ai? Ai đang trả nợ ai? Đủ thiếu? Dư thừa? Tôi không biết. Không còn muốn biết.

*

Tôi ngồi cho đến lúc bên ngoài có tiếng chân người chạy. Ình ịch. Một người. Hai người. Lưa thưa. Những người siêng năng tập thể dục đều đặn chạy ngang vườn sau nhà tôi mỗi sáng sớm. Từ nơi cửa mở tôi nhìn ra ngoài không kịp thấy người chạy và biết thế nào họ cũng nhìn vào vì ánh đèn nhà bếp qua khoảng hẹp cửa hé lẻ loi nơi dãy nhà còn tối lặng.

Đứng lên, tôi nhận ra mình mỏi mệt. Thật sự. Không phải vì thức đêm. Không phải vì những rối rắm tối qua. Không phải vì nỗi bất lực tôi thừa nhận đồng lõa. Không phải vì gấu ó lời qua tiếng lại của những người bên lề. Tôi mỏi mệt với Khang. Và Khang với tôi. Những điều Khang muốn tôi không thể có dù đã cố gắng hoặc không muốn làm vì đấy không là tôi, và những điều tôi cần Khang không làm sao có được. Với thời gian, con người hằn nếp ngang dọc trên lối đi tâm hồn. Tôi không muốn đi qua phần đời còn lại của mình là một người đàn bà chua chát đắng cay. Và Khang không đương nổi vai trò người bạn chân thành cũng như vai trò người tình nồng nàn tôi khẩn khoản đi tìm, muốn có.

Truyền hình đã đổi sang chương trình tập thể dục buổi sáng với cô huấn luyện viên thân hình đầy đặn, giọng nói khỏe và rõ ràng. Một hai. Một hai. Thêm một lần nữa. Một hai. Một hai. Bước tới, tới. Bước lui, lui. Nhịp nhàng theo đúng điệu rock xập xình tiếng trống.

Khang thích tập thể dục. Không biết thật sự Khang muốn luyện tập chi đó hay chỉ để ngắm đàn bà mặc đồ bó sát, vú tưng theo tiếng nhạc, đùi thon chân dài, mông tròn lẳng, và tất nhiên không thích nhìn đến những người bụng nhão, da nhăn nheo, vú xệ tận bụng.

Khang thích mang bình hơi ra biển lặn. Không biết Khang thật sự thích lặn hay thích cái nhìn thán phục của đàn bà mặc bikini nằm phơi nắng trên bãi. Tôi không thích theo Khang vào gym nhưng có thích theo Khang ra biển phơi nắng đợi Khang trồi sụp theo sóng gần bờ cởi chân vịt, tay gỡ mặt kiếng ống thở, cười miệng rộng với hàm răng khỏe. Người bạn lặn té lên té xuống vì sóng biển nhồi dập. Bình hơi ì ạch vác từ bãi biển lên tận chỗ đậu xe, phủi cát rồi nhét vào cốp. Những sáng sớm mặt trời chưa lên gần Corona del Mar, nơi bãi lặn, Crystal Cove, tôi ngồi trong xe quấn mền, tách cà phê ủ ấm trong tay, đợi Khang và nhóm bạn lội ra xa khuất mắt nhìn. Tôi đợi. Uống hết cả bình cà phê mang theo. Mặt trời lên tuyệt hảo. Sóng biển lăn tăn. Tôi đợi và nghĩ đến dứt khoát cùng Khang. Nhưng cũng phải vài ba năm, nhiều tháng, nhiều buổi sáng lạnh co ro, nhiều hừng đông tháng hè, nhiều bình cà phê, tôi mới có can đảm bỏ đi không đợi Khang cười miệng rộng nặng nề từng bước từ biển vào, vòng tay ướt nước ôm hôn tôi để lại vị muối mặn trên môi.

*

Xứng đáng có nghĩa gì tôi không biết. Chỉ biết có thời tôi với Khang yêu nhau. Và có thời không ai muốn yêu ai nữa.

*

Sài gòn trời mưa tôi tìm đến Khang. Đường Yên Đỗ đường Trần quốc Toản rồi đến San Francisco trời mưa, tôi đi với Khang, đại lộ Sunset. Dốc Sausalito mờ phủ mưa phùn, tôi nắm tay Khang. Washington DC cuối năm lạnh khô mốc da Khang ủ tôi trong tay đứng nhìn cây Giáng sinh cao ngất ngưỡng đèn lấp lánh. Reno một khuya nào đó Khang đợi tôi ở phi trường, chuyến bay cuối từ Orange County. Bãi biển Maui vắng lặng không người hai đứa hôn nhau trong tiếng sóng vỗ. Khang yêu tôi trong khi tôi không còn yêu Khang. Tối chập choạng Mazatlan, chân dầm nước biển, môi tôi mặn muối nặng mùi Tequila. Khang yêu tôi như yêu một vật Khang làm chủ. Tôi không còn yêu Khang như ngày xưa đã yêu Khang, thời hai đứa chạy đuổi theo chiếc xe buýt vừa rời trạm, con đường Market vàng ánh đèn sương mù lất phất ướt, tóc tôi ngắn lộ gáy, thở hào hển kéo tay Khang đứng lại, em mệt.

Thời hai đứa yêu nhau đã đi qua. Tôi không thích làm vợ Khang nữa. Tôi không thích những bó hoa Khang gởi vào sở. Tôi không

thích lối chữ chép nhạc Trịnh công Sơn của Khang. Tôi không thích nghe giọng Khang trên điện thoại, trên máy trả lời. Tôi không muốn Khang lay dậy giữa khuya tay giữ ly nước. Tôi không muốn vào bar ngồi vắt chân uống rượu với Khang. Tôi cũng không còn thích ra Corona del Mar nhìn hừng đông đợi Khang từ biển vào hôn tôi mặn mùi nước biển. Không thích tay Khang mần mò tìm kiếm gì đó trên người tôi giữa đêm.

Lỗi ở tôi, đã biến thành vật sở hữu của Khang. Lỗi ở Khang, đã muốn có nhiều thứ, kể cả những thứ ngoài tầm với. Nếu tôi không còn yêu Khang vì thấy được cái tầm thường nhỏ bé thì Khang chỉ yêu tôi như một sưu tập không ai có quyền có trừ Khang ra. Tôi không muốn là một trong nhiều sưu tập của Khang. Tôi không trách tôi đã từ chối điều đó.

*

Tôi gọi Sean.

- Anh có thể giúp tôi chuyện này được không?
- Chuyện gì?
- Đưa Jaimie đến phòng mạch thú y gần đây.
- Ngay bây giờ?
- Ừ, ngay bây giờ.
- Cho tôi năm phút.

Những người bạn, của tôi và Khang, chia phe rã bầy. Sean là bạn tôi, vẫn đứng về phe tôi, vẫn bênh vực tôi mặc Khang có lúc ghen tuông vớ vẩn. Những người khác, im lìm lặng lẽ.

Nhà Sean cách nhà tôi hơn dặm đường. Chưa đầy năm phút Sean đã bấm chuông trước sân. Tôi ra mở, để rộng cửa, dẫn Sean đi ngang qua phòng gia đình đẩy cửa sau chỉ Jaimie.

- Tôi không muốn nó phải chịu đau đớn lâu hơn.

Sean quì một chân đưa tay vuốt nhẹ đầu Jaimie.

- Đã đến lúc mình phải đi thôi.

Sean cũng đang đợi tôi quyết định. Về Jaimie. Sean quấn mền quanh Jaimie rồi ẵm nó để vào băng sau xe. Tôi ngồi cạnh Sean nhưng tay trái vòng ra sau gải nhẹ đầu con chó. Mũi Jaimie nóng hầm. Con mắt nhấp nháy tin cậy.

Tôi có hẹn trước. Mọi việc xảy ra nhanh chóng. Một mũi thuốc tiêm nơi đùi. Tôi giữ đầu Jaimie trong tay mình. Ánh mắt tin cậy Jaimie đặt nơi tôi. Không cựa quậy. Chỉ có thở hắt một lần. Nước mắt đọng đầy. Mắt tôi.

Sean lái xe lòng vòng tôi không biết Sean đi đâu cho đến lúc Sean bảo.

- Vào đây tôi mua cho ly cà phê sữa.

Quán cà phê chật hẹp ở Tustin Marketplace thỉnh thoảng tôi với Sean vẫn vào sau khi mua vài tạp chí ở North Star, rồi mang tách cà phê ra sân ngồi đọc với nhau. Lần này tôi không ngồi bàn bên ngoài mà ngồi quầy sát cửa kính nhìn ra ngoài. Vài người tò mò nhìn nhưng tôi vẫn mặc, nước mắt từng giọt dài lăn trên má. Sean mang tách cà phê sữa nóng tôi vẫn thích để trước mặt rồi không nói không rằng dúi đầu tôi nơi bờ vai rộng vỗ nhẹ mấy cái rồi buông. Tôi ậm ừ nơi vai người bạn quen biết đã lâu.

- Tối qua...

- Tối qua?

- Ừ tối qua.

- Chuyện gì tối qua?

Tôi thở hơi dài. Ừ, chuyện gì tối qua?

*

Khang có lúc mở mắt nhìn tôi.

- Em hả?

Tôi gật.

- Ừ, em đây.

Khang vẫn trách móc tôi không bao giờ dạ với chàng. Tôi cũng trách móc tôi, một chuyện nhỏ, rất nhỏ, vẫn không làm sao làm được với Khang. Điều đó chỉ có nghĩa, tôi không phục Khang, về bất cứ điều gì. Tôi đã xem thường Khang một cách vô tình, từ đầu.

Tôi nắm tay Khang. Bàn tay thường ngày ấm áp nhưng hôm nay có phần lạnh lẽo rũ liệt. Khang nhắm mắt rồi mở mắt, nhìn tôi nhưng có lúc không định thần, lờ đờ mệt mỏi. Khang nói, đứt khoảng, ậm ừ.

- Anh xin lỗi... anh buồn quá, anh không biết anh làm gì nữa.

Giọng nói của tôi đục trầm.

- Thôi, đừng nghĩ gì cả. Đâu có lỗi phải gì ở đây.

Tôi nói không suy nghĩ, đầu óc trống rỗng đến độ bâng quơ. Tôi chỉ biết rất rõ tôi không biết nói gì với Khang bây giờ, khi nhìn Khang nằm yếu đuối, nước biển nhỏ giọt chậm. Khang tôi vẫn biết, người đàn ông ghét kim tiêm, ghét nằm bệnh viện, ghét lời an ủi, ghét sự mũi lòng.

Khang lại nói.

- Cho anh xin lỗi đã làm em buồn.

Mấy ngón tay Khang chợt xiết nhẹ bàn tay tôi. Không rõ tôi tội nghiệp hay tôi xúc động. Đâu đó trong tôi, tình cảm và lương tâm muốn nắm tay giải hòa. Phải chi Khang nói câu đó, một cách thành khẩn, ở một lúc khác, cách đây vài năm, có lẽ đời tôi đã đổi khác. Trong tôi bây giờ, có xúc động nhưng đấy không còn là thứ xúc động biến đổi đời người nữa. Không còn nữa. Và đó là một điều đáng tiếc.

*

Sean nói.

- Tối nay đi chơi với tụi tôi nghe.

- Đi đâu?

- Hỏi làm gì. Cứ đi thì biết.

- Có lẽ tôi không nên đi đâu cả.

- Nằm nhà để tội nghiệp lấy thân, phải không?

Sean đưa khăn quẹt nhẹ bên dưới đuôi mắt trái của tôi, nói tiếp.

- Đôi khi, ích kỷ chỉ nghĩ đến thân mình, lo cho thân mình, lại là một hành động cần thiết đúng lúc.

- Tôi không muốn nghe những câu tụng niệm, những lời khuyên, những an ủi, săn sóc... trong lúc này.

Sean nhún vai.

- Thì thôi.

Rồi nhìn bâng quơ, nói tiếp.

- Mặc cảm tội lỗi là thứ dễ làm dễ gây nhất, cho người khác.

Tôi cười nhẹ, nhìn Sean qua cặp mắt ướt nước của mình, đưa một ngón tay đe dọa.

- Đủ rồi. Tôi vẫn nghe anh từ mấy năm nay. Làm ơn im mồm cho tôi nhờ.

Sean giữ ngón tay của tôi, nét mặt nghiêm trọng.

- Để tôi tìm con chó khác cho cô.

Tôi cười, giọt nước lăn chậm trên má.

- Tìm cho tôi một người đàn ông khác, có lẽ đáng làm hơn.

Sean nhìn tôi như vừa sực thấy.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

1/99



ĐỨC PHỔ

Thư nhà

Mẹ bảo bao đêm hồn nhuốm lạnh
chuyển mùa mưa bão rớt lê thê
tuổi hạc, mây bay chiều tóc úa
thương đàn con lạc bước chân quê.

Chị bảo mai không nở kịp Tết
em không về kịp pháo đơm nêu
tháng giêng vẫn đợi hương trầm cũ
câu thơ khai bút chị còn treo.

Em nói đông xuân làng Phụng úa (*)
nước mặn tràn qua đồng. Thiên tai
gạo không tròn hạt, nếp thành lúa
đón Tết chạnh buồn nỗi-giêng-hai.

Bạn nhắn làng ta còn dăm đứa
sống. Chỉ như thây đã chết rồi
đón Xuân rượu đế không đầy xị
mà vẫn yêu mê chuyện đổi dời.

Làng xóm lạc loài câu mái đẩy
lửng lơ tiếng giã gạo đêm mùa
én về quên lượn, chiều quay quắt
mây chảy không trôi mấy dặm nhà.

ĐỨC PHỔ
Xuân 99.

(*)Trước năm 1975,làng Phụng thuộc quận Vinh Lộc, Thừa Thiên)



LÊ MINH HÀ

Những gặp gỡ không ngờ



Tất cả tề tựu quanh nồi lẩu. Nhưng bữa lẩu đã vào lúc thoái trào. Chủ nhà chồng với tay vặn nhỏ bếp hạ nhiệt nồi nước dùng đang sôi âm ỉ. Chủ nhà vợ đưa đũa thoăn thoắt vun những tôm những mực những rau vào một khay cho gọn, miệng giục giã theo thói quen hiếu khách: "Mọi người ăn đi chứ! Sao chưa chi đã buông bát buông đũa thế?"

Anh là người buông đũa đầu tiên. Lúc này anh đang châm điếu thuốc thứ ba. Vừa đẩy chiếc bật lửa ra giữa bàn anh vừa thủng thẳng: "Kể ít tiền mà thỉnh thoảng được tụm năm tụm ba với nhau cũng khoái. Chứ cái hồi phong trào bán thuốc đang liên tục phát triển thì giờ này còn đang "bitte schon" (1) ở trên từng cây số chứ đâu thảnh thơi thế này..."

Những người khách của chủ nhà cùng hướng về anh. Cùng là dân Việt, nhưng với người làm ăn bên Tây Đức, buôn thuốc lá lậu là đề tài quen nhưng ít ai biết tới đầu tới đũa. Một anh tò mò nhìn người vừa nói: "Anh trước làm gì ạ?"

Anh cười. Gương mặt trắng trẻo, hàm râu quai nón cạo nhẵn, vầng trán không vết nhăn. Nói chung đầy vẻ trang trọng trí thức. Nhưng một chiếc răng lại rơi mất đâu đó trong một dịp vui nào đó làm

cho gương mặt anh biến đổi rất buồn cười. Có một cái gì đó vừa trẻ thơ vừa ngộ nghĩnh chẳng ăn nhập gì với vẻ từng trải thực có ở anh.

- À... Ý cậu định hỏi trước mình có bán thuốc không chứ gì? Bán chứ! Tỵ nạn bên Tây mới dễ sống. Chứ bên Đông Đức này chỉ trông vào đồ ăn sẵn với tiền âm phủ nó phát hàng tháng để tiêu vặt thì có mà treo lưỡi. Khổ nỗi mình bị giời quên. Gốc Nghệ hẳn hoi nhưng ông cụ bà cụ lại tính tang tình tang với nhau ở Hà Nội, tòi ra mình ở Hà Nội, nói đúng giọng ba sáu phố phường, thành thử mấy ông đồng hương "thường thôi quê Bác" nhất quyết không tin, không ưu tiên chỗ tốt. Thế nên chẳng làm sao áp dụng được chuyên môn cũ vào lĩnh vực làm ăn mới cả.

Xung quanh cười ồ. Tôi cũng phì ra cười. Quen nhau, đã biết đủ dùng về nhau mà không hiểu sao tôi vẫn không thể nghiêm trang mỗi lúc anh nói anh cười với cái miệng mất răng. Anh là bậc đàn anh của tôi ở Nga nếu xét về thâm niên cống hiến cho nhân dân xô viết. Anh học ở Nga trước. Chín năm là sinh viên rồi nghiên cứu sinh ngành Kinh tế Chính trị học ở đó. Kiêm bán áo gió đặc sản Khâm Thiên Hà Nội và sau đó là đủ thứ đặc sản khác của đất ngàn năm văn vật. Vượt sang Đức qua đường Ba Lan. Nhập trại ở Brandenburg. Và nhập thẳng vào đoàn quân Việt Nam chung lòng bán thuốc lá lậu. Có điều bản mặt của anh đã hại anh. Tôi không biết chuyện bán buôn hồi ở Nga của anh có thật không. Nhưng đi bán thuốc anh không làm sao tranh khách được với đồng hương nước Việt. Ngày nào cũng ôm ngần ấy thuốc đi rồi ôm gần ngần ấy thuốc về. Cùng cả tiểu thuyết. Trong khi ai cũng dáo dác nháo nhác vờn khách vọt Polizei [(2)] thì anh xù xù một cái bu dông bẽn lẽn và ngượng nghịu nhìn người qua lại, rồi tối lại bẽn lẽn và ngượng nghịu về chịu trận cười của mấy cậu cùng phòng. Nếu không có mấy cậu lính Nga đi tìm nguồn tiêu thụ thuốc được cấp phát thì không biết anh sẽ sống thế nào trước khi trở thành cai thuốc thứ thiệt chuyên bán buôn cho bà con mang đi phục vụ từng người dân Đức. Nhưng anh ít nói về chuyện này. Cũng giấu biệt người không quen cái tích bán thuốc cho Tây không nổi lại còn đi nhận bán sách cho ta. Anh thích kể những chuyện bán thuốc trên đường phố Berlin. Cứ làm như người thạo lắm.

"Các ông bên đó làm hãng. Sáng đi chiều về. Cuối tuần dong ruổi Autobahn thăm nhau. Lại có chế độ đãi ngộ đàng hoàng. Lại có tiền đóng bảo hiểm cho mình từ đầu tới đít. À... ừ, từ cả đó tới gót nữa. Mà không đi làm hưởng trợ cấp xã hội thì trợ cấp cũng ra trợ cấp. Rồi lại làm chui trốn thuế. Thành ông bà chủ quán mấy hồi. Chứ còn bên này... Có phải cứ bán thuốc là thành maphia thành "Bố già" được đâu.

Bố khỉ! Trước mình học ở Nga. Có năm chơi toàn điểm năm, xin được sứ quán sang Đông Đức thăm thằng bạn cũng là sinh viên. Cứ tưởng thiên đường là thật. Dân Đức hồi ấy sao mà tử tế thế không biết. Vậy mà đánh đùng một cái họ nhìn mình như quân thù quân hằn. Dân mình có buôn thuốc lậu cũng là vì dân họ muốn mua lậu chứ. Đúng luật cung cầu. Thế mà họ đuổi họ chửi. Công nhận người Việt mình chịu khổ chịu nhục giỏi. Các ông hình dung mà xem! Trời mùa này, lạnh dưới âm, sáu giờ sáng con cháu vua Hùng đã nai nịt xong để xuống đường. Thuốc buộc vào người. Thuốc lèn vào túi. Thuốc nhồi ba lô. Đứng ngoài trời cả ngày, ngón chân sưng cóng tưởng mất hết cảm giác, nhưng bước một bước thì cứ gọi là buốt óc. Mặt thì đăm chiêu. Mắt thì nhớn nhác. Miệng thì liến thoắng "bitte, danke"(3). Không cần nhiều. Chỉ cần nói ngọng được hai từ đó thôi. Với các con số nữa. Dân mình công nhận có khiếu ngoại ngữ. Chính mắt tôi nhìn thấy có cô sau hai buổi chiều đi bán thuốc về đếm tiền bằng tiếng Đức nhoay nhoáy ai xờ vai đờ dai(4)..."

... Anh cứ nói tưng tửng. Xung quanh cười bò lăn bò càng. Lần nào anh cất tiếng cũng vậy. Chẳng ai biết ông này đùa hay thật. Mấy ông khách từ Tây Đức sang cứ mắt tròn mắt dẹt dán vào cái miệng mất răng của anh. Cả tôi. Cả những chiến binh còn tại ngũ trong đoàn quân bán thuốc. Cứ dỏng tai lên và cười như chuyện ai. Nghe một người mô tả về mình, mới bật ngửa là hóa ra mình vẫn nghĩ về mình y như thế. Tự dưng thấy cuộc sống lem nhem bôi bác quá. Thấy xót xa cho mình. Nhưng ý nghĩ này đã làm tôi để lạc câu chuyện của anh. Có điều gì mà dân tình cười sôi sùng sục...

"Mình chạy. Chạy nhé. Mà không được đánh xa tay lấy đà. Hai tay đút trong túi bu dông, ghì chặt. Sao cho thuốc khỏi rơi. Đàn bà con gái mỗi bận chạy thế này là cơ cực lắm. Vú mình thuốc mình, lúc đó lấy ai ôm hộ. Một thằng oắt giơ chân ngáng. Mình ngã sấp. Vùng dậy. Chạy tiếp. Chẳng cần biết chạy đi đâu. Thì dân mình ở đâu chẳng thế. Đi đâu làm gì từ lâu rồi không còn là câu hỏi siêu hình với dân mình. Thái dương tưởng vỡ ra. Bọn Tây đi hùng hục trên phố thằng nào cũng ngoái cổ. May. Chắc toàn những thằng cần tới mạng lưới phân phối thuốc lá của dân Việt mình. Không có thêm thằng mất dạy nào ngáng cẳng. Đúng vào lúc mình tưởng gục thì nghe có tiếng gọi "vào đây vào đây đồng chí". Ta - va - ris. Tiếng Nga. Trời đất. Thật sự là mê giữa ban ngày. Xế bên đường, ngay trước một Kios báo chí, một tay người Á đang khua cả hai tay lên trời: "Vào đây! Vào đây!" Cậu bảo chọn lựa

gì nữa. Mình đâm thẳng vào đó, rút tay, giật dây, thuốc rơi lổng chổng. Ngực lại lép như dân Việt bốn ngàn năm nay vẫn lép. Quăng nốt cái ba lô. "Xì - pa - xí -bờ!" (5) Nhào ra. Chạy tiếp một đoạn. Rẽ trái. Chậm dần. Rồi đi thủng thẳng thở vào hít ra thật thanh thản ung dung cho khỏi vỡ phổi. Giờ đó thằng cha con mẹ cảnh sát nào chặn mình cũng vô can. Rồi mình thủng thỉnh quay về xem cái phố đó có tên gì. Gần tối thì mình quay lại cái kios bán báo đó. Xin lại thuốc. Xin trả ít tiền. Cái lòng người ta dám liều vì mình... trả ít hay trả nhiều thì cũng vậy... Không trả nổi... Ông chủ quán nhất quyết xua tay. "Không! Tôi giúp đồng chí thôi! Vô sản thế giới liên hiệp lại!" Ông ta nháy mắt cười rạng rỡ. Da trắng... như dân mình. Mắt xếch. Gò má bẹt. Miệng gọn. Mặt tròn. Đúng kiểu người Mông Cổ. Ừ. Quân Nguyên đấy. Nhưng lần này cái ông có khi là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn kia đã hoàn toàn chinh phục mình. Ông ta đóng Kios, mặc áo khoác, chỉ cho mình cái ba lô và hai túi thuốc mình xổ ra hồi chiều dúi dưới quầy, cầm số tiền mình đưa, đẩy mình sang quán cà phê bên đường. Bọn mình ngồi ở đó cho tới tận lúc chị chàng hầu bàn nguẩy mông nguýt mắt ra ý đến giờ quán đóng cửa. Nói bằng gì à? Tiếng Nga. Ông ta nói tiếng Nga như nói tiếng Mông Cổ. Nói về cái gì à? Thì về những người như bọn mình như ông ấy ở Đức này. Về Mông Cổ Việt Nam. Về nước Nga. Ông ta từng sống nhiều năm ở Nga. Ông ta là ai à? Phó Tổng biên tập tờ Quân Đội Nhân Dân Mông Cổ. To chuyện đấy chứ? Mình và ông ấy cười thỏa thích cả tối đó. Thế nào mà ở Mông Cổ nhà ông ấy cũng thịnh hành vô khối chuyện cười như ở nhà mình...

- ?

- ?

"Các cậu cũng phải biết mấy cái chuyện đó chứ? Chuyện vô sản thế giới...? Không biết à? Hai ông Liên Xô Trung Quốc uỵch nhau tranh đất. Mấy cụ Mác Lê bữa đó rời thế giới người hiền ngao du. Đi mây về gió, thế nào lại qua đúng chỗ các con giời đánh nhau, các cụ từ trên cao ngó xuống thấy thế mới hét "Vô sản thế giới buông nhau ra!" Mình ngờ nguyên bản chuyện này là từ mấy anh Nga. Mấy anh Ivan nhìn mặt thì vừa lành vừa ngố nhưng cười đểu ra phết..."

... Tất cả lại cười. Anh châm một điếu thuốc nữa, nhếch môi:

- Thế nhưng cái ông nhà báo Mông Cổ ấy cứ nhắc đi nhắc lại chúng ta là đồng chí chúng ta giờ là vô sản. Vô sản thế giới phải liên hiệp lại. Và ông ấy cười. Nói thật là mình không tả được cái cười đó. Tươi lắm. Dân Mông Cổ trông dữ vì gò má bành mắt xếch ngược nhưng cứ cười lên thì trông khá là hiền. Có điều miệng ông ấy cười

nhưng mắt ông ấy thì... Ông ấy trước học báo chí ở Nga, làm phóng viên thường trú ở Nga, về Mông Cổ được điều làm sếp nhỡ ở báo Quân đội nhân dân. Về hưu, sống chật vật, lương ít, vợ làu nhàu cấm cảu... Thì cũng y như các cụ ông cụ bà đến tuổi nhàn ở nhà mình. Ông ấy bảo tại là mình lương thiện quá. Nghĩa là ngu. Sang Đức là theo sự thu xếp của thằng con thứ không thích học trước đi xuất khẩu lao động sau không chịu về. Nó lấy một cô Đức nhưng ba phần tư máu trong người là máu Trung Á hồi hương sau khi nước Đức thống nhất. Nó đứng tên mở cho ông già cái quán bán báo. Ông ấy bảo mình thế là vừa giữ được truyền thống du mục vừa theo đuổi được nghề nghiệp cũ. Viết báo hay bán báo chẳng qua là báo bổ chứ gì nữa..."

... bà các cô đã tự động rời mâm vào bếp giúp bà chủ nhà thu dọn. Đám đàn ông cũng đã nhảy phốc sang đề tài đổi xe đổi hãng từ lúc nào. Và tiếng nói cười lại càng rôm rả. Anh dụi thuốc, gắp ít bún vào bát: "Ăn thêm một chút không đêm về lại phải nấu mì ăn liền". Chị chủ nhà từ trong bếp bưng đĩa hoa quả chạy ra te tái giục chồng vặn bếp lên, te tái đẩy tới trước anh cái khay đầy đồ ăn vừa được dồn lại: "Anh chờ một tý tẹo cho nước dùng nóng lại!" Anh khoát tay: "Thôi dẹp đi. Mai trần thêm tý bún làm cho mỗi ông một bát khỏi phải bày vẽ gì. Thóc đâu mà đãi gà rừng!"

Tôi nhìn anh. Anh tủm tỉm: "Cái chính là khỏi phí. Hơn bảy mươi triệu đồng bào trong nước còn đang đói khổ..."

Dân tình cười mới ghê chứ. Đủ mọi âm vực. Hố hố. Há há. Ha ha. Hì hì. Ông chủ nhà còn cố ngắc ngứ trong cơn cười: "Tám mươi triệu chứ. Dân số Việt Nam phải tám mươi triệu rồi. Tám mươi triệu người Việt Nam đang đói khổ. Ông này đắc đạo đùa rồi..."

Anh không cười, tay vê vê qủa ớt xanh, nước mắt ràn rụa: "Gớm cái giống ớt chọc trời này mẹ nào mua mà cay thế không biết!"

LÊ MINH HÀ
1. 1999

1: Xin mời
2: Cảnh sát
3: Xin mời. Cám ơn
4: Eins, zwei, drei: 1, 2, 3
5: Cám ơn *(phiên âm tiếng Nga)*



HÀ NGUYÊN DU

Nhân chứng

trói chặt cá tính
ném xuống chất khích thích
vẫn thấy em còn chút từ trường
cả đến thơ lại càng thêm quấn quít

giữ đầu lưỡi giữa hai hàm răng
sợ phát ra lời rẻ mạt
thế giới thường tăng bất an
khôn hồn khi ta ló mặt

mai những dòng sông chảy đi
mai biển đời dung nạp
tiếng mẹ vẫn uy nghi
trên đỉnh trời bão táp

gút lại cõi riêng
giảm máu nóng phấn kích
ta vẫn đẩy ta về hướng tâm
với những hạt nhân xoắn xuýt

mai cát, hồ phân xa
mai đền, đài ai dựng?
lời nào dành ngợi ca
cho mọi nguồn nhân chứng.

HÀ NGUYÊN DU



NAM DAO

Vết bước



Ngần ngừ xoay trong tay chiếc chìa khóa phòng 216, tôi theo người bồi phòng lên cầu thang. Lách qua hành lang mé phải, tôi nhìn số phòng, trong lòng lênh đênh bất ổn. Như khi sắp sửa gặp lại một người bạn cũ sau nhiều năm xa vắng. Liệu nhận ra được nhau chăng ? Câu đầu, nói gì ? Một khoảng trống ồ đến doạ nạt dự cảm, tựa đám mây đang lừng lững ùa về trong một bầu trời ẩm ngột. Bồi phòng bỏ hành lý xuống, chìa tay lấy khóa rồi mở cửa. Anh ta bật đèn, đi thẳng về phía cửa sổ, kéo ra, mở toang mành cửa làm bằng vải thô mầu trắng có thêu hình dăm con chim mỏ dài màu vàng sẫm. Ánh nắng tràn vào. Dưới kia, thành phố trắng trải ra như sữa dưới mặt trời chói chang. Tôi nhét vào tay người bồi phòng vài pesos. Anh ta vui vẻ đi ra, miệng nó *"adios"*, tay đóng cửa phòng lại. Tôi lặng lẽ ngồi xuống.

Này Ernest(1), chắc anh cũng thấy vậy, những năm về trước, ở trong căn phòng này, qua lớp kính của cũng cái cửa sổ này. Chắc anh cũng nghe thấy tiếng trống đập bập bùng, tiếng ghi ta đệm điệu hát Tây ban Nha, âm thanh cuộn vào nhau reo cười. Tôi lên tiếng : "Chào anh, có nhận ra nhau chăng ?"

Khi anh ngửng lên, lắc đầu , tôi đã định bỏ đi. Như thế, anh sẽ

không nhớ lại gì nữa, và chúng ta sẽ chẳng bao giờ có thể gặp nhau. Bước đến ngưỡng cửa, tôi nói với vào :

"... Này, cứ xoay trái xoay phải, lật sấp lật ngửa mãi mà hình như chẳng còn ai có lý lẽ gì nữa trong cái thế giới này ..."

Anh đứng bật dậy, tay nâng ly rhum, kêu : "Ê, đến thì vào chứ ! Ai sống mà chẳng lại không trang bị lấy một câu chào."

Tôi đi lại nhìn chồng bản thảo bừa bộn trên mặt bàn viết. Qua ánh nắng, những sợi râu lởm chởm đầy mặt anh óng ánh bạch kim. Bỏ điếu xì gà ra, anh phà khói, trầm ngâm : "Liệu nó thật chỉ có nghĩa chăng khi ta phải vật lộn để có nó? Như thế lý lẽ sẽ chỉ ở trong sự vật lộn." . Tôi hỏi "... sao lại cần tìm ra lý lẽ ?". Anh ngửa cổ uống một hơi cạn ly rhum:

"Khi anh đứng trên đỉnh cao, tất ở ngay cạnh là một vực thẳm. Lúc ấy, anh sẽ hiểu lý lẽ là chỗ dựa chân. Ngoài nó, là sự hụt hẫng chóng mặt"

Nói xong, anh cười cái cười thật buồn, rồi ngủ thiếp đi.

Tôi vơ vẩn nhìn bàn viết và đống bản thảo. Ơ kìa, hình như anh ta đang sửa lại đoạn kết của "Ông già và biển cả". Anh gạch nát một đoạn, nét bút như kiếm vạch. Tôi đứng lên, đến bên tủ kính, nhìn những khẩu súng đủ kiểu trong bộ sưu tập. Có một khẩu từ thời Nã Phá Luân, báng bóng nhẫy.

Vẫn có tiếng trống bập bùng
Tiếng đàn ghi ta
Còn tiếng hát. Người ta hát :

Aqui se queda la clara (Đâu đây vẫn còn chút ánh sáng)
la entranable transparencia (từ tiếc nhớ cái trong suốt)
de tu querida presencia (qua sự có mặt đầy yêu thương của anh)
Comandante (Hỡi, kẻ chỉ huy,)

Che Guevara

Những người Cuba hát Che Guevara [(2)] bằng tâm hồn con trẻ. Họ nghèo. Đúng ra, họ nghèo hơn từ ngày khối xã hội chủ nghĩa chúi vào nhau sụp xuống như những con cờ domino ngã đổ. Đám Cubano-tự do được mafia ở Miami tài trợ dọa bom vào khách du lịch, nguồn ngoại tệ chính. Chính quyền Clinton tiếp tục cấm vận. Đường mất giá trên thị trường thế giới. Còn xì gà ư, ép cho giá tuột xuống.

Tôi nghe hát, hồi tưởng lại ba mươi năm trước, thủa dán Poster hình Che trên tường và mơ mộng. Hình như tôi nghẹn ngào

nhưng không khóc được.

*

Kéo tôi về phía ba rượu El Florida, Ernest trỏ tay : "... Vào đây đã !" Góc bên kia là Hotel Ingleterra. Bên này, chúng tôi ngồi nhìn ra đường. Từ chiếc ghế phía bên phải quầy rượu, Gregio(3) đứng dậy, miệng móm mém, tóc bạc xòa xuống đến vai, mắt hấp hiếng "... Holà, này Papa, có lẽ đến gần bốn mươi năm rồi bạn biệt tăm hơi" Ernest cười bí mật "... ờ, một sự vắng mặt tạm bợ chứ không phải là mất mát vĩnh viễn." Choàng chiếc áo vét lên vai, Ernest thờ ơ :"Tôi đi luẩn quẩn quanh đây, vớ được thằng bé này. Nó làm như nó có nhiều câu hỏi lắm, ông bạn mách bảo cho nó." Ngón trỏ chỉ vào bàn tay xòe ra đầy vết vàng sỉn khói thuốc,Gregio mau mắn "... Habana nay là ở trong này." Gregio đung đưa đôi chân khẳng khiu, xoay vòng quanh tôi, rồi nhấp nháy mắt, đợi một câu hỏi. Ernest uống một hơi ly rhum, đứng dậy rồi ngoái lại "Cứ ở đây, đợi một lát nhé." Gregio nhướng cặp mắt nhìn. Tôi nói bằng chút tiếng Tây Ban Nha mới học, thật khô, thật sượng : "... Trước, sau, trên,dưới... hình như không ai còn có lý lẽ gì nữa sao ?"

Gregio dơ hai tay lên trời, thở phào: "Bé con, tao chịu. Nhưng ra đây" . Tay kéo tôi lên rồi đẩy về phía cửa vườn nằm cạnh quầy rượu, Gregio lầu bầu: "... tưởng hỏi gì." Trong góc vườn , cạnh cây chuối, một người đang hí hoáy viết. "Này, Louis, anh bạn trẻ này muốn hỏi một câu. Nó lại không nói được tiếng Tây Ban Nha. Ông tiếp nó hộ, tôi mệt rồi, năm nay tuổi đã quá trăm chứ ít gì. Tôi phải theo Ernest, hắn vừa lại vội vàng đi, quên cái mũ cát quét"

Louis đứng lên lịch thiệp bắt tay tôi. Đó là một người gầy gò, mắt đeo kính cận, ước chừng trên dưới sáu mươi tuổi. Ông tự giới thiệu : "Louis Louverture!" Ông cố Louverture sáu đời trước lưu lạc sang Saint Domingue rồi sau đến ở Haiti, cách Cuba khoảng hơn trăm cây số đường biển. Ông là người Pháp, bạn thân của Saint-Just, phải bỏ trốn Paris vì hoạt động cách mạng chống nền Quân chủ thời Louis XVI. Ở Haiti, ông đòi bình quyền cho những người da màu. Tiếp tục bị truy nã, ông lại vượt biển đến Santiago ở phía đông Cuba. Sau khi Cách mạng Pháp thành công, ông hô hào một nước cộng hòa Cuba độc lập. Ông cùng một số người bản xứ cùng nhau triển khai hiến pháp thứ nhất của nền cộng hòa đầu tiên trên châu Mỹ La Tinh, xóa bỏ chế độ nô lệ, tinh thần dựa trên bản tuyên ngôn nhân quyền và quyền công dân năm 1789 của Cách mạng Pháp. Dĩ nhiên, lịch sử thường

chậm chân hơn một số người. Ông bị tử hình năm 1794. Con cái ông lại chạy ngược về Haiti.

Louis chép miệng "... tôi là giáo sĩ, hợp tác với Aristide. Chúng tôi chạy qua Mỹ sau khi bị bọn quân phiệt lật. Từ một con chiên của Chúa, yêu công bình và chiến đấu chống bọn phát xít cực hữu, tôi đã bắt buộc phải đi học sự khôn ngoan của các chính trị gia ở Washington, phương pháp lèn lỏi giữa các thế lực, cách nói dối và thủ đoạn lừa lọc, để cuối cùng đưa Aristide về Port- au-Prince. Nhưng rồi anh ạ, Aristide cũng biến thành một chính trị gia với những tham vọng chính trị, hệt như những nhà chính trị khác. Đám tonton-macoute, tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của phe cực hữu ở Washington, vẫn là một lực lượng vũ trang và chỉ đợi thời cơ chính trị thuận lợi - chẳng hạn như khi đảng Cộng Hòa đắc cử - là lại quay về thao túng. Chúng kết án tử hình một người như tôi, bắn tôi tất cả là 6 lần, trong nhà, ngoài đường, ở văn phòng thủ tướng, trong nghị viện ..."

Louis ngừng nói, gãi đầu, kéo tay áo cho xem một vết sẹo dài hai tấc trên bả vai trái, tiếp : "... Tóm lại, chúng bắn tôi mọi nơi. Aristide im lặng, ngơ đi. Ngơ đi như ngơ những việc trái tai gai mắt ai cũng thấy tận mắt. Dân Haiti nghèo, càng nghèo hơn, hàng ngày miếng ăn không có. Những đứa bé chưa đến mười ba, mười bốn, bán mình đổi lấy nửa miếng bánh mì, cả trai lẫn gái. Nghèo hơn so với thời Papa-Doc và thời Bébé -Duvalier..."

Louis nhắm mắt lại, miệng cười nhạt : "Lời Chúa bây giờ đâu nặng cân bằng một câu bình phẩm của giám đốc CIA ! Vì thế, tôi phải xin tỵ nạn chính trị ở đây ! Thế thì còn ai có lý lẽ gì không là câu tôi không biết trả lời thế nào ? Một nước Haiti dân chủ có pháp chế bảo vệ quyền công dân cho mọi người Haiti ? Nó chỉ có được trên văn bản mà thôi ! Thực tế sẽ không như vậy. Thực tế Haiti được định đoạt ở Washington chứ không phải ở Port- au- Prince. Thực tế đó là thực tế của một nước nghèo lạc hậu. Nó muốn ra sao thì ra, với điều kiện không đi ngược lại quyền lợi của các công ty Siêu Quốc gia, quyền lợi của những kẻ có tiền muốn đi du lịch để mua rẻ tất cả, kể cả thể xác những đứa bé cần sống, và nhất là giữ được một sự ổn định cho cái trật tự toàn cầu mới mẻ này. Thời đại này, trong cái trật tự mới này, không ai cần lý lẽ gì nữa. Ngoài cái mãnh lực của đồng tiền, sự thăng bằng của thị trường bất động sản, và nhất là định tiêu tài chính của các quốc gia trong cách tính toán của những nhà kinh tài ở Wall Street, lý lẽ nữa để làm gì ?"

Louis làm dấu thánh giá, cúi mặt xuống, mồm lẩm nhẩm cầu nguyện. Lời cầu bay không xa, vướng vào cành me ngay trên đầu,

đong đưa dưới ánh nắng chói chan . Rồi rơi xuống mặt đất, nhẹ đến đỗi không đánh thức nổi một con kiến đang ngủ trưa.

*

Đến chập tối, Ernest mới về. Chúng tôi rủ nhau xuống đường. Calle del Osbispo đầy ắp người. Đến công viên trước mặt Thánh Đường, một cô bé con chặn chúng tôi lại, mông đít vênh lên, ưỡn ẹo. Anh ta khoác tay. Chúng tôi vẫy taxi, đi thẳng đến bãi biển Santa Maria del Mar. Gió ù ù. Sóng biển rì rào. Đêm tối thui. Anh lấy cái mũ cát quét thuyền trưởng đội lên đầu, miệng vẫn ngậm xì gà, thỉnh thoảng đầu thuốc lại cháy đỏ lóe. Vẫn chỉ tiếng gió và tiếng sóng. Bãi rộng vắng mênh mang. Về đêm có lẽ chỉ còn đám lính bảo vệ đi lại như rình mò săn một loại thú có thật. Anh bật cười :

"Họ đi săn những linh hồn đi hoang." Anh lại im lặng một lúc rồi tiếp :

"... và khi bắt được thế nào họ cũng đòi chia phần ăn từ thể xác."

Tôi chưa hiểu. Tay chỉ vào khoảng xa thẳm , óng ánh những vì sao, tôi lửng lơ: "kia kìa, linh hồn đấy." Anh cắt ngang "Không thơ thế đâu. Đó là những vì sao. Đợi đi, một lúc sẽ gặp dăm ba linh hồn." Anh đứng dậy. Tôi bước theo về phía tiếng trống bập bùng. Có ánh lửa. Dần dần, nghe đầu gió tiếng ghita. Và tiếng hát Che Guevara.

Không hiểu anh biến đâu vào trong lũ người nhộn nhịp vui vẻ hát hò. Tôi ngồi yên. Mùi biển tanh tanh xông vào mũi. Tôi thọc tay vào cát, lặng lẽ tìm hơi ấm. "Holà !" đứa con gái trạc mười lăm cười. Răng nó ánh lên mầu trắng nhởn. Mùi hăng hắc đàn bà về đêm. Nó ngồi xuống, thản nhiên, miệng nói một tràng dài. Tay nó bỏ lên đùi tôi, vẫn thản nhiên. "Hacer el amor ... amor ... chỉ cần 10 đô la." Tôi bảo sao nhiều thế. Nó bảo đánh thuế 50% để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tôi bảo cần không? Nó bảo "chủ nghĩa xã hội hay là chết." Socialismo ou muerte được viết bằng chữ lớn chăng trên những bảng gỗ dọc đường xa lộ ra biển. Tôi cười : "Mày đọc khẩu hiệu." Nó hồn nhiên: "Tao không biết đọc, chỉ nghe radio." Tôi bảo tôi không xây dựng chủ nghĩa xã hội, chỉ trả 5 đô la thôi. Nó bảo : "Thế thì chẳng ai tin. Giá là giá. Đó là sự thực của thị trường, người ta ai cũng phải tin. Mà giá là 10 đô la, mày đưa 5 thì hóa ra là tao cho không thể xác tao." Rồi nó cười : "chẳng có gì miễn phí cả", và tiếp: "... kể cả amor." Tôi đưa cho nó phần xây dựng xã hội chủ nghĩa 5 đô la , nhẹ đẩy tay nó ra, ngả người nằm xuống, lại nhìn những vì sao xa thẳm óng ánh, đầu trống

rỗng. Nó ngạc nhiên: "Không thích tao à?" Tôi nhắm mắt, tránh trả lời, mồm lẩm nhẩm một mình "Mày đẹp lắm chứ." Nó bỏ đi. Tôi ngồi dậy, lòng tự nhiên vấn vương, bật miệng hỏi: "Mày tên gì?" Nó quát: "No name, fuck you ..." Tôi lại nằm xuống, thất vọng.

Chỉ khi chân anh đá vào tôi, tôi mới ngồi dậy. Anh hỏi: "... Mày đã gặp linh hồn chưa?" Tôi bảo: "Chưa." Anh quắc mắt: "Ranh con, đồ xạo!"

*

Chúng tôi nằm dài trên bãi biển cho đến bình minh. Tia nắng đầu vừa le lói, tôi mở mắt, nói:

"Ernest này ! Lên đến đỉnh cao, chẳng phải chỉ có một mà ít ra là hai vực thẳm đấy"

Anh ta bật cười, lại châm xì gà, bảo: "Ranh con! cả đêm nghĩ mà chỉ được đến thế thôi sao!" Ngồi dậy, xốc lại chiếc áo vét lên vai, anh chậm rãi:

"... chẳng chỉ hai đâu, nếu là đỉnh cao nhất thì tứ bề là vực thẳm."

" Anh ở đâu?" tôi gặng hỏi.

"Ở nơi người khác gọi là đỉnh ! Chóng mặt vô cùng. Mà lại nhàm chán nữa."

Nói xong, anh lẳng lặng bỏ đi trước. Tôi theo. Cứ thế, chúng tôi bước. Liền một mạch 15 cây số dưới ánh năng lúc càng gay gắt.

Chúng tôi về đến Hotel lúc gần trưa. Mặt Ernest nhễ nhại mồ hôi, râu mép lấm chấm nước. Anh cười rất tươi: "... đi bộ thế cho khỏe." Anh thân mật quàng vai tôi, tay chỉ vào bụng: "... đi cho nó đỡ phồng lên, coi chướng lắm. Trong cơ thể, chỗ này là chỗ bẩn nhất, và khốn khổ thay, nó cũng lại là chỗ khó trị nhất." Mở cửa phòng, anh chìa tay cho tôi bắt, nhếch miệng vừa cười vừa nói: "Chia tay nhé, đã đến lúc ta phải nghỉ ngơi rồi, ranh con ạ!"

Tiếng cửa đóng sập lại. Tiếng kéo ghế lết trên sàn đá hoa kèn kẹt. Lúc sau, tiếng giấy sột soạt. Tôi ngồi ở góc cầu thang, ngả người dựa lưng vào tường. Người bồi phòng đi lên, nhìn tôi dọ hỏi. Anh ta nói một tràng, thanh âm lạ hoắc, đoán nghe như mời mọc. Tôi đứng dậy, xuống thang. Ngồi khuất vào một góc, tôi kêu một ly trà nóng. Mắt nhắm lại, tôi nhìn thấy tôi. Thấy Ernest. Thấy Che. Thấy cả cái linh hồn răng trắng nhởn đang nói về giá thị trường và sự thực. Một sự thực độc nhất có tính khách quan. Một sự thực toàn cầu. Và nó đang thành cái sự thực toàn năng. Sự thực do Thượng Đế nặn ra hệt như khi

Ngài nặn ra trái đất, sinh cây sinh cỏ, nặn ra đàn ông rồi móc xương sườn nhào nó thành đàn bà.

Thượng Đế bây giờ nào ở đâu xa. Ngài đang ở ngay trên trái đất vinh hiển này, lúc thì họp với cơ quan chỉ đạo của Quĩ Tiền Tệ và Ngân Hàng Thế Giới, khi lại phải tàng thân đến Wall Street xét lại mức chỉ giá bất động sản của thị trường chứng khoán Nữu Ước. Bộ xậu tính toán và điều khiển dạo này khá rộn. Vừa rồi, chứng khoán ở châu Á mới đâu tụt xuống đến 40%, làm lũ Rồng lũ Hổ cứ như thành ra giấy cả. Ngài cau mày, ra lệnh mang 100 tỉ đô la đến cứu, chặn ngang cái cầu tuột, thổi phồng lại cái speculative bulk, quả bong bóng đầu cơ, thỉnh thoảng cứ tuột ra khỏi tay của những đứa con tham lam. Ngài nhăn mặt : Ta truyền cho mọi chúng sinh trên toàn cõi này là lập tức phải thực thi qui định zero-deficit, tránh can thiệp vào kinh tế thị trường, xóa bỏ cái bay gọi là an sinh xã hội, tất cả nhằm mục đích tẩy sạch mọi ranh giới thương mại giữa các quốc gia để tiến đến thể hiện thế giới ăn nhậu đại đồng. Ngài điều tiết tất cả bằng cơ chế kinh tế tinh vi, tạo ra những cơn hồng thủy nước mắt và những hạnh phúc tối thượng làm bằng nhựa plát tích có thể bẻ cong theo chiều thô của mọi bản năng. Của cái bụng, nơi khó trị nhất. Giấc mơ cứ thế trôi dần xuống dạ dầy. Nơi đó khá ô nhiễm. Nhưng ô nhiễm hay là chết. Chết hay là Xã Hội Chủ Nghĩa. Dĩ nhiên chưa ai biết thế nào là Xã Hội Chủ Nghĩa. Còn chết ư, ai lại dại thế! Vậy thì chỉ còn một chọn lựa. Ô nhiễm và bắt đầu từ cái bụng. Oái ăm thay, khi còn những đe dọa trong một thế giới phân thành hai cực, những người sống trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa ngột ngạt , song những người sống trong chế độ Tư Bản lại dễ thở hơn với những chương trình an sinh xã hội. Nay Tư Bản không còn đối thủ và chẳng cần tranh thủ bất cứ đối tượng nào. Nó hiện lại nguyên hình, quốc tế hóa, tập trung quyền lực, và phân bố cả máu lẫn nước mắt theo cách nó định danh là qui luật thị trường, thứ mặt nạ tân trang của chủ nghĩa đế quốc toàn cầu ở cuối kỷ.

Một tiếng nổ chát chúa từ tầng hai khách sạn. Người ta kêu. Người ta chạy. Tiếng chân rầm rập. Có lẽ là tiếng một phát súng. Phát súng đó vẳng lại từ một đỉnh cao, ngã xuống vực như không còn chọn lựa nào khác hơn. "Xoay bên phải, lật bên trái, chẳng một ai còn có cái lý lẽ gì nữa. Cái thế giới này đáng nản quá !" Phải chăng Ernest đã lập lại như vậy. Rất giản dị. Như khi anh bấm cò súng. Bấm cò trong cái thế giới quả thật có nhàm chán này.

*

Định lên đường vô định ngay lúc ấy, tôi chợt nhớ là quên chưa

kể cho Ernest nghe câu chuyện tháng trước trên xe điện cao tốc RER đưa tôi và một người bạn từ Paris ra ngoại ô Palaiseau. Số người đi xin ăn nay một nhiều, thường cứ hát hỏng rồi sau đó chìa mũ ra. Chúng tôi nghe cũng tiếng trống bập bùng, cũng tiếng đàn ghi ta. Và thật ngỡ ngàng, tiếng hát Che Guevara. Hai thanh niên Chi Lê hát rong nhận ra Quốc là thầy đã dậy họ tiếng Pháp khi họ tị nạn độc tài Pinochet chân ướt chân ráo lưu vong đến Paris cách đây 20 năm. Họ nháy mắt cười, tiếp tục hát. Che Guevara. Quốc tay nhịp lên đùi, lẩm nhẩm khe khẽ hát theo :

Viene quemando la brisa (Cơn gió hiu hiu thổi lửa)
con soles de primavera (từ mặt trời của mùa xuân)
para plantar la bandera (để phất cao ngọn cờ)
con la luz de tu sourisa (với nụ cười anh rạng rỡ)

Mấy ai thuộc bài hát về Che ở Việt Nam? Anh này thuộc diện cách mạng lãng mạn. Thế có nghĩa là anh may lắm mới chỉ được một nửa. Cái nửa kia, phần lãng mạn, nhất quyết là không. Vì sao? Vì thành công, rồi lên đến đỉnh cao, mà lại lãng mạn thì trăm phần không tồn tại được một. Tồn tại rồi, lại phải tiếp tục bám vào đỉnh cao, kế hoạch 20 năm là đâm rễ cái rễ con bằng đám con đám cháu. Như thế, lấy đâu đào ra lãng mạn. Ngược lại, phải thực dụng và phất cờ đúng lúc. Và để giữ thăng bằng trên bất cứ đỉnh cao nào, phát triển cái bụng nhằm kéo trọng tâm con người mình xà xuống đât là thượng sách. Mặc dầu chỗ đó là chỗ bẩn nhất.

Nhưng anh, Che, anh ở một nơi khác, cao hơn, sạch hơn! Ernesto, holà. Những người lãnh đạo Cuba vừa đưa hài cốt của anh từ Bolivia về đây làm lễ quốc táng. Họ vẫn phải chống cấm vận dằng dai. Họ vẫn lo đối phó với đám Cubano-tự do hầm hè đe vượt eo biển từ Miami trở về. Họ sợ nhất là 11 triệu cái bụng của 11 triệu sinh linh trên mảnh đảo này lên cơn sôi bụng. Họ tiếp tục hát ...Cuando el sol de tu bravura le puso cerco la muerte (...khi mặt trời của sự quả cảm của anh đã vạch ra vòng tròn thần chết).

Tôi kể, Ernest im lặng nghe. Anh ngồi trong bóng tối sâu thẳm, lưng quay lại, vai gù xuống, mái tóc bạch kim lởm chởm sáng lên một góc phòng. Anh im lặng. Chỉ còn im lặng.

Tôi biết anh không định nói gì nữa. Cũng như Ernesto Che Guevara. Trên những đỉnh cao kia, dù rằng bề mặt trông ra như đối trọi, các anh nay im lặng. Nhưng thế cũng là một cách nói. Bỗng lại có tiếng súng. Vâng, đúng một tiếng cho Ernest. Sau đó, lẻ tẻ tiếng AK47, tiếng M 16 vọng lại từ miền núi hiu hắt ở Bolivia cho Ernesto.

Rất giản dị. Và bình thản. Khác thế sao được khi thế giới này chẳng còn ai có lý lẽ gì ! Ernest sẵng giọng "Thôi, đủ rồi, đi đi..."

*

Trả chìa khóa phòng 216, tôi rời Hotel Plaza, đi tạt qua Caseo del Prado. Ngay cạnh Hotel là những dẫy hàng quán dành cho khách du lịch đến từ thập phương. Đời sống ở Cuba còn rẻ lắm so với Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha... Những linh hồn phất phơ trên vỉa hè hoặc lang thang trên bãi biển cũng vậy, rất rẻ, chỉ có 10 đô la, trong đó một nửa dùng để chữa cơn sôi bụng nhằm cứu xã Hội Chủ Nghĩa. Cứu xong, thật là dễ chịu. Kẻ đi cứu về kể cho bạn nghe câu chuyện mua xác thịt có lời. Người được cứu bắt đầu ước mơ xã hội Tư Bản. Đó phải chăng là câu trả lời cho câu hỏi ai thắng ai?

Xin cứ yên tâm. Một triết gia người Mỹ gốc Nhật, Francis Fukuyama, đã đề tên quyển sách của mình là Sự Kết Thúc của Lịch Sử và Con Người Cuối Cùng. Nghèo ư ? Rồi sẽ giầu. Bây giờ đói, mai no. Chẳng có gì là phải, là trái. Không còn phe Tả phe Hữu. Nhân loại đang trên đường lên Thiên Đường. Ô, nhưng sao những kẻ tay trắng vẫn đi ăn mày công lý và tiếp tục hát

Aqui se queda la clara
la entranable transparencia
de tu querida presencia ....
Comandante
Che Guevara

Đếm ra, họ đâu khoảng xấp xỉ gần 6 tỉ, trên 90% của đám người trên mặt đất. Họ hát trong toa xe điện đi từ Denfert Rocheraux đến vùng Palaiseau ngoại ô Paris. Họ hát trên bãi biển Santa Maria del Mar cách Habana 15 cây số. Và họ còn hát ở nhiều nơi khác, ở Rangoon, Sài Gòn, Lima, Hà Nội, ở Alger, Rabat, Kinshasa... Thậm chí, họ hát ở Prague, London và, một ngày nào đó, ngay ở Washington DC. Họ hát Che Guevara. Hoặc những điệp khúc tương tự.

Sắp hết một thiên niên kỷ.

Sau ngưỡng cửa năm 2000, những kẻ tay trắng đi ăn mày công lý có thể sẽ không có chọn lựa nào khác hơn là vứt bỏ bị gậy và bước theo những vết bước có những tiếng súng. Một tiếng súng nòng 22 như khi Ernest tự xử lúc một thân một mình leo đến cái đỉnh cao cô đơn, ngắm tứ bề vực thẳm, biết là không còn lý lẽ gì nữa. Dăm tiếng

AK và M16 như khi quyền lực của đám thần linh mù đem xử Ernesto, kẻ đầu đội mũ có gắn một vì sao, bỏ vinh quang cho bản thân mình đi thể hiện giấc mơ giải phóng, biết rằng chết nhưng vẫn cứ mỉm cười leo lên cây thập tự. Hoặc có thể là những tiếng súng khác thế, vì lịch sử không cứ là những sự kiện bắt buộc phải lập lại. Tiếng súng nào cũng đáng tiếc. Nó nổ lên vì tuyệt vọng.

Những tiếng súng đáng tiếc, nhưng làm thế nào tránh được đây ?

NAM DAO

Habana 17-12-97 , Quebec 1-1- 98

Chú thích :

(1) Ernest Hemingway, nhà văn người Mỹ, sống 20 năm ở Habana (Cuba), nơi ông viết *"Ông già và biển cả."* Được giải Nobel năm 1954, ông bắn vào đầu tự tử 7 năm sau, không để lại lý do.

(2) Che Guevara là một thần tượng lãng mạn của cách mạng Cuba. Cùng Castro, ông lật đổ chính quyền độc tài Batista, trở thành Bộ Trưởng Kế Hoạch Kinh Tế (1961-65), rồi đột ngột rời bỏ quyền chức, tiếp tục đi làm cách mạng và cuối cùng bị bắn chết ở Bolivia 2 năm sau. Năm 1997, chính quyền Cuba mang hài cốt ông về Habana làm lễ quốc táng.

(3) Gregio có thật, vừa mới mất khi tuổi quá trăm, là người gần gũi Hemingway khi ông sống ở Habana.Vào thập niên 60, trên toàn thế giới Ernesto



HUY TƯỞNG

Tìm thấy chính mình ngoài chiều vắng

Nỗi nênh chiều ấp lá
cười vỡ tất hình nhân
cầm bóng đi nâu môi tĩnh vật
choang choang da thịt
vồng ngực chồm thở rền ngất hiu quạnh!
mắt
lóa không,

Đêm lữ

Roi gió đập rì rào mặt thú
mê cuồng mắt sóng
những lọn mây hiến thân vườn đá tảng
uông uông
ghềnh chiều nghẽn xám
hạt muối
cười
tan trăng...

Tĩnh vật chiều

Gió chật chiều
mộng xới mắt đá vôi
những chiếc bóng ve vuốt im lặng
há hốc lời
miết tím lên môi...

HUY TƯỞNG



CUNG TÍCH BIỀN

Đêm hoang tưởng



"Đạo là con đường.
Con đường vẫn đi,
có phải đường là Đạo."
C.T.B

Phùng tác người to lớn, da ngăm đen, tóc rễ tre, mắt một mí, bắp thịt cuồn cuộn, nom như một tượng đồng đen. Gia đình khá giả nhưng cha mất sớm, mẹ đi bước nữa; Phùng được người chú đem về nuôi, cho ăn học đàng hoàng; năm Phùng mười lăm tuổi, người chú không may bị tai nạn chết, Phùng bắt đầu lêu lổng. Hai mươi tuổi đã bất mãn, khinh đời, lại muốn làm anh hùng cái thế. Cha Phùng thuở xưa là một võ sĩ, người cao to như vượn gấu, cuộc sống khá giang hồ; sau này Phùng lưu lạc nay đây mai đó với một sức khỏe hơn người, đô con như một lực sĩ. Thuở bé một thầy bói thấy Phùng tướng lạ, bảo với mọi người: "Thằng bé này bị phá tướng vì hai con mắt ti hí, lại lé, một âm một dương. Khuôn mặt này, dáng người này, nếu có được một đôi mắt to tròn, quang minh, sau này có thể làm đến tướng." Về sau Phùng cũng làm đến tướng, có hàng đàn em út để sai khiến, nhưng là tướng cướp. Tướng cướp lừng danh một thời, được em út tôn là đại ca.

Đứng trên mỏm đá cao chỗ lưng đèo, chiều sương núi. Đại ca nghe như buốt nơi bả vai; một vết thương khá sâu, bị đâm bằng một lưỡi dao lê, cách đây vài hôm từ một gã đầu gấu bảo vệ toán người

đào tải vàng trên đường chuyển vàng về xuôi. Đây là lần thất trận đầu tiên có vấy máu trong đời Đại ca. Thấy đàn anh bị thương nặng bọn đàn em lo lắng, Đại ca mắng: "Không có gì quan trọng. Tao đã từng trút khỏi cái người phàm phu này vài lít máu chẳng hề đi đong. Hãy bình tĩnh, tin vào thủ lĩnh là tao đây; chúng ta mần ăn cú này trót lọt ngon xơi là về xuôi tha hồ ăn chơi. Phải có vàng, thật nhiều vàng."

Đại ca nâng ống nhòm quan sát vùng núi non. Chiều tà. Phía tây rừng cây khô trọc, những mảng xanh đã chết tự bao giờ, sườn núi dựng trơ màu đất, chỉ đá tảng khe nguồn khô khốc bày lòng ruột sỏi đỏ như máu. Trước khi dân đào đãi vàng tới đây, bọn buôn gỗ đã cưa ngang rừng, tàn phá cây cối không nương tay. Phía đông con sông dài cắt ngang một thung lũng nhỏ, thảo nguyên hoang dã; ven sông những bờ lau trắng; một vài xóm nhà thưa thớt vườn tược, tường vôi, mái ngói. Tất cả chìm trong màn sương núi. Nhưng màn sương quá mỏng, quang cảnh đã bày ra một mặt đất bị đào ngang bới dọc, những đường hầm cong queo, những đường hình chữ chi, những hố tròn sâu như lòng giếng. Nó chằng chịt, khắp ruộng đồng, tận trong xóm làng. Dân đào vàng đã cày xới cả mã mồ. Đất mẹ, trở thành một khuôn mặt rỗ đậu mùa. Tất cả tím ngắt, rợn lòng. Nhưng cái thế giới hoang phế buồn bã ấy bỗng quyến rũ cái nhìn tham lam hoang mị của Đại ca. Hắn thấy đâu cũng là vàng. Thung lũng, rừng lau, sườn non, xóm làng đã hóa vàng. Xa xa một bầy khỉ múa nhảy trên những cành vàng, trong một rừng vàng, giữa nước non vàng. Hắn mê mẩn tê dại, quên cả vết thương trầm trọng đang rỉ máu nơi vai.

- Vào hang đá nghỉ tạm, chờ bọn người xuống từ Hòn Dừng. Bọn này chắc có tí chút đó. Đại ca ra lệnh.

Bọn họ trước đây gồm tám người, nay phân tán còn một bộ ba. Dưới quyền Đại ca có Nhị và Tam ca. Đại ca mang án tù mười hai năm, ba năm thì trốn trại tù. Nhị ca cũng là một tội phạm vừa mãn tù mấy tháng nay. Tam ca khả ái hơn, "con nhà" có học, cũng từng phạm tội; hôm ra tòa, tòa xét còn non trẻ, chưa thành tích mấy chỗ du côn giang hồ, chỉ dại dột theo đám ăn tàn, tòa cho hai năm tù treo. Về nhà Tam ca không chịu được tính khắc nghiệt của bố cùng sự nuông chiều chả để ý gì tâm lý của con trai của mẹ, Tam ca bỏ nhà theo Đại ca; nhất định tự lập, nhất định thử lửa cái chí bình sinh của mình. Đại ca thường đùa với Tam ca: "Mẹ kiếp, đã tù còn treo, làm thằng trai trẻ tốn một sợi dây thừng. Này hảo bằng hữu, vậy đệ cột sợi dây thừng vào đâu để treo cái án tù?" Tam ca cười trả lời: "Treo vô chỗ cần cổ bố em."

Nghề nhiệp bọn tam ca là chặn dân đào đãi vàng trên đường về để cướp. Đây là một việc làm cực kỳ nguy hiểm, lại dễ vào nhà đá,

nhưng bọn chúng cho rằng con đường ngắn nhất để vơ của, là tức tốc đổ máu tức tốc thu vàng tiền.

Từ nhiều năm nay cả một vùng bao la từ rừng núi đến trung du miền Trung — đất của tháp Hời, tượng đá xưa kia — đã xảy ra một hiện tượng ma mị, đáng kinh dị, là đâu cũng có vàng. Có nơi vàng trồi lên cả mặt đất. Như cơ thể con người dị ứng với vật thể lạ; lòng đất nơi đây dường như không chịu được cái sự để vàng trong bụng mình. Dân bản địa bao đời lam lũ làm ăn trên nương rẫy khô cằn, nay trong đêm trăng lạnh lẽo bỗng thấy sáng rực hai bờ sông cát những giải vàng lấp lánh, rất nhiều vàng vụn lẫn trong bùn cát. Người ta bàng hoàng ngơ ngác. Khó tin vào mắt mình. Nhưng rõ là những bãi sông vàng. Vậy là bỏ ruộng nương cùng nhau hàng đoàn lớn bé trẻ già ra sông đãi lọc vàng từ cát. Lại đào vào lòng đất. Lúc đầu một vài lỗ như lỗ huyệt. Sau, thành hào lũy. Ban đầu mang vàng vụn đi bán; sau, có dân chuyên nghiệp từ tứ phương tới lập lò biến chế, tinh lọc vàng từ các tạp chất. Con sông tinh khiết bao đời đã ô uế đủ loại thức thải của người. Dòng sông mùa cạn đục ngầu hóa chất, có cả chất cực độc cyanua. Trâu bò uống phải lăn ra chết. Trẻ em tắm phải mù mắt. Nhiều nơi không phải công đào bới. Cúi lượm là có vàng. Một sớm mai ra vườn đào cái lỗ trồng cây bỗng nghe đầu lưỡi cuốc cái cụp: vàng; cục vàng ròng to bằng cái triện son. Thỉnh thoảng trẻ chăn trâu cũng lượm được những cục vàng nho nhỏ ném chơi trước khi bàng hoàng cất giấu. Vàng đã trở thành một điều thiêng, làm người người mơ hoang, nhìn đâu cũng tưởng: "Dưới ấy có vàng"; kể cả dưới bàn thờ, giường ngủ, trong ngôi mộ ông cố nội, giữa miếu thành hoàng, nơi gốc cây xanh em đang hái trái.

Từ đấy, trong mênh mông rừng núi vang vọng tiếng người, tiếng cuốc xẻng, cả tiếng máy xe đào ủi. Dân giang hồ tứ chiếng đổ về nhung nhúc. Xóm làng như trẩy hội. Lều trại mọc lên như nấm. Đầu làng chị nhà quê mở quán cà phê, cặp với anh thành phố mới mẽ nhập cái máy điện, thêm cái trò mục văn minh phim Hồng Kông, hát karaoke, uống rượu tây; gà gáy sáng vẫn sáng choang ánh đèn cho những canh bài, những cuộc tình vội phía chái hè, dưới liếp lều căng tạm; tiền bạc sáng lòa, vùi lấp trí óc người thôn dã; những chân tay chuyên cày sâu cuốc bẩm trở nên bất ngờ biếng nhác, đi rong rong ăn ké, chờ vàng nổi của rơi. Vườn tược đồi gò, nghĩa địa, cả những khu đất thừa của cơ quan, sân vận động, cũng khó thể lọt khỏi đôi mắt bọn khai thác vàng. Với cái giá thầu cao chưa từng mơ thấy, người ta đành lòng cho phép bọn lạ lẫm không bảo chứng được tự do thăm dò, đào bới. Đó đây mộ chí khói nhang, do thanh toán nhau, do cực nhọc mà chết, khi quá

mừng vui đứt đoạn gân máu bất ngờ.

Trong khói núi chiều xanh người ta mộng mị, nhà nhà hoang mơ; cõi thánh địa của huyền hóa, áp phe, tin đồn, dao búa, cúng lạy, chửa hoang; sáng nghèo trưa bỗng hóa giàu; sáng tươi vui ra đi, chiều đưa xác ma trở về. Niềm vui, âu lo, hạnh phúc, tai họa, thật khó phân ranh. Một cuộc đảo lộn tận cùng từ xó bếp tới bàn thờ. Về mặt tâm lý, dân bản địa rất sợ nhặt được vàng cục, vàng khối. Cho rằng của phù vân, vàng linh của đất đai. Trúng cú lớn quá, phát tài nhanh chẳng sống yên với đời. Sẽ chết bất ngờ, mọi cách. Chuyện kể về sự vụ này khá nhiều. Một anh hãy còn trai trẻ, hôm đào đất đắp nền nhà vớ phải một cục vàng to như ổ bánh mì. Không tin điều dị đoan, anh ta tươi cười mang khối vàng nhặt được ra thành phố, bán được vô số tiền; mua cả một xe tải vật dụng từ ti vi máy hát, cái tủ, bộ xa lông; lại mua thưởng mình một chiếc Dream cáu cạnh; ăn chơi mấy hôm rồi tự lái xe về. Trên đường về, anh rất khôn ngoan, không hề uống một cốc bia rượu; vậy mà tới chỗ giao nhau giữa con đường nhựa và đường xe lửa, cái chắn báo có tàu đang chạy qua, cái đèn báo ngọn đỏ chạch nằm tòng teng trên cây ba-ri-e, anh chẳng thấy, chiếc tàu to đùng giữa ban ngày ban mặt cũng bị ma che, anh phóng Dream tốc độ J. Dean tông gãy cây chắn, xấn ngay bon vào lòng con tàu phom phom - chết tốt; tàu kéo xác anh đi mấy chục mét, lúc thịt xương thành bột hết khả năng kéo mới thôi. Chiều hôm, cả làng ngơ ngác gáy lạnh.

Một chị nhặt được khối vàng khoảng mươi ký, tích tắc đứng ngây người như ma trồng, tích tắc chị la bớ làng bớ xóm ôi. Ôm cục vàng chạy về nhà, chị ngồi thất thần như quỷ đớp hồn, chờ đêm xuống chị âm thầm mang cục vàng đặt lại chỗ cũ. Chị thắp một đám nhang khói van vái, rồi sụp lạy, cầu mong đất đai có hồn thiêng hãy bỏ qua sự vụ cho chị. Chị thề cùng trăng gió cỏ cây thổ địa thành hoàng ếch nhái là không có lòng tham, chỉ tình cờ, nay của đất chị trả về cho đất. Lại một ông luống tuổi, khá sành đời, nổi tiếng chúa đểu khắp vùng, chiều hôm đi thơ thẩn sang thăm đứa cháu nội; đường quê khập khểnh trượt chân té úp trên mặt đường; lom khom bò dậy sao ông lại thấy chỗ cục đá bật ra một cục vàng bự quá thể. Nghĩ rằng trả vàng này lại cho đất vô tri thì vô lý quá; giữ làm của lại sợ tai vạ; trời muốn anh chầu trời thì trốn lên sao Hỏa anh cũng phải ăn cơm trời; cho nên trong đêm âm hao bóng núi anh nảy ra sáng kiến chặt đục khối vàng ra nhiều cục nhỏ, như gói xôi cái bánh; anh giữ một ít, còn mang tặng kẻ thân quen mỗi người một ít, gọi là xả xui, chia đều cái chết, mỗi người chết một chút - nếu quả thực cục vàng này là bản sao của thần chết.

Bọn tam ca làm ăn cũng khá trong nghề cướp cạn. Chúng thuộc

hạng người thà đổ máu tức thì để có cái ăn chứ không chịu đổ mồ hôi dần dai trong công việc lương thiện. Kiểm điểm thế giới thấy rõ bọn này không ít. Mà vàng chẳng để chúng yên thân. Lúc ra thành phố bán được vàng, là ăn nhậu, bài bạc, động đĩ, tự thiêu trong cái túi hoan lạc. Đâu lại vào đó. Chỉ bọn gái đĩ bia ôm hưởng được những phát hoa điên khùng và bọn lái vàng ăn chặn đuôi đầu. Mấy bộ cốt khỉ lại trở về những quãng đường hiểm để tiếp tục nghề cướp cạn. Về mặt nghề nghiệp, bọn chúng rất tài tình. Phục kích kín đáo chỗ hiểm, tấn công thần tốc, thu nhanh biến lẹ; luôn đoán trúng phóc trong đám đông đang di chuyển ai là người hộ tống, là chủ, là người giấu vàng, ngay chị đàn bà giấu vàng chỗ cửa mình. Lần nào phục kích chúng cũng thu ít nhiều. Chỉ một lần chúng tấn công nhầm hai ông cháu một thôn dân ăn vận đàng hoàng; đánh gục, chúng lục soát khắp người nạn nhân chẳng vơ được chút vàng nào ngoài màu vàng của cứt nạn nhân vãi ra khi bị đánh bất ngờ, đang mỏm cửa tử. Chúng liên miên thắng trận, chỉ hôm kia bị thua tan tác trước một đoàn đào vàng được hộ tống quá hùng cường, có cả lựu đạn, súng săn, dao mác nhọn có thể đâm thủng da heo rừng.

Bây giờ bọn tam ca đã vào trong một hang đá cửa hang quay ra đường đi chính của đèo. Trong hang có đầy rác rưởi của bọn tới trước bỏ lại, những vỏ bia lon, đồ hộp, giày hư vớ thủng, xú cheng đồ lót, những áo mưa sau khi hành lạc, những bó nhang muỗi, cả những loại nhang thơm dành cho việc khấn vái dâng hiến niềm tin cho thần linh. Mùi ẩm tanh pha mùi rừng núi lan tỏa. Bọn chúng nằm ngang dọc, phạch trần ngực áo tu rượu đế, nghe nhạc qua máy cát xét. Tam ca vốn có suy tư cuộc chiến tí chút, mở máy, máy phun ra từ khi trăng là nguyệt, tôi nghe đời vỗ về tôi. Đại ca phẹt một bãi nước bọt, nổi cáu rủa đổng mẹ kiếp, đời nó toàn bộ ỉa đái lên cái thân phận rách nát của tao chớ vỗ về cái chi. Tam ca phân giải đây là nhạc sĩ nói ví mà Đại ca. "Dẹp, tao bảo dẹp. Lấy dao cạo râu tới cạo lông ngực cho tao xem nào." Đại ca nhìn lung ra xa, nghe nhức buốt chỗ bả vai thương tích, máu đỏ thấm cả ra lớp vải băng một màu xôi gấc. Bỗng hắn nghiêng người, lắng nghe, rồi lớn tiếng: "Chúng nó sắp tới rồi. Kia kìa."

Xa xa một toán người đổ xuống lưng chừng con đèo thấp. Những âm thanh hỗn tạp đưa lại rì rầm như cơn mưa xa đầm đầm đổ tới. Đại ca nâng ống nhòm theo dõi. Một đám sinh vật màu chàm di chuyển mệt mỏi, áo quần lem luốc; mang, võng, vác, khiêng đủ thứ vật dụng lỉnh kỉnh. Đây là một toán làm ăn lớn, thu hoạch khá, đang rời trại, về nghỉ. Trước và sau có bọn trai trẻ lực lưỡng hộ tống. Có cả xe honda chạy chậm, cẩn thận dò xét. Đại ca cố quan sát trong bọn đứa nào mang súng

hoặc lựu đạn. Nếu đoàn người không trang bị súng đạn thì chúng thừa sức chơi gọn.

Trận chiến đã thực sự xảy ra trên lưng đèo. Dân săn vàng không bất ngờ khi bị cướp đường; như rớt xuống nước phải gắng bơi, họ sẵn sàng cuộc đao búa; luôn coi vàng quí hơn máu châu thân, đứa này đi đong đứa kia tử chiến, miễn sao mang được của máu nức mắt về đến nhà. Vàng được cất giấu mọi nơi có thể; ngụy trang đủ kiểu, có khi nấu thành thỏi, nuốt vô bụng, về nơi an toàn mà ị ra, chảy máu trôn mà vui. Bọn tam ca lúc này không cần hộp họp phân công phối trí, chỉ tức khắc tự động vào cuộc, yểm trợ nhau tàn sát theo thói quen trận mạc; nhanh nhẹn hâm sôi bầu nhiệt huyết, vực ngay dậy nỗi thèm vàng đang rổn rảng reo vang trong não bộ; chai lỳ trước tiếng khóc than; nhứt mực xem máu người đổ ra như máu gà vịt lúc đánh tiết canh cho một trận mây mưa tao phùng. Phải diệt gọn, thu nhanh biến lẹ. Tức khắc đoán ngay chóc đứa nào đang giữ vàng trong bọn để dứt ngay đứa đó. Giới hạn tối thiểu sự phạng lầm hơn bỏ sót, vừa mất sức lại lắm khi vong mạng vì đối phương say máu lúc mạng sống tơ mành treo tòng teng chỗ cửa tử.

Trận chiến diễn ra ác liệt. Thuở Tề Thiên đấu với Thiên thần, trận địa nhuốm màu lãng mạn, ít ngổn ngang máu thịt, vì cả hai dùng nhiều bùa phép, mỹ thuật hóa được chỗ tang thương, mã hóa phần nào sự thắng thua. Tiểu thuyết mà. Giữa đỉnh đèo này bọn dân dã không có phép thuật, chúng sử dụng bất cứ gì có thể gây máu để tự bảo vệ. Dao mác, gậy gộc, đòn gánh, đá cục, nồi niêu xoong chảo, kể cả răng trong mồm khi cần cắn vật nhau quay cuồng. Vũ khí thô sơ, không hiệu lực tàn sát hàng loạt nhưng tạo đủ loại vết thương man dã kỳ cục. Bị phạng vào gáy một cái cán cuốc mà về sau tê liệt tứ chi, hoặc man man mát mát thương nhớ nhà thương điên Biên Hòa suốt đời. Đã có đứa nhiều năm sau thân tàn ma dại, thầm trách số mệnh sao không cho đi đong ngay nơi chân trời cuối bến thuở giang hồ.

Bọn tam ca đục thẳng vào giữa đám người nơi có hai gã thanh niên tạo thế yểm trợ nhau di chuyển chậm, có thể đó là hai gã giữ vàng, tránh đụng độ. Đánh một lúc Đại ca nhận thấy trong đám hộ tống có mặt Gấu Chúa, một cựu thù khi còn ở chung trại tù năm xưa. Trên khuôn mặt Gấu Chúa hãy còn loang lỗ đen trắng một mảng sẹo, hậu quả một ca nước sôi do Đại ca tạt thẳng. Chợt thấy Đại ca, Gấu Chúa mặt sẹo nhìn căm thù, nhưng hắn chơi sang, vừa đánh vừa tách Đại ca ra khỏi đám đông. Thanh toán tay đôi cho hả dạ. Những đứa con ngoan của luật giang hồ. Đại ca thuộc loại sức mạnh phi thường, nhưng đang

thương tích. Hắn chọi mỗi lúc một yếu dần. Gấu Chúa bất ngờ quật ngã Đại ca, đè mũi dao nhọn vào cần cổ đối phương, nói rành mạch: "Mày bị hỏng một tay, vậy tao cũng chơi một tay, nửa thành công lực thôi. Nào gắng lên chớ. Hãy cắt tiết nhau cho sòng phẳng." Đoàn người thoát dần xuống chân đèo. Bọn Nhị và Tam ca quần theo để cướp cho được vàng. Trên lưng đèo, in nền trời chiều thẩm mây bay là hình hai gã giang hồ thanh toán nhau.

Máu chảy xối xả từ vai cổ mặt xuống ngực. Đại ca quay cuồng. Một loáng hắn thấy thế gian rực sáng, một thứ ánh sáng mê hoặc của ma men say đắm, hoa lá cỏ cây nạm vàng, sườn son sông nước bờ lau thung lũng đầu lâu sọ khỉ dòi bọ, cả hơi thở âm thanh ánh sáng đã rực rỡ hóa vàng, vàng tênh mùa cúng cô hồn tháng bảy. Rồi tất cả tím thẫm. Đại ca số sức tàn gượng dậy, cảm nhận một lưỡi dao bén nhọt kè vào cổ mình. Văng vẳng giọng Gấu Chúa:

- Tao tha cho mày.

- Hãy giết tao đi. Tao không van xin.

- Được. Vậy muốn cỡ nào?

- Tùy mày. Nhưng phải gọn. Tao không muốn thở dây dưa.

Gấu Chúa thọt mạnh lưỡi dao vào cần cổ Đại ca, ngoáy mạnh một cái, kỹ thuật dứt khí quản cổ gà khi cắt tiết, là xong. Hắn đặt cái dao nằm cạnh Đại ca. Cởi áo khoác đắp lên thi hài kẻ đã bị chính hắn thịt. Bọn Nhị, Tam ca lúc quay lại đã xông vào trực chiến. Gấu Chúa phán: "Lui ra. Chúng mày không phải là đối thủ của tao. Lại không nợ nần gì nhau. Hãy chôn cất đàn anh cho tử tế. Sau này phải lo lắng chu đáo con cái đàn anh chúng mày." Gấu Chúa lững thững xuống núi, cùng lúc nhận ra máu me đẫm người, năm sáu vết đâm khá sâu, không hứa hẹn sau này sức lực phục hồi bình thường.

Bọn đàn em cùng khiêng xác đàn anh về ngôi làng trong thung lũng. Núi trời đêm. Sông lạnh. Sao Hôm lẻ loi một góc trời. Nhị ca nhìn mông lung nói: "Cõi trời đất này vô duyên bỏ mẹ. Muốn chửi cha cái đời." Bọn chúng hạ thủ lĩnh trên một bãi cỏ đầu làng. Tam ca chỉnh tề tâm sự: "Nhị ca ạ. Đại ca anh hùng nay đã tiêu tán đường. Chúng ta nguyện sẽ có ngày rửa thù. Nhưng một ngày không thể không có vua. Em giờ đây nhứt trí nhiệt liệt tôn anh làm Tân Đại ca." Nhị ca nhổ toẹt bãi nước bọt, thịnh nộ: "Chưa tống táng thủ lĩnh, cái xác còn chình ình đã lo bề chia ngôi. Đù má mày."

Trăng lên cao. Âm dương trở lạnh. Bọn chúng mong nghe một tiếng chào, mong thấy một bóng đèn một tiếng chó sủa. Nhưng tịnh không. Làng không có ai không còn ai, như vừa bị tiêu diệt chiều qua. Rải rác đó đây chuồng trại không súc vật. Xác mèo chó đã thành

xương xẩu nơi xưa kia bếp hồng. Một ngôi đình làng còn trơ một mái xiêu, mái kia sụp xuống mặt hồ nước chẳng vuông tròn của bọn khai thác vàng bỏ lại. Nhận ra mùi xác người, một vài con quạ đêm bay tới. Chúng kêu mừng hạnh phúc kiểu quạ. Nhị ca buồn bã nói: "Tưởng xóm người hóa ra đây là xóm ma. Có là ma quỷ cũng cho ta một lời chào. Sao tịch lặng đến rợn người thế này" - Tam ca nói "Chọc ma quỷ thức dậy chăng. Không được chào hỏi, không chửi bới buồn bỏ mẹ."

Bọn chúng nằm trên cỏ lạnh nhìn trăng khuya. Tiếng thác đổ từ xa đưa lại. Trong lòng núi bí ẩn trên kia có con sông Tiên. Khác với tất cả sông quê nhà, thường là phát đi từ núi để đổ ra biển, về sông. Sông Tiên chảy ngược về hướng tây, dọc trong lòng núi liền núi; thoạt nhìn ta có cảm tưởng sông Tiên có sức chảy ngược từ thấp lên cao. Một con sông dị thường. Một chạy trốn đồng bằng. Nhưng sông Tiên là cánh tay chuyển nước về miền thung lũng xa xôi trong núi thẳm. Là ân nhân mở đường, sơn cước biết trung du.

Nơi đây là Phương Đông mặt tiền trái đất, trong chiều tà thế kỷ. Xưa kia, nơi thi hài Đại ca đang chễm chệ bên cạnh Nhị Tam ca này, hẳn phải có một ngôi làng sầm uất thân thương, nay mới là tro tàn bếp lạnh; đó đây di chỉ chìm, mồ mả nổi. Mặt đất bao quanh Đại ca là những xương mất thịt, những thịt không máu hồn, những hồn không chỗ đậu; dưới trăng lạnh hay trong ánh dương chói lòa ngày qua, là kia kìa cái cánh cửa vào nhà không em bé, hương án tổ tiên nhện giăng đầy, nơi mẹ xưa ngồi dệt vải và đây xác mèo chó xương đen. Một xóm làng chết trong tịch mịch mà lòng sâu của đất bị đào ngang bới dọc. Sông Tiên, con sông kinh lịch chảy bạt ngàn, không quay về Đông, nó đưa tiếng hát qua thung lũng này, nó thả hồn vào khóm lau bờ trúc, trải lòng thiên nhiên trong lòng người. Bản hùng ca đã bặt im. Tất cả trôi giạt, hóa đá trên một tinh thần thấp thỏm bình an. Một đất Mẹ rùng mình đẩy vàng trồi lên. Ma động. Hoang hóa. Mộng mị. Bọn loạn tâm cùn thức ra công đào bới khắp cùng. Một bọn Sĩ ngơ ngác, bất lực. Một bọn điên kinh hoàng cảnh ngộ, minh triết hí lộng, gọi hồn đất đá; những tưởng, đá mới vẹn linh hồn, đất là nhân danh vĩnh cửu. Có thể nào một cái sống đã không chốn nương thân, lại khi chết chẳng nơi chôn vùi. Không một lối đi nơi này. Chẳng đường về nơi đây. Mọi hiện thực như là vô định - sau một lưu đày đã định. Đạo là con đường, con đường anh đi, có phải đường là Đạo.

Giữa đêm. Bọn Nhị ca tha thẩn đi quanh quẩn trong làng ma. Một khu vườn um tùm, một ngôi nhà lớn bên trong; nơi góc vườn một cây

gòn rừng cao vút cành nhánh ngang phè như gã khổng lồ đứng dang tay ngăn mây bay. Ngay cổng vào một tấm bảng lớn, với những dòng chữ:

"Nơi đây trước kia là ngôi nhà thờ của một tộc lớn. Hai năm trước con cháu nghĩ rằng dưới lòng đất nhà thờ có vàng, nên đồng tâm khai quật. Đào ngoài vườn, đào xuyên dưới nền nhà, có thu được ít vàng. Con cháu lại gây nhau, ly tán. Khách tham quan nên coi chừng, nhà tạm tạm còn đứng dưới trời mây nhưng sụp đổ gây thương tích bất cứ lúc nào."

Cách đó không xa, một căn nhà đứng cheo leo dưới bóng trăng. Chung quanh là hào sâu nước đọng. Nó như một ngôi đền trên mặt hồ. Một tấm bảng thông báo:

"Đinh Phiên bán căn nhà này năm chục cây vàng, mang cả gia đình vào cao nguyên lập nghiệp. Bọn khai thác vàng đã tính toán nếu phá cả căn nhà để khai quật sẽ thu hơn trăm ký vàng. Chúng đào xới mấy tháng ròng. Lạ thay, đào ngoài vườn thì không sao, nhưng động một nhát cuốc vào nền nhà tức tốc có đứa lăn đùng ra chết. Ba lần xâm phạm ba đứa vong mạng. Chúng lập đàn cúng tế, yểm bùa nhưng đâu vào đó, có đào có chết. Chúng bỏ đi. Vườn thành hồ nước trăng soi mà ngôi nhà còn nguyên. Có người cho rằng đây là nhà trên hồ, rất hiếm nơi mạn ngược; mai kia có thể là thắng cảnh thu hút khách du lịch."

Về khuya, trăng giải lụa trên xác người Đại ca. Đầu thôn cuối xóm vẫn một bãi tịch mịch, thênh thang những âm hưởng chịu tang, mênh mông bi tích. Bọn chúng khiêng đàn anh ra bìa làng. Đã thấy trăng chênh chếch phía núi. Gió xao xác như nghìn nghìn âm binh sắp về đây mở hội. “Vong hồn, hãy mời ta cốc rượu. Sỏi đá, hãy cựa mình đi. Sao thê thiết quá vầy." Nhị Tam ca đặt thủ lĩnh lên một tảng đá bằng phẳng, lấy nước sông rửa mình mẩy máu me, lại vốc nước uống ực.

Núi màu chàm trong đêm sương về sáng. Gió lạnh ngắt như mang hơi mưa từ xa mùa đông. Không gian bỗng đượm mùi hương lạ; mùi phấn son, bùn lầy, mùa hoa dại, lá khô; mùi thịt xương cũ. Quả thật đâu đây là một mùi thiên địa, tổng kết giữa chết thật sống hờ; ngây ngây. Nó như tri hô xa vắng của vong hồn, âm vang chết; là thách thức, cổ

lục, của một bình minh đêm; lênh láng, tê dại. Nhị Tam ca bất giác lâm vào cơn hiu hiu, khi đôi tay vẫn sờ nắm một cách vô thức lên cái cần cổ thủ lĩnh máu cục đọng đen từ chiều. Có động vang từ rừng núi. Một làn hương đưa một bước chân người. Một lão tiên ông tóc trắng râu bạc mấy chòm xuất hiện, la đà như có như không. Lão ông từ tốn bảo Nhị ca:

- Hãy tìm nơi chôn thủ lĩnh các ngươi đi. Đừng để thân xác lâu ngày trên mặt đất, không nên.

Nhị ca trả lời:

- Không thể chôn nơi đất chết này.

Lão ông dạy:

- Nơi đâu cũng là đất mẹ. Một cái xác phải được trả về lòng mẹ êm ấm mới thuận đạo người. Mẹ rộng lòng tha thứ, kể cả thủ lĩnh các ngươi.

Tam ca sừng sộ:

- Khế lão nói vậy là trật rồi. Đời có lỗi. Đại ca tôi không hề có tội.

Lão ông cười hiền hòa:

- Ta không tranh biện lỗi phải cùng các người. Có những thân phận lịch sử bây giờ chưa nhận định lỗi phải, huống gì nhân thân hạn hữu các người.

Nhị ca ngơ ngác:

- Chúng tôi là bọn du côn, khế lão nói chuyện trên trời dưới đất làm chi vậy.

Lão ông bỗng phất cây trường. Tức thì bùn lầy cát bụi quá khứ vị lai cỏ cây diều quạ xương gà lông chó đều biến thành những khối sáng lòa. Vàng trên mặt đất, vàng bay la đà, vũ múa như công như bướm. Lại tỏa mùi hương ngất ngây; phát ra tiếng đàn tiếng sáo. Rì rào. Tỉ tê. Ngọt. Bén. Làm gỏi tâm linh bọn Nhị ca. Lão ông nghiêm giọng bảo: "Các người hãy nhặt lấy vàng mà đi đi; cho thỏa."

Trong cơn mê động Nhị ca vuốt tay lên những khối vàng óng ánh, nghi ngút thì thầm: "Đại ca ôi em sẽ dệt cho Đại ca một cái hoàng bào tuyền sợi vàng, sẽ đúc một cái quan tài vàng ròng mà tống táng Đại ca."

Lão ông mắng:

- Chớ thánh dại thần điêu. Chớ nên chôn châu báu theo người như bọn vua chúa đã làm. Sẽ sinh ra điều ác, nảy lòng tham, kẻ hậu thế phải tội quật mồ, vơ vét châu báu, còn hài cốt các người sau đó vung vãi khác gì xương cốt súc vật chim ngàn.

Bọn cướp nghe lời phán dạy bỗng kinh hoang van vái:

- Vì quen thói du côn chúng con trót dại, xin tiên sinh chỉ giáo.

- Ta không phải là tiên sinh của các ngươi, theo nghĩa thông thường. Ta là Tiền nhân. Trong xác thân du côn du kề các người đã có một phần xác mỗi phần hồn của ta. Trong bình sinh gieo rắc, Ta và các ngươi, các ngươi cũng là Ta. Hãy nghe đây, mau rời bỏ mê cuồng, hãy nhặt lấy vàng rồi cút đi. Hãy trả lại quê hương này cuộc bình yên.

Bọn Nhị ca quấn quít nhặt vàng. Lại điên dại hỏi theo cái vi mạch tham lam hằng có:

- Tiền nhân ôi kính thưa! Có tài biến hóa làm vầy sao Tiền nhân không biến quách cái đất cỗi cằn nắng cháy mưa dầm chữ S này thành một khối vàng ròng vĩ đại từ Nam Quan chí mũi Cà Mau cho con cháu nhờ.

Bây giờ lão ông đã biến mất, nhưng giọng rao truyền ấm cúng còn vọng lại từ đèo cao, nơi ban chiều thế gian đã vầy cuộc truy đuổi chém giết vì vàng:

"Một phần xác và hồn của Ta hãy nghe đây. Chớ đắm mình trong điệp điệp mơ hoang. Chớ lênh đênh theo khí chất mong đạt giàu sang ngỗ tắt. Hãy rời khỏi nơi nương náu ngủ ru trùng trùng hứa hảo, hẹn bửa, những điều hiện thực không thể. Hãy bừng sáng một thể linh tiên niệm. Hiểu núi sông và tôn sùng tự nhiên. Sống như chúng mày là phá nát giang sơn này rồi. Đã kim loại hóa từng phần những tương lai, hy vọng, niềm tin của bao nhiêu người. Giả thử từ Nam Quan tới mũi Cà Mau, từ biển Đông con dã tràng xe cát cho chí Trường Sơn mông muội bỗng một sớm nọ biến thành một khối vàng ròng hình chữ S — lấp lánh tận giải ngân hà, độ sâu cắm tận lòng đất — thì các người sẽ ra làm sao? Ngày ấy là chấm hết toàn bộ cốt căn bản địa tổ tiên giống nòi, kèm theo cái bất đắc kỳ tử của chú ong mật con bướm vàng. Sẽ là cuộc tiêu trừ sự sống triệt để. Có thể thế ư. Hình chữ S này là đời đời của Đất, chỉ là Đất. Khô xảm, ngập lũ, trăn trở, chờ trông hóa đá, vẫn hoài hoài rực rỡ Đất. Đây là nơi tanh thơm mùi bùn, mùi sỏi màu, của đậm đà khổ đau hạnh phúc; của ríu rít chia lìa hạnh ngộ; nơi cây trái mọc xanh con chim hót; chỗ róc rách con cá lội; con vi trùng đương nhiên tự do mình mẩy; cỏ dại núp bóng nhau; nơi người có thể giết người, beo cọp âu yếm liếm cọp beo. Nếu nghìn triệu thước đất Mê Linh Gia Định này biến thành vàng ròng một giải chúng mày sẽ đi về đâu? Phải hóa đá mới tồn tại. Sẽ là những hình nhân vàng vô tri, ăn uống nói năng hội nghị làm tình trên một địa đàng vàng. Khó thể toàn bộ giang sơn là một tổng thể kim loại. Còn nơi nào cái lỗ chôn nhau cắt rún. Tìm đâu cát bụi mơ mòng. Đâu nơi sở trụ một linh hồn cần

nương náu quê hương. Mơ hảo. Khó thể một dân tộc, thể chế, đất đai, một sớm mai vui mừng đã kim loại hóa toàn phần."

Nhị ca trở mình hỏi Tam ca: "Mày vừa nghe thấy gì? Tao nghe gió nổi." Tam ca nói: "Hình như đêm qua làng này trẩy hội. Nửa khuya đèn đuốc lập lòe. Lúc về sáng thánh đường kéo chuông vang động. Mà sao chuông báo tử?"

Trời sáng tỏ. Một trận gió lớn thổi tung những bụi mù trong nắng. Bọn cướp đường choàng dậy ngó quanh. Không Tiền nhân. Chẳng có xác Đại ca nào đây. Không có núi không có sông. *Không nhìn ra mặt núi sông.* Không một mảy may vàng. Chỉ quanh đây những luống cày, màu đất vàng khô. Một chị vải thô chân đất đem mong chờ đến cho một ai đó trên những luống cày. Một thằng bé truồng cười nhìn nắng.

CUNG TÍCH BIỀN



THIÊN YÊN

Sỏi mặn

tới lúc nào đó
mọi sự đều vỡ đổ
theo cõi lòng miên man đói
để thấy sự thật vòi vọi
những dối gian, che đậy, co rúm sợ sệt

liệu anh có nhìn ra tôi
tật bệnh đôi tay qúa khứ
liệu anh có lật bàn tay tôi
khẽ xoa đi những đường bút chì trắng
là dấu ấn của những thương tích mơ hồ
và gom góp nơi khóe mắt tôi
những hòn sỏi mặn

sỏi mặn
từ hạt giống đầu
    của hoa tim đã nở

THIÊN YÊN
sài gòn 1/1999



NGUYỄN HUY THIỆP

Chuyện tình kể trong đêm mưa



Hồi ở Tây Bắc, tôi có quen một người Thái tên là Bạc Kỳ Sinh. Tôi quen Bạc Kỳ Sinh trong dịp tình cờ. Sự việc như sau:

Hôm ấy, tôi đi chợ Mường La. Chợ Mường La họp ngay trên đường phố núi. Chợ khá sầm uất, hàng giả thật lẫn lộn. Các cô gái Thái, gái Xá ngồi bán đào, mận, *mắc coọc*... hái ra từ trong núi. Những sạn vải hoa, phích nước, xoong nồi... buôn từ Trung Quốc sang bày bán la liệt. Những người đàn ông, đàn ba H'mông dắt ngựa, gùi những gùi sa nhân, đẳng sâm, ba kích... gùi cả những gùi nếp tan là thứ gạo nếp đặc sản có một không hai của họ, màu hồng hồng như nhuộm phẩm, rất thơm và dính.

Chợ Mường La họp từ sáng sớm, khi sương mù đang còn dày đặc, người đi chợ như đi trong mơ, cách một sải tay chẳng nhìn thấy gì. Sương mù ở vùng núi cao khác với sương mù ở vùng đồng bằng: nó dày đặc, nó như màng sữa loãng, mênh mông bí ẩn, không hoang tưởng, không làm hại ai, nó là khí núi tan ra rồi tụ lại; nó không phải hơi nước, hơi bụi và mưa nhỏ mà ta vẫn gọi là sương ở dưới đồng bằng.

Khoảng gần trưa, khi sương tan đấy là khi chợ náo nhiệt nhất. Người H'mông xúm xít quanh nồi *"thắng cố"* uống rượu, thổi khèn bè. Người Thái người Xá cũng uống rượu, thổi khèn bè. Người La Hụ thổi khèn lá. Các cô gái Thái, gái Xá, gái Dao đứng tụm lại hát đối, hát ghẹo, hát giao duyên với các chàng trai. Có vài người nổi hứng bắn

lên trời mấy loạt súng kíp, đám đông xung quanh dạt ra như ong vỡ tổ.

Tôi đi chợ cũng chẳng định mua bán gì. Cũng có nhiều người đi chợ như tôi. Chợ miền núi là nơi gặp gỡ, giao tiếp, là lễ hội nhỏ, là nơi đi chơi, nơi người ta thoát ra khỏi nếp sống thường tẻ nhạt.

Tôi đi dọc phố chợ, đi hết chợ rồi ngược trở lại. Ở giữa chợ có một ông già người Hoa đang ngồi xem bói. Trước mặt ông già có một cái dĩa đựng ba viên súc sắc. Người xem bói đặt tiền rồi cho ba viên súc sắc vào một quả bầu khô lắc mạnh, sau đó đổ ra cái dĩa gọi là *"gieo quẻ."* Ông già căn cứ vào tổng số điểm trên ba viên súc sắc để nói về định mệnh của họ. Người ta xuýt xoa, trầm trồ, sợ hãi. Tất cả đều thành thực, tin tưởng. Có cái gì vừa như huyền bí, vừa như đe dọa, lại vừa như lường gạt trắng trợn lơ lửng đâu đây ở trên đầu đám đông. Tôi thấy vui vui, thấy hồi hộp lạ lùng và cũng định xen vào để thử vận hạn. Ngay khi ấy có người níu lấy tay tôi. Tôi quay lại, thấy một gã người Thái mặc quần áo chàm, đội mũ nồi, khuôn mặt thật thà, nói tiếng kinh rất sõi lắc đầu:

- Đừng có tin! Lừa dối đấy! Mời ông xem cái này!

Gã giơ ra trước mặt tôi một vật đen đen ám khói bếp, bẩn và hôi không tưởng tượng được, trông giống như một cái mề gà sấy khô:

- Đây là mật gấu 100%. Tôi bắn được con gấu này trong Xốp Cộp. Nặng 237 cân. Tôi để cho ông giá rẻ...

Tôi cười lắc đầu. Tôi đã biết người ta làm giả mật gấu bằng mật lợn thế nào. Tôi còn biết người ta đã dùng *xi lanh* để rút mật gấu thật rồi bơm vào đầy nước lã ra sao. Gã người Thái nài nỉ vài câu, cuối cùng tỏ ra thất vọng. Gã giơ hai tay lên trời, phàn nàn vài câu bằng tiếng Thái rồi bỏ đi. Tôi quay lại chỗ cũ, nhận ra chiếc đồng hồ đeo tay đã bị biến mất từ lúc nào. Tôi vừa giận, vừa bực mình. Đấy là vì khi ấy tôi trẻ tuổi! Cảm thấy bị kẻ khác lừa gạt, bị lỡm, bị hố, bị xỏ mũi chỉ vì mình cả tin, thật thà khiến tôi mất cả bình tĩnh. Với một giáo viên quèn, chiếc đồng hồ đeo tay khi ấy với tôi là một gia tài, một của quý, một sĩ diện, dù chiếc đồng hồ ấy luôn chạy sai giờ.

Tôi đi xuyên qua chợ, định tìm gã bán mật gấu, tôi định sẽ cho hắn một bài học đích đáng. Bỗng tôi thấy một cô gái Thái dắt một con ngựa tiến lại phía tôi. Cô gái Thái trẻ trung, xinh đẹp, đôi mắt nông, hoang vắng và tinh khôn có phần dạn dĩ. Đi sau cô gái có hai ông già tay ôm hai con gà chọi.

Cô gái chào tôi:

- Hầy à... Thưa ông, em muốn nhờ ông giữ hộ con ngựa một lát được không?

Tôi lúng túng, không biết trả lời ra sao thì cô gái đã dúi cương

ngựa vào trong tay tôi. Cô gái nói:

- Ông đứng ở vệ đường này. Chỉ một lát thôi là em quay lại...

Cô gái cười, nụ cười rất nhiều hứa hẹn rồi chạy bỏ đi. Hai ông già đi theo cô gái ngồi thụp ngay xuống lòng đường rồi thả gà ra. Lập tức, hai con gà xông vào đánh nhau túi bụi. Đám đông bu lại thành một vòng tròn, lộn xộn, điên cuồng, phấn khích không tưởng tượng được.

Có tiếng la hét dẹp đường rồi một chiếc xe *"côm măng ca"* đi tới. Trên xe có mấy cảnh sát chở một người tù bị khóa tay bằng còng số 8. Chiếc xe phải dừng lại vì bị đám chọi gà cản đường. Mấy cảnh sát vừa bước xuống xe thì đám đông ồn cả lên, bao vây quanh họ, bụi cát mù mịt tung trời. Một tổ ong vàng không biết ở đâu xuất hiện, vỡ tung ngay trên đầu đám đông. Người ta hò nhau chạy, ngã dúi ngã dụi vào nhau. Tôi chưa kịp định thần thì thấy cô gái Thái lúc này xuất hiện giằng lấy dây cương. Người tù trên xe nhảy ào lên lưng con ngựa. Cô gái Thái nhảy lên theo và họ lập tức phi ngựa băng qua các mẹt hàng, sạp hàng chạy về phía đường rừng Tạ Bú, tả ngạn sông Đà.

Tôi bị bắt giam vào đồn cảnh sát. Người ta coi tôi là can phạm trong vụ cướp tù, cuối cùng không đủ chứng cớ quy tội nên chuyển tôi làm nhân chứng. Tôi phải ký tên vào một tờ khai chữ nghĩa hết sức rắc rối mập mờ. Tôi được biết người tù kia là một tên thổ phỉ, một kẻ sống ngoài vòng cương tỏa xã hội. Hắn tên là Bạc Kỳ Sinh.

*

Trường học miền núi nơi tôi ở nằm trên một quả đồi trọc gọi là đồi Thông mặc dầu trên ấy chẳng có một ngọn thông nào. Trên một vạt đất bằng phẳng người ta dựng lên ba dãy lớp học làm bằng gianh tre nứa lá có phần nào giống một trại nuôi bò. Khu nhà giáo viên gần kề ngay đó lợp ngói, vách trát *"tooc si"* nhưng khi mưa xuống dột còn nhiều hơn cả mái nhà lợp gianh. Vốn thích độc lập, tôi tự mình dựng một ngôi nhà nhỏ cách biệt hẳn ra, có hàng rào bao quanh cẩn thận. Ở riêng một mình, tôi có cái thú của kẻ tự do, nghĩa là tha hồ buông xuôi ở trong cảm giác cô đơn mà không để người khác nhòm thấy, không làm lụy ai cả. Ở ta, tự cô đơn là cách rẻ rúng nhất, vô hại nhất để tạo ra ảo giác về tự do, một điều xét cho cùng cũng chẳng ra gì nhưng thiết yếu để rèn luyện nhân cách cho tuổi trẻ vốn lắm mê say và dễ sa ngã.

Mùa hè năm ấy, tôi phải ở lại trông coi, bảo vệ trường học. Mưa lũ kéo dài từ đầu tháng 7 đến giữa tháng 9 khiến nơi tôi ở không khác gì một ốc đảo. Số gạo dự trữ sắp hết. Tôi rất buồn rầu và thương thân mình. Tôi có thể ốm rồi chết ở nơi khỉ ho cò gáy này vô ích. Tôi đã

thấy mộ những giáo viên vô danh chết như thế ở Mường Hum và Chiềng Cọ, cả ở trong bản Chi cuối đường 19 nữa. Suy đi tính lại, tôi quyết định vượt qua thung lũng Chiềng Sạ vào bản Pò Mật tìm người giúp đỡ. Tôi mặc áo mưa, mang theo khẩu súng săn đã han rỉ và bị hóc đạn bên mình, mang đi theo để cho oai chứ thực ra chẳng có tác dụng gì cả. Tôi tìm đường đi xuống thung lũng.

Loay hoay hết buổi, tôi không làm sao vượt qua được thung lũng ngập đầy nước. Tôi không dám liều mạng bởi tôi không thuộc địa hình địa vật ở đây, nếu bị nước cuốn vào một khe hẻm coi như toi mạng. Tuyệt vọng, tới gần tối tôi quay về nhà, ngạc nhiên thấy ở trong nhà mình có ánh đèn.

Trong nhà tôi, giữa nhà có một đống lửa mới được nhen lên. Một người đàn ông Thái đang ngồi thản nhiên nướng thịt gà rừng. Thấy tôi y chẳng buồn nhìn mặt mà chỉ liếc xéo trông chừng khẩu súng săn của tôi với vẻ đề phòng.

- Ông là chủ nhà à? Y hỏi tôi sau khi tôi đã treo súng lên tường.

Tôi chán nản gật đầu. Người đàn ông Thái nói:

- Chúng tôi sẽ ở đây ba ngày đợi lũ rút đi.

Tôi hơi ngạc nhiên vì y dùng chữ *"chúng tôi."* Như vậy, chắc y không phải chỉ có một mình.

Tôi không còn gì ăn cả. Tôi thông báo trước với khách như vậy, không tỏ ý thiện cảm chút nào.

- Tôi biết rồi - người đàn ông Thái gật đầu với tôi - trước khi ông về tôi đã lục lọi khắp trong nhà này. Cô Muôn đang đi lấy gạo.

Tôi hơi phật ý vì thái độ tự nhiên của khách. Chừng như nhận ra, y mỉm cười giới thiệu:

- Tên tôi là Bạc Kỳ Sinh.

Tôi hơi giật mình. Bạc Kỳ Sinh nói:

- Tôi đi với gái. Cô ấy là Muôn.

Đúng lúc ấy, cô gái Thái mà tôi gặp trước đây ở chợ Mường La bước vào, vai đeo gùi, người ướt như chuột lột. Bạc Kỳ Sinh đứng dậy đỡ lấy gùi gạo. Tôi không hiểu họ moi đâu ra gùi gạo trắng tinh ở giữa trời mưa, ở giữa nơi mênh mông đầy nước ngập này.

Bạc Kỳ Sinh và cô gái nói chuyện với nhau bằng tiếng Thái. Cô gái nhìn tôi mỉm cười:

- Em nhận ra ông rồi! Ông đã giúp em giữ ngựa ở chợ Mường La.

Bạc Kỳ Sinh lấy gạo thổi cơm còn cô gái lui vào buồng trong thay áo. Tôi nghe thấy tiếng lục lọi đồ đạc rồi cô gái thò đầu ra cửa hỏi tôi:

- Ông giáo! Ông cho em mượn cái áo của ông được không?

Tôi nhìn Bạc Kỳ Sinh và thấy y có vẻ tán thành nên nói:

- Được!

Tôi ở miền núi đã lâu, tôi biết đàn ông Thái nhiều người có máu ghen tuông ghê gớm! Anh có thể chết như bỡn vì một nhát dao nếu như vô tình ghẹo phải cô gái có chồng đã *"tằng cẩu"* tức là đã buộc tóc ngược lên đỉnh đầu. Ở Yên Châu vài năm trước đây có có một vụ như thế: có một tay giáo viên người Kinh quê ở Hưng Yên đã bị xẻo mất "của quý" bằng con dao quắm to bản dùng để chẻ lạt, gã "pháo thủ" không bao giờ còn ra trận nữa, gã phải "hồi hưu" khi gã mới 27 tuổi. Tôi không muốn như thế, năm ấy tôi mới 21 tuổi đầu, chưa biết tí ti gì về chuyện *"phong hoa tuyết nguyệt."*

Một lúc sau, cô gái ở buồng trong bước ra, mặc chiếc áo *"phông"* sặc sỡ của tôi và chiếc váy mới. Trông cô rất đẹp, vẻ đẹp hoang vắng, vừa mê đắm lại vừa man rợ.

Chúng tôi ngồi ăn cơm và cùng trò chuyện. Bạc Kỳ Sinh ít nói, đôi mắt của y lạnh lẽo, căng thẳng như mắt diều hâu, thỉnh thoảng lại sáng rực lên như có tia chớp, tia lửa. Chỉ khi nào ánh mắt của y gặp ánh mắt Muôn nói mới dịu đi đôi chút, nó mới có vẻ như mắt người. Bạc Kỳ Sinh có nụ cười dè dặt, lúc nào cũng có vẻ như giễu cợt bản thân hay giễu cợt ai.

Chúng tôi ngồi nói chuyện về các sản vật ở vùng Tây Bắc, về phong tục người Thái, về việc người Kinh lên đây làm ăn sinh sống. Bạc Kỳ Sinh có vẻ không thích thú lắm với việc càng ngày càng nhiều người Kinh lên Tây Bắc *"đi xa hơn nữa," "khai hóa văn minh," "thắp lên ánh sáng văn hóa."* Muôn thì khác, cô tỏ vẻ chê bai lối sống khép kín, quá gần tự nhiên, thậm chí có phần tăm tối của dân miền núi. Qua câu chuyện, tôi thấy hai người hiểu biết nhiều thứ, không hề ngờ ngẩn hoặc quá hẹp hòi như cách thức mà dân thành thị chúng ta vẫn hình dung về *"người dân tộc."*

Cơm nước xong, Bạc Kỳ Sinh dựa lưng vào vách, mắt đăm đăm nhìn vào đống lửa bập bùng. Ngoài trời đêm mưa vẫn không ngớt. Bạc Kỳ Sinh hát ê a một bài hát bằng tiếng Thái, lời lẽ rất ấn tượng. Có nhiều đoạn, cô Muôn cùng hát với y. Tôi nghe loáng thoáng, cố gắng tìm cách sắp xếp lại lời của bài hát này:

Pò mệ ơi! Bố mẹ ơi...
Pò mệ sinh con từ hang núi.
Nơi ấy nhiều gió, lạnh lắm
Đêm mưa, nhiều gió lạnh lắm
Tiếng hổ gầm, tiếng chó sói hú

Những con rắn, con trăn tìm mồi
Bọn cáo chồn hôi hám rình mò
Con don, con dím nấp trong hang
Con mình trần thân trụi run rẩy
Gió lạnh lùa vào ngực con
Con nhen lửa, gió làm tắt lửa
Con sờ soạng trong bóng đêm
Và nhặt được một vật mềm, ướt át
Con sợ hãi, không biết vật gì
Nó phập phồng trong tay con
Ôi đau quá, đau nhói ở đây
Cái vật mềm, ướt át ấy
Là trái tim con rơi trên đất
Mặt đất ấy nhiều gió, lạnh lắm
Pò mệ ơi, ai thương con
Pò mệ ơi, ai thương pò mệ...

Tiếng hát của Bạc Kỳ Sinh rất lạ, đơn giản, như lời người nói. Tôi chưa thấy ai hát như thế bao giờ: người hát không lấy hơi, không ráng sức, khi nhấn lời hoặc ngân nga thì dịu dàng không sao kể xiết; ngậm ngùi, tê tái mà không mủi lòng; tâm trạng cô đơn lạnh buốt lẫn lộn với những khao khát nồng nàn. Tiếng hát sóng sánh, đặc như những giọt mật ong. Mỗi từ là một giọt mật. Tôi nghe hát mà nước mắt cứ thế chảy ra ràn rụa, tự nhiên không kìm lại được.

Bài hát chấm dứt. Tất cả lặng đi. Tiếng mưa rơi và tiếng côn trùng bỗng nhiên ùa vào trong nhà nghe rõ mồn một. Không ai nói năng gì cả. Tiếng hát vẫn còn như lơ lửng bay trong không gian, vướng vào mái nhà, kèo nhà, vướng vào mái tóc, vướng vào đôi môi, cháy xèo xèo trên ngọn lửa đỏ.

Bạc Kỳ Sinh hát xong, y cười một nụ cười nhợt nhạt, thất thần, hình như bao nhiêu sinh lực của y đã trút hết vào bài hát. Một lúc sau như không chịu đựng nổi sự yên lặng. Muôn cũng ê a hát. Bài này cũng xót xa tê tái chẳng kém gì bài hát của Bạc Kỳ Sinh.

Ing noọng ới, ing noọng ới
Nếu em xây nhà
Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Trong nhà có bếp lửa hồng
Trên bàn có cắm bông hoa đỏ và bông hoa trắng
Chăn đệm mới thơm tho

Bên cạnh em có anh
Em muốn anh ở bên cạnh em
Đấy là ước mơ của em
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi
Ma rừng bắt anh hay ngọn lửa nào gọi anh
Anh đi về hướng nào?
Không có ai đợi anh ở đấy
Anh yêu ơi, về đây với em
Ta xây ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng
Anh yêu ơi, bây giờ đi đâu rồi?
Người thương ơi, bây giờ đi đâu rồi?

Tôi lặng nghe Muôn hát, thấy giọt nước mắt lên trên gò má của cô. Bạc Kỳ Sinh có vẻ xúc động. Y đưa tay ôm lấy bả vai cô gái kéo về phía mình. Khi Muôn hát xong, y nói một câu tiếng Thái rất nhanh, tôi không nghe rõ nhưng đoán là một lời chửi rủa hay một lời thề độc. Muôn trừng mắt nhìn y rồi ngồi xích ra có vẻ bất bình. Họ nói về một người nào đó có tên là Ngân.

Đêm về khuya, mưa càng lúc càng nặng hạt. Mưa thấm vào đất, vào vách nhà, vào lòng người... Chúng tôi ngồi yên như thế rất lâu. Lát sau Bạc Kỳ Sinh lên tiếng trước. Y phàn nàn về những điều kiện sinh sống khốn khó ở nơi nào đó, chắc là ở quê hương y. Vùng Tây Bắc tôi đã đi nhiều, điều kiện sống của con người ở đây thật khắc nghiệt. Dân nhiều nơi chỉ đủ gạo ăn có ba tháng, còn chín tháng trong năm phải vào rừng đào củ mài. Săn bắn và hái lượm vẫn là những hình thức kiếm sống phổ biến của nhiều tộc người ở đây hệt như một ngàn năm trước. Nạn du canh du cư và triệt phá rừng càng làm cho quang cảnh rừng núi ngày càng thêm tiêu điều. Tôi cố tình dò hỏi tông tích gốc gác của Bạc Kỳ Sinh. Y trả lời dè dặt, y nói chung chung:

- Tôi là đứa con hoang của rừng.

Y nói câu đó thì thầm như lời thú tội, có phần chán chường nhưng vẫn ngấm ngầm một niềm kiêu hãnh đặc biệt. Tôi gợi lại chuyện xảy ra bữa trước ở chợ Mường La thì y mỉm cười:

- Rắc rối cho ông ghê lắm phải không?

Y ngượng nghịu xoa tay vào nhau rồi nói tiếp:

- Tôi đã mang ơn ông.

Sau đó y chỉ vào Muôn:

- Nhờ có con nhím này!

Mãi về sau, do nhiều người kể lại tôi mới biết rõ về câu chuyện xảy ra hôm ấy.

Đêm hôm ấy, tôi ngủ ở bên bếp lửa, nằm thao thức nghe tiếng mưa rơi. Trong giấc mơ, tôi cứ chập chờn về hình ảnh trái tim mềm mại, ướt át, phập phồng rơi trên đất lạnh và ngôi nhà nhỏ có cửa sổ rộng. Những hình ảnh ấy phải chăng là nỗi ám ảnh thân phận tình yêu đôi lứa của hai người?

*

Bạc Kỳ Sinh là hậu duệ của dòng họ Bạc đất Mường Vài. Đây là một dòng họ quý tộc xa xưa, đồn rằng ông tổ là người Kinh đã từng làm chức Thượng thư, bỏ lên Tây Bắc vì chán thời thế. Đấy là vào khoảng thế kỷ XVIII, thời vua Lê, chúa Trịnh, một thời nhiễu nhương trong lịch sử. Ông tổ của Bạc Kỳ Sinh lấy vợ người Thái, lập trang trại, sống nhờ vào việc buôn bán thuốc phiện với người Lào và người Hoa. Đến đời Bạc Kỳ Sinh, thời thế thay đổi, chính quyền mới đang tồn tại cùng chúng ta đây thành lập. Một đồn biên phòng đóng ngay ở đất Mường Vài. Việc buôn bán thuốc phiện bị cấm. Những người lính biên phòng thường xuyên xuống bản, giúp dân làm ăn, dạy học cho trẻ và giữ gìn trật tự an ninh trong vùng. Đồn trưởng biên phòng là Lò Văn Ngân, người Thái ở Yên Châu, một Thiếu úy mẫn cán và sắt đá. Số phận éo le, Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh có những mối quan hệ thật trớ trêu.

Một lần, vào dịp Tết cổ truyền, người ta tổ chức một cuộc đua ngựa cho thanh niên trong vùng. Chặng đua khá nguy hiểm, phải vượt qua nhiều suối và đá tai mèo. Có nhiều giải thưởng, giải nhất là một con ngựa đẹp. Muôn là cô gái xinh đẹp nhất đất Mường Vài sẽ trao dây cương cho người thắng trận.

Mười bảy kỵ sĩ tham gia cuộc đua, trong đó có Lò Văn Ngân và Bạc Kỳ Sinh. Hai người ganh từng phân một và họ bỏ xa các kỵ sĩ khác. Ở chẳng cuối cùng, nguy hiểm nhất là phải băng qua vực đất sụt, nghe nói dưới đó có mạch nước ngầm tự xa xưa, mạch nước ngầm này còn lớn hơn cả con sông Đà, nhiều chỗ mạch nước ngầm phun lên làm nơi đó biến thành bùn lầy vô cùng nguy hiểm.

Lò Văn Ngân là kỵ sĩ giỏi. Con ngựa anh cưỡi là con ngựa giống sông Đông ở Nga. Hồi ấy loại ngựa này chỉ nhập vào Việt Nam có 6 con để phối giống, được nuôi ở trại ngựa Bá Vân Thái Nguyên theo tiêu chuẩn đặc biệt, người ta tìm cách nhân nó lên để cung cấp cho lính biên phòng. Con ngựa này phi rất nhanh, nếu đường sá tốt có thể phi tới 300 cây số một giờ, bước nhảy của nó xa tới 4 mét. Nó cao gấp rưỡi con ngựa bình thường, Bạc Kỳ Sinh cưỡi con ngựa của người miền

núi Tây Bắc, chân thấp, tướng mạo xấu xí, trông giống như một con la già, chạy không nhanh nhưng dai sức, khi leo núi thì không khác gì sơn dương. Loại ngựa này đặc biệt nhạy cảm với địa hình miền núi, nó ăn rất ít và chịu được khát.

Khi qua đèo, con ngựa sông Đông của Ngân chạy song song với con ngựa của Bạc Kỳ Sinh. Đường rất hẹp, hai con ngựa chèn nhau khi vượt khúc quanh ở hẻm núi. Gió thổi mạnh, con ngựa sông Đông khỏe hơn nên hất con ngựa của Bạc Kỳ Sinh xuống khe núi. Bạc Kỳ Sinh thoát chết nhờ sự nhạy cảm thần kỳ của con tuấn mã. Con ngựa chụm bốn vó, lăn tròn ở vạt dốc nghiêng, không hiểu làm sao móc được một chân vào thân cây dâu da. Sau này Bạc Kỳ Sinh kể lại: "Lúc đó mạng sống thật là *"ngàn cân treo sợi tóc."* Con ngựa hình như cũng biết điều đó, nó chỉ doãi cẳng chân là cả hai sẽ lao xuống vực sâu 300 mét. Gió thổi, đá cào làm nó tuột xước hết cả da. Nó run bắn lên, mồ hôi túa ra đầm đìa. Mắt nó như muốn dò hỏi: *"Tại sao? Tại sao lại chết vô lý thế này?"* Thế là nó vùng vẫy, sức lực của nó như được nhân lên gấp bội..."

Loay hoay mãi, Bạc Kỳ Sinh mới gỡ được mình ra và dìu được con ngựa từ trên cây xuống. Bạc Kỳ Sinh bị thương khá nặng: xương đùi gãy, một chân bị trẹo khớp. Nhưng một kỵ sĩ miền núi thì chẳng bao giờ bỏ cuộc. Y vẫn tiếp tục cuộc đua. Để đến đích, nếu theo con đường cũ dễ dàng thì thất bại là chắc chắn: với hơn 20 cây số đường rừng như vậy thì người và ngựa sẽ kiệt sức vì mất máu. Bạc Kỳ Sinh quyết định vượt qua núi đá mèo để về thung lũng: đường ngắn hơn, chỉ có hơn hai cây số nhưng làm như thế nghĩa là *"leo núi"* chứ không phải còn là *"đua ngựa"* nữa. Được cái cuộc đua không hề qui định lộ trình bắt buộc. Từ xa xưa, dân miền núi đã quen chỉ xác định hướng đi chứ không xác định sẽ đi như thế nào, con người phải tự mò mẫm một mình và chỉ có linh cảm, trực giác giúp họ vượt qua tất cả.

Bạc Kỳ Sinh vượt qua vách núi đá mèo, nghĩa là cầm chắc cái chết trong tay, hy vọng sống trong một phần nghìn. Không hiểu làm thế nào mà Bạc Kỳ Sinh vượt qua được. Máu loang lỗ, bết đầy người và ngựa. Y đến đích không khác gì một con ma rừng.

Cuộc đua kết thúc. Không ai trao giải thưởng cho con ma rừng. Giải thưởng thuộc về Lò Văn Ngân và con ngựa giống sông Đông. Bạc Kỳ Sinh chỉ được sự tán thưởng ngầm của ít người dân miền núi lầm lì nhất, họ có cách đánh giá riêng của họ về các giá trị con người.

Bạc Kỳ Sinh dưỡng bệnh ở nhà ông Sùng là bố của Muôn. Ông là thầy thuốc biết chữa bệnh bằng nhiều thứ lá cây rừng. Tình yêu của y với Muôn bắt đầu nảy nở trong những ngày đó. Nhưng Lò Văn Ngân,

viên Thiếu úy đồn trưởng biên phòng cũng rất yêu Muôn.

Bạc Kỳ Sinh khỏi bệnh vào cuối thu. Lúc ấy rừng đang thay lá. Rặng cây sau nhà Muôn từ màu xanh chuyển sang màu đỏ như mận và màu đỏ như máu. Hoa đinh lăng là thứ hoa đơn ở rừng có màu vàng như hoa tai vàng nở rất nhiều ở hàng rào đầy những dây tơ hồng cũng màu vàng như màu nhẫn vàng.

Bạc Kỳ Sinh ngồi bên cửa sổ. Muôn ngồi xe sợi ở ngoài chái nhà, cô ê a hát bài hát mà cô ưa thích:

Ing noọng ới, ing noọng ới...
Nếu em xây nhà
Thì đó là ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng...
Trong nhà có bếp lửa hồng...

Ông Sùng hỏi Bạc Kỳ Sinh:

- Này Sinh, mày có nghĩ rằng dân miền núi sẽ có hạnh phúc hay không?

Bạc Kỳ Sinh cười:

- Khi còn mê muội...

Muôn hỏi:

- Vậy văn minh?

- Không tốt gì! - Một người đàn ông Thái vừa bước lên cầu thang vừa nói. Đấy là Lò Văn Cường, em trai ông Sùng, chú ruột của Muôn. Ông ta gùi một gùi hàng nặng. Ông ta vẫn buôn thuốc phiện từ Tam Giác Vàng qua đường Thượng Lào sang Tây Bắc.

Đêm hôm đó, Lò Văn Cường ngủ ở nhà anh trai mình. Ông bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Cháu Sinh ạ, tao đã thấy mày đua ngựa với người của chính phủ. Theo tao đi! Mày là ma rừng phải đi đường hẻm. Mày muốn con Muôn thì hãy nghe tao! Mày hãy đi gùi hàng lên Hoàng Su Phì! Hãy nghĩ đến tự do và tiền bạc rồi sau hãy nghĩ đến đàn bà! Con Muôn nó sẽ giết mày!

Nửa tháng sau, Lò Văn Cường bị bắn chết. Những người lính biên phòng của Lò Văn Ngân chỉ huy phục kích bắn chết ông ta khi mang thuốc phiện vượt qua biên giới. Lò Văn Ngân được thăng chức Trung úy. Ngân cưỡi con ngựa sông Đông đến chơi nhà Muôn. Anh tặng Muôn đôi vòng tay bạc,

Muôn hỏi:

- Nếu giết được một người thì được tăng một chức à?

Ngân bảo:

- Điều ấy tùy vào người bị giết là ai.

Muôn nói:

- Ông ta là chú tôi.

Ngân bảo:

- Tôi không biết.

Khi Ngân xuống cầu thang thì con ngựa sông Đông của anh đã bị cắt mất gân chân đang nằm gục bên hàng rào. Ngân chạy lên cầu thang rút súng chĩa vào Bạc Kỳ Sinh:

- Mày giết ngựa! Mày có biết con ngựa ấy đáng giá bằng mấy mày không?

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Cần thì tao cắt gân mày chứ không cắt gân con ngựa!

Bạc Kỳ Sinh bị bắt. Muôn than thở:

- Anh ta đang ốm.

Ngân nói:

- Con ngựa này mỗi này ăn 20 cân thóc, 6 lít sữa và 2 cân đường. Cả nước bây giờ chỉ có hai con như thế!

Bạc Kỳ Sinh bị giam 9 tháng trong tù. Ở trong tù, những người bạn của Lò Văn Cường chỉ cho y các mối hàng, cách đi rừng, cách chơi gái sao cho không bị mang bệnh, cách trốn lính biên phòng, cách phân biệt tiền giả thật, tiền *bạt* Thái Lan và tiền *kíp* Lào, rất nhiều thứ mà người ta không biết phân biệt đấy là những kiến thức về tự do hay sự từng trải phóng đãng.

Một tay ăn trộm người Dao tên là Triệu Phú Đại rủ Bạc Kỳ Sinh vượt ngục. Đêm hôm ấy trời mưa to, hai người rỡ mái tôn chuồn ra ngoài luồn rừng chạy về phía rừng Thuận Châu trốn tránh.

Ít ngày sau Bạc Kỳ Sinh tìm đường về nhà Muôn. Triệu Phú Đại cằn nhằn:

- Chúng ta phải chuồn sang Thượng Lào ngay lập tức. Loanh quanh ở đây rồi chết có ngày.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Mày biết gì về tình yêu.

Triệu Phú Đại thở dài:

- Đấy là thứ tình cảm không lương thiện.

Muôn chạy ra đón Bạc Kỳ Sinh, trên tay đeo đôi vòng bạc của Ngân tặng cô.

Bạc Kỳ Sinh hỏi:

- Cô yêu nó à?

Muôn nói:

- Không biết! Em chỉ thích bộ quân phục.

Bạc Kỳ Sinh và Triệu Phú Đại ở nhà Muôn ba ngày. Triệu Phú Đại bảo Bạc Kỳ Sinh:

- Mày lựa chọn đi. Hoặc ở Thượng Lào. Hoặc ở đây rúc váy con Muôn để đợi thằng Ngân đến bắt.

5 giờ sáng, lính biên phòng bao vây nhà Muôn. Triệu Phú Đại và Bạc Kỳ Sinh nấp trong buồng kín. Triệu Phú Đại nói:

- Phen này là chết chắc. Tao không tiếc. Chỉ tiếc mày mới 25 tuổi.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Khi thằng Ngân bước lên cầu thang tao sẽ dí dao vào cổ nó... Khi người ta đưa ngựa tới, mỗi thằng chạy về một phía.

Bạc Kỳ Sinh treo người ở trái nhà giống như con dơi. May cho y là 5 giờ sáng thì trời vùng núi còn tối như mực. Lúc ấy trời lại đổ mưa to. Hai người chạy thoát sang đất Thượng Lào.

Bạc Kỳ Sinh nói:

- Chắc cha con ông Sùng bị bắt mất.

Triệu Phú Đại cười:

- Con Muôn thì chẳng sợ. Biết *"mèo nào cắn mỉu nào"!*

Bạc Kỳ Sinh buôn bán dọc ngang ở vùng Thượng Lào, nhiều khi sang cả Thái Lan. Y có tiền, có nhiều thứ nhưng trong lòng khôn nguôi nhớ Muôn và nhớ quê hương. Thỉnh thoảng y tìm đường liều lĩnh về thăm đất Mường Vài. Một lần về, y bị bắt và xảy ra vụ trốn chạy ở chợ Mường La mà tôi chứng kiến.

*

Bạc Kỳ Sinh và Muôn trú ở nhà tôi sang ngày thứ hai thì họ cãi lộn với nhau. Cả hai đều mất bình tĩnh. Tôi không hiểu lắm vì họ nói bằng tiếng Thái rất nhanh, tôi chỉ lõm bõm biết một số từ. Tôi đoán hai người đã không đồng ý về cách giải thoát tình trạng hiện thời. Bạc Kỳ Sinh nài nỉ điều gì đó nhưng Muôn không chịu. Cuối cùng Bạc Kỳ Sinh đứng lên tru một tiếng khủng khiếp như chó sói hú. Trông y rất đau đớn. Muôn ôm mặt chạy ra ngoài trời mưa. Lúc ấy trời đã khuya lắm. Bạc Kỳ Sinh chạy theo. Họ giằng co nhau một lúc lâu rồi Muôn chạy về phía rừng. Bạc Kỳ Sinh quay trở vào nhà, y nằm vật ra ở bên đống lửa.

Tôi ngồi lặng lẽ chứng kiến hai vị khách trọ. Tôi mơ hồ thấy một nỗi thương cảm xót xa. Tại sao lại phải dày vò mình, phải dày vò nhau như thế? Hồi ấy tôi còn trẻ tuổi, tôi chưa nếm trải vị ngọt cũng như vị đắng tình yêu. Ôi tình yêu! Sau này tôi mới biết đấy là thế nào! Bạn

trẻ, bạn hãy yêu đi! Nó sẽ làm cho bạn hóa rồ dại, nó sẽ làm cho bạn tốt lên hoặc xấu đi thì tôi cũng chẳng biết nữa nhưng tôi biết chắc chắn đó là một điều tuyệt vời nhất trên đời, đó là thứ giá trị nhất trong mọi thứ giá trị mà Thượng Đế ban cho con người. Bạn trẻ! Bạn đừng tin những kẻ nói với bạn rằng tình yêu là sai lầm! Không có tình yêu sai lầm... Đấy là những kẻ ghen tị với tình yêu, những kẻ không có cơ hội để có tình yêu vu khống, xúc xiểm tình yêu...

Suốt đêm hôm ấy chúng tôi không thấy Muôn trở lại. Bạc Kỳ Sinh ngồi bên bếp lửa như hóa đá. Tôi cố gợi chuyện y. Y thở dài:

- Cô ấy sẽ không trở lại... Đàn bà rất thích những ngôi nhà có cửa sổ rộng để chuồn ra ngoài...

Trầm ngâm một lúc, y nói tiếp:

- Về bản chất, đàn bà đứng về phía trật tự... Không có trật tự nào dung được tình yêu to lớn...

Tôi lấy củi chất thêm vào đống lửa. Mưa rất to. Hai chúng tôi ngồi bên đống lửa đến tận sáng bạch. Bạc Kỳ Sinh đã kể cho tôi nghe về tình yêu nồng cháy của y. Y nói về phụ nữ, về cuộc đời, về nhiều thứ khác.

Y nói:

- Không ai mang lại cho tôi nhiều hạnh phúc và đau khổ như Muôn. Ông đã yêu bao giờ chưa? Tình yêu đốt cháy tim ta... Nó làm cho ta mạnh mẽ... Nó làm cho ta khôn ngoan nhanh nhẹn... Nó cũng làm cho ta trở nên hắc ám... Tình yêu dạy cho ta bước đi của hổ, của báo, cho ta sức mạnh của mãnh thú. Nó dạy cho ta sự giảo hoạt của cáo, của rắn độc... Nó khiến ta nhân đạo hơn hoặc độc ác hơn... Những kẻ hèn hạ không có tình yêu.

Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh về Muôn. Y nói:

- Cô ta cũng giống như mọi người đàn bà khác. Tôi quá điên rồi, quá nguy hiểm đối với cô ta. Trước sau gì cô ta cũng sẽ trèo qua cửa sổ để về với một môi trường tầm thường hơn nhưng an toàn hơn. Cô ta chết chậm hơn tôi. Nhưng tôi, tất cả những điều tôi nói không có ích gì, sau này rồi ông sẽ hiểu...

Bạc Kỳ Sinh ở với tôi đến trưa hôm sau. Y dứt khoát trả tôi tiền trọ. Món tiền khá lớn, bằng tổng số tiền lương giáo viên của tôi trong nhiều tháng.

Tôi và Bạc Kỳ Sinh chia tay nhau. Y nói rằng y sẽ di Thái Lan ngay hôm ấy. Cả hai không nghĩ rằng rồi sẽ gặp nhau. Tôi cũng không ngờ 25 năm sau, tôi đã gặp Bạc Kỳ Sinh trong một hoàn cảnh lạc lùng kỳ dị.

Cuối năm ấy tôi có dịp quay lại Mường La. Tôi gặp Lò Văn

Ngân, bấy giờ đã lên chức thiếu tá. Ngôi nhà của Ngân ở ngay cổng chợ Mường La, ngôi nhà thiết kế giống như những ngôi nhà khác, ở thành phố, tầng dưới để bán hàng hay để cho thuê văn phòng, tầng trên để ở. Ngân và Muôn lấy nhau, họ có hai đức con, cả hai đang học Đại học. Tôi gặp Ngân nhưng anh tiếp chuyện tôi dè dặt, thậm chí có phần lạnh lùng. Chúng tôi không nói gì về chuyện cũ.

Lựa dịp thuận tiện, tôi tìm cơ hội gặp riêng Muôn. Muôn còn rất đẹp. Cô mặc quần áo sang trọng theo lối dân thành phố. Tôi gợi lại chuyện về Bạc Kỳ Sinh thì Muôn thất kinh, hốt hoảng nói:

- *Bò hụ...! Ai nhá nhắc lại chuyện cẩu nưa...* (không biết...! Anh chớ nhắc lại chuyện cũ nữa...)

Tôi quay lại chợ Mường La. Cũng không khác xưa nhiều lắm: các cô gái Thái, gái Xá...ngồi bán đào, mận, *mắc-coọc*... hái ra từ trong núi, những người đàn ông đàn bà H'mông gùi những gùi sa nhân, đẳng sâm, ba kích, nếp tan... Ở góc chợ vẫn có những ông già người Hoa ngồi xem bói. Không có đám đông nào vây quanh ông già. Tôi đến gần ông già đặt tiền, gieo quẻ và hỏi về số phận của Bạc Kỳ Sinh. Ông già đọc cho tôi nghe một bài thơ chữ Hán:

- *Ngô bất ngộ*
Phùng bất phùng
Nguyệt trầm hải để
Nhân tại mông trung (*)

Tôi thở dài quay đi ngẫm nghĩ. Tôi tự hỏi mình:

- Này số phận! Những gì tạo nên số phận? Điều gì giá trị? Điều gì vô giá trị? Điều gì trên đời này có ý nghĩa nhất cho một con người?

*

Tôi đã gặp lại Bạc Kỳ Sinh tình cờ khi tôi đến Mỹ mấy năm trước đây. Hôm ấy ở New York, tôi đến một quán cà phê nơi vẫn tụ tập khá nhiều nhà thơ và nghệ sĩ. Ở đấy có một người chơi đàn *ghi ta* rất điệu nghệ. Người này hát những bài hát bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Khi nghe một bài hát tôi đã lặng đi không thể tin được. Đấy chính là một phần bài hát tôi từng được nghe ngày nào:

Pò mệ ơi... Bố mẹ ơi!
Pò mệ sinh con từ hang núi
Nơi ấy nhiều gió, lạnh lắm
Cuộc đời người nhiều gió, lạnh lắm
Ôi tự do, tình yêu, quê hương
Những con đường chông gai, nhọc nhằn

Con mình trần thân trụi run rẩy
Và sờ soạng trong bóng đêm
Con nhặt được một vật mềm, ướt át
Con sợ hãi, không biết vật gì
Nó phập phồng trong tay con
Đau quá, đau nhói ở đây
Con ngửa mặt lên trời và hỏi:
Đâu tình yêu? Đâu tự do? Đâu quê hương?
Pò mệ ơi...
Pò mệ sinh con từ hang núi...

Người đánh đàn ghi ta và hát là Bạc Kỳ Sinh.

Tối hôm ấy, Bạc Kỳ Sinh đưa tôi về nhà. Đó là một ngôi nhà nhỏ với cái cửa sổ rộng trên gác của một chung cư. Ngôi nhà khá đầy đủ tiện nghi. Bạc Kỳ Sinh thuê ngôi nhà này ở đây và sống độc thân. Sau lần gặp tôi, y sang Thượng Lào, sang Thái Lan rồi tới định cư ở Mỹ.

Chúng tôi uống rượu suốt đêm. Bạc Kỳ Sinh hỏi tôi rất nhiều về vùng Tây Bắc Việt Nam. Tôi hỏi Bạc Kỳ Sinh xem có cơ hội trở về Việt Nam hay không. Y buồn bã lắc đầu, chỉ vào ngực mình:

- Tôi không biết. Tôi vẫn thường đau ở trong ngực này...

Y cười, vẫn nụ cười như giễu cợt ai hay giễu cợt mình.

Trên tường nhà Bạc Kỳ Sinh có treo ảnh Muôn. Nước ảnh đã cũ, đã ố vàng nhưng Muôn trông rất đẹp. Tôi không nỡ nói với Bạc Kỳ Sinh ở Việt Nam, Muôn đang sống hạnh phúc.

Bạc Kỳ Sinh ép tôi uống rượu mạnh. Cả tôi và y đều say khướt. Tôi hỏi y thế nào là tình yêu. Bạc Kỳ Sinh bảo:

- Tin tôi đi! Đấy là một hung thần...

Đêm hôm ấy ở New York trời mưa rất to, mưa như ở vùng Tây Bắc Việt Nam, một thứ mưa nhiệt đới dai dẳng, tưởng như không dứt, tưởng như không thôi, tưởng như không bao giờ hết được.

NGUYỄN HUY THIỆP
Hà Nội 1998

GHI CHÚ:
(*) *Gặp như không gặp*
Được như không được
Như trăng dưới biển
Người ở trong mộng



TƯỜNG VŨ ANH THY

Núi tuyết,
biển mai và trang kinh

Sinh tử đã đong trong hũ rượu
cầm bằng dan díu với không hoa
hởi ơi núi tuyết sinh cây quí
một tí duyên lành nở sớm mai

gió đã lau khô chùm nguyệt quế
để mảnh trăng về giữa khói hương
người ở người đi chưa vững đất
đếm mà xem mái tóc mất dăm ba
bên kia núi tuyết bên kia biển
hơi thở dường như vẫn dạt dào

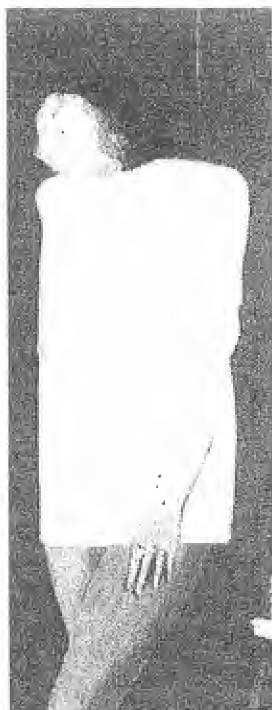
Xin hãy đào sâu vào giếng cổ
đem dòng lệ ngọc rửa thiên thu
trang kinh mở ghé bờ rêu cỏ
có tụng hay không cũng nhiệm màu

TƯỜNG VŨ ANH THY



TRẦN THỊ NGH.

Khoanh vùng



1. TỌA ĐỘ X

Phải hạ sát mi trước khi mi giết chết đời ta, tôi nghiến răng trèo trẹo. Gần một tuần nay rồi nó trụ tại căn nhà đó; từ cửa sổ phòng bên này có thể nhìn thấy rõ cái ban công bên kia, cách chéo con hẻm nhỏ, bỏ hai căn bìa. Thời dụng biểu của nó đều đặn cố định như công nhân viên Nhà nước. Trong ngày không nghe động tĩnh chẳng biết nó làm gì. Có lẽ nằm lim dim suy gẫm sự đời hoặc đi tới đi lui trong cái diện tích hẹp tó 1m x 4m, mới chạng vạng đã ngủ khò giữ gìn sức khỏe chờ đúng 3 giờ sáng bắt đầu làm việc đến khi mặt trời mọc rồi lại không nghe động tĩnh. Cái kiểu làm việc của nó phải nói là tận lực y như được Thượng Đế gửi xuống trần gian để cứu vớt nhân loại. Tưởng tượng một tay vai u thịt bắp, có thanh quản khỏe và bền, phổi cuồn cuộn ô- xy, lồng ngực trống, xương sườn đàn hồi bần bật như cao su, cổ vững như trụ bê tông... vẫn không thể làm việc với năng lực như nó. Cứ một giây rưỡi nó lại ngửa mặt lên trời.

2. MOST WANTED

Chỉ hai ngày sau khi nó xuất hiện ở địa điểm đó tôi đã điều chỉnh ống dòm quan sát cận cảnh: một khuôn mặt hiểm ác với hai con

mắt nhỏ không có lông mi, mũi chìm tuốt luốt trong cái mặt choắt, mồm miệng teo tóp không có cơ môi để xòe ra cười hay để vều ra khinh miệt, cũng không có khóe để trễ xuống giận. Đó là một thiết bị làm bằng chất sừng khi quác ra hết cỡ chỉ làm thành một góc nhọn, nhưng nếu ta chịu khó nhắm mắt để óc tưởng tượng làm việc tự do không có sự can thiệp của kiến thức về chủng loại hay ý thức sinh học, căn cứ vào cường độ âm thanh thoát ra từ thanh quản chắc hẳn đó phải là một góc bẹt thậm chí một góc tù. Cổ thì bo bo hai thẻo nơ lòng thòng, đầu trùm vương miện đỏ thiết kế theo hình răng cưa, ăn mặc lòe loẹt như trong dạ vũ hóa trang, màu sắc sậm sì nhưng óng ánh chất kim nhũ. Tuy nhiên phải công nhận nó có cái ức kiêu hãnh của dòng giống Aryan, cái căn cớ đã khiến Hitler tàn sát biết bao nhiêu người Do Thái lạc giống; và ngoài ra cái phần xòe rực rỡ phía sau bộ trang phục. Đẹp bất khả tư nghị. Cong vút, mạnh, vươn lên rồi buông nhẹ, mềm, đưa đẩy theo mỗi bước chân thong thả nhưng lẫm liệt. Cái vẻ đẹp làm nao lòng đó thực ra chỉ để che đậy cái phao câu chổng ngược với cái hậu môn nhăn nhúm nhưng cũng dư sức gỡ lại nét gian giảo trên khuôn mặt choắt. Tôi tự nhủ điều trước tiên phải làm khi tóm được nó là sẽ xé toạc cái góc nhọn cho thành góc tù, tiếp theo sẽ bứng nguyên cái vẻ đẹp đó ra chỗ khác chơi, coi như nhổ lông đít phóng sanh. Dĩ nhiên kiểu đó sống sao nổi.

3. NON-LEGATO

Như đã nói, cứ một giây rưỡi nó lại ngửa mặt lên trời quác cái thiết bị bằng sừng ra kêu gào chúng sinh hãy thức dậy lúc 3 giờ sáng. Đồ Lá Fa Mì Fa. Đồ Lá Fa hơi chói, rè nhọn, chỗ luyến Mì Fa hơi lento rơi ngang, với pianissimo. Một tiểu tác phẩm được biên soạn công phu, trước hết xoáy vào màng nhĩ người nghe rồi buông lơi dỗ dành. Nghe một lần, hai lần còn chiêm nghiệm được cái thiêng liêng trong lời rao giảng của thiên sứ. Nhưng mỗi một giây rưỡi trong suốt 4 tiếng đồng hồ giữa không gian tĩnh mịch vào cái giờ mà các nhà khoa học khẳng định là thời điểm chắc cú cho các giấc mơ xấu đẹp được lưu giữ trong trí nhớ của con người, còn theo dân gian thì là khoảng thời gian đã đời nhất của giấc ngủ, chịu sao thấu? Trời ơi vậy mà lúc đầu tôi lại thấy thương tội, cứ gáy như thế thì có nước vỡ cổ họng, bung phế quản, rách phổi. Sau một tuần tôi thay đổi quan điểm rồi lên kế hoạch hạ sát nó.

4. KẾ HOẠCH B

Ban ngày tôi đi làm. Trong suốt tuần lễ nó bách bộ ở ban công nhà bên kia, năng suất làm việc của tôi giảm thấy rõ: loay hoay mãi chưa xong bản báo cáo tổng kết 6 tháng cuối năm, ngáp muốn trẹo quai hàm ràn rụa nước mắt sống, chốc chốc lại mò tới cái bàn giữa phòng làm việc để uống nước, rồi đi tiểu. Người vữa ra như ăn chơi trác táng thâu đêm suốt sáng. Trời tru đất diệt con mẹ thống kê ở Ban Bảo Vệ Bà Mẹ Trẻ Em, giờ này chưa gửi lên Sở các số liệu về Kế Hoạch Hóa Gia Đình, bao nhiêu vòng xoắn bao nhiêu triệt sản bao nhiêu thắt ống dẫn tinh bao nhiêu nạo thai. Mỗi khi ngài thủ trưởng xách cặp cầm nón đứng dậy ghi lên bảng đi công tác ngoài, tôi lập tức đùa bản báo cáo qua một bên, trải lên bàn dự án mà tôi đã thảo vài hôm trước, có đánh số thứ tự nguyên nhân động lực, biện pháp xử lý, kế hoạch triển khai trong đó từng bước thực hiện được phết theo mẫu tự a,b,c... Thay vì ngồi cộng các số liệu cho báo cáo tổng kết, tôi thêm vào phần cuối của dự án xác suất thành công và phương hướng đối phó trong trường hợp vỡ kế hoạch. Chiều về cơm nước xong xuôi tôi đặt ống dòm theo dõi nó để nung nấu thêm lòng thù hận.

5. GIỜ G

Những đêm trời có trăng, nước kênh Nhiêu Lộc tràn lên trào vô cả dãy nhà 4 căn nằm quay hông về phía bờ. Nước liếm vô ít nhất 20m mang theo bao nhiêu tinh hoa của cuộc sống hằng ngày. Cứ trăng lên nước lớn là tôi nổi cơn suyễn. Uống Volmax, hít Ventodisk rồi nằm chúc đầu giơ mông lên trời chờ hạ cơn. Những lúc thô bỉ như vậy tôi nguyền rủa trăng của Hàn Mặc Tử, trăng của Bùi Giáng, trăng của Cung Tiến, của Somerset Maugham, của Edgar Poe, của Beetho, của Ngọc Cẩm - Nguyễn Hữu Thiết một thời song ca véo von *Trăng ơi trăng trăng rụng xuống cầu*, của tất cả các bậc văn hào thi nhân nhạc sĩ ca sĩ, mới và cũ, xưa và nay, vàng trắng và đen, những người đã lấy trăng làm nguồn cảm hứng ngọt ngào và bất tận. Gần như trong tư thế cắt cơn, tôi đâm ra ghen tỵ với cái phần xòe rực rỡ của nó. Mình thì trụi lũi vật vã trong khi nó oai vệ kiêu sa. Để triển khai dự án, tôi chọn một đêm tối trời đảm bảo sức khỏe và an toàn. Đó là đêm 23 tháng 12 dương lịch nhằm mồng 5 tháng 11 âm lịch năm Mậu Dần. Trời tối đen, hơi có mưa lâm râm hứa hẹn một hoàn cảnh cực kỳ thuận tiện cho cuộc mưu sát.

6. ĐIỆU BUỒN CHO CYBELE

Hình ảnh lãng mạn về đồng loại nó trong tuổi nhỏ của tôi là một con gà bằng kim loại đứng trên đỉnh tháp chuông nhà thờ thị trấn Avray, nơi cô bé mồ côi Cybelle mỗi chủ nhật ngửa cổ ngắm mê mải cái dáng nhỏ của con gà sừng sững in đậm nét trên nền trời bao la. Sau đó là mối tình kỳ dị của cô bé mồ côi và chàng Pierre lang thang - mà lúc xem phim tôi còn quá nhỏ để có thể hiểu đó là thứ tình gì với sự chênh lệch tuổi tác khó có thể chấp nhận bởi luật pháp và đạo lý con người. Để giữ lời hứa, Pierre trèo lên tháp chuông nhà thờ đêm Giáng Sinh lấy trộm con gà để tặng Cybelle. Nhưng cô bé không bao giờ có được cái hạnh phúc chạm tay vào con gà mơ ước, con gà lẫm liệt trên nền trời mênh mông, con gà trong chót vót của khao khát... bởi những ước lệ xã hội đã tầm thường hóa người hùng lang thang thành một kẻ bệnh hoạn dụ dỗ trẻ con và ăn trộm gà kim loại. Hình ảnh ghê rợn về một con gà khác mà tôi nhớ thì được nuôi trong ống tre, mềm xèo, dài thòn, quặt quẹo, trắng hếu bị mẹ tôi lôi ra hầm với nấm đông cô, bạch quả và các thứ linh tinh khác để dâng cho bà tôi. Nó thì khác. Nó khiêu khích trong tôi lòng căm hận, khơi dậy sự chiêm ngưỡng lẫn ganh tỵ, gieo mầm mống sát kê trong huyết quản, để rồi đêm nay tôi ngồi đây chờ đến giờ Tý ra tay hành động. Tại sao giờ Tý mà không giờ Hợi hay giờ Sửu? Giờ Hợi hãy còn quá sớm đối với những gia đình có thói quen thức khuya, giờ Sửu là thời gian đã đời nhất của nhân loại và trước giờ phụng hiến của thiên sứ.

7. CHIẾN DỊCH **Phượng Hoàng Gãy Cánh**

Tôi kéo nhẹ cửa sắt bê cái thang nhôm ra khỏi ngạch cửa rồi tắt đèn. Từ thềm nhà này qua ban công kia chỉ có mấy bước. Xóm này người ta xây nhà thâm thấp be bé; trong khi chờ chương trình giải tỏa của Nhà nước họ cứ để xập xệ, không sửa chữa cũng không xây mới. Nhà nào trần cũng lè tè 3m, trên có gác gỗ, ban công đúc 1m bề ngang 4m bề dài là chỗ phơi quần áo; trộm dùng sào móc đồ phơi đêm là chuyện thường ngày ở tổ. Vừa nghe tôi đặt khẽ cái thang cạnh gờ tường nó bật dậy, đầu lật qua lật lại cảnh giác, chân bước tới bước lui như đi tango. Tôi mò lên từng nấc uyển chuyển nhẹ nhàng điêu luyện. Thấy đầu tôi trồi lên nó lập tức táo tác chạy tới chạy lui như mắc đẻ, cổ họng kêu cục cục. Nhanh như chớp một tay tôi thộp cái cổ có hai thẻo nơ của nó, tay kia khớp chặt thiết bị bằng sừng. Hãm thanh là bước một trong kế hoạch. Tuy nhiên, sơ hở không thể tha thứ: một chân nó bị cột dây, đầu dây mắc vào khoen cửa lớn trổ ra ban công; chủ quan khinh địch; hai khung xương cánh nó hẳn phải cực kỳ vạm

vỡ. Nó giẫy như đỉa phải vôi, hơi gió quạt tốc mặt mũi, cánh cửa bị giật mạnh và đập cành cạch, hai chân nó quơ đạp tốc mặt mũi, cánh cửa bị giật mạnh va đập cành cạch, hai chân nó quơ đạp cào cấu rát xước hai bên cánh tay. Đúng lúc tôi rối trí vặn cổ nó hết sức bình sinh thì đèn trong bật sáng kèm theo tiếng quát.

Tôi vội dùng dao trong lưng quần cắt sợi dây lôi con gà qua kẽ hở của hai chấn song sắt, tuột hụt hai ba nấc thang chúi nhủi xuống đất. Lão chủ nhà nhoài người ra ban công la:

- Trộm! Trộm bà con ơi!

Các nhà bên cạnh lần lượt bật đèn. Nhiều cái đầu bù xù dớn dác thò ra, rồi đồ ngủ, quần xà lỏn, trẻ con, người lớn... Tôi đứng như trời trồng hết biết đường chạy, tay phải nắm cổ con gà - lúc này đã ra gà thiên cổ, hai thân thõng, cánh rũ, nặng chịch cỡ 3 ký giác, tay trái cầm con dao Thái Lan cán nhựa. Máu ứa ra ở những vết rách trên hai cánh tay. Họ thình thịch đỗ lại chỗ tôi đứng. Có tiếng người ré lên:

- Trời đất ơi! Bà Nga Sở Y Tế chớ ai!

Cả đám đông hơn chục người khựng lại, im lặng rồi bỗng lao xao đồng loạt: một mình, căn bìa, gái già, Sở Y Tế, thèm thịt gà trống... Có giọng đàn ông cười hô hố. Con nít chỉ trỏ giọng đớt đát trong trẻo: con gà chết queo, ngủm cù đèo, xì củ tỏi, banh ta lông, xí lắc léo... Tiếng phụ nữ dèm pha ú hự, xời, quái đản, hết chỗ nói, hết thuốc chữa, tâm thần phân liệt, mát dây, khùng ngay tróc... Chủ nhà sấn tới giật lại tài sản công dân, quắc mắt nhìn kẻ sát kê ngấm ngầm hăm he thù này phải trả.

8. KHÚC **Hưng Trầm Cảm**

Tôi đi theo hai ông Dân phòng về đồn Công an Phường, chủ gà xăng xái đi trước, xách theo con gà làm bằng. Một trong hai ông Dân phòng cầm con dao Thái Lan, hung khí gây án, miệng cười cười như người bị tâm thần dạng hưng phấn. Còn tôi, trầm cảm. Tôi vừa rầu vừa tức sao chuyện dễ như giỡn vậy mà không làm được. Người ta còn trộm được cả bầy vịt, thậm chí lùa cả heo, bò, trâu. Trong kế hoạch mưu sát, phần thất bại có thể là trục trặc nhỏ mang tính rủi ro hơn là thiếu tổ chức. Tại đồn Công an có 3 Dân phòng khác đang ngồi đánh bài với một Công an trực, mặt mũi non choẹt. Chủ gà bước vô giơ cao con gà trình bày sự việc với giọng hung hăng, sau đó nói thêm:

- Bà này nếu không phải là người cùng xóm, dân chúng đánh bầm thây rồi!

Công an non cười cười:

- Thôi ông xách con gà về nấu ra-gu ăn nô-en, để bả đây tụi này lo. Mai ổng đi Cần Thơ về xử.

Chủ gà hầm hầm xách con gà ra cửa còn ngoái lại nói gằn:

- Mấy ông xử sao cho công minh. Của người bạn dưới quê cắc ca cắc củm mang lên cho, mới nuôi được chưa đầy 10 ngày. Trộm được con gà còn dám làm nhiều chuyện động trời khác, ai biết?

9. THẨM TRA LẦN MỘT: **Bình An Dưới Thế**

Gần 3 giờ sáng. A ha! Sắp tới giờ Đồ Lá Fa Mì Fa, dạ tấu khúc dang dở. Không nói ra chứ tôi biết trong xóm có nhiều người mang ơn việc tôi vặn trẹo cổ con gà. Lần trước con heo của bà Mười bán canh bún trong xóm tự nhiên lăn đùng ra chết làm ai nấy hả hê thoát mùi chua thủm. Dạo đó tôi chưa phôi thai máu sát sinh, còn thương cảm bà Mười chí thú làm ăn, ngậm ngùi giọng rao mỗi chiều: Canh bún đây! Bún thiu bún thối bún ế đây! Rao vậy nhưng người lớn con nít tới ăn rần rần, hàng bán đắt hơn sau khi con heo chầu trời; chắc do ảo tưởng vệ sinh về phía thực khách. Công an non đưa cho tờ giấy cây bút bảo ngồi chỗ cái bàn trong góc, khai được tới đâu thì khai.

- Bà chị chưa có tiền án tiền sự, nhà cửa tươm tất có công ăn việc làm đàng hoàng dưng không đi trộm gà chơi tìm cảm giác mạnh hử?

- Đâu có, tôi thù nó cả tuần nay rồi.

Một ông dân phòng thốt nhiên cất giọng ngâm:

Thù cha thù mẹ cứ thù

Nào ai hơi sức mà đi thù gà

Cả đám cười khặt khặt rồi công an non đứng dậy kêu tới giờ đổi ca sao cha Khải cưa đến. Vừa lúc đó người được gọi là cha Khải bước vô.

- Có gì lạ không anh em?

- Có một bà chị công dung ngôn hạnh trộm gà của ông Ba Xị căn số 11 Phường 12 tổ 14.

- Gì kỳ vậy?

Cha Khải vừa hỏi vừa bước tới chỗ tôi ngồi ngó thẳng vô mặt kẻ phạm pháp rồi cầm tờ giấy lên coi.

- Mới có Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc, khai tiếp đi bà chị. Mày về được rồi đó Tâm, để tao.

10. THẨM TRA LẦN 2: **Điệp Khúc Tình Thù**

Không ai tin tôi thù con gà. Cha Khải tuổi xồn xồn, mặc đồ công

an cổ áo có đính cấp bậc, mặt mũi rần ri. Không biết cha cấp bậc gì. Ngày còn trẻ tôi bắt bồ lung tung với các sĩ quan đủ mọi binh chủng 4 vùng chiến thuật, nay không còn dịp làm người yêu của lính nên kiến thức quân sự giới hạn. Cha Khải đọc tờ khai xong cười khẩy.

- Bà chị giải thích linh tinh, đọc bố ai hiểu. Gà được sinh ra để gáy, chó để sủa, ngựa để hí, ca sĩ để hát... Lý do nêu trong tờ khai không ổn. Hay bà chị có thù cá nhân với ông Ba Xị?

- Đâu có! Tôi ở trong xóm ít tiếp xúc với ai vì bận đi làm cả ngày. Tôi thù nó mà!

- Khai thành thật sẽ được khoan hồng. Bây giờ trả bà chị về người ta phản ảnh chúng tôi thiên vị, mà ông chủ gà sẽ chẳng để yên cho chị đâu. Trộm bắt quả tang mà.

- Tôi làm như vậy là đúng rồi, coi như thay mặt bà con tổ dân phố 14 xử con gà. Kể từ nay cả xóm ăn ngon ngủ yên. Chẳng lẽ bây giờ tôi phải ngồi đây tới mai đợi *ổng* về xử. Bốn giờ sáng rồi, tôi còn phải đi làm.

Nói vậy chứ tôi đâu biết *ổng* là ai. Cha Khải nói:

- Đâu được. Phải có phép tắc sổ sách đàng hoàng. Ổng về bà chị còn phải khai lại, tráo trở ổng bạt tai mẻ răng. Chị biết ổng hả?

- Không biết, nhưng nghe cậu kia nói *ổng* đi Cần Thơ.

- Chưa chắc mai ổng về kịp. Bà chị ở tổ 14 sao tôi chưa gặp lần nào?

- Tôi mới chuyển tới tạm trú chưa bao lâu.

- Về xóm này ăn ở cho đàng hoàng, chơi trò trá hình ổng cùm mục xương.

Mấy ông Dân phòng vừa hóng bài vừa hóng chuyện. Một ông góp ý:

- Cho bả về đi cha ơi. Có con gà nhằm nhò gì, lão Ba Xị đòi đền bao nhiêu thì đền. Con bà Tư Bấp Nướng giật dọc chơi xì ke sao mấy cha không nhốt?

- Mầy biết gì mà nói.

Tôi ở lại đồn đêm đó. Phía trong sau cái phòng họp là một phòng trống diện tích cỡ 2m x 3m, có hai cái ghế đẩu trong góc. Tôi ngồi bẹp dưới đất gãi sồn sột. Muỗi vo ve um cả tai. Mấy vết rách xước hai bên cánh tay vẫn còn ứa máu. Ngoài kia bọn họ râm ran sát phạt không thấy dấu hiệu mệt mỏi nửa đêm về sáng trong khi mí mắt tôi nặng cứng như bị liệt.

11. ĐÊM THÁNH VÔ CÙNG

Đêm đó rồi thêm hôm sau. Sát cạnh nhà có bà cụ tử tế mang vô cho ổ bánh mì thịt và chai nước lọc. Bà cụ nói:

- Đừng lo, tôi khóa cửa giùm nhà cô rồi. Bỏ tang hoang vậy rồi đi bắt gà, thiệt dại hết sức.

Cha Khải phân bua với bà cụ:

- Bà chị này xui, kẹt nhằm lúc ổng đi vắng tụi tui đây có thẩm quyền xét xử. Mà hình như vụ này còn nhiều mờ ám.

- Muốn gì nói đại, giữ người ta chi mấy ông ơi!

Cha Khải làm thinh, bật quẹt châm thuốc hút, xì khói ra lỗ mũi rồi nói một mình, đầu lắc đắc:

- Bây giờ phức tạp lắm.

Chiều tối vẫn chưa thấy tăm hơi người có thẩm quyền. Bọn họ thay trực ca đêm. Người mới đến hỏi người trước chuyện gì vậy. Lại cười hô hố chuyện nữ tặc vặn cổ gà. Tưởng đâu trong tình cảnh đó căm hờn đang dâng cao, trái lại tôi thấy lòng thanh thản hết sức. Hình ảnh con gà thiên sứ, kỳ lạ thay, đã biến mất tăm trong cảm xúc lẫn suy nghĩ. Tôi thắc mắc tự hỏi sao mình cảm thấy khỏe re vậy. Sau một đêm lao xao, thức trắng với quân vo ve hút máu, tôi vẫn không thấy mỏi mệt bực tức hay nôn nao muốn về nhà. Người nhớp nháp mồ hôi trong bộ đồ ngủ chà lết gần một ngày chưa thay làm tôi ngứa ngáy, nhưng thử tưởng tượng coi, về nhà làm gì đây? Tắm rửa thay quần áo trèo lên cái giường quen thuộc nằm chèo queo ăn nô-en. Sáng dậy đánh răng rửa mặt vô Sở cộng trừ nhân chia bao nhiêu vòng xoắn bao nhiêu triệt sản bao nhiêu thắt ống dẫn tinh bao nhiêu nạo thai, mới nghĩ tới đã thấy nhợn. Biết đâu sau vụ này còn bị cho thôi việc, bà con chòm xóm ông đi qua bà đi lại dòm ngó xúc xiểm, lão Ba Xị tha hồ chì chiết báo thù, chỉ còn nước bỏ xứ đi làm ăn chỗ khác. Chịu khó chờ thẩm quyền đi Cần Thơ về buộc tội trá hình cùm mục xương cho khỏe. Ở gian trước bọn họ bày ra khô mực và bia Sài Gòn nhậu mừng Giáng Sinh. Có chàng nào mang theo cây đàn hát rè rè cái bài Đêm Đông. *Đêm Đông lạnh lẽo chớ sinh ra đời, đời ôi đáng chán khổ hơn con lừa...* Ngoài đường vọng vô tiếng xe gắn máy chạy rào rào lũ lượt đổ về phía trung tâm thành phố. Tôi nằm trên sàn gạch, mượn cái mềm của một ông Dân phòng kê làm gối, thiếp ngủ hồi nào không hay, bỏ mất thói quen nghe dạ khúc lúc 3 giờ sáng.

TRẦN THỊ NGH.
Tháng 12,1998



MƯỜNG MÁN

Những mùa trăng ca múa



Cái mũ cối: lớp vải bọc ngoài cũ bạc loang lỗ những mảnh vàng ố. Cái mũ cối: lớp vải Ka ki thấm mồ hôi ngày nắng gắt nào xa xôi, thấm mưa sương đêm nào cũng đã quá xa xôi, biệt tích. Làm sao tôi có thể phân biệt được màu nắng màu mưa màu bùn màu đất khi cái mũ đã bị luộc chín bởi lửa thời gian, bị vây ngợp giữa điệp trùng cái nhìn về quá khứ. Nhìn về quá khứ, những khóe nhìn buồn, khóe nhìn chất ngất, khóe nhìn bâng khuâng nhung nhớ.

Tôi nhìn về quá khứ qua cái mũ cối hư cũ này, qua vóc dáng méo mó của nó tôi vẫn có được tia nhìn tròn đầy. Cái mũ cối có thể bóp nhẹ đã dẹp, ném mạnh đã hư. Cái mũ cối già cỗi sau bao lần luân lạc tôi vẫn giữ, nâng niu trang trọng như một bảo vật - ví nó là kỷ niệm, vì qua nó tôi nhìn thấy lại cả một đoạn đời, tôi nhìn thấy lại chuỗi ngày tháng nồng khói hương đã mịt mù xa khuất, nhất là qua nó tôi nhìn thấy hình ảnh một người khắc đậm lên tâm tưởng tôi. O tôi, o Dương.

Thí dụ ký ức tôi là chiếc tủ có bốn ngăn thì o Dương chiếm hết ba ngăn, ngăn còn lại đựng các thứ lặt vặt. Hình bóng o trùm lấp hết các hình bóng khác mỗi lúc tôi ngoái cổ về.

Cái mũ cối, o Dương, ấu thời tôi gắn liền nhau mật thiết tưởng chẳng phút nào rời nhưng nay tôi còn giữ được cái mũ cối, o Dương và tuổi ấu thơ tôi vuột mất rồi. Không biết o Dương bây giờ thế nào -

nhưng o Dương trong ấu thơ tôi thật đẹp thật hiền dịu. O Dương, hai tiếng thân yêu ngọt ngào ấy lâu rồi tôi không được thốt ra miệng với bàn tay, đưa lên làm một cử chỉ chào mừng. O Dương đã chết? O Dương còn sống? - Không biết. O đã như cánh chim bay vút qua đời tôi mất bóng.

O Dương 19 tuổi, tóc kẹp, áo nâu vỗ tay giữa bầy trẻ ngây thơ và hát. O Dương hát hay lắm. Lúc hát o ngửa mặt lên trời, nhìn vầng trăng sáng (có lúc tôi sợ trán o sẽ chạm tới vầng trăng). Vầng trán phẳng gió phất phơ vài cụm tóc ngỗ ngược bay loạn xạ che cả mắt o, hai tay o bận vỗ nên chẳng thèm đưa lên vén tóc. Biết bao lần tôi say mê chiêm ngưỡng o trong dáng vóc ấy. Thuở đó tôi thích nhất nhìn o dưới trăng tập hát mà không hiểu vì sao, nay hồi tưởng mới biết những đêm đó o tuyệt đẹp, tuyệt duyên dáng. O vỗ tay, o hát: giọng o thật tốt, thật trong. O hát hay nhất các bạn đồng lứa, o có thể hát dở hơn họ, nhưng đối với tôi, cho tới bây giờ o vẫn là người hát hay nhất thế giới. Tôi hát theo o, tôi vỗ tay theo o. Tiếng hát thời xa xưa ấy lúc này dường nghe thấy vang vọng bên tai như nó từng vang vọng qua suốt những mùa trăng! Thơ ấu... Đây gió, đây trong rừng, đây cánh đồng bao phóng khoáng, này cô em muôn vàn thương yêu cô sầu nhớ chi trong lòng? Tay ngắt bông hoa hồng cây với cành cùng đua thắm, ô kìa nhìn chim non đan vàng hoa tươi trên cành líu lo muôn đời... Tiếng hát không cánh mà vẫn bay, vẫn phiêu bồng lên tầng mây cao nhất, chạm tới những ngôi sao đẹp nhất xa nhất. Những ngôi sao xa run lạnh tái tê không ai nhìn thấy, tôi không nhìn thấy, tôi chỉ thấy lòng mình sáng rạng bởi hai ngôi sao gần: đôi mắt sinh ra để gửi vào đời khóe nhìn điềm đạm, mắt o Dương. O hát và o nhảy, điệu nhảy mộc mạc o tập cho cả bọn tới ba, bốn lần mới quen chân. Điệu nhảy múa vung hai tay, tiến chân tới, đá chân lên, khẽ lùi chân lại dễ dàng hết sức, tôi vẫn cố tình vờ trật nhịp giả vụng về để o Dương sửa sai, để nghe cái giọng êm như ru o nạt nộ: “Dễ ợt mà nhảy sai hoài à!” Tôi nhảy sai hoài để nghe o nạt nộ, sự cố tình vừa trẻ con vừa nghịch ngợm vừa thích thú biết bao.

Sân nhà ông nội lót gạch bát tràng rộng mông bốn bể bít bùng cây cối. Ông nội tôi thường bắt ghế ra hiên, dưới thềm trăng uống trà vuốt râu nhìn lũ cháu con ca múa. Ông nội chịu chơi rất mực, bọn trẻ đôi khi cao hứng hò hét ỏm tỏi ông chẳng la rầy, còn cổ vũ thêm:

- Hát to lên tụi bây, hát cho tụi Tây trên đồn Tây Thượng nó nghe nó ngủ nghê không được.

Đồn Tây Thượng cách làng bảy, tám cây số. Mỗi lần tôi khóc nũng khóc nịu mẹ tôi dọa đem bán cho Tây. Tây, danh từ mới lạ đọc

lên không rọi trong tôi hình dung nào rõ nét, nhưng theo sự mô tả của mẹ tôi thì những thằng Tây là những người ngợm với cấu tạo hình thể khá ly kỳ: mũi lõ dài thòng, mắt xanh lè tựa mắt mèo, tóc vàng xoắn như lò xo, có đứa da trắng có đứa đen thui... Thằng Tây thế đó, cộng thêm tưởng tượng tôi càng ghê khiếp hơn nữa, do đó mỗi lần nghe mẹ dọa đem bán cho Tây dẫu có muốn làm nũng tới chiều, tôi cũng cố nín khe không trở chứng nữa.

O Dương không bao giờ dọa đem tôi ra bán cho Tây, o dịu dàng dỗ dành, o ăn cắp mứt gừng của ông nội cho tôi. Ngoài hai buổi tới trường, suốt ngày tôi quấn quýt bên o, đêm o ấp tôi ngủ, cánh tay o mềm mại kê dưới đầu tôi và hơi thở o phà lên má là điệu ru không lời, là nhịp võng đong đưa đã cho tôi những giấc ngủ hồng. Tôi còn nhớ rõ mùi dầu dừa o xức tóc, còn nhớ chiếc nốt ruồi xinh xinh dưới cằm o tôi thường đưa tay rờ rậm. Thường bữa, o gánh hàng theo mẹ tôi ra chợ. Chợ chỉ họp buổi sáng nên o rảnh buổi chiều. Chiều, o tập họp bọn nhỏ lại tập hát. Nhiều hôm o đi đâu đó mất tiêu, tôi tò mò hỏi mẹ, mẹ bảo: O lên phố mua hàng, nhưng khoảng sẩm tối o trở về với hai tay không, tôi biết mẹ tôi nói dối. Một lần, vừa thấy o xách nón ra đi tôi khóc lóc chéo véo đòi theo, o dỗ dành hoài không nín đành ngả lòng. O dẫn tôi băng qua con đê ngăn nước mặn ra sau ngôi miếu cổ trơ vơ giữa đồng trống. Ở đó có cỡ mươi mười lăm người đang đợi o, trong đám đông tôi thấy có cả cậu Phong, ông cậu em mẹ tôi nổi tiếng học giỏi và nghiêm nghị nhất họ ngoại. Tôi lẽo đẽo cầm chiếc áo o Dương đi trờ tới, thoáng thấy cậu Phong tôi đã có ý muốn bỏ chạy vì tôi vốn sợ cậu. Tôi giấu mặt sau vạt áo o Dương bối rối, o Dương hiểu ý cúi xuống nói:

- O nói đừng đi, cứ đòi theo cho được, cậu Phong đấy, cậu cho ăn roi liền.

Đang sợ lại nghe o Dương dọa, không chần chừ gì nữa, tôi quay đầu nhắm con đê chạy miết về nhà. Về tới cổng tôi thở hào hển kể với mẹ chuyện gặp cậu Phong và bọn người lạ mặt sau miếu. Mẹ tôi suỵt bảo im lặng. Tôi thắc mắc hỏi tíu tít, mẹ đưa ra một ngón tay ngang cổ nhỏ nhẹ:

- Chuyện người lớn mi đừng tò mò có ngày đứt đầu! Cứ đòi theo o Dương hoài, quên trận đòn bữa rằm của cậu Phong rồi à?

Tôi nín khe nghe mẹ tôi và vẫn không hiểu tại sao sẽ bị đứt đầu nếu theo o Dương ra gặp bọn người lạ mặt sau miếu?

Tôi thương mến o Dương bao nhiêu thì tôi ghét cậu Phong bấy nhiêu, ghét lẫn sợ. Cậu Phong có nét mặt hao hao mẹ tôi, nhưng đôi mày rậm, hồ như lúc nào cũng nhíu lại in hệt như hai con dao sắc lẻm

đâu mũi nhau trên đôi mắt sáng quắc im lặng. Cậu ít cười đùa. Cậu đi đứng nghiêm nghị tựa con hùm. Cậu nói năng từ tốn như ông cụ. Cậu trước mắt tôi là một núi giá băng, lạnh tanh, sừng sững. Cậu đỗ bằng thành chung rồi bỏ phố về làng không thèm học nữa. Cậu biết cả những bài hát tiếng Tây, biết chơi đàn và sáo và luôn luôn có cây bút máy nắp vàng giắt trên túi áo. Thanh niên thời bấy giờ ở vùng quê đều hớt tóc một mái, mái tóc trên đầu cậu gọn ghẽ và ngộ nghĩnh tăng thêm vẻ sáng rực của đôi mắt, vẻ lầm lì của đôi môi ít lời.

Cậu phong gia nhập bộ đội, o Dương cũng trong bộ đội, mẹ tôi bảo thế. Bộ đội đối với tôi là một nhóm người họp nhau lại để ca hát. Tôi chưa biết bộ đội thành lập để làm gì? Đi đâu? Về đâu? Tôi nghĩ được vào bộ đội như cậu Phong, như o Dương chắc là hãnh diện lắm, vui lắm, sung sướng lắm. Tôi cũng thích vào bộ đội để đi theo o Dương, để được ra sau miếu họp mặt mà khỏi sợ bị cậu Phong la ngầy. Tôi bá cổ o Dương hỏi:

- O đi bộ đội hả?

O trừng mắt găm tia nhìn nhọn vào đôi môi chưa kịp khép kín của tôi:

- Ai nói?

Tôi giấu quanh một hồi rồi bật mí:

- Má cháu nói.

Và không để o kịp có phản ứng, tôi nhanh nhảu:

- Cháu đi bộ đội với o được không?

O dịu dàng xoa đầu tôi:

- Còn nhỏ chút chun chưa được mô, đợi lớn tý nữa o cho đi bộ đội cầm súng bắn giặc Tây.

Tôi reo lên nói phăng phăng điều hiểu biết mới lạ:

- A té ra đi bộ đội để cầm súng bắn Tây à o? Thích hỉ?

O kéo tôi ngồi lên đùi âu yếm lăn tia nhìn tròn vào mắt tôi đáp nhỏ:

- Ừ, ráng ăn cho nhiều, cho mập, cho chóng lớn o cho đi bộ đội, mỗi bữa phải ăn thêm một chén cơm nữa nghe.

Tôi sung sướng "dạ." Tiếng dạ âm vang trong lòng chuỗi vui dài.

Ráng ăn nhiều chóng lớn o cho đi bộ đội. Lời hứa của o khác nào viên thuốc thần diệu làm tăng thêm dung tích cái bao tử bé tý của tôi: thường bữa ăn hai chén đã thấy no ứ thế mà sau lời hứa của o tôi ăn thêm chén nữa vẫn cảm thấy dường chưa no lắm. Lâu lâu tôi vênh mặt hỏi to:

- O coi cháu lớn chưa?

- Cháu sắp lớn rồi đó.

Sắp lớn nghĩa là sẽ lớn. Lớn đi bộ đội với o. Lời hứa của o là tiếng chuông ngân nga trong không gian êm đềm không ngớt. Không gian là tâm hồn tôi thuở đó: lồng lộng, xanh và mát vô cùng.

Tháng sáu. Trời nắng gắt, chim chóc trên hàng dương liễu trước ngõ bay đi đâu mất hết. Tôi nằm ngủ lơ mơ trên cổ ngựa gỗ trong khi mẹ tôi và cậu Phong thì thầm nói chuyện sau bếp, o Dương vắng mặt. Giữa bầu khí nhẹ tênh hơi nắng phù trầm tôi nghe tiếng mẹ tôi khóc, tiếng khóc cố nén tròn mười phần tức tưởi. Lát sau cậu Phong bỏ đi. Tôi nhổm dậy nhìn qua khe cửa thấy cậu đội mũ cối, vai mang chiếc bị rết đựng gì có vẻ nặng, khẩu súng báng ngắn đeo đong đưa bên hông nom thật oai. Tôi say mê trân trối nhìn cậu cho đến khi cậu khuất sau hàng chè tầu chỉ còn thấy cái chóp mũ cối ẩn hiện lấp ló dưới những chùm hoa dâm bụt đỏ chót.

Đêm hôm ấy, nằm trong lòng o Dương, tôi vừa rờ rẫm chiếc nốt ruồi xinh xắn dưới cằm o vừa thủ thỉ:

- Hồi trưa cháu thấy cậu Phong đội mũ mang súng đi rồi, có lẽ cậu đi lâu lắm mới về vì cháu nghe má cháu khóc. Cậu đi mô rứa o?

O Dương như không hề nghe câu hỏi, o mải ngước mắt nhìn đình màn, mơ hồ o thở dài, rồi khẽ ôm sát tôi vào ngực dỗ dành:

- Thôi ngủ đi, đừng hỏi tào lao ngớ ngẩn nữa, ngủ ngon o thương.

O áp môi hôn tóc tôi:

- Đi giang nắng cả ngày cái đầu khét lẹt.

Tôi không đáp lời o. Tôi nằm im nghe nhịp tim đều đặn ở trong ngực o và, không hiểu trái tim o đập với nhịp nào mà tôi chợt mang máng biết rằng o không vui. O đang buồn? O buồn có phải vì cậu Phong ra đi không? Tôi không hiểu gì cả. Một giọt lệ bất thần lăn từ má o xuống qua chiếc nốt ruồi dưới cằm khẽ tan đầu ngón tay đang rờ rậm của tôi, lành lạnh buồn buồn. Tôi thiếp ngủ trong tiếng hát khoan thai của chị Nhẫn vọng từ buồng bên sang... *Cánh chim bồ câu trắng đang trở về với chúng ta, dâng bao niềm sung sướng mang cho đời thái hòa. Kìa loài đế quốc chúng dã man gây chiến tranh, chúng ta thề quyết chiến cho nền hòa bình được vững bền...*

Cậu Phong đi hơn hai tháng thì chiến tranh bắt đầu lan rộng tới miền quê tôi. Những đêm ca múa trong sân nhà ông nội thưa thớt dần rồi chấm dứt hẳn. Các cuộc hành quân của lính viễn chinh càn quét qua làng mạc. Binh lửa tang tóc theo gót giày xâm lược của bọn họ kéo về. Tôi ở lại với mẹ tôi, o Dương khăn gói ra đi. Tôi thắc mắc không biết o có đi cùng đường đến cùng chốn với cậu Phong không? Tôi nhớ o khôn xiết. Tôi khóc lén khóc chùng. Tôi giận mình sao

không lớn hơn để cùng o đi bộ đội. Từ đó tôi nhìn ngoại cảnh bằng khóe mắt hứa hẹn phiêu lưu và nhìn vào mình bằng cái nhìn nghiêm khắc nẩy lửa. Tôi hét thầm cho cái cơ thể chậm tiến tôi nghe: lớn mau lên chứ, để ta còn đi bộ đội bắn giặc Tây. Thật tình tôi chỉ muốn lớn để được đi, được kề cận o Dương hơn là được cầm súng đốn ngã Tây, giặc Tây.

Giặc Tây, những thằng người cao lớn râu ria xồm xoàm nói năng líu lo, say rượu, hát hỏng, đập phá... những bộ mặt dữ dằn không khác mấy với sự tưởng tượng của tôi, lời mẹ tôi nói đúng y hệt và o Dương không cần cầm viết viết ra chữ cũng đã là một nhà văn tả chân đại tài khi o cho rằng Tây nó không giống người mình, nó mọc lông lá trên mặt, nói năng líu lo không ra cái chi cả. Cơm là hột ngọc của Trời rứa mà không biết ăn, ăn toàn bánh mì, tụi ngu thiệt! Người lớn bỏ trốn hết khi thằng người xa lạ này tràn về. Bọn trẻ con kéo nhau ra ngõ trương mắt coi thằng Tây nó thế nào, đếch biết sợ là gì. Có thằng Tây vui tính ném kẹo Sô-cô-la cho con nít. Có thằng Tây nóng tính đập đổ cả bàn thờ ông bà ông vải dân trong xóm. Có thàng Tây côn đồ dâm ô đè hiếp cả bà già. Có thằng Tây buồn tình hát hỏng say rượu đi nghênh ngang ngoài lộ quần áo sút cúc khoe tấm ngực lông lá như heo vọc, có thằng Tây...

Nhà tôi nằm trong khu vực bị giải tỏa để Tây đóng đồn. Mẹ tôi không còn lý do nào để ở lại níu giữ mảnh đất chôn nhau cắt rốn, bèn theo dòng người tản cư thiên di đi nơi khác, dĩ nhiên sự ra đi này não lòng não ruột và giàn giụa nước mắt thù Tây. Gà mới gáy canh tư mẹ dậy nấu nồi cơm to cho cả nhà ăn. Băng qua khu nhà cháy cuối làng, chúng tôi bắt đầu lội bộ dọc dài con đê ngăn nước mặn. Đoàn người lê thê ôm đùm di chuyển về phía mặt trời. Mặt trời sáng phản ánh lên da vàng thiếu ăn mất ngủ trông giống đám quân ma đang tìm đường về âm phủ, đang hành hương về thánh địa nào quên tuổi lú tên. Hết đi bộ lại xuống thuyền. Ngồi thuyền có mui che tôi thích thú nhìn mông ra bốn phía. Đây là cuộc du ngoạn thảm thê, dẫu sao, vẫn là một bước ra cho tôi nong rộng tầm nhìn, có dịp ngoái cổ trông lui ngôi làng dấu yêu lập lờ sau rặng tre nối vai nhau cúi đầu buồn tủi. Tôi nhíu mắt xòe tay che ánh nắng mặt trời ức đoán nhà mình nằm ở đâu sau bờ tre tối mịt kia, tọa độ cũng mù như óc tôi, không định ra vị trí. Thuyền đi được một phần tư ngày nghe máy bay bà già xé gió vụt tới, thuyền dừng lại, con nít bỏ ngồi trong khoang, người lớn chui xuống nước giấu mặt. May sao trong suốt hành trình chỉ có một lần máy bay xuất hiện, có lẽ ngày hôm đó, quân đội viễn chinh khan xăng nhớt chưa tiếp tế kịp nên hạn chế những phi vụ trinh sát (?).

Tôi sung sướng nhẩy cẫng quấn quýt ôm lấy o Dương khi vừa dời thuyền lên bến.

- Té o ở đây à? Té o ở đây à?

Tôi dồn dập hỏi như bão táp mưa sa, tung niềm vui hội ngộ ra khỏi đôi tay hạn hẹp để ôm lấy niềm hân hoan bao la từ đôi tay rộng lớn o Dương. O Dương ngồi xuống xốc nách tôi cõng lên vai, mừng vui quên cả việc đón mẹ tôi và ông nội.

- Ăn cơm ít hay răng mà ốm ri thằng tê, ăn nhiều chóng lớn để còn đi bộ đội nữa chứ.

Chúng tôi rời bến đò theo con đường đất bột vào sâu trong khu làng nằm tận dưới chân núi xa xanh. Tôi thất vọng khi biết không có cậu Phong ở đây. Tôi hết ghét cậu từ buổi trưa nhìn cậu đội mũ mang bị rết đeo súng ra đi. Hình bóng cậu bữa đó đã thành kỷ niệm đậm đà trong trí nhớ tôi cùng ước mơ lớn lên tôi cũng sẽ có lần ra đi hiên ngang như thế... Cậu thật oai phong, thật đẹp khi đeo mang mấy thứ phụ tùng lạ mắt kia. Tôi hỏi o Dương:

- Rứa cậu Phong chừ ở mô o?

- Ở đèo Ba Rền.

Đèo Ba Rền, tôi lẩm bẩm lập lại ba tiếng ấy trong miệng rồi vui vẻ hát... *Đèo là đèo Ba Rền băng qua rừng sương, ai bước đi trên đường dừng chân ở nơi chiến trường, ai đi mô trong nam ai đi ra Việt Bắc, đường rừng xa lắc...* o Dương điềm đạm nhìn tôi vừa hát vừa lắc lư cái đầu như chú gà con, o cười to dẫn tôi ra bụi tre bới đống tro dưới mấy cục gạch bắc làm bếp lấy củ khoai chẻ làm đôi, o chúm môi thổi thổi vài cái đưa cho tôi một nửa. Bột khoai béo ngậy và thơm phức tựa niềm vui chiều hôm đó. Tôi đưa mắt nhìn lên phía núi cao xanh thăm thẳm nghĩ cậu Phong chắc cũng đang ăn khoai nướng trên ấy, trên đèo Ba Rền.

Chúng tôi tạm trú trong nhà một bà bạn cùng buôn bán với mẹ tôi hồi còn con gái. Căn nhà phân làm đôi không rộng nhưng vừa đầy lòng tốt và thân tình của bà chủ. Những buổi tập hát được mở ra đều đặn hằng đêm. Nhiều bài hát mới chép chuyền tay nhau, o Dương cho tôi cuốn sổ nho nhỏ để ghi bài hát. Tôi hăng hái theo o Dương dự những buổi tập trận công đồn Tây. Gậy gộc được dùng làm súng và, chúng tôi tự do reo hò trong cánh rừng dày mịt khỏi sợ máy bay địch dòm thấy. O Dương làm trưởng toán cỡ hai chục chị dân quân. O đứng trên mô đất cao hô *"xung phong,"* lập tức các bạn đồng đội nhô đầu lên hào sâu ôm những khúc tre lồ ô vạt nhọn ùn ùn xung phong vào lùm cây trước mặt tượng trưng đồn địch, miệng reo hò chói lọi. Có chị hăng say xung phong vướng rễ cây rách toạc cả quần, có chị chạy lắc

lư bộ ngực không nịt nom ngộ nghĩnh... Chưa xáp trận thật, nhưng ai cũng có vẻ như đã kề môi nhấp men chiến thắng. Về phía các anh dân quân phần tập dượt hào hứng và mệt nhọc hơn.

Đang ở giai đoạn chuyển tiếp, Tây làm đồn chưa xong chưa có những cuộc bố ráp đại quy mô nên tình hình còn ít nguy hiểm. Thỉnh thoảng dân tản cư lại làm vài chuyến hành hương trở về làng thu góp mang đi những đồ vật chôn giấu trong vườn trong nhà (lúc đi chưa kịp mang theo. Ông nội tôi nóng lòng vì giấy tờ trích lục đựng trong cái ống tre nhét giấu dưới xà nhà. Ông cụ lo nhà bị cháy hoặc sập thứ giấy ấy không còn tức ruộng đất cũng ra ma, mai này khi hòa bình con cháu sẽ vất vưởng bơ vơ. Tôi và o Dương tháp tùng đoàn người trở về làng làm chuyến tàu vét cuối, tiện thể o Dương làm vài công tác gì đó do bộ đội giao phó. Dò xét tình hình địch (?).

Trở lại vườn xưa nhà cũ nghe quạnh hiu bốn phía. Tôi cầm tay o Dương lui tới quẩn quanh căn nhà vắng. Lâu, thiếu hơi người, lũ cột kèo bàn ghế như đã tất thở dưới trùng trùng phấn bụi. Khu vườn xơ xác ngọn cau, tơi bời lá chuối, chỉ còn cây khế đầu hồi vẫn trầm lặng nở rộ hoa tím gió đưa vương vãi khắp thềm, những cánh hoa nhỏ rưng rưng niềm thương nỗi nhớ. Thôn làng eo óc không tiếng chó cắn, không tiếng gà kêu, không tiếng trẻ con khóc lóc reo hò tở mở, không tiếng người lớn chửi bới... hoang vu ngự trị khắp nẻo khắp chốn: hoang vu gieo rắc trong gió cái mùi gì đó thật lạnh, thật cay làm tôi muốn ứa nước mắt, loay hoay lui tới giữa những bày biện thân yêu o Dương giục:

- Tóm góp lẹ lên rồi còn về, tối tới nơi rồi đó.

Tôi bám cây cột trơn lu leo lên xà nhà kiếm cái ống tre đựng giấy trích lục của ông nội. O Dương lúi húi ngoài nhà ngang thu góp mấy thứ lặt vặt. Lúc lôi trong kẹt tủ ra mấy lọ thuốc o reo lên:

- A, còn cả thuốc đỏ, thuốc nhức đầu, thuốc ký ninh... đây này, đem về dưới đó mà dùng, thuốc chừ quý hiếm hơn vàng.

O dồn các thứ vào chiếc bao bố vác lên vai, tôi cầm chắc cái ống tre trong tay. Hai o cháu khi ra ngõ không ai bảo ai cùng ngoảnh lại trông căn nhà, dường như o Dương thở dài nhè nhẹ. Đi giữa lối mòn bề bề cỏ lùng cỏ lác, tôi cảm tưởng mình đang lạc giữa cụm rừng xa lạ nào, chưa heo may nhưng gió nồm cũng vừa nhiễm lạnh. O Dương cúi đầu đi từng bước nhỏ. Tôi nhìn mông bốn phía hỏi bâng quơ:

- Tây nó đi mô hết mà không thấy o hè?

- Có lẽ bọn nó đi lùng ngả dưới Đầm Sen chưa về.

Hai o cháu tiếp tục nói quanh co những câu chuyện vụn vặt và bốn cái chân rảo bước nhanh. Qua khỏi ngôi miếu giữa đồng trống, o

Dương bỗng kéo tôi sụp xuống, o thì thầm:

- Hai thằng Tây ở dưới bợt đầm đang đi lên, không khéo bọn hắn thấy mình rồi.

Trống ngực tôi đập thình thịch. Tôi ngóc đầu dòm qua bụi dứa dại thấy hai vóc dáng to lớn in trên nền trời xám bạc. Tôi nép sát lưng o thở gấp:

- Làm răng chừ đây, hai thằng nó đi về phía mình.

Mồ hôi lấm tấm dính bết những tóc mai sợi vắn sợi dài vào nhau, vẻ mặt o Dương tư lự nghiêng cúi ngó đăm đăm hai bàn tay úp trên đầu gối, tôi bối rối chỉ muốn chạy nhưng đôi chân cơ hồ mềm rũ hết xương. Chúng nó hai thằng hay nhiều thằng nữa chưa xuất hiện? Sức tôi tụi nó cho một đạp e bẹp dí như con kiến cỏ. Còn o Dương? Chắc cũng chỉ chịu nổi một bạt tai chứ đừng nói một báng súng, tôi nghĩ quẩn lo quanh rồi bất giác rùng mình cái nhẹ nghe dòng nước ấm trong thoát khỏi thân mình. Ướt mèn cha cái quần rồi, tôi rủa thầm. Trời ơi, tôi đái ra quần, sợ à? Vâng, sợ thật chứ. Tôi toát mồ hôi dầm dề, mồ hôi bò xuống mắt cay xót. Tôi đưa mắt lơ láo nhìn lui, chẳng có ma nào cả. Đôi mày o Dương chợt nhíu lại hai nếp nhăn suy nghĩ. Một thoáng mỉm cười bỗng sáng trên môi o, o để chiếc bao bố xuống đất cho tay vào lục đạo rồi lôi ra chai thuốc đỏ đã vơi hết nửa. Tôi trố mắt ngạc nhiên định hỏi thì o đã lẹ làng mở cái nút chai, khẽ dướn cao người một tý và, trước cái miệng há hốc kinh ngạc của tôi, o thản nhiên kéo cạp quần đổ dốc nguyên nửa chai thuốc vào hạ phần thân thể o, đoạn o quăng cái chai không ra xa kéo tôi đứng lên:

- Cứ tiếp tục đi, ngồi đây bọn hắn nghi bắn chết cha.

O khom khom lưng bấm hai tay vào vai tôi và đi bằng dáng bộ của kẻ đau đớn. Chiếc quần trắng o thấm loang thuốc đỏ từng mảng lớn nom rùng rợn. Tôi lơ mơ hiểu o đang giở mưu thần chước quỷ gì đó để đánh lừa bọn Tây, nhưng vẫn chưa hiểu thâm ý của o cách tường tận.

Hai thằng Tây phút chốc tới lù lù trước mặt. Hai đứa cầm lăm lăm súng trên tay, mở bốn con mắt xanh lè nhìn chúng tôi. Nhìn vẻ nhăn nhó của o Dương, nhìn mặt tôi khờ khạo có lẽ tụi nó buồn cười, hai thằng cùng cười rộ. Tôi muốn xỉu nằm dài một cái sau đó ra sao thì ra, lòng can đảm tôi bay biến hết rồi, hết thật rồi. Nhưng tôi không muốn o Dương bắt quả tang sự yếu đuối của mình nên cố bặm môi chịu trận. Tôi đứng lặng im trời trồng rồi không biết do ma lực nào xúi bẩy tôi trừng mắt nhìn bọn nó, không thèm cúi mặt. Tôi ao ước có cục đá trong tay lúc này, tôi muốn tung hai cục đá bự vào hai cái miệng há to cười hô hố kia. O Dương vừa nhăn nhó vừa nhếch mép cười gượng với bọn

chúng. Thời gian dường đứng phắt lại nghiêm chào sự khốn khổ của chúng tôi, không chịu trôi. O Dương gập người ôm bụng làm bộ đau đớn. Một thằng đưa tay chỉ tấm quần đỏ lòm của o Dương bi bô nói với thằng kia chi đó rồi cả hai khoác tay bỏ đi. Thoát nạn, o Dương giả vờ đi khom khom một lát đợi hai thằng Tây khuất hẳn sau miếu mới đứng dậy thẳng lưng hiên ngang bước tới. Không ngăn nổi con ma tò mò đang la hét trong đầu, tôi lúp xúp chạy theo o khe khẽ nói:

- O đổ thuốc đỏ nhớp cả quần làm chi rứa o?

- Suỵt, cháu còn nhỏ không biết mô, đi lẹ lên đi về nhà rồi o nói cho.

O chẳng bao giờ nói cho tôi nghe về việc làm kỳ bí ấy cả. Sau này lớn hơn một tý tôi chợt hiểu và thầm phục trí thông minh lanh lợi của o ghê gớm - nếu không nhờ nửa chai thuốc đỏ lem luốc quần, rất có thể hôm đó o đã bị hai thằng quỷ hiếp tới chết.

Ngày tháng tản cư trôi trên nhịp độ phập phồng đêm đêm mọi người lắng nghe tiếng súng, lo sợ cho số phận ngôi làng ở lại. Không khí ngột ngạt tưởng chừng chỉ cần một biến cố nhỏ có thể nổ tung hết ra. Mẹ tôi cầm bán mấy thứ tư trang để mua gạo. Cha tôi vẫn mất biệt, không tin tức gì cả, có người bảo ông đang ở mật khu Ba Lòng. Thỉnh thoảng có một toán dân công di chuyển qua, họ tới nhanh và biến nhanh y hệt những bóng ma của núi thiêng rừng thẳm. Giữa những khoảng thời gian này, họ ngoại tôi mất một người thân, nhưng cả họ ngoại tôi chắc chẳng có ai đau buồn hơn o Dương hết.

Tháng tám, buổi sáng mùa thu chớm lạnh, tôi và o Dương xách nước tưới mấy vồng khoai vừa lớn. Mẹ tôi ra gọi chúng tôi vào, bà khóc rưng rức. Người thanh niên lạ mặt đang ngồi trên ghế vụt đứng dậy chào o Dương bước vào. Một thoáng run nhẹ chợt lùa qua người khi tia nhìn tôi đụng chiếc bị rết và cái mũ cối úp trên bàn. Người thanh niên chừng cũng xúc động, anh ta khẽ đằng hắng ngước mặt lên nóc nhà chậm rãi:

- Tôi về làng thì được tin chị đã về ở đây...

Anh ta ngừng lại nuốt nước bọt có lẽ đang đặc cứng trong cổ họng rồi tiếp:

- Báo cho chị biết tin buồn, anh Phong không còn nữa vì bệnh sốt rét. Cái mũ cối, chiếc bì rết cùng một vài thứ đựng trong đó anh nhờ tôi chuyển lại cho chị. Mong chị đừng buồn. Anh ấy mất ngày 28 tháng 7 và đã được chôn cất chu đáo trên đèo Ba Rền, trên mộ có cắm miếng gỗ làm bia ghi rõ họ tên, có dịp qua đó chắc chị sẽ tìm thấy.

Thời gian như ngừng lại trong đôi mắt mở hết khóe của o Dương, o mím môi cúi đầu và không có giọt lệ nào ứa ra từ hai khối tròn long

lanh mắt o. Người thanh niên cảm thấy nhiệm vụ đã xong, bằng cử chỉ gọn gàng, anh khẽ chào quay lưng ra ngõ đi thẳng.

Cái mũ cối, chiếc bị rết: kỷ vật của người chết nơi phương xa treo trên đầu giường o Dương. Mỗi ngày mỗi đêm o vào ra ngắm nghía và khóc. Mẹ tôi khóc, o khóc, tôi khóc theo. Cái mũ cối, chiếc bị rết lạnh tanh hơi người nhưng chúng hiện diện đó như một nhắc nhở không thể nguôi ngoai. Cậu Phong đã chết, bước phiêu lưu cậu dừng lại trên chóp đèo Ba Rền, dừng lại giữa man thiên trời đất. Xác thịt cậu rữa tan làm phân bón cho cỏ cây mọn hèn trên phần mộ cậu. Vài chục, vài trăm, vài nghìn năm nữa cây cỏ sẽ lớn thành cổ thụ, cậu sẽ nằm dưới bóng mát nó đời đời. Liệu tấm bia gỗ có chịu nổi nắng mưa chờ o Dương tới cúi xuống mò mẫn âu sầu đọc tên người tình yêu dấu? Hay nó sẽ theo dòng nước lũ của một mùa đông nào xuôi xuống ngàn hóa kiếp khác?

Nhiều đêm tôi mơ thấy cái chóp mũ cối di động sau những chùm hoa dâm bụt đỏ chói, không nhìn rõ dáng người đội nón, hình ảnh ngày đi của cậu Phong trưa hôm nào in đậm nét vẽ chân phương. Đèo Ba Rền, ở đó có người nằm không đội mũ, không đeo bị rết, không ôm súng. Người nằm nghe chiếc bia gỗ rung động không ngớt trên phần mộ mình: Cậu Phong,o Dương yêu cậu Phong. Cậu nằm đợi o trên chóp đèo Ba Rền...

Và có lẽ o nghe tiếng cậu gọi kêu nên một tháng sau o quyết tâm ra đi, không ai can o nổi. Ngày o đi, tôi tiễn o ra tận bến đò. O mang theo cái mũ cối, chiếc bị rết và nỗi buồn choáng ngợp chất ngất hơi lạnh mùa thu. Bến đò khuất bóng rặng tre vây che, lau lách mịt mùng trải đôi bờ mông quạnh. O Dương đi vai mang muối gạo, hồn mang nhớ nhung và, trong tim chắc hẳn leo lét ngọn lửa thù. Những ngón tay vuốt tóc tôi mai này sẽ vuốt ve những thứ khác, những thứ hẳn chẳng dịu dàng như tóc tôi. Tay o nâng buộc những vết thương, tay o mở chốt lựu đạn, tay o sẽ cầm kềm cắt kẽm gai xung phong vào đồn địch... đi tôi sẽ ngủ một mình, hát một mình, đùa giỡn một mình. Tôi im nghe tôi khóc. Đến lúc phải chia tay, o trìu mến ôm chặt tôi vào lòng, lấy cái mũ cối đội úp lên đầu tôi, vỗ vỗ lưng tôi, giọng dỗ dành buồn đậm.

- Cho cháu cái mũ đó, ở nhà ngoan ngoãn, ăn cơm nhiều thật nhiều chóng lớn để đi bộ đội.

Tôi gỡ cái mũ xuống ôm chặt vào ngực, nhìn o bằng khóe nhìn níu giữ tuyệt vọng:

- O đi, răng chừ o mới về?

O nhìn quanh thấy các bạn đồng đội bước xuống thuyền, o rời tôi nói nhanh:

- Tháng chạp o về, nhớ đón o nghe...

Bóng thuyền, khuất núi thăm thẳm trong ánh chiều hôm. Bàn tay vẫn quyến luyến của o không xé tan được hai màn lệ đóng kín mắt tôi. Tôi ôm cái mũ chặt cứng trước ngực trông với theo. Có lẽ đâu đó trên non ngàn, có lần cậu Phong đã đứng ôm mũ lặng buồn như thế này trông ngóng về quê quán cũ và sầu nhớ o Dương.

Tháng chạp o về. Tháng chạp năm 1953, o không về; tháng mười hai 1954, o không về. Tháng chạp 1955, 1956, không thấy o về. Tháng chạp 1960, 1961, 1962... o không về. Tháng Chạp 1970, o không về...

Tháng Chạp 1980, o về...?

Dấu hỏi buông ra, chìm vào bất tận đêm mong.

Ngày nay, những buổi chiều chẳng có việc gì để làm, những buổi chiều tẻ ngắt đến độ kinh khiếp, những buổi chiều chợt tỉnh thức ngoi lên khỏi dòng mê dài ngày tháng, bất cứ vào mùa nào. Khi mây và chim gọi nhau bay qua những cửa phủ, tôi mở cửa xuống đường, đầu đội mũ cối, hai tay thọc sâu vào túi quần đi vẩn vơ không chủ tâm không định hướng. Tôi bỏ những đường phố lớn, lẩn lút trốn Bãi Nội men theo chân thành cổ. Bóng chiều và niềm im tuyệt vọng vời thả trí tôi tận đáy hồ xanh. Trên mặt hồ xanh, tôi ngồi xuống, lòng thanh thản nhẹ tênh, cái mũ cối úp lên đùi. Cái mũ cối già nua bạc màu kỷ niệm. Tôi nhìn cái mũ cối và nhớ o Dương. Nhớ ấu thời tôi có nỗi buồn chẳng bao giờ phong kín. Ngồi đã nư tôi đứng dậy đi men theo chân thành cổ. Tôi im nghe tiếng hát xưa o lồng lộng vọng về. Tôi hát, hát say mê những tiếng hát đầu lòng xưa, mơ hồ thấy vầng trán quấn quýt tóc bay của o khẽ chạm tới vầng trăng vô hình nào đó. Tôi hát cho tôi nghe, cho cỏ cây nghe, cho gạch đá nghe. Tiếng hát xóa mất ý nghĩa của lời hát, chỉ còn nghe vọng vang từng hồi kỷ niệm tuôn thành suối thành nguồn trút vơi hồn tôi. Rêu phong ghi thành tôi, đá thành vọng âm tôi. Tôi chỉ hát thầm thì sao vẫn có cảm tưởng hơi thở tôi làm lung lay tấm bia trên mộ phần cậu Phong đã bao năm khuất lấp giữa non ngàn. Tôi như đứng bên kia sông nhìn sang chẳng bao giờ nghe o Dương vỗ tay, o Dương hát nữa. Ở đâu đó, nơi xa xôi o có tưởng được tôi lúc này? Có mường tượng thấy cậu bé ngày xưa giờ trở thành thanh niên đầu đội mũ cối, không bị rết, không vũ khí đi vẩn vơ qua những lối đường hoang vu chìm lắng và hát như một đứa khùng, một kẻ điên? Cậu bé ngày xưa đã lớn, phiêu bạt qua bao ga trạm dọc đời, đã lăn lóc chui rúc qua mấy ngả phố sông lụt lầm bụi cát vẫn không nguôi quên một góc vườn một xó bếp quê nhà. Quê nhà kẹt cứng trong nếp gấp đau của lịch sử. Tôi đội mũ cối đi qua thời thơ ấu cùng

tiếng hát o hơi thở o mang máng đầu bờ tre ngọn trúc. Căn nhà xưa, khu vườn xưa cây khế đầu hồi có còn trổ bông tím suốt những xuân thu vắng người bầu bạn? O là cánh hoa khế đã bay xa rồi. O xuôi dòng sông về mạn Bắc. Tôi đứng đầu dòng phương Nam ôm cái mũ cối như ôm bầu tâm sự tròn, như ôm khối đá nặng ngơ ngẩn trông theo. Bao nhiêu thu đông rồi bầu tâm sự tròn, khối đá ân tình vẫn nặng. Có bao giờ tôi đủ can đảm về đầu bến sông xưa ném cái mũ xuống dòng đuổi tìm o kêu đòi, níu o lại không cho o trôi, không để o thoát? Không, chẳng bao giờ tôi đủ can đảm về đầu bến sông xưa ném cái mũ xuống dòng đuổi tìm o kêu đòi, níu o lại không cho o trôi, không để o thoát? Không, chẳng bao giờ tôi đủ can đảm cả. Tôi là kẻ tình nguyện sung sướng ôm bầu tâm sự tròn ôm khối đá sầu o để lại. Giờ o đang ca hát trên nguồn suối nào? Lẩn lút trong trại hầm địa đạo nào? Mật khu nào o đang ở? - Đường biên giới nào o đang đi qua? Trận Tchépone ở Nam Lào có o không? Trận Soul ở Cam Pốt có o không?... Suốt đời tôi giữ hình ảnh o - *những - mùa - trăng - ca - múa* thuở nào. O còn nhớ không? Có nhớ cái mũ cối, nhớ tấm bia lẻ loi cắm đầu mộ cầu Phong rưng rưng sầu tủi, hay o đã lên tới chóp đèo Ba Rền nhổ cái bia ôm mang theo cho tròn lễ đạo, cho tròn thủy chung, cho tròn thương nhớ?

Những lần rờ rẫm chiếc nốt ruồi xinh xắn dưới cằm o, tôi không có khả năng tiên tri được sự rời xa ngàn dặm sau này, giờ hồi tưởng, chiếc nốt ruồi ấy đúng là một viễn điểm lôi kéo o ra ngoài tất cả mọi thứ, kể cả niềm kính yêu của tôi. Chiếc nốt ruồi tương tự trên bất cứ khuôn mặt đàn bà con gái nào tôi gặp, chẳng ai có nốt ruồi giống o, chẳng ai có đôi mắt gởi vào đời những khóe nhìn điềm đạm. Đôi khi tôi muốn o Dương chẳng bao giờ trở về để hình ảnh mãi mãi chiếm ba phần tư ký ức tôi mỗi bận nhìn về.

Đời sống cứ mở ra hoài hoài những cánh cửa và phong tỏa cứng ngạt bởi nghìn trùng tiếng động, tiếng nổ, lớp lớp tai ương. O Dương đi qua đời tôi bằng lối của con tàu ngang qua một ga thôn quạnh lẻ. Con tàu ngang qua một lần chẳng bao giờ quay đầu trở lại vì ngộ nạn dọc đường hay vì không cưỡng được sức lôi cuốn của chân trời mới khác hơn. Nếu lúc chết ai cũng có quyền mang theo mình một hình ảnh đẹp vĩnh cửu, tôi sẽ mang theo tôi hình ảnh o vỗ tay hát dưới vầng trăng về nơi cõi chết. Có thể giờ o cũng đang vỗ tay ca hát cuối non ngàn, tóc còn bay theo dòng gió nhưng hẳn tóc o bạc trắng với mây trời rồi. Mong cho o vượt thắng gian nan, mong cho o cầm được niềm vui quý hiếm nhất. Mong cho o, tôi mong o trở về. Nhiều lúc tôi muốn tin o Dương đang ở nơi chốn vô danh xa lạ chắc chắn không là trên trái đất



PHAN NHIÊN HẠO

Thơ tình 2

(Gửi H. ở bên đó và anh ở bên này)

Em là quả táo buồn
Ung dần trên mặt bàn lên nước
Ở chỗ những người nhọn răng
Thành phố đầy bọn buôn lậu
Anh ở nơi cánh cửa ký ức kẹt tay
Như con gián đi lần ra chỗ sáng
Còn để lại mùi hôi

Tái bút:
Ai có ăn em
Nhớ nhắc họ đánh răng

PHAN NHIÊN HẠO

ám mù khói súng này nhưng một nơi chốn tồn tại cường kiện bất khả chuyển lay, thách thức, vô hình vô sắc, ngoại trừ niềm hân hoan luôn vỗ về mộng ngọt, một nơi như là vô hư chẳng hạn, một nơi rất gần với thiên thai.

Cái mũ cối, o Dương và ấu thời tôi gắn liền nhau một thời hồng thế đó, nay tôi chỉ còn cái mũ cối - o Dương và ấu thời tôi vuột mất rồi.

Cái mũ cối, làm sao tôi phân biệt được màu nắng màu mưa, màu bùn màu đất khi nó đã bị luộc chín bởi lửa thời gian, bị vây ngợp giữa điệp trùng cái nhìn về quá khứ. Nhưng qua nó tôi nhìn thấy thật rõ hình ảnh o Dương, hình ảnh cậu Phong cùng câu hỏi buông vào bất tận: Bao giờ o về? Mãi mãi còn những buổi chiều khi mây và chim gọi nhau bay qua những cửa phủ, tôi đội mũ mở cửa xuống đường và bước đi...

MƯỜNG MÁN



NGÔ THẾ VINH

Giữa con đường tới khu Tam Giác Vàng

Gửi nhóm bạn Cửu Long



Xin chào nhau, giữa con đường
Mùa xuân phía trước, miên trường phía sau
Bùi Giáng

Khung cảnh nhân vật
chỉ là hư cấu tiểu thuyết



Nếu sông Mekong là một thủy lộ giao thương như giấc mơ ban đầu của Doudart De Lagré - Francis Garnier và đoàn thám hiểm Pháp vào thế kỷ 19 thì Tam Giác Vàng - *Golden Triangle* - nằm "*giữa con đường*" từ cao nguyên Tây Tạng ra tới thềm biển Đông.

Rời Cảnh hồng (*Jinhong*) thị trấn cận nam của tỉnh Vân Nam, khoảng 150 dặm về phía nam, con sông xanh cuộn sóng - Lan Thương giang (*Lancang Jiang*) tên Trung Hoa của sông Mekong - bắt đầu chảy sang vùng tam biên - ranh giới ba nước Miến Điện, Lào và Thái Lan. Với diện tích khoảng 195 ngàn km2 với lịch sử là những năm máu me liên quan tới sản xuất và buôn bán ma túy đem lại lợi nhuận hàng triệu Mỹ kim nên có tên là Tam Giác Vàng. Đây là khu vực nổi tiếng với huyền thoại về những đoàn xe do lừa kéo có võ trang chuyên trở toàn thuốc phiện trong một vùng rừng núi rộng lớn không luật pháp chỉ có quyền uy bằng súng đạn giữa các lãnh chúa.

Cho dù người ta nói tới tình hình đã đổi khác nhưng Tam Giác Vàng vẫn là trung tâm trồng cây thuốc phiện lớn nhất với 260 tấn thuốc phiện thô mỗi năm và được tinh chế thành chất bột trắng chết người có tên là *heroin* để phân phối đi khắp thế giới.

Cao chọn con đường tới Tam Giác Vàng từ ngả Thái Lan. Bằng chuyến bay nội địa từ phi trường quốc tế Don Muang ngoại ô Bangkok tới Chiang Rai (nơi được chọn cho hội nghị của bốn quốc gia vùng hạ lưu sông Mekong để ký kết hiệp định đổi danh xưng Ủy ban sông Mekong (1957) - *Mekong River Committee* - sang Hội đồng sông Mekong (1995) - *Mekong River Commission* - với thay đổi căn bản là không một quốc gia hội viên nào có quyền phủ quyết - *veto power*).

Những đồn đãi gần xa đã khiến Tam Giác Vàng càng trở thành hấp dẫn, lôi kéo du khách tới thăm ngày càng thêm đông nhất là vào mùa khô từ tháng 11 đến tháng 5, không phải chỉ những nhà khách vãng lai - *guest houses* - mà cả mấy khách sạn 5 sao lộng lẫy cũng không còn chỗ, họ đến từ khắp nơi trên thế giới. Thái Lan đang triệt để khai thác du lịch trong vùng này để bù lại khoản tiền lớn lao mất đi khi phải khai quang những cánh đồng thuốc phiện.

Từ Chiang Rai bằng chuyến xe bus sáng choang có gắn máy lạnh, Cao và đám du khách - đa số là người Tây phương và người Á châu phần đông là Nhật Bản - vượt đoạn đường khoảng 60km về hướng bắc để tới Sob Ruak một thôn ấp Thái bên bờ nơi khúc quanh của sông Mekong giữa Tam Giác Vàng. Số du khách được đổ xuống hai khách sạn sang trọng trên sườn đồi. Sẽ có thêm một khách sạn thứ ba cũng bên bờ sông Mekong nhưng thuộc địa phận Miến Điện. Bao nhiêu những tiện nghi du lịch ấy vẫn không làm giảm *cái cảm giác phiêu lưu đi tới* ở mỗi du khách.

Thay vì chọn khách sạn Baan Boran với viên quản lý bảnh bao và lịch thiệp người Pháp trông rất bắt mắt với bộ râu con kiến nhưng vì hết chỗ, Cao chuyển sang ở khách sạn kế bên với cái tên ngộ nghĩnh Con Vịt Nhỏ - *Le Petit Canard*, cũng có đủ các loại rượu thức ăn ngon với ban nhạc sống sàn nhảy và cả nhạc Karaoke theo ý thích của du khách.

Bên quầy rượu, trong cảm giác lâng lâng người ta dễ làm quen nhau. Cao gặp Kenji Aoyagi, một phóng viên nhiếp ảnh khá nổi tiếng của tờ báo Ashashi Shimbum. Kenji chỉ mới một tuổi vào năm hình thành Ủy ban sông Mekong 1957. Là một người Nhật sinh đẻ tại Nhật nhưng lại có niềm say mê kỳ lạ về con sông Mekong và các sắc dân sống hai bên bờ con sông ấy. Trong suốt 10 năm, anh đã đi dọc theo con sông từ nguồn trên cao nguyên Tây Tạng xuống tỉnh Vân Nam,

qua vùng Tam Biên Miến Thái Lào của Tam Giác Vàng chảy xuống Cambốt và chặng cuối qua nam Việt Nam trước khi đổ ra biển Đông. Kenji đã sống với từng bước biến đổi của con sông Mekong, chính anh đã chứng kiến lần đầu tiên vào tháng 10 năm 1990, bốn chiếc tàu hàng Trung quốc đã thành công suôi dòng sông Mekong từ Vân Nam xuống tới tận Vientiane thủ đô nước Lào. Năm 1992 khi Miến Điện cho mở cửa biên giới thì Kenji đã không còn bị một hàng rào nào theo suốt dọc chiều dài con sông. Bằng cái nhìn đầy nghệ thuật, anh đã thu vào ống kính vẻ đẹp hoang dã và cảnh quan thiên nhiên còn trinh nguyên của con sông Mekong cùng với những sắc dân còn giữ được các phong tục tập quán cổ truyền mà theo anh *có lẽ là những hình ảnh cuối cùng* trước khi con sông biến đổi một cách vĩnh viễn do những bước phát triển nhảy vọt về kinh tế sau chiến tranh, với hàng chuỗi những con đập thủy điện kéo theo các bước kỹ nghệ hóa đô thị hóa gây ô nhiễm và sẽ phá hủy toàn diện hệ sinh thái.

Cũng tại đây Cao mau chóng làm quen được một nhà báo trẻ tuổi người Pháp tên Cartier, nguyên là giáo sư trung học sớm chán nghề gõ đầu trẻ nên chuyển sang nghề báo, là ký giả tự do *free-lance*, anh đang đi tìm sự nghiệp từ khu Tam Giác Vàng. Cartier đã dành cho Cao một ngạc nhiên đầy thú vị. Cuộc gặp gỡ với một thanh niên Việt Nam - đúng hơn một thanh niên Mỹ gốc Việt tên Sơn.

Sơn hiện là sinh viên MIT Viện Kỹ thuật *Massachussetts* học trò của một bậc thầy lẫy lừng Noam Chomsky, cha đẻ của N*gữ pháp Cấu trúc* (*Syntactic Structures*) với những khám phá ngoạn mục về Ngữ pháp Biến Tạo. Mới 4 tuổi Sơn theo bố mẹ như những thuyền nhân qua Mỹ, chưa nói rành tiếng Việt. Sơn hồn nhiên lớn lên giữa giòng chính - *main stream* như mọi đứa trẻ di dân khác. Ở tuổi 17 vừa xong Trung học, chưa định hướng, mơ mộng đủ thứ kể cả trở thành trở thành một mục sư truyền giáo ở Liên xô hay ở một nước Đông Âu. Trong một chuyến du khảo ở Do Thái theo học một năm ở đại học Hebrew Jerusalem, đi thăm các Kibboutzim, như một định mệnh Sơn gặp Noam Chomsky và ngay lúc đó Sơn biết mình thực sự muốn gì. Trở về Mỹ, cho dù được các trường lớn như Harvard, Stanford, Yale thu nhận nhưng Sơn chọn ghi danh ngay vào MIT và mau chóng trở thành môn sinh xuất sắc của Noam Chomsky. Cao thì chỉ được nghe danh Chomsky từ những năm 60 như là một trí thức tả khuynh phản chiến trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam.

Sơn đang chuẩn bị cho luận án tiến sĩ , mới ở cái tuổi 23 Sơn có tham vọng hiện thực một phần giấc mộng lớn của người thầy không ngừng có những đóng góp khai phá về ngữ học trong suốt nửa thế kỷ

và nay đã qua ngưỡng tuổi "cổ lai hy". Noam Chomsky cũng không thiếu lòng yêu mến người học trò xuất sắc của mình. Theo một nghĩa nào đó thì Sơn như một phần tuổi trẻ nối dài của Chomsky. Lòng say mê riêng cộng thêm với kỳ vọng nơi người thầy dạy đã là động cơ thúc đẩy cho những chuyến đi không mỏi mệt của Sơn nhằm khảo sát các nhóm ngữ chủng (*ethnolinguistics*) của những sắc tộc trong vùng Đông Nam Á (*ethnic groups of mainland Southeast Asia*). Mới vừa sau 2 tháng sống với sắc tộc Bru ở Quảng Trị, nay Sơn lại tới với các sắc dân thiểu số trong khu Tam Giác Vàng, vẫn trên đường đi tìm nét đại đồng của các nhóm ngôn ngữ kể cả của các sắc tộc bán khai với ước vọng phát hiện ra một "*roadmap*" hướng tới một Ngữ pháp Đại đồng (*Universal Grammar*) trong quá trình hình thành tiếng nói của nhân loại. Không dừng ở đó, Sơn còn có tham vọng thực hiện giấc mơ lớn nhất của ông thầy mình không phải chỉ ở MIT mà cả ở Viện Ngữ học Việt Nam tiến tới hoàn tất bảng tuần hoàn "các nguyên tử ngôn ngữ" (*linguistic atoms*) giống như bảng tuần hoàn hóa học của Mandeleyev 1869.

Tuổi trẻ và tự tin, đôi cánh chim bằng ấy đưa giấc của Sơn lên mãi tận trăng sao. Là con một gia đình rất giàu có nhưng bản thân Sơn lại chọn một nếp sống đơn giản. Tới Tam Giác Vàng, không ở khách sạn 5 sao mà ở khu nhà vãng lai cùng với mấy "ông Tây balô", Sơn chỉ tới khách sạn Le Petit Canard tìm gặp Cartier - được biết tới như một thứ thổ công của Tam Giác Vàng, với hy vọng anh ta sẽ cung cấp một số thông tin trước khi đi Sơn đi sâu vào trong những buôn sóc.

Cùng một lúc Cao tìm thấy ở Sơn một điều gì đó vô cùng đơn giản và cũng lại rất lớn lao. Cho dù chuyện bảo tồn văn hóa hay về nguồn chưa bao giờ là một "issue" đối với Sơn nhưng công trình mà người thanh niên ấy đang theo đuổi lại thực sự mang ý nghĩa *về nguồn trên bình diện nhân loại.*

Giữa núi xanh trùng điệp, xen giữa mênh mông những khu rừng rậm, từ trên máy bay nhìn xuống thật khó mà thấy được những hecta trồng cây thuốc phiện cùng một màu xanh rờn.

Cảnh tượng trông rất hiền lành trên những con đường mòn là những đoàn lừa hay ngựa thồ thường xuyên di chuyển qua lại những khu rừng hay đồi núi nhưng đó lại chính là những đoàn xe chở thuốc phiện thô tới các nhà máy chế biến hay những bao tải *heroin* tinh chế đi tới các điểm hẹn để được đưa ra thế giới bên ngoài và tất cả đã được võ trang tới răng để bảo vệ cho chuyến hàng có trị giá lên tới hàng triệu đôla. Luôn luôn xảy ra các vụ thanh toán giữa những phe nhóm các lãnh chúa để chiếm độc quyền và tranh giành ảnh hưởng.

Phúc và họa, khúc sông Mekong chảy qua khu *Tam Giác Vàng* đôi khi đỏ ngầu ấy vừa là mạch sống và cũng là dòng chảy có lẫn máu và cả nổi trôi những xác chết.

Tháng 3 năm 1992, bộ trưởng ba nước Miến Điện, Thái Lan và Lào đã họp ở Bangkok ký kết một thỏa ước - thực ra chỉ có giá trị trên giấy tờ, nhằm diệt trừ sản xuất và lưu hành ma túy trong khu *Tam Giác Vàng*. Trong những năm 80 người ta ước đoán khoảng 80% lượng heroin lưu hành trên các đường phố Mỹ quốc là phát xuất từ Đông Nam Á nhưng ở giai đoạn đó cocaine thịnh hành hơn. Sang những năm 90, *heroin* trở thành chất ma túy chính, các vùng Trung và Nam Mỹ cũng bắt đầu mở rộng diện tích trồng cây thuốc phiện.

Cho dù có cam kết phối hợp hành động giữa ba nước nhưng giới chức chống ma túy Mỹ DEA - *Drug Enforcement Agency* - thì hoài nghi, nhất là với Miến Điện thì ai cũng biết là một chánh thể độc tài, khai thác vận dụng ma túy không chỉ để có ngoại tệ vực dậy một nền kinh tế đang hoàn toàn suy xụp mà còn vì túi tham của những ông Tướng cho dù chánh quyền Miến lâu lâu lại có màn trình diễn trước các ống kính đài truyền hình ngoại quốc cảnh đốt những bao nha phiến hay phá hủy một khu nhà máy chế biến ngay trong Tam Giác Vàng. Riêng với Thái Lan, không ai là không biết giới chức cao cấp và cả những tướng lãnh Thái ít nhiều có dính líu tới buôn bán ma túy; đó cũng là lý do tại sao Thái Lan chưa hề dám bắt Khun Sa được coi như *ông trùm của những trùm ma túy* bởi vì đó sẽ là nhân chứng sống gây liên lụy tới nhiều tướng lãnh cao cấp nhất của Thái.

Số dân ghiền ở các thị trấn biên giới điển hình như ở Thụy Lệ - *Ruili* - giữa bắc Miến và Trung Hoa đang gia tăng một cách dễ sợ, cũng dễ hiểu khi mà một liều *heroin* còn rẻ hơn cả một lon bia, du khách có thể mua ngay từ một anh tài xế chạy xe lôi. Nạn chích choác và đĩ điếm tràn lan đã làm gia tăng số nạn nhân nhiễm HIV cao không thua gì Thái Lan. Từ các thị trấn biên giới *heroin* được chuyển đi theo nhiều ngả hoặc tới Hongkong và từ đây được đưa vào thị trường Mỹ châu, Âu và Úc châu. Còn phải kể một số lượng lớn lao khác được chuyển từ *Tam Giác Vàng* qua Chiang Mai xuống Bangkok để cung cấp cho vùng nam Thái, Mã Lai, Singapore và lưu hành đi khắp thế giới. Cho dù đã có án tử hình rất khắt khe bằng treo cổ dành cho kẻ buôn ma túy nhưng Singapore vẫn không tránh được là một cửa khẩu phân phối ma túy. Cuối cùng không thể không nói tới Việt Nam cũng là một ngả chuyển vận ma túy đến từ *Tam Giác Vàng* với một số lượng đáng kể được sử dụng tại chỗ gây cảnh nghiện ngập ngày càng lan

rộng trong giới thanh thiếu niên. Do những mũi kim chích dơ bẩn chuyền tay - truyền bệnh HIV, viêm gan siêu vi B và C, trên các ngả đường phố không chỉ ở Hà Nội Sài Gòn mà còn lan ra các tỉnh trên cả nước. Dính dáng tới đường dây ma túy này có cả những viên chức cao cấp Nhà nước và bộ Công an. *Văn hóa sông Mekong,* thuốc phiện và ma túy theo cái nghĩa của Samsenthai, đã thấm nhập đều khắp và bao trùm cả vùng châu thổ sông Hồng.

Trước đây mỗi năm Mỹ viện trợ cho Miến ngót 20 triệu đôla trong kế hoạch khai quang các vùng trồng thuốc phiện nhưng kể từ 1988 số tiền này bị cắt do chánh quyền quân phiệt Miến đàn áp các phong trào dân chủ, kể từ đó lượng sản xuất thuốc phiện lại tăng vọt.

Trong số các lãnh chúa thuốc phiện tung hoành trong khu *Tam Giác Vàng* thì Chang Chi Fu được biết tới qua bí danh *Khun Sa - ông hoàng giàu có*, là nổi bật và có thanh thế nhất trong suốt bao nhiêu năm, từng tự phong khi thì là *"vua nha phiến"* khi là *"chiến sĩ tranh đấu cho tự do - freedom fighter"* có cả một quân đội riêng với hơn 15 ngàn tay súng thống lãnh toàn khu cao nguyên đông bắc Miến. Nhưng kể từ tháng Giêng 1996 có lẽ không còn giàu hơn được nữa và do *"anh hùng thấm mệt"* với thường xuyên các cuộc truy lùng, Khun Sa đã chọn giải pháp thỏa hiệp ra quy thuận và được đưa về Rangoon, sau đó đổi sang một tên Miến điện khác U Htet Aung để chọn một cuộc sống vừa an bình vừa hưởng thụ cực kỳ huy hoàng trong những biệt thự khác nhau bên khu bờ hồ vùng ngoại ô Rangoon, dưới sự bảo vệ chặt chẽ của chánh quyền quân phiệt Miến. Bỏ lại phía sau lưng là khu tổng hành dinh Ho Mong thuộc bang Shan nay do quân đội Miến kiểm soát. Đang là thị trấn biên thùy giàu có thì nay trở thành một khu suy thoái, đang từ 20 ngàn dân thì chỉ còn lại một phần năm, đám lính tráng của Khun Sa thì rã đám biến dạng vào các khu rừng sâu đi tìm lãnh chúa mới và đội quân đĩ điếm thì di tản sang Thái được tiếp nhận như những *sex workers* đang khan hiếm. Người ta đang muốn biến *Tòa Nhà Trắng* của Khun Sa thành Bảo Tàng viện của khu *Tam Giác Vàng,* chỉ cách biên giới Thái 40 phút đường xe bus để thu hút thêm du khách.

Nhưng sau Chun Sa đã lại nổi lên ngay những lãnh chúa nha phiến mới với tên tuổi lẫy lừng như *Chao Nyi Lai* nguyên lãnh tụ phiến cộng với hơn 20 ngàn tay súng dưới trướng cũng được thu phục mua chuộc để hợp tác làm ăn với chánh quyền Rangoon.

Do mấy ly rượu Sake uống với Kenji tối qua, Cao trở dậy muộn nhưng trời bên ngoài vẫn còn phủ dầy đặc những sương mù trên vùng cao nguyên Tam Giác Vàng, nơi có khúc giữa con sông Mekong thấm

đỏ phù sa chảy qua.

Từ những năm 80 khi vua Thái Lan Bhumibol đích thân thường xuyên thăm viếng và khuyến khích dân chúng chuyển sang trồng cây nông sản bắp sắn trà cà phê thay cho cây thuốc phiện thì ngay trước mắt tình hình có phần đổi khác. Nhưng thực tế đã không dễ dàng như vậy khi mà thuốc phiện thì đắt như vàng trong khi sắn bắp thì rẻ như bèo mà còn phải thêm phần lao động nhọc nhằn bởi vì lớp đất mỏng trên những sườn đồi cao trên 1000m là thứ đất khổ - *poor soil* độ kiềm cao lại rất nghèo dưỡng chất chỉ có cây thuốc phiện là dễ dàng mọc tự nhiên trên vùng thổ nhưỡng ấy.

Bởi thế cho dù Thái lan luôn luôn rêu rao thành tích diệt trừ đường dây nha phiến phát xuất từ Tam Giác Vàng nhưng Cao và anh bạn nhà báo Pháp đã không có chút khó khăn để tìm ra và tới thăm một cánh đồng trồng cây thuốc phiện mượt xanh và sai trái nằm trong lãnh thổ phía cực bắc Thái. Chất nhựa chiết ra từ những trái trông đẹp đẽ và hiền lành một cách vô tội ấy sau giai đoạn tinh chế sẽ trở thành chất bột trắng *heroin* tạo cảm giác hoan lạc đắm say và cả gây những thảm kịch chết chóc trên khắp các đường phố nước Mỹ.

Người đàn ông Thái tên Samsenthai là hướng dẫn viên gốc từ cao nguyên Isan nhưng còn liên hệ gia đình bên Lào nên với anh ta thì bên này hay bên kia bờ sông Mekong đều là nhà. Anh nói được tiếng Việt tiếng Anh và cả một chút tiếng Pháp, đọc nhiều sách có kiến thức. Anh rất thích nói về con sông Mekong, về những bài tình ca *"long khong"* và vô số những câu chuyện cổ tích dân gian liên quan tới cư dân sống *hai bên bờ con sông nước nâu hạnh phúc và tình ái* ấy. Samsenthai nói giọng thành thật:

- *Thuốc phiện cũng là một khía cạnh văn hóa* không chỉ của đất nước Thái lan mà của cả lưu vực sông Mekong nữa đấy các ông nhà báo ạ.

Cao cũng được anh ta đối xử như một nhà báo, với không một dụng ý anh tiếp:

- Nếu ông Cao chưa bao giờ thử dùng thì ông chưa thể hiểu được chúng tôi đâu!

Cho dù không ngừng ao ước tìm hiểu văn hóa con sông Mekong nhưng câu nói thách đố ấy khiến Cao phải chấp nhận là kẻ thua cuộc ngay từ đầu. Cao cũng có lý lẽ của anh, như người thầy thuốc đâu cần mắc đủ thứ bệnh mới hiểu được bệnh. Tuy không qua kinh nghiệm bản thân, nhưng Cao cũng đã hiểu được chất heroin nó mê hoặc người ta như thế nào qua xấp tài liệu của bác sĩ Duy gửi cho và cả bằng phần *home work* của riêng anh trước khi Cao đặt chân tới Tam Giác Vàng.

Cũng là á phiện nhưng do có thêm nhóm *acetyl* nên phân tử *heroin* đã thấm qua màng máu não (*blood brain barrier*) nhanh hơn morphine rất nhiều. Heroin được dùng theo nhiều cách: chích tĩnh mạch, có thể chích thịt hay dưới da (*skin popping*), hít qua mũi (*snorting*) hay hút qua điếu thuốc vấn (*smoking*). Tác dụng tức thời của *heroin* chích tĩnh mạch là có ngay cảm giác hưng phấn cực điểm tiếp theo là nhiều tiếng đồng hồ sống trong trạng thái đê mê sung sướng với con ngươi thì khép nhỏ (*myosis*) và sự đời bấy giờ chỉ còn được nhìn bằng nửa con mắt: mong manh như tơ trời và nhẹ như lông hồng.

Riêng với Cartier anh ký giả Pháp thì không chút dấu diếm mà anh còn tỏ ra hãnh diện là người rất am tường mọi khía cạnh văn hóa của con sông Mekong. Và bây giờ thì Cao hiểu tại sao Cartier sớm chán cuộc sống nghiêm túc của nhà giáo.

Điều Samsenthai nói không phải là sai, cây thuốc phiện *Opium Poppy*, tên khoa học *Papaver Somniferum* không phải chỉ có trong khu Tam Giác Vàng mà có trồng trên khắp các vùng thượng du của lục địa Á châu Gió mùa. Trong bộ sách đồ sộ về *Cây cỏ Việt Nam*, nhà thực vật học Phạm Hoàng Hộ viết về cây thuốc phiện hay trẩu như sau: "*Cỏ nhất niên, cao 1.5m, có mủ trắng. Lá trên không cuống, phiến ôm thân, không lông, màu mốc mốc. Hoa trên cọng dài 10-20cm, to, nụ dài 2.5cm; đài mau rụng; cánh hoa 4-5, to, cao 4.5-5cm, đỏ, tím tím hay trắng, trung tâm đậm; tiểu nhụy nhiều, nuốm hình mâm có tia. Nang không lông cao 5-7cm, nở do lỗ dưới nuốm; hột nhiều, nhỏ trắng hay đen. Công dụng diệu đau, làm ngủ, trấn luyến súc, trị ho. Trồng ở thượng du Bắc Việt, ít khi trồng ở Nam. Cây nguy hiểm.*"

Ngoài công dụng chiết suất chất *morphine, codeine, papaverine* cho kỹ nghệ dược phẩm, còn phải kể tới *heroin* hay *diacetylmorphine*, chất biến chế từ morphine cho dân ghiền ma túy - có chi tiết mà giáo sư Hộ không đề cập tới là do hoa thuốc phiện đẹp có nhiều màu sắc trắng hồng tím nên nhiều nơi còn trồng thứ cây nguy hiểm ấy làm cây cảnh.

Như một bất công và cũng thật là trớ trêu, bao nhiêu tệ nạn xã hội trên thế giới ngày nay liên quan tới ma túy, người ta thường đổ lỗi cho các sắc dân bộ lạc trong khu Tam Giác Vàng. Nhưng thực ra, hoặc không hiểu biết chút gì về lịch sử hoặc có một trí nhớ quá ngắn nên người ta mới đi tới một kết luận nông cạn như vậy. Bởi vì trong suốt thời kỳ thuộc địa cực thịnh, *chính những người Tây phương da trắng đã triệt để khai thác thuốc phiện và thu lợi nhuận.*

Với thực dân Anh thì rất sớm ngay từ thời nữ hoàng Victoria, bằng tàu chiến và súng đại bác người Anh đã mở được thị trường vào

Trung hoa với cuộc *Chiến tranh Nha phiến - Opium War 1839-42* với *Bát quốc Liên quân* kết thúc bằng Hòa ước Nam kinh được ký kết trên một chiến hạm Anh mà cho tới mãi những năm sau này người Trung hoa vẫn gọi đó như *"một nỗi nhục quốc gia - national humiliation"* theo đó triều đình Mãn Thanh phải hiến nhượng đảo Hồng Kông, cả công nhận quy chế tối huệ quốc - *most favored nation* - cho Anh và phải mở cửa cho các nước Tây phương được hoàn toàn tự do giao thương trong đó có quyền tự do nhập thuốc phiện vào Trung quốc.

Với người Pháp trong thời gian đô hộ ba nước Đông Dương họ đã giành độc quyền khai thác thuốc phiện - *Monopoles de l' Opium* - mở hàng ngàn tiệm hút gây cảnh nghiện ngập cho bao trăm ngàn dân bản xứ.

Tới người Mỹ, năm 1949 khi Tưởng Giới Thạch thua phải chạy ra đảo Đài Loan, một đám tàn quân thuộc Sư đoàn 93 Quốc Dân Đảng Trung Hoa dưới quyền tướng Lý Mỹ, đã đào thoát xuống phía Nam chiếm đóng khu Bắc Miến, là đội quân thổ phỉ đốt phá cướp bóc và vơ vét lương thực của người dân Miến rồi trả bằng công khố phiếu ma với hàng chữ *"Mỹ sẽ bồi hoàn"* và cũng mau chóng trở thành các lãnh chúa sản xuất buôn bán ma túy nhưng vì được Mỹ coi là *thành trì chống Cộng,* là những *freedom fighters* nên họ đã có được sự yểm trợ của CIA và của tư lệnh cảnh sát Thái. Cho tới năm 1952, vẫn có hơn 10 ngàn quân của Lý Mỹ đã chiếm lĩnh cả một khu vực Bắc Miến rộng lớn gồm các bang Shan, Kayah, Kachin sang tới vùng Salween và còn mưu tính liên kết với quân ly khai Karen chống lại chính phủ Rangoon. Quân đội Miến đã phải vô cùng vất vả cùng một lúc đương đầu với nhiều mặt trận: tiễu trừ quân ly khai Karen, quân phiến Cộng và cả những cuộc hành quân quy mô chống lại quân Lý Mỹ. Cuối cùng chánh quyền Rangoon phải đưa vấn đề ra trước Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc (1953) và sau bao nhiêu cuộc điều đình kéo dài rất gay go cũng chỉ có khoảng 6000 quân Quốc Dân Đảng chịu rút về Đài Loan và số còn lại thì vẫn là một đội quân vô chánh phủ chiếm giữ bất hợp pháp phần đất Bắc Miến vẫn hoạt động cướp bóc cả sản xuất và lưu hành ma túy mạnh nhất trong khu Tam Giác Vàng - đối với Miến như một thứ ung nhọt luôn luôn gây đau nhức mà không làm sao dứt cho được.

Rồi trong suốt cuộc chiến tranh Việt Nam, cạnh đó còn phải kể tới một cuộc chiến tranh bí mật khác ở Lào do CIA điều khiển với tướng Vang Pao và hơn 30 ngàn người Hmong và để có thể duy trì sự hợp tác bền vững với những người Mèo ấy, CIA cũng đã đồng lõa trong các vụ di chuyển ma túy bằng cả những chuyến bay Air America.

Sống trong hệ sinh thái là một vùng núi rừng trùng điệp trong cái lạnh đầy âm khí của những ngày đông giá, với gió hú trên những ngọn cây,với mây đùn lên từ những thung lũng, trong cái mênh mông của rét lạnh, nguồn ấm cúng là chút bếp lửa dưới lớp tro than và hạnh phúc có được là nằm bên ánh sáng chập chờn của ngọn đèn dầu chai vê viên thuốc phiện đưa vào ánh lửa trước khi nạp vào ống điếu rít một hơi để thấy cả đất trời chỉ còn là một cảm giác lâng lâng thanh thoát, trên cả niềm vui và nỗi buồn. Trong cuộc sống đã quá đạm bạc, điếu thuốc phiện chỉ là một chút nhựa của cỏ cây sau vườn, chẳng làm hại ai không là nguyên nhân gây tội ác thì hà cớ gì phán đoán họ bằng những giá trị luân lý dưới đồng bằng. Samsenthai không phải là sai khi nói tới khía cạnh văn hóa á phiện của các sắc dân miền thượng du.

Tiêu diệt văn hóa các sắc dân thiểu số bất luận tốt xấu ra sao, đồng hóa họ (*assimilation*) nhưng bằng một danh xưng mĩ miều là “thích nghi văn hóa - *acculturation*” có làm cho họ hạnh phúc hơn không? Hay chỉ tạo ra được thêm những phong trào FULRO (*Front Unifié de Liberation des Races Opprimés*) như ở cao nguyên miền nam Việt nam vào những năm 60.

Có bao nhiêu phần là văn hóa dân tộc hay sắc tộc, bao nhiêu phần là văn hóa chung cho cả nhân loại trong nội dung mỗi nền văn hóa ấy?

Bảo tồn văn hóa đã trở thành một đề tài tranh luận gay go, mang sắc thái của *văn hóa chiến tranh* và người ta đã không chút ngần ngại tự do ném đá vào ngôi nhà kính văn hóa ấy.

Có phải vì vậy mà Liên Hiệp quốc đã quyết định chọn năm 2000 là Năm Quốc tế Văn hóa Hòa bình - *The International Year of the Culture of Peace* cho toàn hành tinh này. Theo đó để chuẩn bị bước vào thiên niên kỷ mới, nhân loại cần chuyển biến từ một nền văn hóa chiến tranh - *Culture of War* sang một nền văn hóa hòa bình: mà điều này lại đòi hỏi phải có một chuyển biến cơ bản trong cách suy nghĩ và hành xử của mỗi chúng ta đối với thế giới, trong đó:

- Văn hóa và sáng tạo được coi như cội nguồn của hòa bình với sự tương kính và cảm thông.
- Bất bạo động linh hoạt - *active nonviolence* - sẽ thay thế cho võ lực như một động cơ thay đổi xã hội.
- Ganh đua sáng tạo và hợp tác sẽ thay thế cho hình thái cạnh tranh triệt tiêu -*zero sum competition.*
- Cuối cùng là sự cởi mở và chia xẻ thông tin để thay thế cho bí mật bưng bít, theo đó đối thoại và sự đồng tâm sẽ thay thế cho thứ bực quyền uy bên trong và giữa những hình thái xã hội.

Giữa những điều ước mơ và hiện thực cho những năm sau 2000 xem ra vẫn còn cả một *khoảng cách hành tinh.*

Tới Chiang Sean nơi từng là cố đô của Thái vào thế kỷ 14 nay trở thành một tụ điểm du lịch rất hấp dẫn với đám du khách muốn dệt mộng phiêu lưu tới khu Tam Giác Vàng. Cảnh tượng thương mãi hóa làm xốn mắt là những cô gái đến từ dưới đồng bằng giả bộ làm người sắc dân bộ lạc với các bộ y phục cổ truyền sặc sỡ tươi cười đứng bên những tấm bảng với dòng chữ: *"Take a picture with hilltribes girls: one person 10bahts"* tính ra đôla chưa tới 40 xu. Cũng để cạnh tranh với hãng phim Kodak của Mỹ, Fuji có mở thêm cả tiệm rửa hình tại chỗ để phục vụ du khách.

Đối với các sắc dân thiểu số sống trên lục địa Đông Nam Á châu thì đường biên giới chánh trị địa dư trên bản đồ không có hiệu lực ngăn cách nào đối với họ, bằng những đôi bàn chân trần vạm vỡ họ vẫn đạp trên những con đường mòn băng rừng vẫn tự do qua lại giao tiếp nhau. Thời Cách mạng Văn hóa khi bị Vệ binh Đỏ truy lùng, các sắc dân thiểu số ở Hoa lục đã dễ dàng vượt qua biên giới để lánh sang các nước láng giềng phương nam.

Cho dù mang những y phục màu sắc khác nhau, tiếng nói cũng khác nhau nhưng *họ có một mẫu số chung là cùng nghèo khó,* vẫn sống ở tình trạng bán khai trong những thôn bản tiều tụy kéo dài từ bao thế kỷ, tình cảnh cũng chẳng khác gì 30 sắc dân thiểu số trên cao nguyên Trung phần Việt Nam, họ cũng bị đám dân đồng bằng khai thác bóc lột và còn khinh miệt gọi bằng tên giống như *"mọi"*.

Giữa khung cảnh thiên nhiên như còn vẻ nguyên sơ ấy, với mấy bộ lạc còn sót lại đã từng là đề tài hấp dẫn cho những luận án tiến sĩ, những cuốn sách nghiên cứu dầy cộm về nhân chủng, ngữ học và môi sinh. Đó còn là nơi ẩn dật rất quyến rũ cho những ai đã từng thất vọng về sự bế tắc của nền văn hóa Tây phương khiến họ quyết định rời bỏ xã hội vật chất của nền văn minh sở hữu tìm tới một nền văn minh bản thể, để tới sống cô quạnh nơi vùng đồi núi trùng điệp, sống với thiên nhiên và cả chan hòa với khúc giao hưởng vũ trụ... *Nhưng rồi chỉ là sự vỡ mộng bởi vì dần dà họ thấy rằng sự bình an ấy là không có thật:* rằng chẳng có gì là thơ mộng, lại không có cả một không gian riêng tư, chỉ có khí hậu nóng ẩm cộng thêm với mối đe dọa của chết chóc của căn bệnh sốt rét ác tính. Riêng các khu rừng mưa - *rainforest* - thì cứ ngày một thu nhỏ lại do kỹ nghệ phá rừng lấy gỗ và cái không gian tưởng như yên tĩnh ấy vẫn vẳng về tiếng súng giao tranh của đám lính đánh thuê bảo vệ cho các đoàn xe chở thuốc phiện.

Cartier anh ký giả người Pháp cùng đi với Cao đã đưa ra một nhận xét lý thú:

- Anh có nhận ra điều này không, các sắc dân bộ lạc ở đây cho dù nghèo khó tới đâu vẫn có một nét rất chung: họ hết sức chú ý chăm sóc làm đẹp phần trên cơ thể, có bao nhiêu đồ trang sức và hoa họ dành hết cho phần này; trong khi ở dưới thì hầu như bị bỏ quên với đôi chân trần lấm bùn và dính những cát bụi.

Cartier còn tỏ ra am tường nhiều hơn phong tục tập quán của các sắc dân sống hai bên bờ sông Mekong. Chẳng hạn anh đưa ra nhận xét về tính độc lập của người phụ nữ sống trong lưu vực được thể hiện rõ nhất trong mối quan hệ tình dục. Theo anh ta thì trong cổ tục Phi châu, tình dục chỉ để phục vụ người đàn ông nên người ta đã cắt mòng - *clitoris* nơi bộ phận sinh dục nữ nhằm triệt tiêu mọi khoái cảm nơi người đàn bà, tình hình hoàn toàn đảo ngược ở Đông Nam Á. Trong cuốn sách *"Southeast Asia in the age of commerce 1450-1680"* Anthony Reid ghi lại nhận xét: người phụ nữ Đông Nam Á như ở Thái Lan, Miến Điện... đã tỏ ra rất chủ động trong vấn đề đòi hỏi thỏa mãn dục tình khiến người đàn ông đôi khi phải chấp nhận những thủ thuật đau đớn chỉ để nhằm thỏa mãn người nữ như chịu xâu vào dương vật những những miếng ngà, những viên bi kim loại giàu có thì bằng vàng nghèo thì bằng chì hay cả những chiếc chuông nhỏ tạo ra những âm thanh trầm bổng không ngoài mục đích làm tăng khoái cảm cho người nữ khi giao hoan.

Tính chủ động nơi người nữ cũng được nhận thấy ngay nơi những sắc dân thiểu số vùng cao nguyên Trung phần Việt Nam, chính người phụ nữ chủ động chọn và cưới người đàn ông về làm chồng. Dấu vết còn vương sót lại của chế độ mẫu hệ.

Tuy không nói ra nhưng theo một nghĩa nào đó thì Cartier anh nhà báo người Pháp cũng đã có kinh nghiệm đau và thống khoái của những người đàn ông sống nơi lưu vực sông Mekong.

Đám du khách tấp nập tới đây, mỗi người tùy theo kinh nghiệm bản thân mang theo họ những hình ảnh rất khác nhau về Tam Giác Vàng: họ vẫn ban ngày ra sân đánh Golf, buổi tối chơi bài trong các sòng bạc và khi cần thì đã có sẵn những thớt voi được thuần hóa để đưa họ đi du ngoạn. Cũng vẫn anh nhà báo Pháp mới quen ấy dẫn Cao tới xem một khu đất nổi giữa dòng sông Mekong phía Miến, được chọn làm địa điểm cho một *Las Vegas* nhỏ rất hấp dẫn trong tương lai với khách sạn cực kỳ sang trọng trên 300 phòng và dĩ nhiên với đủ các sòng bài, có tên là Khu Nghỉ Mát Thần Tiên Tam Giác Vàng - *Golden Triangle Paradise Resort.* Cartier giọng khinh mạn và mai mỉa:

- Dĩ nhiên số tiền thu về sẽ rất lớn, không phải tất cả đều vào túi các ông tướng Miến, sẽ còn phần tiền xung vào quỹ quốc phòng để mua máy bay xe tăng và súng đạn từ Trung quốc và cả xây thêm trại tù để giam các đồng chí của bà Aung San Suu Kyi ngày càng thêm đông đang chỉ biết khản cổ kêu gào dân chủ!

Aung San Suu Kyi là tên tuổi gắn liền với tương lai dân chủ của đất nước Miến Điện. Được tặng giải thưởng Nobel Hòa bình 1991 được tuyên dương "như một gương can đảm phi thường tại Á châu trong mấy thập niên gần đây". Bà cũng được tuyển chọn làm ứng viên cho giải thưởng Sakharov về Tư tưởng Tự do.

Sinh năm 1945, là con của Aung San một vị anh hùng quốc gia Miến giành lại độc lập từ người Anh. Ông ta còn được biết đến như một lãnh tụ có tầm nhìn xa vượt ra ngoài biên giới quốc gia Miến. Ngay giữa cuộc tranh đấu cho nền tự chủ của đất nước ông đã có những suy tư rất sớm về nhu cầu kết hợp các quốc gia Đông Nam Á như một thực thể riêng biệt không phải chỉ để đương đầu với cường lực Tây phương mà còn với ba nước lớn châu Á là Trung Hoa, Nhật Bản và Ấn Độ. Giấc mơ chưa hình thành thì ông đã bị ám sát (1947). Thực sự bà Suu Kyi cũng không biết nhiều về thân phụ vì khi ông chết bà chỉ mới có 2 tuổi.

Aung San Suu Kyi tranh đấu theo phương thức bất bạo động của thánh Gandhi. 1960, Suu Kyi rời Miến Điện sang Ấn Độ vì mẹ bà đang là đại sứ. Sau đó bà theo học triết, chánh trị và kinh tế tại Oxford trước khi sang Nữu Ước làm việc cho cơ quan Liên Hiệp quốc. 1972, bà thành hôn với một người Anh Michael Aris một chuyên gia về Tây Tạng. Một cuộc hôn nhân có điều kiện là chừng nào số mệnh kêu gọi thì bà sẽ được tự do trở về Miến Điện. Bà theo chồng sang Bhutan, tìm học về Tây Tạng, sau đó trở về Anh theo học cao học tại trường Nghiên cứu Đông phương và Phi châu SOAS. 1988 từ giã chồng và 2 con, bà trở về Miến chăm sóc mẹ già đang lâm trọng bệnh. Giữa lúc đó đang có các cuộc xuống đường tranh đấu và biểu tình lan rộng, bà quyết định tham gia sinh hoạt chánh trị và trở thành một trong những sáng lập viên đảng chánh trị đối lập Miến NLD (*National League for Democracy*). Ngay trên bậc thềm ngôi chùa Shwedagon - một ngôi chùa cổ xưa nhất, cùng tuổi với lịch sử hình thành quốc gia Miến Điện, trước hơn nửa triệu người tụ tập bà đã đọc một diễn văn đầu tiên và ngay sau đấy bà trở thành nhân vật nổi tiếng nhất Miến Điện. Bà nói *"Là con gái của cha tôi, tôi không thể tiếp tục thờ ơ với những gì đang diễn ra"*. Người đàn bà mảnh mai ấy có sức hấp dẫn của một ngôi sao điện ảnh, chứng tỏ sự can đảm phi thường trước bạo lực và đã trở

thành thần tượng của quần chúng Miến. 1990 đảng chánh trị đối lập NLD thắng vẻ vang chiếm 82% số ghế trong cuộc đầu phiếu do uy tín và sự thu hút của bà Suu Kyi. Chánh quyền quân phiệt SLORC phủ nhận kết quả cuộc bầu cử không chịu trao quyền lại còn bắt giam bỏ tù tất cả các ứng viên đối lập. Suu Kyi tiếp tục bị quản thúc tại gia trong 6 năm, vũ khí cuối cùng của bà là chiếc đàn dương cầm cũng bị lấy đi, bà không còn cả tiếng đàn để gửi tới những người dân yêu mến bà đang tụ tập trước cửa nhà nơi bà đang bị giam cầm. Bà chỉ được thả ra vào tháng 7 năm 1995, tiếp tục cuộc tranh đấu bất bạo động bằng những đợt tuyệt thực.

Burma nguyên nghĩa là *những cư dân đầu tiên trên thế giới*, họ là những người thuộc sắc tộc Môn đã từng đặt viên đá nền móng đầu tiên cho ngôi chùa Shwedagon vào năm 588 trước Tây nguyên, nơi mà nhiều thế kỷ sau vẫn được coi là vùng đất Phật thiêng liêng không riêng cho Miến điện mà cho cả Phật tử thế giới.

Miến Điện từng được biết tới như một vùng *Đất Vàng - Shwe Pyidaw*, một đất nước rất giàu có về tài nguyên thiên nhiên với gỗ quý, đá kim quý, dầu khí, đất đai phì nhiêu nhất Á châu như vùng châu thổ Irrawaddy và cả một vựa cá khổng lồ ngoài vịnh Andaman. Một đất nước đẹp đẽ như vậy với cả ngàn ngôi chùa vàng lấp lánh nhưng lại là một đất nước của nghèo khổ với ba phần tư dân chúng thất học và thiếu ăn, còn tệ hơn dưới thời thực dân Anh. Với diện tích 676 552km2 gấp đôi Việt Nam, bằng diện tích nước Pháp và Anh cộng lại. Tây và tây bắc giáp với Ấn Độ và Bangladesh, bắc và đông bắc giáp với Trung Hoa và Lào, đông và đông nam giáp với Thái Lan. Có hai con sông chính chảy từ bắc xuống nam tạo nên những thung lũng và đồng bằng phì nhiêu. Con sông Irrawaddy xuất phát từ cao nguyên Tây Tạng chảy qua vùng đồi núi Kachin phía đông bắc Miến chảy dài suốt 2000km về hướng nam với chặng cuối chia ra làm nhiều nhánh trước khi đổ ra biển khơi. Là mạch máu giao thông chính của Miến từ thời thực dân Anh. *"Con đường tới Mandalay"* đã đi vào vần thơ bất hủ của Rudyard Kipling, văn hào Anh đầu tiên được giải Nobel văn chương, được mọi người biết tới *như một nhà văn của thời kỳ thuộc địa.* "The Ballad of East and West" (1892) vẫn còn luôn luôn được trích dẫn: *Oh, East is East, and West is West, and never the twain shall meet ! Đông là Đông, và Tây là Tây, và hai ngả ấy chẳng bao giờ gặp nhau !*

On the road to Mandalay,
Where the Flyin'-fishes play,
An' the dawn comes up like thunder

Outer China' crost the bay

Trên con đường tới Mandalay
Nơi có những đoàn cá bay,
Và rạng đông lên như chớp
Rời Trung hoa ra tới vịnh ngay !

Mandalay theo huyền thoại Miến Điện được coi là vùng đất Phật. Tương truyền rằng Đức Phật Thích Ca và môn đồ Ananda khi viếng thăm đồi Mandalay đã tiên tri rằng tới năm Phật lịch 2400, thì Mandalay sẽ trở thành một trung tâm truyền bá Phật học. Do đó vào năm 1857 vua Miến Điện Mindon đã di chuyển cung điện tới gần đồi Mandalay nơi khúc quanh của con sông Irrawaddy và tiếp sau đó rất nhiều Phật học viện tráng lệ được xây cất, đó là các công trình nghệ thuật kiến trúc bằng gỗ quý được trạm trổ vô cùng tinh vi. Mandalay nghiễm nhiên trở thành một trung tâm văn hóa Phật giáo. Nhưng rồi sau đó Mandalay rơi vào tay người Anh và tiếp đến Thế chiến Thứ Hai, tất cả đã trở thành tro than. Mandalay đã điêu tàn và ngày nay trở thành cái bóng của quá khứ.

Miến Điện từng được kể là một trong những thuộc địa đem lại lợi lộc nhất cho đế quốc Anh. Kyaw Nyein đã mô tả đất nước Miến Điện dưới thời Anh đô hộ như sau: *"Đó là một xã hội hình tháp - social pyramid - với dưới đáy là bao nhiêu triệu người Miến nghèo khổ, ngu dốt và bị bóc lột, và trên đỉnh là một thiểu số người ngoại quốc Anh, Ấn và Hoa..."*

Để rồi hơn một nửa thế kỷ sau tình hình không có gì đổi khác, cũng vẫn xã hội hình tháp ấy với nguyên dưới đáy vẫn là hàng chục triệu những người Miến Điện nghèo khổ ngu dốt và bị bóc lột, *chỉ có khác là bị bóc lột triệt để hơn bởi chính đồng bào của họ:* đám tướng lãnh quân phiệt Miến.

Năm 1989, chánh quyền quân phiệt đổi tên nước Miến Điện là Maynmar theo chế độ Cộng hòa Xã hội Liên bang. Thư từ nước ngoài gửi về *Burma* sẽ bị đóng dấu phát hoàn với lý do: *"Burma, country unknown"*.

Trước đây nói tới Việt Nam, người ta nghĩ tới *một cuộc chiến tranh.* Nói tới Cambốt, người ta nghĩ tới *những cánh đồng chết.* Ngày nay khi nhắc tới Miến Điện, thay vì được biết đến qua lịch sử văn hóa nghệ thuật vô cùng phong phú thì người ta chỉ nghe nói tới tập đoàn SLORC (*State Law and Order Restoration Council*) cai trị bằng khủng bố đối lập, đàn áp các sắc dân thiểu số.

Theo Cao, cho dù sắp bước vào thế kỷ 21, không phải chỉ có Miến Điện - một nền *văn minh sông Mekong* nói chung, bên này tả ngạn hay bên kia hữu ngạn thì cũng vẫn là *những xã hội hình tháp*, tuy bề ngoài có khác nhau về thể chế chánh trị và mức phát triển về kinh tế.

Khoảng 65km về phía đông Tam Giác Vàng, nếu bằng đường bộ thì phải qua những đoạn đường xấu nhưng cuối cùng cũng tới được Chiang Khong bên hữu ngạn con sông Mekong thuộc Thái - nơi nổi tiếng với ngày hội đánh cá Pla Buk hàng năm (*Pla Buk là giống cá bông lau khổng lồ chỉ có trên sông Mekong có con dài tới 3m nặng tới hơn 300 kg*) - đối diện bên kia sông là Bản Houei Sai thuộc Lào nơi xưa kia từng là tiền đồn Carnot kiên cố của Pháp trước 1954, nay dấu tích còn lại chỉ là mấy cỗ súng cối đã han rỉ theo thời gian và trong cái khí hậu ẩm thấp của Á châu Gió mùa. Houei Sai cho đến nay vẫn là một thị trấn của con sông Mekong với trên một ngọn đồi là ngôi chùa Phật còn đồi bên kia đã từng là khu bệnh xá 50 giường của tổ chức Medico do Tom Dooley sáng lập với trụ sở đặt ở San Francisco.

Bằng thuyền máy xuôi theo giòng sông Mekong dũng mãnh với hai bên bờ là rừng hoang rậm rạp, nếu may mắn thì người ta cũng tới được Chiang Khong.

Đường bộ hay sông, thì cũng chẳng ai mà biết chắc được những gì sẽ xảy ra, bởi vì *bất cứ lúc nào bất cứ ở đâu* cũng có thể nổ ra những vụ kình chống thanh toán nhau - thường là đẫm máu, giữa đám thảo khấu tay chân các lãnh chúa thuốc phiện và cả bọn buôn lậu trong vùng.

Ra khỏi khu Tam Giác Vàng, con sông Mekong nước nâu trở lại vẻ hoang dã băng băng cuộn chảy về hướng đông mất hút trong những khu rừng rậm của vùng cao nguyên nước Lào.

Cao có ý định trở về Thái Lan bằng ngả đường vòng qua Lào. Anh sẽ có dịp thăm lại đập Nam Ngum, thăm Louang Prabang nguyên thủ phủ của hoàng gia Lào vẫn còn những ngôi chùa tháp vàng cổ kính với nụ cười từ bi các tượng Phật ; anh cũng trở lại viếng thủ đô Vientiane của thời kinh tế thị trường trước khi băng qua con sông Mekong sang thị trấn Nong Khai bên hữu ngạn bằng cây cầu hữu nghị Mittaphap.

NGÔ THẾ VINH



LÊ BI

chùm thơ hài cú

Tự do
chẳng có gì quí bằng được tự do trần truồng
làm cây chuối ngược
ở ngoài đường
để bàn tay con gái hạnh phúc
thành hoa.

Sẵn sàng
dù một ngày bình thường như hôm nay
cũng chuẩn bị sẵn sàng
ngã xuống
nghe cuộc đời
như tiếng vỗ của một bàn tay.

Hành trình
mỗi nghệ sĩ như Nguyễn Tất Nhiên, Mai Thảo, Nghiêu Đề
đều là một cuộc hành trình dang dở
đuổi bắt bóng mình không bao giờ đến đích
tôi biết thế mà
thơ vẫn trào ra.

Phật
Phật cũng là một hành trình
ông đã bỏ lại lầu son gác tía
cả ngai vàng
cả người vợ không chồng
và đứa con nhỏ không cha.

Nhện
lúc giao hoan là lúc anh đã biến hình
thành con nhện đực
để cả xương máu trộn lẫn tâm hồn

chui được
vào mồm nhện cái

Eve
phải chi con người vẫn còn là khỉ
nên khi tặng em trái táo
sẽ là trái táo đầu tiên
biết đâu nhiều ngàn năm nữa
tên em sẽ là Eve.

Sao không
Sao không để trăng tĩnh lặng
như thời Lý Bạch chưa làm thơ
mỗi đêm ngủ cùng thăm thẳm
không có trăng cũng nhớ cố hương.

Sao dòng Châu Giang không nằm yên bên Trung Quốc
như khi Phạm Hồng Thái chưa phải tự trầm mình
thế kỷ này để nhiều tiếng sóng
trong lòng kẻ lưu vong.

Sao thơ không còn phẫn nộ
theo lòng dân lật ngửa những triều đình
hay ta đã già theo lịch sử
hát tiêu dao giữa có và không.

Sao không để bướm là bướm
cần gì đến Trang Tử về hỏi bướm hay tôi
ướp xác mình vào trang sách
đọc thơ tôi là đọc một mộng đời.

Sao không cùng ôm trời đất
cuộc đời này đã chật chỗ cho thơ
để hàng chữ tôi ấm lại
lấy thơ mình sưởi những giấc mơ.

LÊ BI



MAI NINH

Ngồi mãi bóng đêm



Để tự giữ cho mình nguyên vẹn
giữa biết bao đổ vỡ
là điều quá khó khăn...
Phạm Việt Cường

1

Giữa khuya, tôi choàng tỉnh, hất tung tấm mền, lưng đẫm ướt mồi hôi. Chân thốc mạnh vào thành chiếc giường sắt, bật tiếng chửi thề. Chợt nhớ tới thằng bạn cùng phòng. Mà không, hắn đã đi phép sáng hôm nay. Khung cửa sổ khá cao, sáng như có đèn chiếu. Xoay người nằm lại ngay ngắn, tôi mở mắt nhìn con trăng trong veo, sắc lạnh. Đã mười tháng, mười tháng của một năm rưỡi phải qua đi. Mười tháng! Sao chưa quen được với cái giường sắt, với tấm nệm cỏ và bộ đồ lính dầy cộm. Tự dưng tôi đưa tay vuốt tóc, chạm phải làn da đầu gần như trần trụi, ươn ướt. Không biết bao giờ mới bỏ được cái tật đưa tay sờ tóc. Cái thằng luôn luôn đứng xếp hàng cạnh tôi để chào cờ, vào căng tin, để tập bắn, hít đất và đôi khi tắm rửa tập thể... vẫn nhăn mặt, bĩu môi khi tôi trực giơ bàn tay lên. Một lần, hình như trái

mắt quá, nó mắng thẳng: - Thằng chó, ở cái chỗ mày đang đứng, con người không được quyền có thói quen!

Tiếng mấy con bẹc-giê sủa từ xa, quen thuộc, rợn người. Tên T. sắp đi tuần ngang đây. Cái thằng chửi tôi kia đã có lần lầm bầm: - - Trại lính quân dịch thời bình, việc đếch gì phải đi tuần với chó! Một thứ gì đầy ứ từ dạ dày cuồn cuộn trào lên. Chất buồn nôn đã tới tận cổ, cơ thể sao trĩu nặng vô cùng. Tôi muốn ngồi dậy, nhưng cả người cơ hồ bị dán dính vào tấm nệm. Mớ nhờn nhợn ấy không tuôn ra được, nên lại ngoan ngoãn quay ngược trở về. Trăng chiếu từng vệt qua các chấn song, ngả trên bàn gỗ, lướt ngang khung ảnh An và những tờ giấy viết thư còn trắng bóc. Tiếng chó lại gầm gừ rất rõ trong đêm. Dường như chúng gấu ó với những lằn roi và tiếng chửi thề từng chặp của tên T. Giá tôi có thể ngồi dậy, tung cửa, chạy thoát ra biển. Chỉ có năm trăm thước. Biển chỉ cách chỗ tôi nằm năm trăm thước thôi, sao tôi không với chiếc giường.

Thằng bạn đã đi phép. Khi nhét nốt cuốn sách và bộ quần áo lót vào túi đeo vai, nó ngửng nhìn tôi đang đứng ở thềm cửa theo giõi từng cử động. Cặp môi dầy nhếch nhẹ một bên, nó định nói điều gì, lại thôi. Nó chẳng cần nói ra, tôi đã hiểu. Thường ngày, hai tròng mắt nó vừa bốc cháy căm phẫn vừa lặng chìm đau đớn, nhẫn nhục. Nhưng sáng nay, trước khi bước ra khỏi cửa, tuy miệng cười khẩy, những tia mắt nó đảo qua tôi đầy thương hại. Tôi trở vào, giơ tay vuốt tóc, ngồi phịch xuống thành giường. Tôi thừa biết điều cuối cùng nó muốn nói: - Tới phiên mày đó, để rồi coi.

Mấy con chó đã ngừng sủa, nhưng tiếng chân chúng và tên chủ rõ mồn một trên con đường dẫn đến khu nhà trệt này. Từ một tháng nay, thứ lính quân dịch có học thức được tuyển chọn làm việc văn phòng như chúng tôi dọn ra ở riêng, cách biệt hẳn khu trại đông đúc bên kia. Bọn cấp trên bảo đó là đặc ân. Hai đứa vào một phòng, trong căn nhà bê tông dài hơn hai chục thước, gần biển nhất. Nhưng tổng cộng chỉ có bốn thằng lính sinh viên được cắt cử lo việc văn phòng và điện toán cho cả trại. Hai đứa một phòng, vị chi hai phòng cả thảy. Một ở đầu hồi, một ở cuối. Có la hét kêu gào, phòng đầu kia cũng không hề nghe thấy. Họa may nếu có cơn gió thổi ngược từ đất liền ra biển, hai tên cuối khu nhà mới nghe được tôi chăng. Tôi cố nhỏm người, liếc nhìn chốt khóa và cái ghế tôi đã cẩn thận chặn ngang cửa phòng trước khi vào giường. Một việc làm thừa hiểu vô ích, vẫn làm.

Vầng trăng khuyết, lạnh như kim khí vẫn treo cao. Dưới khung cửa sổ là cái giường thằng bạn. Chăn gối xếp gấp cẩn thận, trong một

thứ trật tự nhà binh. Hình như nó chưa đi phép, đang đứng đấy, ở cuối giường, đầu ló qua khung cửa một chút, tối đen vì ngược ánh trăng. Nhưng cái áo may-ô và chiếc quần đùi nó mặc trắng toát. Tôi vẫn nhìn ra hai cánh tay buông thõng, cả cơ thể nó đang run rẩy. Rung lên nỗi bất lực và sợ hãi. Chênh chếch trước nó, quay lưng về phiá tôi là cái khối đồ sộ, đứng dạng chân, chắc nịch trên nền gạch. Bàn tay phải tên T. chờn vờn trên báng khẩu súng lệch ra khỏi cái thắt lưng đã mở tung. Bàn tay trái hắn loay hoay làm gì trước bụng, tôi không rõ. Cơn buồn nôn lại dồn lên, nghẹt thở. Tôi chồm đầu ra khỏi giường để cố oẹ. Không. Không có gì trào ra nổi. Quay nhìn cửa sổ, chỉ có chiếc giường trống. Tôi thở dốc, lôi vội tấm chăn trùm kín đầu. Ừ phải, tên T. còn trên con đường đi tuần, hắn chưa tới đây. Biết đâu chừng hắn sẽ đi thẳng tới căn phòng cuối dãy. Tôi có cường tráng gì cho cam. Bọn chúng thường gọi tôi là thằng nhỏ, như mẹ tôi năm xưa. Thằng anh và thằng em tôi bao giờ cũng lớn và đáng nể, trước mắt bà. Tên T. thèm gì thằng nhỏ. Nó chẳng ghé vào đây đâu. Tấm chăn trắng phủ trùm như màn sương, mà mồ hôi là từng giọt sương đọng lại, rìn rịn khắp trên lưng. Bỗng dưng tôi lịm đi. Hình ảnh thằng bạn co rúm trong hai cánh tay rắn chắc đầy lông vàng hoe của tên T. biến mất. Và, tôi cũng chẳng còn nhìn thấy tấm ảnh An trên chiếc bàn gỗ nữa.

2

Tôi trở về thành phố giữa mùa hè. Con tàu điện rít hồi còi rồi trườn vào ga lúc đứng trưa. Người ta và hành lý đông nghẹt, chộn rộn trên sân ga. Mùa này thiên hạ di chuyển, dời chỗ. Mỗi người đều thấy cần phải đi, phải đến một nơi nào khác hẳn ngôi nhà hằng ngày. Chỉ có tôi, tôi trở về nơi cư ngụ, một căn phòng trọ sinh viên. Tàu đã ngừng hẳn. Người trên toa lôi hành lý xuống, hối hả chẳng kém gì người dưới đất chăm chăm khuân xách chỉ vội leo lên. Tôi đứng dậy, từ từ kéo chiếc ba lô để ngăn trên đầu. Lại chạm vào ánh mắt gã đàn ông lông mày rậm đen ngồi phía trong. Hắn ta bực bội thấy tôi cứ thản nhiên ngồi ì, không đứng lên cho hắn đi ra. Việc gì phải gấp gáp. Tôi muốn kéo dài, thâu nhận thật sâu cảm giác được trở về cõi bình yên.

Gã kia đi sau, thỉnh thoảng húc chiếc vali vào bắp vế tôi. Hề chi. Tôi vẫn chậm rãi giữa hai hàng ghế. Mãi tới cửa toa, tôi mới nhìn ra dáng An đang nép vào bờ tường gạch đỏ. Áo cánh trắng mong manh trên váy màu xám nhạt. Thấy tôi ngỡ ngàng, An cười. Nụ cười của An

không bao giờ là nụ cười vui rạng rỡ, nhưng hồn nhiên và tự tin. Nàng không thích chen lấn, vẫn đứng yên chờ tôi rẽ đám đông đi đến. An thong thả choàng hai tay qua cổ tôi. Tóc nàng bốc thơm mùi nắng. Chắc chắn An vừa nằm phơi nắng ở sân nhà trước khi đến đây. Tôi ôm lưng nàng bằng hai bàn tay tự nhiên lõng thõng, không dám xiết chặt. An ngửng lên, từ cằm nàng đến bờ môi dưới cong cong là đường rãnh mơ hồ đã từng ám ảnh tôi trong nhiều giấc mơ. Tôi có thể lướt môi mình trên đó, nuốt lấy vị ngọt và mùi hương An ngay bây giờ, rất thực. Nhưng hai bàn tay lại xoay nhẹ người nàng, đẩy về lối cửa ra.

Tôi quen An hai năm cuối trung học, trên chuyến xe buýt chật ních giờ tan trường. Nàng và tôi cùng cố len vào góc xe cho dễ thở. Xe vừa chạy đi lại bất ngờ thắng gấp, An ngã chúi vào tôi. Khi tôi đỡ nàng đứng thẳng dậy, An ngượng nghịu vén mấy sợi tóc ra sau tai, hai vành đỏ hồng. Tôi tiếp tục rẽ lối cho An tới cuối xe. Chúng tôi tìm được chỗ đứng bình yên, nhìn ra ngoài cửa kính. Cận ngày lễ Giáng Sinh, đường phố giăng mắc đèn màu và tuyết đang rơi từng cụm nhỏ. An chụm môi thổi hơi ấm vào hai bàn tay lạnh cóng. Tôi tuột ngay đôi găng đưa cho nàng. An cười và nhận lấy tự nhiên. Không ngờ, tới mười sáu tuổi, thằng con trai mới làm quen với một cô gái lần đầu. Sự làm quen này sao tình cờ và dễ dàng đến thế.

Từ hôm đó, mỗi chiều, không hẹn, nhưng chúng tôi cố tình đợi nhau ở trạm xe. Thằng em kém tôi một tuổi thỉnh thoảng cũng về cùng chuyến. Những lần ấy, An và tôi lặng thinh như thể không quen. Hai anh em tôi giống nhau như sinh đôi. Chỉ trừ, nó tóc ngắn, còn tôi tóc dài. Ngày nào vết sẹo còn hằn bên tai, ngày ấy tóc tôi không thể cắt ngắn. Chỉ một vài lần nhìn thấy thằng anh cả rồ rồ mô tô cạnh xe buýt, tít tít bấm còi, rồi tên em vội vàng nhảy xuống, hai đứa phóng đi, không ai đả động đến tôi, thì chẳng cần thông minh như An cũng hiểu mối thân tình giữa tôi và anh em thật là giới hạn.

Suốt thời gian quen An, chẳng ai hoài tâm đến chuyện tôi có bạn gái. Anh em tôi nào dư thời giờ. Nếu không bận bịu lau chùi chiếc mô tô thật bóng nhoáng, thằng em loay hoay tổ chức những buổi hẹn hò cho ông anh. Thời gian còn lại dành cho những trận đá banh quanh vùng mà hai người là thành viên cổ võ hung hãn nhất. Đôi khi, nổi hứng, trực nhớ tới sự hiện hữu của tôi, họ rủ tôi đi một vòng trên chiếc xe quí báu. Bà mẹ vội cản : - Ấy, để nó yên ! Từ bao nhiêu năm, cứ thấy đứa bé èo uột, khó nuôi ngày nào dần dần lớn lên, đêm ngủ không còn những cơn mơ la hét đánh thức cả nhà, là mẹ tôi hài lòng. Nó cứ bình lặng đến trường, rồi loanh quanh trong căn phòng riêng

biệt của mình, không quấy rầy ai, là bà yên tâm.

Khi tôi đủ can đảm rủ An đi chơi xa, hai đứa thường đạp xe ra bờ sông. Một gói bắp rang để An thả cho mấy con thiên nga và đàn vịt, một phong kẹo cao su cho tôi, và một quả táo cho nàng. Thành phố tôi ở giữa đất liền, sông hồ không thiếu, và nhiều rừng cây giữ mưa mùa lũ. An thường bảo nàng không thích sông bằng biển. Dù sông có dài hay rộng bao nhiêu vẫn nhìn thấy bên kia bờ, vẫn có một giới hạn. Cho tới năm ấy, tôi chưa từng được đi xa, ngoài một lần vào bệnh viện lãnh vết sẹo chân rết bên tai. Mẹ tôi viện lý do, tôi hay đau ốm ngay từ lúc mới sinh. Làm sao tôi nhìn thấy biển bao la và ngửi ra mùi của nó. Năm chúng tôi vào đại học, bố An giữ lời hứa với con gái, dời đi miền tây bắc, có biển cho nàng. Tôi không có cách gì hơn, vật vờ ở lại, xa An ba năm. Cuối cùng, một buổi sáng, tôi nhảy lên toa xe lửa. Bỏ lại, sau những hàng cây phong đã đến mùa đỏ lá, cái trang trại to lớn của gia đình và những nhánh rẽ của dòng sông chảy về qua đó. Tôi biết, một đời tôi đi theo An, theo ánh mắt dịu dàng, yêu đời và tự tin. Theo chiếc váy ngắn trên đôi chân dài cùng cái mũ bê rê nghiêng nghiêng trên mái tóc nâu phơ phất. Tôi đã đi tìm tới biển, yêu An và tiếp tục học hành nơi đó cho tới ngày phải vào trại lính quân dịch, ở một vùng biển khác.

3

Lúc tôi quay ra với ly rượu rhum nóng pha đường thật ngọt cho An, nàng đang đứng gần lò sưởi. Chiếc quần jean đen, đẫm nước mưa nhiều khoảng, bó chặt từ hông xuống cặp chân dài. An đã cởi chiếc áo len. Những đường hoa đăng ten khoanh tròn bộ ngực hiện rõ ràng dưới làn vải teeshirt ướt dính trên da. Mắt An nhìn tôi không chớp. Ánh mắt cuốn hút kiểu ấy luôn luôn là một dấu hiệu gọi bảo. Hiển nhiên, tôi sẽ không cầm cự nổi, phải lao theo nó, cuộn vào cơn lốc cuồng mê. Tôi sẽ đến trước mặt nàng, kề ly rượu vào miệng An, đợi nàng nuốt xong một ngụm. Rồi cúi xuống, hút chất nồng đọng ở đôi môi mềm ấm, cuốn lưỡi trên những chiếc răng trắng lạ lùng. Mấy nhánh củi tôi nhóm lên, khi hai đứa gặp mưa ướt loi ngoi từ biển về, đã đủ sức nóng. Những ánh lửa sáng làm hồng thêm hai bàn chân trần của An trên sàn gỗ. Nàng nghiêng người tì má vào cánh tay chống vào bệ đá lò sưởi, vẫn im lặng. Hôm nay nàng bỏ rơi chiếc váy ngắn rất thiếu nữ hồn nhiên thường lệ. Trong quần jean khít khao, vòng mông cong tròn như một thách thức, thu hút thật đàn bà. Ly rượu trong tay nóng bỏng hơn.

Nôn nao trên bước chân, tôi đã đến thật gần nàng. Thốt nhiên, một vật gì lao tới tựa viên đá ném thẳng vào lồng ngực. Choáng váng, không tự chủ, tôi vội vàng đặt ly rượu trên lò sưởi, cạnh cánh tay nàng rồi quay ngang, đi lại góc phòng. Cây ghi-ta vẫn nằm ngửa trên giường từ sáng. Tôi ngồi xuống gượng gạo cầm đàn lên, không dám nhìn An, bối rối: - Để anh hát một bài mừng sinh nhật em. Một giọng hát trơ trẽn, lệch lạc bật lên. Không phải của tôi. Chẳng thể là tôi. Nhưng tôi vẫn hát.

Không biết từ lúc nào, An đến ngồi cạnh giường, dưới chân tôi. Nàng xòe nguyên bàn tay chận đứng những sợi dây đàn. Ngón tay kia An hếch cằm tôi lên. Trái hẳn với cử chỉ khẳng định, gương mặt nàng vẫn dịu dàng với vài sợi tóc mai xòa trên trán. Nàng cất tiếng hỏi: - Hôm nay An mấy tuổi hở Kim? Tôi hơi ngỡ ngàng : - Hai mươi bốn. An gật đầu, mắt không chớp: - Kim có biết rằng năm mẹ An hai mươi bốn tuổi đã sinh ra An rồi không? Tôi chưa kịp nói gì, bờ ngực hồng dưới cổ áo rộng của nàng phập phồng. An đưa cả hai bàn tay giữ lấy khuôn mặt tôi, giọng nghèn nghẹn: - Từ ngày Kim miễn quân dịch về, mấy tháng rồi, tụi mình chưa yêu nhau... Tại sao? Một lưỡi dao từ đâu xoáy vào bụng tôi. Câu nói này như chất xúc tác kinh khủng nhất, cồn cào lên cơn buồn nôn nghiệp chướng, chất nhờn lợm lẫn thứ gì mặn như máu. Tôi vùng dậy, suýt xô An bật ngã, lao vào phòng tắm, xoay cái khóa cửa, gập người, nôn khan hào hển, rồi ngồi bệt xuống sàn. Hình như có tiếng An kêu gọi phía ngoài. Đối diện với tấm gương, mái tóc lởm chởm trên đầu chưa che nổi vết sẹo trước vành tai. Đấy, hắn vẫn đó, đã chồm hổm sau lưng. Hắn đưa ngón tay tròn to đầy tàn nhang như quả chuối châm hương, vuốt một vệt dài theo lằn sẹo. Tôi chưa biết phải chạy hay la hét thì đã bị hắn đè lên, đẩy chồm về phía trước, nằm gục trên nền gạch.

4

Nhoài ra khỏi những bụi lau, tôi chỉ còn đủ sức buông người lăn long lóc qua suốt triền cát khô ráo, để đáp sấp xõng xoài trên cái nền ẩm ướt. Cho đến lúc một vật gì sớt qua, cào ngang mặt đánh thức tôi thảng thốt. Nhỏm đầu, tôi chỉ kịp nhìn ra cánh chim trắng chập chờn bay ra biển. Cả thân thể trườn trượt lún dần, mặt phẳng dưới người đang chuyển động. Hóa ra biển đã dâng, nước ngập đầy vũng cạnh chỗ tôi nằm.

Không thể ngồi dậy, tôi đành thả đầu, áp tai vào cát. Sóng

ngầm đang đập vỡ tàn phá dưới đó. Sâu hằng bao nhiêu thước, nước đang sôi sùng sục. Nham thạch cùng kim khí bị lửa trái đất nung chảy, bung lên một nhiệt lượng khủng khiếp, xuyên thấu qua đất đá, qua chiều dầy của biển, qua sỏi cát, đốt cháy da thịt, ngũ tạng tôi. Không, hình như cái nóng rực bỏng rát này chẳng phải từ lòng đất mà từ bụng dưới và đáy lưng thốc lên, rầm rập. Một hòn lửa chín đỏ đang lăn từ sâu giữa hai mông, bò lên lưng, rồi qua ngực. Đi tới đâu đốt đến đó. Ấy, nó đã chạy tới cổ họng, bỗng vọt ra, bay vút lên trời. Tôi lại thảng thốt ngửng nhìn theo. Hòn lửa phóng thật nhanh như lần chớp, nhập vào mảng trăng đang ngất ngưởng, chênh vênh. Trăng tóm lửa, sáng rực. Tôi chợt thấy một vết máu đỏ ối loang dần trên màu trăng lụa ngà trinh bạch. Bỗng nhiên, từ đó tuôn ra những làn nước xối xả, thẳng đứng, mạnh mẽ, giận dữ. Như trận mưa nào đã đổ xuống trên sa mạc đỏ, khi thằng bé tôi vừa tròn năm tuổi.

...Buổi sáng tinh mơ ấy, tôi theo mẹ lên chuyến xe lửa đầu tiên. Mùa đông năm đó thật dầy, nặng trĩu. Mấy tiếng đồng hồ tàu chạy, tôi không thấy gì ngoài một bầu sương trắng. Thảng hoặc mới nhìn ra vài rặng bạch dương trơ trụi, ngất nghểu bọc rìa những đồi thông cao vọi. Lần đầu được đi xa, nhưng tôi chẳng mấy chú ý đến cảnh vật. Chiếc vali nhỏ mẹ đặt trên băng ghế đối diện, trong đó mẹ xếp đặt nào quần áo, nào con thỏ bằng vải cùng đôi giầy bông, đã làm tôi thắc mắc, bồn chồn lo lắng. Mẹ bảo dẫn tôi đi chữa cái mụn kềnh càng bên tai. Theo bà, chính nó là thủ phạm những cơn khóc đêm, đái dầm, mê sảng. Nó làm tôi lười ăn, èo uột, không lớn được như những đứa trẻ bình thường, như anh và em tôi. Bà dỗ, đi một lúc rồi về. Làm sao tin được, một chốc rồi về mà phải lỉnh kỉnh bao nhiêu đồ đạc cho riêng tôi, trong cái vali ấy!

Và...khi tôi bừng tỉnh, một bên mặt xốn xang đau nhức. Tôi vùng đưa tay sờ đầu. Đầu tôi quấn một lớp băng dầy cộm. Tôi nhắm mắt hét lên gọi mẹ. Có hai cánh tay vội ôm tôi, giọng đàn bà ôn tồn:
- Không sao, đừng sợ, mẹ em sẽ tới bây giờ. Tôi mở mắt ra, cô y tá đón ở cửa nhà thương hôm qua đang ngồi cạnh. Hơi thở dồn dập, thái dương nhói buốt, nhưng tôi lẳng lặng nhìn cô, không nói gì. Điều quan trọng, mẹ tôi không có đây. Bà đã bỏ đi. Đi đâu? Suốt ngày tôi nằm vùi trong chăn, cắn răng chịu cơn đau. Tôi không còn muốn khóc. Có lẽ mẹ đã bỏ đi vì chẳng thể nghe tôi quấy rầy hằng đêm nữa. Cũng từ hôm ấy, tôi không còn biết khóc.

Một đêm qua đi, sáng hôm sau, rồi trưa đó, cho tới buổi chiều... Buổi chiều, không gian xám ngắt. Lâu lâu mặt trời cố xuyên thủng màn sương, đẩy xuống vài tia nắng hiu hắt. Con chim sẻ lững thững

trên bệ cửa sổ, gõ mỏ lóc chóc vào ô kính. Dáng chừng nó đói, đòi ăn. Tôi cố ngồi dậy, cầm mẩu bánh mì lần ra mở cửa. Cô y tá bước vào, níu tôi đẩy lại giường, rồi bật chiếc truyền hình nhỏ, tìm một đài đang chiếu phim hoạt họa, và dỗ: - Em xem đi, hay lắm, mẹ có việc phải về nhà, sắp vào đón đấy. Tôi lơ là nhìn màn ảnh. Tim tôi nặng trĩu. Chiếc vali để trên bàn trong góc phòng không còn chứa đựng gì bí mật nữa! Con chim sẻ vẫn loay hoay một mình ngoài kia trời rét.

Bỗng nhiên màn ảnh sáng rực cát vàng. Một người Ả-Rập từ đâu xuất hiện, lom khom móc trong túi những nhánh xương rồng, rồi cặm cụi cắm vào cát. Nhưng cứ cắm tới đâu, gió tạt đến đó, bốc tung cành xương rồng cuốn bay đi. Nhạc nổi gió rít từng cơn. Ông ta vẫn lui hui, nặng nhọc lún sâu trong cát, dưới một mặt trời tròn to quá khổ, đang chuyển từ vàng cam sang màu máu. Tiếng nhạc chợt trở nên dồn dập, rầm rầm rơi xuống với những lằn sét ngang trời. Bao nhiêu làn nước tuôn thẳng trên đầu người Ả-Rập. Ông ta ngửng mặt đón mưa, nhe hàm răng trắng và đôi mắt mở trừng già cỗi. Sa mạc hứng đầy nước, cát tan biến, hoá thành dòng sông đỏ thẫm. Tôi nhắm nghiền mắt lại, trôi theo.

Hơn hai mươi năm đã qua, bây giờ cát dưới thân tôi cũng đang dần dần cuốn ra biển cả. Sóng đang đập ồn ào dữ dội. Tôi co hai chân, chống tay, cố bò dậy. Đầu óc choáng váng, tôi dang hai tay giữ thăng bằng để đứng được thẳng người. Ôi đêm. Chỉ mình tôi trước đại dương này. Biển không đen như tôi tưởng mà xanh đậm, ngoài xa hơn chuyển sang màu tím. Mấy con chim đêm về bói cá dưới ánh trăng, nhào xuống lượn lên trên những cuộn sóng trắng xóa, cánh vỗ từng nhịp như tay ai vẫy gọi. Tôi chạy theo, lao vào biển. Vừa buông người trong nước, nửa mặt mang vết sẹo và một bên đùi đau rát. Tôi chới với đứng lên, bấy giờ nhìn xuống, mới thấy mình gần như trần truồng, chỉ có chiếc áo lót ướt dính trên người rách toang, lõng thõng. Hoảng hốt, ngẩn ngơ, chưa kịp hiểu tại sao. Một cuộn sóng cao vọi từ xa xầm xầm rập tới, tôi vội vã chạy vào bờ. Nhưng không kịp nữa rồi, nó chụp từ sau lưng, hất tung tôi về phía trước. Trong khoảnh khắc, tôi chợt hiểu cái đau cắt thịt từ đâu ra. Tên T. đang vồ tới, cả thân người và cánh tay hắn dang rộng, vũ bão như sóng.

Từ khi thằng bạn đi phép, đêm đầu tiên rồi đêm thứ nhì tôi thấp thỏm đợi chờ thảm họa. Nhưng biến cố không xảy ra. Đến đêm thứ ba, trăng tròn và dịu dàng hơn, tôi tự nhủ: chắc nó chẳng thèm. Nhưng vẫn cẩn thận khóa chốt cửa và chặn cái ghế. Quá căng thẳng

thần kinh trong hai đêm trước, tôi mê đi cho đến lúc, rầm rầm, cánh cửa và chiếc ghế bị hất tung. Tôi ngồi bật dậy. Tên T. đã đứng giữa phòng. Đèn treo ngoài mái hiên hắt vào, giao thoa với ánh trăng tràn trải thật dài. Tất cả sáng trưng trước mắt. Sáng hãi hùng. Ba con bẹc-giê thè lưỡi đỏ, dàn trận thẳng hàng trước tên chủ. Mấy cặp tai vểnh lên, dựng đứng, sáu hòn bi xanh quắc chiếu trừng trừng vào tôi. Không hiểu do sức lực nào, tôi đứng dậy được, lùi vào cuối phòng, gần cái giường của thằng bạn. Gã T. vẫn đứng tại chỗ, thản nhiên chờ đợi. Thấy tôi nắm lấy cái ly thủy tinh cao để trên bàn, bấy giờ hắn mở hàm răng rộng đến mang tai, khinh khỉnh bước tới. Lũ chó tiến theo, gầm gừ. Hắn đá phóc một cái, mấy con chó dừng ngay. Tôi đã tới sát thành giường. Đằng sau là bức tường kiên cố và khung cửa sổ cao. Đường cùng. Cách tôi một sãi tay, tên T. đứng lại. Tay phải hắn vẫn cầm cái roi quất chó, tay trái hắn chậm rãi mở cái thắt lưng, mắt chờn vờn tôi như ngắm nghía con mồi. Từ bấy lâu nay, tôi chỉ nhìn hắn từ sau lưng đã thấy to lớn đe dọa. Bây giờ, ở vị trí của thằng bạn, đối diện với tên T., tôi nhận ra mình chỉ là cành lau bên thân sồi đồ sộ. Cái quần đã mở tung, trễ xuống quá mông, hắn khệnh khạng, khiêu khích bước thêm. Không nghĩ gì hơn, tôi đập mạnh cái ly vào song sắt. Một nửa rơi toang xuống đất, mảnh còn lại trong tay tôi chĩa nhọn. Tên T. càng hứng chí cười hềnh hệch, giơ tay chụp lấy tôi. Chẳng đợi, tôi lao vào hắn với cái ly vỡ. Nào ngờ, hắn ta như đợi có thế, vung roi, quất một đường vào má tôi ngang lằn sẹo, một roi thứ nhì ngay đùi. Tôi ngã nhào xuống sàn, mảnh thủy tinh đâm ngược vào lòng tay. Tôi chẳng kịp nhận ra sự đau đớn, một tảng đá đã đổ ập xuống trên thân. Tôi bị đè dang tay như thập tự, nhận khổ hình. Không biết tôi tỉnh hay mê, chỉ nhớ rằng tôi còn nhìn ra dòng máu đỏ ứa từ bàn tay trắng bệch. Nhưng có lẽ tôi tỉnh. Bởi vì sau đó, tôi đã lê người, chạy thoát ra khỏi căn phòng có ánh trăng đuổi theo, lết bết trên những bãi cát, qua mấy đồi lau, tìm tới biển.

5

Trời đất tối mù hung hãn khi cơn mưa đá đổ rào rào. Từ trên hai tầng lầu, sau lớp kính dầy kiên cố nhòa nước đá tan, tôi cúi nhìn lo lắng. Dưới kia, người đàn bà dáng dấp mong manh ấy làm sao đứng vững trong cơn gió ngông cuồng và những viên nước đá to bằng đầu ngón tay không nương nể. Đáng lẽ tôi nên giữ cô lại. Hai tay ghì chặt mép áo khoác dầy, cô xiêu ngã tìm tới chiếc xe đậu trong góc parking

dưới hàng dương uốn cong nghiêng ngửa. Tôi muốn xuống thang lầu, chạy ôm người đàn bà xanh xao đó trong cánh tay. Cô vừa qua cơn bệnh tử sinh đã vội đến thăm tôi ở tận nơi này.

Khi có tiếng gõ cửa, tôi đang nằm gác chân ngó trần nhà. Cũng may căn phòng không sơn trắng. Tường và cửa sổ, màn che cùng màu xanh dìu dịu. Tôi lặng thinh không trả lời. Mụ y tá với vầng trán và đuôi mắt đầy nếp nhăn chắc chắn sẽ ló vào, ném một câu thăm dò : - Cậu cần gì không, vừa ý chứ ? Tôi cần chi, và muốn được mãn nguyện điều gì? Tất cả đã vỡ tan như những mảnh thủy tinh trong bàn tay tôi ứa máu. Tất cả đặc cứng lại rồi như chất nhầy đã đóng thành xi măng trong dạ dày, không còn có thể trào lên tọt xuống. Lại tiếng gõ cửa, tôi bực mình buông thõng: - Vào đi. Ai ngờ là cô. Tôi vùng dậy, ngỡ ngàng nhìn cô ngập ngừng ở ngưỡng cửa, trong chiếc áo khoác đen và mái tóc còn lóng lánh những hạt mưa. Chắc cô ngạc nhiên thấy tôi nằm trên giường mà y phục lẫn giầy vớ chỉnh tề. Tôi đã nghĩ, phải ra khỏi căn phòng này, nhưng đi đâu?

Tôi mời cô đến ngồi ở chiếc bàn con cạnh những ô kính lớn trong phòng tiếp tân. Không xa, dưới chân nhà thương là con đường vòng đai thành phố. Mới bốn giờ chiều, những dòng xe đã chớp lóa ánh đèn đỏ vàng lên xuống. Mưa hình như đã từ lâu lắm. Tôi rót cho cô một tách nước trà. Cô giữ nó trong hai bàn tay, xoay xoay sưởi ấm. Tôi nhớ đến đôi găng ngày nào đã đưa cho An. Không gặp nhau chỉ hơn hai tuần, cô đã sút hẳn đi, làn da trắng xanh, càng nổi bật cặp mắt đen và mấy đường gân hai bên thái dương. Bỗng dưng tôi thấy cô nhỏ bé vô cùng. Hơn cả những lần đứng cạnh cô bên các máy móc trong phòng thí nghiệm. Cô để tách trà xuống bàn, tay gỡ vài lọn tóc chưa khô và nói: - Định ghé mua chocolat có bạc hà mà Kim thích, nhưng mưa quá! Tôi khoát tay: - Cô đến đây là đủ.

Giờ thăm bệnh nhân đã bắt đầu. - mỗi bàn, thân nhân ngồi quanh con bệnh lúng xúng trong bộ quần áo xanh của nhà thương. Mỗi người một vẻ, mỗi người một kiểu. Cạnh đây, bà cụ tóc rụng gần hết, miệng cứ mếu máo kêu mẹ ơi, trong khi cô gái trẻ ngồi bên cầm tay bà dỗ dành. Bên kia, gã đàn ông ngờ nghệch nhìn mấy tấm ảnh trên tay người vợ đang vừa chỉ vừa giảng giải liên hồi, nhưng anh ta vẫn lắc đầu quầy quậy. Tôi ái ngại quay nhìn, cô đã phác cử chỉ tỏ dấu hãy yên tâm rồi cúi xuống uống một ngụm trà, nhẹ nhàng nói: - Mọi điều đều có nguyên do, nhưng làm sao để nói ra và tìm được người biết nghe nó, phải không Kim?

Dường như cô còn nói thêm ít nhiều câu gì nữa, tuy chẳng hề động tới thương tích tôi. Những hòn mưa đá vẫn ồn ào theo gió đập

vào các khung kính, trong khi hồn tôi tự nhiên bình lặng. Bao nhiêu rối loạn hay lềnh bềnh lắng xuống khi tôi nhìn vào khuôn mặt, nhất là đôi mắt cô. - đó là sự dịu dàng cảm thông và nét trầm lặng của một người đã nếm trải cuộc đời, đã kinh qua những nỗi đau. Nó không giống gì với ánh mắt, nụ cười thơ ngây của An. Ôi An! Đã hơn mười ngày, tôi không nhìn thấy nàng kể từ buổi chiều hôm ấy. Tôi hiểu mình không thể ấp lấy đôi bàn tay lạnh của An, để cùng nàng chụm môi thổi phà hơi ấm nữa. Cũng như tôi biết, nếu muốn kể ra điều gì, tôi chỉ có thể nói với một người duy nhất. Đó là người đàn bà xanh mướt với gương mặt diệu vợi đang ngồi ở đây thôi. Ngoài cô ra, không còn ai khác, ngay cả người bác sĩ tâm thần cứ lăm le rút tỉa từ tôi câu trả lời cho trăm chữ tại sao? Càng không thể là An tươi thắm yêu đời. An ơi, tôi đã yêu em hồn nhiên từ ngón chân lên tới sợi tóc trên đầu. Dễ dàng bao nhiêu. Nhưng từ đây, làm sao tôi còn có thể?

6

Người đàn bà xanh xao quay trở lại khu bệnh viện đúng hôm bố mẹ Kim đưa con về chôn cất ở vùng đất nhiều sông hồ và rừng cây. Mấy ngày sau, một người bạn Kim tìm đưa cho nàng một hộp giấy gói kín, của Kim đã nhờ chuyển trước ngày tự vẫn. Trong hộp nhiều thứ lẫn lộn, vài tài liệu việc làm của Kim với nàng, cây bút máy, thẻ thư viện, chùm chìa khóa văn phòng, và một phong thư dài nhiều trang giấy.

Nàng ngồi đọc những dòng chữ Kim từ khi nắng chiều còn vương hiu hắt trên những cành cây vàng lá mùa thu, cho đến lúc mọi vật sẫm tối một màu. Cảm giác bàng hoàng phẫn nộ, đau xót cùng dằn vặt ấn sâu nàng trong lòng ghế. Phong thư bày ra mọi khuôn mặt đã dự phần trong cuộc đời ngắn ngủi của Kim, nó chứa đựng tất cả câu trả lời cho hai cuộc quyên sinh. Từ sau đêm biển thẳm, Kim đã chiến đấu ra sao để thoát khỏi nhục hình đọa xuống bởi tên T. và sự im lặng toa rập của bọn cấp trên, phải thỏa hiệp những gì để được rời trại quân dịch sớm hơn ngày hạn định. Sau lần tự tử hụt thứ nhất bị vào viện tâm thần, Kim đã suy đi luận lại thế nào để quyết định, thêm một lần thứ hai, từ bỏ cuộc đời này.

Nàng tưởng tượng ngôi mộ Kim chìm trong lòng đất, với tấm bia ghi khoảng cách ngày sinh ngày mất ngắn hạn. Không thể chỉ xem bức thư Kim là tiếng kêu, là giải bày của một thực thể mong manh, một hiện hữu khép kín hay bất lực, là biện bạch cho một chọn lựa chối bỏ,



GIANG

Poker

Ta tố hết đời, canh bạc cuối
Người dám cùng ta chấp cuộc chơi?
Hay thôi, ngồi lại, ta cùng uống
Bàn chuyện nhân gian vá đất trời
Nói về trăng tan và tuyết nguyệt
một chút hoàng hôn, chút mưa bay
Chỉ xin đừng nhắc thêm gì nữa
chuyện ta yêu người hay yêu ai?

GIANG

ra đi. Đó còn là chứng từ rõ rệt, là cáo trạng gắt gao về những sự thật băng hoại mà con người không được phép che đậy, không thể để đào thoát. Nhưng, khi lan man mường tượng tới chiếc mũ bê-rê nghiêng nghiêng trên gương mặt trong sáng của cô gái tên An, thì nàng lại nghĩ, hay thôi, hãy để phong thư kia là một lời tâm sự với hư vô. Và phải chăng, sẽ không bao giờ bà mẹ Kim nên biết rằng, đã có một sa mạc đỏ biến thành dòng sông trong buổi chiều có con se sẻ một mình.

Nhiều hình ảnh chợt hiện ra, chợt biến đi trong vũng tối không gian. Người đàn bà ngồi mãi với bóng đêm, băn khoăn ray rứt, và nhỏ lệ.

MAI NINH
Tháng giêng 99



Phạm Thị Hoài, hợp đồng ngầm với các con chữ

PHẠM VIỆT CƯỜNG *ghi*



- Xin chị cho biết lý do cầm bút viết bài thơ hay truyện ngắn đầu tiên trong đời.

- Chắc khi ấy tôi thấy viết thật dễ. Nhưng nhà văn là kẻ khó viết và sợ viết hơn những người khác.

- Tại viết dễ chứ không phải vì chị có chuyện gì đó cảm thấy cần viết hay muốn viết xuống sao? Tác phẩm đầu tiên đó có lẽ là một bài thơ tình? Chị nói nhà văn là kẻ "khó viết" hay "viết khó"? Và lại "sợ viết" nữa à? Sao tôi nghe nói nhà văn là người thích viết và viết dễ hơn người thường?

- Người không viết thì không có lý do gì để sợ viết cả. Nhà văn là kẻ phải viết, bất kể thích hay không. Văn chương của những người thích viết, văn chương của những ngày đẹp trời, văn chương hobby tai

hại ở chỗ nó giữ nghề văn ở trình độ nghiệp dư. Nghiệp dư và tỉnh lẻ là hai chiếc lạt mềm, trói nghệ thuật còn chặt hơn sợi dây cứng của ý thức hệ. Nhà văn là kẻ đã ngầm ký một hợp đồng nào đó với các con chữ, đôi khi là một hợp đồng rất khắt khe. Càng ở lâu trong nghề thì hợp đồng ấy càng dày lên và phức tạp hơn, khiến việc viết càng khó khăn hơn. Đương nhiên là nhà văn có điều gì đó muốn nói, nhưng ai cũng có điều gì đó muốn thổ lộ, bất kể ai, từ một đứa trẻ sơ sinh trở đi. Song với người bình thường, chỉ có bản thân nhu cầu thổ lộ ấy là quan trọng, họ làm tất cả để thoả mãn nhu cầu ấy, cách nào cũng được, miễn là thổ lộ, nhiều khi họ cũng dùng cách viết và có được hiệu quả cần thiết. Nhà văn là kẻ chỉ có thể đáp ứng nhu cầu thổ lộ của mình một cách cao nhất trong việc viết. Thậm chí hạn hẹp hơn nữa: hắn chỉ có thể được thoả mãn trong một vài lối viết. Có không ít tác giả trình bày nỗi đau đời của mình trong sách, song cá nhân tôi khi đọc lại hình dung rằng, cách thích hợp hơn với những tác giả ấy là mỗi ngày ra giữa đường vài phút khóc ầm lên. Những trang viết của họ nếu không có sức thuyết phục, thì bản thân những điều thổ lộ trong đó không có lỗi gì cả. Đau là đau, không thể có nỗi đau sai hay nỗi đau đúng được, mà lỗi ở chỗ họ không tất yếu phải dùng văn để trình bày. Một nghệ sĩ hề chẳng là nghệ sĩ hề, nếu không nhất định dùng cái hài để trình bày cả những điều bi đát nhất. Nhà văn là kẻ tất yếu phải dùng văn.

- Như thế có phải theo chị điều khác biệt đáng kể giữa nhà văn và người thường trong nhu cầu thổ lộ là đối tượng và cách thức thổ lộ. Là thổ lộ với ai và thổ lộ như thế nào. Đứng ngoài đường khóc ầm lên có thể thoả mãn chính đương sự hơn là đáp ứng sự tò mò của người chung quanh-là điều sẽ đến sau đó. Có thể nhiều người muốn kẻ khác chia xẻ nỗi buồn đau của mình cách nào đó sâu sắc hơn. Và mỗi người có cách bày tỏ khác nhau: người này có thể dùng súng máy xả vào đám đông, còn nhà văn thì cặm cụi gò lưng trong góc xó của mình, chọn chữ làm vũ khí. Một đàng có hiệu quả giải toả ngay tức thì so với thứ liệu pháp từ tốn kia của nhà văn. Nếu phải dùng văn, theo chị cách thổ lộ như thế nào có thể được xem là "cao nhất" - theo chữ dùng của chị?

- Tôi e rằng ta đang trệch nhau: tôi không nói về cách thổ lộ cao nhất, mà về hành vi viết như cách thoả mãn cao nhất nhu cầu thổ lộ ở nhà văn. Người thì bày tỏ mình trọn vẹn nhất thông qua những chiếc cà-vạt. Người thì diễn đạt mình thông qua quyền lực của chức vụ.

Người nữa lại hài lòng tột độ thông qua cách thổ lộ điển hình nhất là xưng tội trong nhà thờ. Không có cách nào cao hơn cách nào, vì cách nào cũng cao đúng tầm người dùng nó. Những người làm nghệ thuật chỉ khác ở chỗ, họ lấy chính cái cách dùng để thổ lộ làm công việc hàng ngày. Nghề của họ là bày tỏ.

- Nhân nói về cách bày tỏ của nhà văn, ở nhiều nơi, việc ngăn chặn, kiểm duyệt hay bắt bớ đã làm phát sinh một thứ văn-học-trong-ngăn-kéo. Điều này đôi khi lại kích thích nhà văn lao mình vào việc viết hơn nữa. Thậm chí cái áp lực của sinh tồn và nhu cầu bày tỏ đó còn có thể đánh thức những khả năng sáng tạo khác thường ở nhà văn-những thứ có thể không nảy sinh trong một tình thế yên bình khác. Theo kinh nghiệm bản thân, bây giờ ngồi viết ở Berlin và trước kia sáng tác ở Hà Nội, chị Hoài thấy có gì khác biệt không? Cảm tưởng chị lúc viết như thế nào khi biết rằng người đọc mình, dù ít hay nhiều, đã thay đổi. Và thật ra là chị có nghĩ đến người đọc khi sáng tác không - dù đó là một kẻ hậu lai xa lạ ở góc biển nào đó vài trăm năm nữa hay là người hàng xóm sát vách ngay trong lúc này?

- Không được tự do bày tỏ thì văn chương sớm muộn cũng thui chột. Còn đủ hai mắt trong một xứ chột là hiện tượng phi thường. Văn chương ngăn kéo mang hào quang phi thường ấy. Chỉ ra khỏi ngăn kéo là đã hết phi thường rồi. Có thể khi bị khống chế và đàn áp, tinh thần bỗng vọt ra thật, nhưng không bao giờ đạt tới những bước nhảy vọt của một tinh thần được nuôi nấng trong tự do. Tiếc rằng chưa có nhà văn nào trên thế giới tuyên bố rằng mình hoàn toàn tự do, vậy thực ra chúng ta nào có biết gì chắc chắn về vương quốc tự do của tinh thần đâu. - các quốc gia dân chủ phương Tây, người ta cũng chất đầy ngăn kéo những trang không được xuất bản. Song những ngăn kéo lép vế này hoàn toàn không có họ hàng gì với những ngăn kéo niêm phong ở các xứ bị nạn đàn áp tư tưởng. Tôi đã chuyển bàn viết từ Hà Nội qua Berlin, nhưng tôi không trực tiếp trải qua những kinh nghiệm đau đớn nhất của nghề viết ở mỗi nơi, tôi không là nạn nhân điển hình của áp lực ở mỗi nơi. Tôi không được cái ân sủng của bùng nổ sáng tạo. Đặt bàn viết ở đâu tôi cũng làm việc đều đặn như nhau. - Berlin tôi thật sự cô đơn. Hiện nay thế là tốt, sau này như thế nào tôi không biết. Còn công chúng, thật may cho nhà văn là công chúng cũng giống dòng sông của Heraklit, nếu không thì chúng ta chỉ còn cách viết đi viết lại mãi một Truyện Kiều mà thôi. Đối với nhà văn, người đọc rõ ràng là

kẻ mà hắn chung sống chẳng được, mà không chung sống cũng chẳng xong.

- Chị nói về người đọc mà tôi có cảm tưởng như lời một người đàn ông nói về đàn bà. Hay ngược lại. Phần chị, chị nói về đàn ông như thế nào? Có dành cho họ chút "âu yếm dịu dàng" nào không - như thái độ của nhân vật Hoài trong Thiên Sứ đối với một trong hai loại người mà cô đã phân chia? Tôi hỏi như vậy để cố ý xin chị cho đọc một hai bài thơ của chị đấy. Ngoài thơ và văn xuôi, chị có thử thách mình với thể loại văn học nào khác không?

- Đàn ông Việt Nam thường thừa nhận đàn bà Việt Nam lắm đức hạnh, ít nhất là cái đức chịu khó chịu thương. Song họ quên rằng, phần lớn những cái đức đàn bà ấy, nhất là đức chịu khó và cả chịu thương nữa, chỉ là cái khôn của cảnh khó. Các nhân vật nữ của tôi bày tỏ rõ ràng khao khát được ít đức hạnh đi một chút, được chia đều đức hạnh cho đàn ông gánh bớt. Lắm đấng ông chồng vui vẻ xách làn đi chợ hộ vợ, thế là văn minh rồi, nhưng cáng cho vợ cái đức hay lam hay làm thì ít ông chịu. Văn học Việt đầu thế kỷ đã góp phần lay động được cái cơ cấu âm dương cổ hủ của xã hội Việt truyền thống. Song bây giờ ở cuối thế kỷ dường như văn học của chúng ta đã hết trách nhiệm khai sáng trong lĩnh vực này. Tôi không tiện kể tên ra đây, chỉ xin nhắc rằng, ngay cả các nam đồng nghiệp nổi tiếng là tiến bộ và khoáng đạt cũng không buồn giấu giếm cái macho của họ. Nhưng chuyện này không quan hệ gì đến chuyện thể loại nghệ thuật. Từ mười hai năm nay tôi không viết thơ và không giữ lại một bài thơ nào của trước đó. Không cất trong ngăn kéo, không giấu trong đầu, không thỉnh thoảng đem chàng thơ xưa ra yêu lén. Tôi đã làm một phép loại trừ rất giản dị với các thể loại: Kịch bản phim bị gạch đi trước hết, bản thân điện ảnh và đặc biệt điện ảnh Việt Nam cho phép tôi dễ dàng quyết định như vậy mà không tiếc nuối gì. Kịch bản sân khấu cũng bị gạch tiếp. Tôi chưa bao giờ sống với sân khấu nói chung, mà sân khấu Việt Nam, kể cả sân khấu của Lưu Quang Vũ, lại chỉ là chỗ để ngủ mà thôi. Kịch của Nguyễn Huy Thiệp cho thấy, sự lạc hậu của sân khấu ấy cũng đóng được dấu ấn lên một nhà văn vốn xuất sắc trong truyện ngắn. Đến lượt thơ, tôi phải mất nhiều tháng trời để gạch nốt nó đi. Xin phép anh cho tôi so sánh thơ với toán. Một lúc nào đó tôi thấy rõ là thơ cứ tuột khỏi tay mình, như những bài toán hiểm hóc mà mình đành chịu thua, không có cách nào tiếp cận được. Tiếp tục làm toán ở trình độ phù hợp với

mình thì rất chán. Cũng không có gì chán bằng một bài thơ không là một thách đố nào hết với chính tác giả của nó. Có lẽ tôi đã gặt quá non những vụ thơ đầu của mình. Vụ sau gieo tiếp giống non ấy, rồi nhìn thơ mọc hỏng mà mất can đảm. Vậy tôi chỉ còn cách viết văn xuôi. Lúc ấy tôi tưởng văn xuôi dễ dàng hơn.

- Ngủ trên sân khấu à? Nhiều người bạn bụi đời trong nghề cho biết là không gì hạnh phúc hơn là sau buổi diễn, được uống chút rượu khuya rồi giăng mùng nằm ngủ ngay trên sân khấu. Ấm cúng, yên ổn lắm...Đùa với chị một tí để làm nhẹ bớt đi những gạch bỏ, loại trừ...quyết liệt chị vừa nói. Mà chị có thấy là chị cũng dằn dai lâu hơn khi quay lưng với nàng thơ đó chứ...Chị có nhận thấy văn chương của chị có rất nhiều chất thơ không? Có thể vì chị đang thường xuyên viết văn nên thấy văn xuôi ít thách đố hơn thơ chăng? Và cho đến nay, nhìn lại mười năm cầm bút, chị đã tự đặt mình trước và vượt qua được những thách đố nào trong thử nghiệm văn xuôi, từ Thiên Sứ qua Mê Lộ, Man Nương rồi cuối cùng đến Marie Sến?

- Tiếng Việt cho đến cuối thế kỷ mười chín là ngôn ngữ của thơ và văn vần, nó có rất ít kinh nghiệm về văn xuôi. Những người viết văn xuôi như tôi không có cách nào hơn là tìm cách tận dụng tất cả những gì có thể dùng được của thơ ca, ngoài ra không có nguồn nào khác. Chất thơ, như anh gọi, trong văn của tôi, không hẳn là công lao của cá nhân tôi, có thể coi đó là di sản của lịch sử văn học Việt, của bản thân ngôn ngữ Việt. Song mọi di sản văn hoá đều mang tính nước đôi là ít nhất. Cái di sản thơ ấy không khéo có thể trì hoãn sự phát triển của nền văn xuôi non trẻ. Thơ có thể chấp cánh cho một cuốn tiểu thuyết, nhưng cũng có thể khiến cuốn tiểu thuyết ấy bay đi mất. Người viết tiểu thuyết không thể lấy một tiếng ve thay cho cả mùa hè như cách của các nhà thơ. Sau mười năm, với hai tiểu thuyết, ba mươi mốt truyện ngắn và một số tiểu luận, tôi mới chỉ tìm ra một số cách để làm ra mùa hè ngoài cách ve của thơ và cách đổ mồ hôi chung của thiên hạ. Một ví dụ khác, tiếng Việt của thơ chưa bao giờ phải bận tâm tới văn phạm một cách hệ thống. Trần Dần đã đề cử vô số cấu trúc ngôn ngữ mới. Lê Đạt thẳng tay bố cục chữ khác thường. Họ thử nghiệm, gợi ý, và đánh động, đúng như chức năng xứng đáng của thi sĩ, song một bộ máy ngữ pháp kích thước lớn chỉ có thể hoạt động hết công suất ở quy mô rộng dài hơn của văn xuôi.

- Chị có thể kể lại chuyện chọn học ngành lưu trữ không? Công việc của chị liên hệ đến ngành học đó ra sao? Chị có tự xem mình thuộc hàng ngũ các ông nhà văn/quản thủ thư viện như Jorge Luis Borges, Archibald MacLeish, Philip Larkin... không? Ngoài cơ hội gần gũi sách và đọc nhiều, nghề trong thư viện hay văn khố đã hỗ trợ cho nghiệp viết của chị như thế nào?

- Tôi không chọn, mà được cử đi học. Nghề lưu trữ có thể thú vị, vì xử lý tài liệu văn khố trước hết là làm việc với lịch sử. Chuyên môn của tôi là làm di cảo của các nhà văn. Tôi làm luận văn tốt nghiệp về di cảo văn học trong viện lưu trữ Goethe-Schiller ở Weimar và viện lưu trữ Bertolt Brecht ở Berlin. Sau đó tôi làm việc mười năm ở Viện Khoa Học Xã Hội Việt Nam. Vậy là thuần túy học hành, hàn lâm, nghĩa là không "lăn lộn với thực tế", không cầm súng, không cầm cày, không đứng máy. Tôi không phải là một "nhà văn chân đất" như cách nói hàm ý tự hào của nhiều tác giả Việt, một "tellurist" như cách giễu của Octavio Paz. Trí thức toàn phần như tôi không "làm dáng trí thức", mà thường "làm dáng vỉa hè". Tri thức đã nhiều lần bị nhân loại tẩy chay rồi lại được phục hồi. Tôi hy vọng là văn học Việt Nam có thể bình thường hóa quan hệ với tri thức và học vấn sau một thời gian dài sùng bái cái gọi là cơ sở vật chất, là mảnh đất hiện thực, là cuộc đời thực. Rốt cuộc thì Nguyễn Du không chỉ đi qua trường học cuộc đời mà viết nên Truyện Kiều. Ngông nghênh như Cao Bá Quát cũng chiếm những hai bồ trong bốn bồ chữ dưới gầm trời. Tôi rất chán cái khẩu khí giang hồ, coi khinh sách vở, của không ít tác giả Việt hiện đại. Vô số đồng nghiệp của tôi cả năm không lật qua một cuốn sách. Có lẽ đấy cũng là di sản lịch sử của một dân tộc có tiếng nói riêng mà chỉ gần đây mới có được một chữ viết riêng và chủ yếu đọc nhờ sách của người ngoài chăng?

- Nói về chữ viết, lâu nay nhiều người vẫn e ngại rằng tiếng Việt trong văn học hải ngoại sẽ ngày một nghèo đi. Một phần vì nhu cầu và cơ hội sử dụng tiếng Việt của người Việt ở đây ít hơn là ở trong nước. Trong bài viết nhan đề "Gốc" đăng trong tập san Việt xuất bản ở Úc mới đây, sau khi cho rằng sự thiếu thốn tiếng Việt bên ngoài cũng là một trở ngại cần thiết, chị có đề cập đến việc sử dụng ngôn ngữ mới và việc phát huy vốn liếng tiếng Việt mang từ trong nước ra - một thử thách khá khó khăn đối với nhà văn Việt ngoài nước. Và một mặt nếu các nhà văn trong nước được lợi thế về ngôn ngữ như vậy thì cái nguy

cơ "thiếu thế giới" - theo chữ dùng của chị - đối với các quí vị đó như thế nào so với nhà văn hải ngoại? Có cách nào quân bình lại phần nào sự chênh vênh của hai đầu cân "ngôn ngữ" và "thế giới" đó không - cho cả trong và ngoài nước?

- Tôi cho rằng, với một nhà văn viết tiếng Việt không có kinh nghiệm nào quý báu hơn kinh nghiệm về sự thiếu thốn của tiếng Việt. Thiếu không phải là nghèo. Không ngôn ngữ nào không thiếu, không thủng, chỉ có điều mỗi ngôn ngữ lại thủng ở những chỗ khác nhau. Song ngồi giữa chỗ thủng thường không biết ấy là thủng. Không bao giờ thè lưỡi ra ngoài tiếng mẹ đẻ có lẽ cũng không thể thấm thía hết tiếng ấy hụt ở khoảng nào. Người Việt ở ngoài nước tự khắc biết chỗ thiếu trong tiếng Việt thông dụng. Nhà văn Việt ở ngoài nước, nếu không quá mụ mị trong huyền thoại về sự giàu có của tiếng Việt, sớm muộn rồi cũng thấy cái gia tài ngôn ngữ mà mình vất vả mang từ quê hương có thể dùng được vào việc gì. Ta hãy khoan nói đến việc dùng tiếng Việt để sáng tạo. Hãy thử dùng tiếng Việt để tái sáng tạo xem sao. Chẳng hạn, hãy dùng tiếng Việt để dịch. Khoan dịch những tác phẩm sống bằng ngôn ngữ. Hãy dịch một tác phẩm mà ngôn ngữ thực sự chỉ là phương tiện để truyền đạt một nội dung nhất định và cụ thể xem sao. Tôi xin lấy những bài giảng về phân tâm học của Freud làm ví dụ. Có trời chứng giám là ở đó Freud không thiết gì đến hào quang ngôn ngữ, ông chỉ quyết trình bày rõ một vài vấn đề uẩn khúc. Bản dịch của tôi hoàn toàn không tương đương với bản gốc. - vô vàn chi tiết, tiếng Việt đầu hàng. Song đó là sự đầu hàng tạm thời, tôi tin tưởng như vậy. Kinh nghiệm về sự đầu hàng này là một kinh nghiệm vô giá. Tiếng Việt không bách chiến bách thắng như người ta thích tưởng.

- Tôi cũng đồng ý rằng sự tương đương giữa nguyên tác và bản dịch gần như là bất khả. Mà đó cũng là tình trạng chung chứ không chỉ xảy ra cho riêng chị. Một bản dịch hoàn hảo chỉ là bản dịch đến gần nguyên tác nhất mà thôi. Hình như chị cũng đang bận rộn với vài công trình dịch thuật phải không? Chị có một quan niệm hay phương pháp dịch nào rõ rệt khi làm công việc này không? Thường thì việc dịch sách bắt đầu bằng hành động đọc - đọc thật kỹ, đôi khi không dám bỏ sót một dấu phẩy, gần như kiểu đọc của nhà phê bình hay học giả, dĩ nhiên là học giả.. thật. Sau bài "Đọc" thật lý thú mới đây trên tạp chí Thơ, chị có ý định viết gì về chuyện dịch sách không?

- Một lần tôi nghe nói, dân Nhật không cần biết tiếng Đức, vì mọi tác gia Đức quan trọng đều đã được dịch sang tiếng Nhật, không sót một ai. Một lần khác, thấy đồng nghiệp Yu Hua (Dư Hoa) khoe giới phê bình so mình với Kerouac, anh lại không hề biết một ngoại ngữ, tôi hỏi thì được đáp rằng Trung Quốc dịch Kerouac lâu rồi. Không phải ngẫu nhiên mà các học giả, chí sĩ và văn sĩ danh tiếng ở cả ta lẫn Tàu vào đầu thế kỷ 20 này đều đồng thời là những dịch giả nhiệt thành. Lẽ ra cộng đồng Việt ở ngoài nước đã phải nuôi lớn một lớp dịch giả giỏi nghề và chuyên nghiệp từ lâu rồi. Đó là việc thiết thực nhất chúng ta có thể làm, thậm chí là một trong những việc quan trọng nhất. Tôi không ưu tiên dịch văn chương viết bằng tiếng Đức, trừ Kafka. Nếu lập một danh sách các tác phẩm quan trọng nhất thuộc mọi lĩnh vực của nhân loại trong thiên niên kỷ này, trong thế kỷ này và trong thập niên cuối này, ta sẽ thấy dân Việt chẳng những không góp được là bao, mà cũng chẳng hưởng được là bao. Kiến thức vẫn là đặc sủng của một nhúm người. Dù việc dịch rất tốn thời gian, tôi vẫn dịch, để chia sẻ một chút đặc sủng mà mình ngẫu nhiên được hưởng. Về bản thân chuyện dịch thuật, xin anh đọc bài luận nhan đề "Dịch" của tôi sắp tới.

- Ngay từ Thiên Sứ, các tác phẩm của chị đã khác lạ so với những sáng tác của những người viết cùng thời trong nước. Gần đây, tiểu thuyết Marie Sến của chị do nhà Thanh Văn xuất bản năm 1996 tại Hoa Kỳ còn gây ra một số phản ứng khen chê khá sôi nổi cả trong và ngoài nước. Một số bài viết có giọng châm biếm hay tức giận khá rõ. Chị nghĩ sao về những bài nhận định đó?

- Cho đến nay tôi luôn tránh dư luận, một phần quan trọng vì cho rằng thời gian sẽ tự đào thải những cách cảm thụ nghệ thuật lỗi thời. Mười năm trước tôi đinh ninh rằng chẳng bao lâu sau sẽ không ai đặt một câu hỏi như: "Tác giả định nói lên điều gì qua tác phẩm này?". Nhưng tôi đã lầm. Độc giả Việt Nam có không phải mười năm, mà hai ngàn năm sau lưng, để củng cố, chứ không phải để đào thải, một vài câu hỏi thiết yếu nhất xung quanh việc đọc văn, trong đó có câu hỏi nêu trên. Lầm thì phải sửa. Tôi đang viết một số bài luận, trong đó tôi đi tìm cơ sở của những câu hỏi không chịu biến mất ấy, xem cơ sở đó vững chắc đến mức nào. Cũng như vậy, nếu luôn luôn có những độc giả phẫn nộ, chẳng hạn vì sự bẩn thỉu trong văn chương của tôi, thì quả là đã đến lúc tôi phải tìm hiểu kỹ lưỡng những nguyên tắc vệ sinh của

họ, và thử hình dung, nếu ở nhà họ thì văn chương cần được kỳ cọ như thế nào. Câu nói nổi tiếng của Hegel: Dân thế nào chính thể thế ấy, có thể chuyển thành: Độc giả thế nào văn chương thế ấy. Độc giả Việt Nam nếu đề cao vệ sinh, nhất định sẽ có được một nền văn học sạch sẽ vô trùng. Nếu chuộng đức độ, nhất định sẽ có được một nền văn học thuần đạo. Nếu ưa những bài giảng, nhất định sẽ có được một nền văn học giáo trình. Nếu muốn biểu dương tình người, nhất định sẽ được một nền văn học tốt bụng...Và nếu độc giả Việt nhất định đoàn kết thành một khối vững chắc thì văn giới Việt nên cử ra một người tài cán, viết đại diện cho tất cả là xong. Dư luận văn học chính là tấm chứng minh thư của một nền văn học, thậm chí là thẻ căn cước của cả một xã hội. Dư luận Việt Nam với các tác phẩm của tôi không tiết lộ tôi là mấy, mà chủ yếu tiết lộ căn cước của xã hội Việt Nam.

- Không giống như điều người ta thường nói là các nhà văn nữ thường đem chính đời sống của mình ra để viết, hình như chị rất khéo che giấu mình trong tác phẩm. Nếu phải làm một bài toán (khá trừu tượng) ở đây, xin hỏi khi sáng tác, chị đã sử dụng chừng bao nhiêu phần trăm kinh nghiệm đời sống riêng của mình trong một tác phẩm?

- Vào tay một nhà văn giỏi thì chuyện mình hay chuyện người không còn phân biệt nữa. Một trong những thứ tôi ghét nhất là cái lối người ta tuân theo những khuôn vàng thước ngọc một thuở nào đó, chẳng hạn muốn tả miếng mỡ rán thì nhà văn phải kêu xèo xèo trong chảo. Nếu tình duyên giữa đời sống thật và nghệ thuật chỉ có bấy nhiêu thôi thì đôi bên đã chia tay lâu rồi. Joseph Conrad, tác giả của những truyện đậm đặc nam tính, luôn nổi giận khi phải nghe các nhà phê bình lải nhải về việc ông lấy đời thủy thủ của mình ra viết như thế nào. Nhưng Agatha Christie lại không cần nổi giận, vì chẳng ai cho rằng bà từng giết người. Chúng ta cũng không phỏng đoán rằng Bồ Tùng Linh từng sống với ma, còn La Quán Trung cầm bút giỏi mà cầm gươm đao chắc vụng về lắm. Tôi không giấu mình trong tác phẩm, mà ngược lại, tôi luôn tìm cách mách người đọc rằng, chuyện mà tôi đang kể sở dĩ như vậy, vì tôi là người kể. Có những loại chuyện chỉ có thể kể được một cách, ai cũng biết cách đó, ai cũng kể được đúng như vậy. Tôi chọn loại khác, loại chỉ thành chuyện nếu tôi nhúng tay vào đó, nếu tôi đẻ ra nó, kể cả khi tôi đánh lừa người đọc, rằng chuyện ấy chẳng can dự gì đến tôi. Như vậy thì bất luận tôi đàn ông hay đàn bà, viết hùng-văn hay thư- văn, chuyện tôi kể là có tôi một trăm phần

trăm. Tôi rất thích kể chuyện chết, ai chết cũng là chuyện chết của tôi.

- Có ông nhà văn Mỹ sống gần như vô hình, vô thanh là ông Thomas Pynchon; ông này đã kinh hoàng lao mình ra khỏi cửa sổ khách sạn để trốn chạy khi biết có nhà báo khám phá và tìm đến để xin chụp hình. Tôi chỉ kể chuyện vui vậy thôi, khi liên tưởng đến cảnh sống hình như cũng khá kín đáo, ẩn dật của chị. Chị có thể vui lòng cho độc giả biết sơ lược về đời sống và sinh hoạt của chị hiện nay không? Chị có thường xuyên giữ liên lạc với các bạn văn trong và ngoài nước không?

- Nếu nhờ báo chí chụp hình mà viết bỗng hay hơn, tôi sẽ mở toang cửa trước, mời các nhà báo vào. Tôi đã phung phí hai năm ròng chẳng ẩn dật chút nào sau khi xuất bản quyển Thiên Sứ. Kết quả rất tồi tệ. Còn quan hệ văn nghệ, mỗi người viết đều gửi thư tìm bạn trong tác phẩm. Có những lá thư như vậy chẳng đến tay ai cả, hoặc đến mà không ai mở ra xem, hoặc xem mà không để ý, hoặc để ý mà không hiểu, hoặc hiểu mà không chia sẻ, hoặc chia sẻ chẳng đến nơi. Tình bạn đòi chung thuỷ hơn tình yêu, nhưng nghệ thuật lại đi liền với sự phản bội. Làm sao tìm ra bạn chung thủy, khi mình luôn tìm cách lật mình. Những liên hệ mà chúng ta thường duy trì trong văn giới giống tình họ hàng làng xóm hơn. Chúng ta chẳng gọi nhau là "anh em văn nghệ", ai chú trọng nữ quyền thì sửa thành "anh chị em văn nghệ" đấy sao? Tôi hay nghe người ta hô hào đoàn kết trong văn giới. Làm sao một nhà văn tài hèn có thể đoàn kết với một nhà văn tài lớn được. Những nhà văn giỏi có thể bề ngoài không ưa nhau mà trong bụng phục nhau và chăm chú học nhau. Họ phải cãi cọ nhau và ít khi dàn hoà được. Nhà văn xoàng thì mắng chửi nhau và sau đó lại phẩy tay cho qua. Văn nghệ đề huề chẳng qua là văn nghệ chợ phiên. Không có vài ba người thì chợ vẫn đông vui lắm.

- Chị Hoài, nói cho cùng thì tất cả những nỗ lực viết của chị trong thời gian qua là để làm gì? Thật sự chị muốn gì và tìm kiếm gì qua văn chương? Chị có tin rằng những gì chị viết sẽ thật sự mang lại điều gì đó cho văn học Việt Nam, cho cuộc đời nói chung hay cho bản thân chị không?

- Văn xuôi là nghề của tôi. Mọi cố gắng của tôi trước hết là cố

gắng làm nghề. Nghề nào cũng thế, càng tới càng ham. Người ngoài nhìn vào, đôi khi thấy một kẻ say nghề có chút gì thiếu nhân tình, như thể kẻ đó sống chẳng vì cái gì khác ngoài đam mê nghề nghiệp tự thân. Nhưng mọi nghề nghiệp trên đời đều có mục đích, kể cả những nghề phi nhân tính nhất, thí dụ nghề giết người. Một tay giết thuê thượng thặng gắng giết giỏi như thế cuối cùng để làm gì? Dù không để làm gì, hắn cũng phải giỏi để giết người trước khi người giết mình. Nhưng mục đích của hắn nhất định không phải là giết hết nhân loại. Những cô gái gắng đạt đến tuyệt đỉnh trong cái "nghề chơi cũng lắm công phu" là định cống hiến gì cho xã hội chăng? Chắc là không. Bác thợ mài kim cương cũng không hoang tưởng tới mức cho rằng nghệ thuật của mình nhằm một cái gì hơn vẻ đẹp của cục kim cương, mà số người thực sự được dùng một cục kim cương như thế có là bao, và tự nó thì cục kim cương chẳng có một giá trị nhân bản nào hết. Vì sao chúng ta không hỏi người nông dân, trồng lúa để làm gì? Người ta đã cho văn chương nhiều chức năng đến mức tôi không còn gì để thêm, mà chỉ có thể bớt đi tí chút. Nếu nó đa năng thế, thì bớt đi một hai chức năng cũng không hề gì. Các nhà văn Việt, trong đó có tôi, có thể theo đuổi, tìm kiếm đủ thứ, nhưng văn học Việt đương đại vẫn cứ là một nền văn học lạc hậu và nghèo nàn. Dĩ nhiên như vậy. Làm sao một xã hội chậm tiến về mọi phương diện lại có nổi một nền văn học giàu có và tiến bộ được. Việc phải làm trong một nền văn học như thế nhiều không kể xiết. Nhà văn Việt chưa cần kiệt xuất gì, chỉ viết đúng chính tả là đã có công khai hoá lắm rồi.

Tháng 01-1999

PHẠM VIỆT CƯỜNG *ghi.*

Đón đọc số tới. chủ đề:

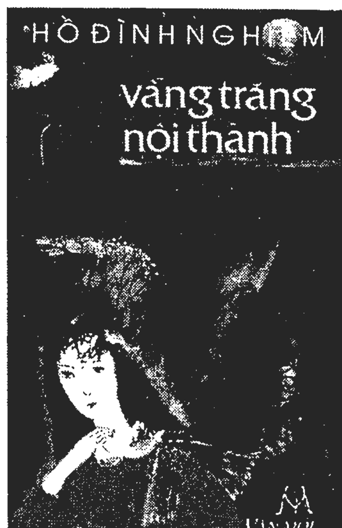
NGƯỜI VIẾT & NGƯỜI ĐỌC

Viết để làm gì? Viết thế nào? Viết cho ai (cho một "thiểu số chọn lọc" hay cho độc giả đại chúng?
Đọc, một nhu cầu thiết thân,
hay đọc, chỉ để "mua vui cũng được một vài trống canh"?



SỬ MẶC

Hồ Đình Nghiêm, văn chương ông cụ non



Điều thấy trước tiên: Hồ Đình Nghiêm là một người thủy chung. Anh trung thành với bút pháp của mình, cho dù trong tập truyện mới nhất, Vầng Trăng Nội Thành (Văn Mới 1997), hoặc trước đó, Tờ Mộng Rách Rồi (1991), Nguyệt Thực (1998) và ngay cả những truyện ngắn của Nghiêm đăng rải rác trên báo chí hải ngoại lâu nay. Đó là một thứ bút pháp kín đáo, ẩn dấu nội tâm cực cùng, rất Hồ Đình Nghiêm, không thể lẩn lộn với ai khác. Cho dù đọc bất cứ truyện ngắn nào của của anh, thử không đề tên tác giả, ta cũng nhận ra ngay văn phong Hồ Đình Nghiêm.

Cho nên đọc Hồ Đình Nghiêm, không dừng ở đơn vị truyện ngắn, mà chính là đọc cái nguyên trạng của đời sống qua chuỗi dài khúc mắc của nó. Con người - qua nhân vật của Hồ Đình Nghiêm dù ở bất cứ điểm hẹn nào, ở không gian thời gian nào cũng đều mang cái tâm não lơ lững, bất toàn. Đó là nhân vật của loại truyện nóng, khô; có lúc ẩm ướt nhưng toàn thể chìm đắm trong bầu khí cực kỳ ngột ngạt, lừng khừng, khục khặc và bất cần đời.

Tôi chú ý đến Hồ Đình Nghiêm ở cái văn phong lạ lùng đó ngay những truyện ngắn đầu tiên xuất hiện. Lối viết của Nghiêm, khác với những người cùng thời, lúc đó; như có cái gì ấm ức khiến liên tưởng đến loại truyện thời còn trong nước trên các tờ Văn, Văn Học v.v... của những cây bút thuở xưa như Y Uyên, (đã khuất), Ngụy Ngữ, Lương Thái Sỹ, Mang Viên Long, Phan Tấn Vẩn v.v... bàng bạc cái không khí tan hoang, rách nát thời chiến, không khí đó giờ đây tái hiện qua Hồ Đình Nghiêm bằng những mảng đời không định hướng, dù không còn nhìn thấy cảnh bom rơi đạn lạc.

Tôi quen biết Hồ Đình Nghiêm ngót nghét đã mười lăm năm. Tụi tôi tìm đến nhau ngoài cái duyên văn ngfhệ, nữa, còn tình đồng hương - "Tha hương ngộ cố cố tri". Vui ghê lắm. Vui hơn nữa khi khám phá ra Nghiêm là dân Huết rặc một trăm phần trăm. Huế với những thổ âm thổ ngữ liu riu líu ríu "dà quê" rất xa xưa của Sình, Sịa, của Tiên Nộn, An Lỗ v.v... mà tưởng chừng một nam nhi tươi trẻ như Nghiêm không tài nào nhớ nổi. Chao ôi! Hồ Đình Nghiêm là một thứ Huế thất tung mà tôi đã lặn lội kiếm tìm, chừ "chộ" được thì mừng tới mô. Vui mà mừng dễ sợ. Cứ rứa anh em xáp lại nhau mược sức mà Huế yên, Huế tui, Huế mền. Mấy cụ đàn ôn Huế mà xúm lại thì chuyện hoang, chuyện hiếc, chuyện đời xửa đồi xưa tha hồ mà nói trạng, nói như sanh như sứa, thẩm ý thẩm tình vỗ vai vỗ vế cười ha hả, cười rúc rúc, cười đủ thứ kiểu. Ngoài đời ba lơn, phách tấu rứa đó cha răng mà văn vẻ chua chát ngậm ngùi rứa Nghiêm hè? Hồ Minh Dũng cũng chí tình viết cho Nghiêm trong lời giới thiệu tập Vầng Trăng Nội Thành:

"...Cái nghệ thuật sáng tạo của Hồ Đình Nghiêm không phải ai cầm bút cũng có được. Chuyện đời, chuyện tình, chuyện bể dâu, chia lìa, thù nhà nợ nước bom rơi đạn lạc... Nghiêm chen chúc, trộn hòa, khóc cười không lằn ranh, buồn vui lẫn lộn để rồi sau đó, cuối cùng vẫn để lại cho người đọc những nỗi mất mát đắng cay..."

Người bạn đời của tôi nhiều lần tiếp xúc với Hồ Đình Nghêm, thường bảo: "Trông Nghiêm giống ông cụ non quá nhỉ?" Quả thế, Hồ Đình Nghiêm không những là một ông cụ non ngoài đời mà còn là một ông cụ non trong văn chương nữa. Ấy là một người tuổi đời còn xuân mà văn chương rất mực già dặn. Cái già dặn, bụi đời tay tổ đó đã đẩy dưa những nhân vật của Hồ Đình Nghiêm không qua những chặng đời thanh xuân tươi mát đầy nhựa sống, mà nổi trôi, chìm đắm, tấp, duyềnh rong rêu. Nhân vật trong truyện Hồ Đình Nghiêm chỉ tuyền là một thứ âm bản: âm bản kéo dài của một thời tang tóc, vẫn đầy mưa bão rả rích, cho dù đã ở trong một thời điểm tưởng như gặt hái được nỗi yên lành:

..." Thời gian. Những con số già cỗi đó mãi chồng lấp lên làm ký

ức mù mờ bám bụi. Du bàng hoàng. Thật ra nó trẻ trung lắm, nó mới hàng ngày. Chỉ có con người thì chịu lú lẫn ngờ nghệch thôi. Du thử lục tìm lại nguyên nhân chính đáng nào dẫn hai người đi tới sự quen biết nhưng tất cả đều lợn cợn, khó nhớ một lý do, một run rủi, một tình cờ, một cơ duyên... Như thảy những cái một kia đều bỗng chốc rơi rớt hết xuống nước, khuấy động bùn lên và ta chẳng thể gạn lọc làm cho nước trong lại trong giây phút, để nhìn thấy." (Vầng Trăng Nội Thành tr. 13).

Cái tâm cảm dằn vặt của Hồ Đình Nghiêm khởi từ hành trạng của một cậu bế - nói như Hồ Minh Dũng - lớn lên trong hoàn cảnh chia lìa, mất mát, đớn đau của cuộc chiến dằng dặc. Thời trai trẻ dù có nếm được ít nhiều hoan lạc cũng chỉ là thứ hoan lạc chắc lọc từ kiếp người ê chề, ba chìm bảy nổi. Đó là hành trạng của con người không lối thoát. Thoạt khóc đó rồi cười đó. Trộn lẩn, mê oan.

..." Tôi không rõ điều gì khiến tôi có được thứ xác quyết đầy chủ quan và lệch lạc như vậy? Tôi đã vượt qua được cái thời nông nổi hăng máu của ngày xưa rồi chăng? Tôi đã nếm đủ mùi vị đau thương rồi chăng? Không, nói vậy ông lại cười cho. Thế nào là nếm đủ những đau thương? Đau thương, với tôi là một vực lớn không đáy. Người ta rơi, rơi mãi vào đấy và người ta không đủ sức để vẽ được hết toàn cảnh của nó. Địa ngục nhiều lắm cũng chỉ có chín từng thôi. Nỗi đau nhân loại thì chẳng đo được, đúng không ông?" (Ao Nước Lã, tr. 23, tạp chí Văn số 2/ *"Hắn bước ra ngoài sân, chuyếnh choáng, khi trạc quần đứng đái, hắn cúi đầu nhìn xuống vũng nước loang. Hắn rảy rảy dương vật như một người có bàn tay đang bị càng cua kẹp phải. Rùng mình (...) hãy cầm dao mà thiến đi cái vật dư thừa suốt đời mãi đeo lủng lẳng bên mình một thằng đàn ông hèn mạt. Thiến đi. Hãy chặt bỏ không nương tay những dây mơ rễ má luôn vướng víu để được thong dong, cho giản dị cuộc đời..."* (Ao Nước Lã, tr. 25)

Những tiết diện tình dục trong truyện Hồ Đình Nghiêm cũng mang đầy vẻ lừng khừng, rất lửng lơ con cá vàng. Vồ vập đó mà dửng dưng đó. Một thứ tình dục ẩn ức hiếm khi đạt tới khoái đỉnh, thể hiện qua cái nhìn nửa xoi mói nửa hờ hững:

..." Vô tình hắn đặt để tia nhìn vào ngực Hảo. Bú sữa mẹ rất tốt, điều đó thì hắn biết rồi. Nhưng mà đôi vú kia không chỉ dành riêng cho con trẻ dài hạn được, nó còn những nhiệm vụ thầm kín khác. ("Tiếng

Khóc", Sóng Văn số 5/96)

..."*Da thịt Hảo như một thứ trái cây miền nhiệt đới. Nhiều mùi vị và khích thích vị giác. Một mùi mít chẳng hạn. Hắn hôn cùng khắp để Hảo co giật người và thu nhỏ lại trên bàn. Chiếc quần của Hảo mở hết tới những gì chẳng thể mở được thì bốn lỗ tai cùng đón nhận một âm thanh thảng thốt khó có thể dung thứ... Thằng Cu đã thức* (Tiếng Khóc tr. 16)

Và lối nói khá ngẳng: mấy cụm chữ như "chơi chơi mà nghiệt rứa bây" - "Tội chưa tề" - "mấy mụ đàn bà" - "ê o nớ" - "thân hình thiệt là múp" - "mang một con c... dơ hầy", v.v... Giọng điệu rất cha chú mấy-mệ-ở-Huế

Tôi viết đoản văn này cho Hồ Đình Nghiêm hoàn toàn với tâm tình một người bạn, bạn trong văn, bạn ngoài đời, không dưới nhãn quan phê bình hay mổ xẻ chi cả (mà vốn dĩ tôi cũng không có khả năng đó), cho nên bạ đâu viết đó, suy nghĩ lung tung cá nhảy.

Hiểu theo một mặt nào đó, lối dàn dựng truyện của Hồ Đình Nghiêm không dựa vào qui củ, không thiết đến liên ảnh dẫn dắt câu chuyện từ đầu mối dây này sang đầu mối dây khác. Truyện không có cốt truyện khiến gây cảm giác khô khan, hụt hẫng khó tạo nên ấn tượng lôi cuốn lúc ban đầu. Truyện của Nghiêm không phải là một loại truyện "ăn khách" theo kiểu khai thác thời thượng. Đó là một loại truyện gai góc, khó nuốt với những ai chuộng lối hành văn ướt át, nhiều tình tiết éo le gay cấn. Cho nên đọc và hiểu Hồ Đình Nghiêm không nên truy tìm yếu tính hấp dẫn của tiểu thuyết mà đọc với một thứ tâm cảm, một não trạng lắng đọng để nghe được những gì bắn ngược từ phía bên trong tâm hồn. Bút pháp Hồ Đình Nghiêm đáng kể là một loại công phu hàm mô, một thứ âm phong xoáy hút vào cõi tâm thức bần bặt. Tôi có cảm tưởng đọc Nghiêm rất giống như cắn ngập một trái non đắng chát, nhấp một ngụm rượu cay xè. Đắng cay mà vẫn thấy đời thú vị. Vẫn còn đó kiếp, đời thao thức khôn nguôi.


Hồ Đình Nghiêm

Trong lời *bạt* viết cho một thi phẩm có dính dáng tới Huế, Hồ Đình Nghiêm tự than mình là kẻ bất tài mà nhẹ tình với Huế. Tự trách mình ít đưa được vào văn



HOÀNG NGỌC BIÊN

Tân phố - thư hồng

Anh bước đi trên những đường phố đen
Cây cối thơm ngon như đôi má mềm

giấc ngủ chạy điên dưới đồng trên núi
đêm yên tĩnh giọt từng giọt trong vườn

gửi về cho em một ngày rối tóc
râu mọc dài hơn lá những mai mưa

mặt trời về hồng đông phương rộn rã
anh ngả nón chào người phu quét đường

HOÀNG NGỌC BIÊN

phẩm cái bối cảnh của nơi chôn nhau cắt rốn cũng như gióng lên cái phương ngữ quê mình. Thiệt có phải rứa mô! Đã chắc chi nhắc nhiều về sông Hương, núi Ngự, nói nhiều mô tê răng rứa mà tự xưng rằng ta đây là Huế chính cống. Hồ Đình Nghiêm bọc chất Huế ghê gớm lắm, thâm trầm trong từng nét vẽ, từng cách nói, cách nhìn: Huế đặc quánh hiện hồn trong không khí truyện u uất, ràn rụa, Huế qua đối thoại rất chi là biểu trưng.

Nếu những chiếc lá khô đoài đoạn biết trở mình để làm nên nỗi thao thức, dằn vặt thì một Hồ Đình Nghiêm độc địa đã thu quén đống lá lên tới ngọn. Với tuổi đời, với cách viết thâm cơ viễn lự ấy, sức sáng tác ngùn ngụt của Hồ Đình Nghiêm đáng kể là hiếm, quý, là một nhánh khó trong vườn văn học sum suê.

SỬ MẶC
Roxboro tháng Tư chín tám



PHẠM NGUYỄN

Sinh hoạt văn học nghệ thuật



Cà-phê và câu lạc bộ văn học ở Paris

Khi nói về thủ đô Paris của nước Pháp, những người quen thuộc với thành phố văn hóa này không thể không nhắc đến Quartier Latin hay khu Monparnasse, Saint-Germain -des- Prés...Và nói đến những địa danh nổi tiếng đó cũng không quên được các quán « cà-phê văn học » của chúng. Đây là nơi tụ tập trao đổi nghệ thuật và văn học của các văn nghệ sĩ, đông đảo nhất kể từ những năm giữa thế kỷ 20. Lúc Sartre hay Beauvoir thường xuyên ngồi viết trong cà-phê Le Flore ở công trường Saint-Germain-des-Prés.

Nhưng sau thời hiện sinh cao trào ấy, mốt cà-phê văn học đã lắng xuống để bùng phát trở lại trong thời gian gần đây. Lý do giản dị là các chương trình truyền hình đã cướp đi nhiều khách la cà cà-phê buổi tối, ngày nay các chủ quán phải tìm cách thu hút lại khách hàng.

Thêm nữa, trong thời buổi mà các phương tiện hiện đại về truyền thông đã gián tiếp cô lập con người trong cuộc sống - nếu muốn, ta có thể chỉ làm bạn và đối thoại với máy móc, không cần đến sự hiện diện của người chung quanh- thì đến chừng mực nào đó, tự nhiên con người lại không chịu nổi sự cô độc ấy nữa. Họ cần tìm đến những nơi tụ họp vui vẻ, mời gọi, nhiều tiếp xúc để gặp gỡ, trao đổi tư tưởng, để nói lên ước mơ và những dự định tương lai.

Đa số các quán cà-phê văn học mới mọc ở Paris nằm ngoài Quartier Latin. Ta có thể phân biệt hai loại : các quán cà-phê cho tất cả những người thích nói chuyện văn chương, không có chương trình nhất định, và loại thứ nhì là câu lạc bộ dành cho những thành viên vào hội và có họp hành thường xuyên.

Trong tạp chí « Ecrire aujourd'hui, số 51 » L. Timbal-Duclaux đã viết : Một nhà văn cần gặp gỡ những nhà văn khác. Cho dù sự cô độc là một quãng đường tất yếu phải đi qua khi muốn viết, nhưng thời gian ấy không nên kéo dài thường xuyên, vì các lý do sau : Bạn bè và những mối giao thiệp có thể đem lại nguồn cảm hứng dồi dào. Chính khi tiếp xúc với người ngoài ta có thể thâu lượm, trau chuốt và khai thác thêm những ý tưởng đã có sẵn. Sau đó, khi trải bày những tư tưởng của mình với kẻ khác, người viết có thể thu nhận những phê bình hay gợi ý hữu ích. Rất nhiều văn sĩ nổi tiếng vẫn có thói quen thăm dò ý kiến đám đông về « kịch bản » của họ trước khi bắt đầu viết chi tiết. Cuối cùng, quán cà-phê và câu lạc bộ văn học cũng là những nơi người ta kết giao, liên lạc với nhau, đặc biệt cần thiết trong ngành xuất bản.

Điều đáng để ý là các cà-phê văn học này rất hiếm khi chỉ thuần về văn học, ngoài những người cầm bút (văn, thi sĩ, nhà báo, soạn kịch...) còn có ca sĩ, nhạc sĩ hay kịch và họa sĩ cũng tới đây. Đó là điểm tụ họp, giao phối của nhiều ngành nghệ thuật khác biệt, từ đó sinh sản ra những tư tưởng, khuynh hướng và các phong trào văn học nghệ thuật.

Thay vì một mình với cây bút, với màn ảnh computer và bàn chữ, nhà văn hay thi sĩ nếu muốn trao đổi với thế giới « đồng loại » trong một môi trường sinh động, thì những quán cà-phê văn học này là nơi gặp gỡ lý tưởng. Không kể nó còn đem lại hơi ấm và mùi vị thơm nồng, điều mà những nhà thơ hay văn sĩ trong các web site trên Net khó lòng tìm thấy.

Sau đây xin giới thiệu một vài địa chỉ nổi tiếng cho các độc giả HL khi đến Paris muốn ghé qua :

- La Belle Hortense, 28 rue Vieille du Temple, quận 4. Mỗi sáng chủ nhật, điểm tâm văn học chung quanh một cuốn sách được đọc bởi các kịch sĩ.

- Le Club des Poètes, 30 rue de Bourgogne, quận 7. Có kịch và ca sĩ đọc thơ trên một sân khấu nhỏ. Các nhà thơ trẻ cũng được mời tham dự.

- Le Café Cluny, 20 Bd Saint Michel, quận 6. Đây là quán cà-phê đầu tiên của Quartier Latin. Mỗi chiều thứ tư có thảo luận văn học.

- Le Café des Phares, 7 place de la Bastille. Nổi tiếng là cà-phê triết học.
- Le Petit Centre, 26 rue Mont, quận 11. Chủ quán dựng một « sân khấu mở » để đọc thơ, kể truyện và ca hát vào mỗi tối thứ ba đầu tháng.
- Le Café Charbon, 109 rue Oberkampf, quận 11. Khung cảnh thời 1930 rất đẹp.
- Au Flore, place Saint-Germain-des-Prés, quận 5.

Miến Điện trả tự do cho một nhà văn chống đối

Hôm 11-02 chính quyền quân phiệt ở Miến Điện cho biết là họ vừa phóng thích một nhà văn dissident đã bị giam giữ từ năm 1993 về tội phân phát truyền đơn chống chính phủ.

Nhà văn nữ Ma Thida, 34 tuổi, một đồng sự thân cận với nhà đối lập chính trị đoạt giải Nobel Hòa Bình là bà Aung San Suu Kyi, đã bị kết án 20 năm trong tù vào tháng 10-1993.

Nhà cầm quyền cho biết nhà văn nữ đã được ân xá và phóng thích vì « lý do nhân đạo » nhưng không nói rõ chi tiết. Nhà cầm quyền ở Miến Điện đang bị nhiều áp lực từ khắp nơi trên thế giới, đòi hỏi phải cải thiện về nhân quyền trước buổi họp của hai tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á và Cộng Đồng Âu Châu dự định tổ chức vào tháng tới ở Berlin.

Các viên chức cao cấp Miến Điện bị cấm không được vào các nước thuộc Cộng Đồng Âu Châu, do đó Ngoại trưởng Win Aung của Miến cũng không thể tham dự cuộc hội nghị.

Nhà văn Anh Iris Murdoch qua đời

Một trong những khuôn mặt văn học lớn nhất của nước Anh trong thế kỷ 20 là tiểu tuyết gia Iris Murdoch vừa qua đời hôm 08-02, hưởng thọ 79 tuổi.

Những tác phẩm nổi bật của Iris Murdoch là «A Severed Head, » «An Accidental Man,» và «The Sea, the sea.» Nhà văn đã bị bệnh Alzheimer khá nặng trong suốt năm năm qua.

Nhà văn Malcolm Bradbury đã xếp bà vào tầm cỡ các nhà văn đương đại lớn nhất như Anthony Burgess và William Golding.

Bà Iris Murdoch đã bắt đầu viết văn từ năm lên 9 tuổi nhưng tác phẩm đầu tay, «Under the Net ,» chỉ xuất hiện khi bà đã 35 tuổi.

Tác phẩm «The Sacred and Profane Love Machine » của bà được

trao giải Whitebread Prize vào năm 1974. Bốn năm sau đó, một tiểu thuyết khác của bà là «The Sea, the sea» được trao tặng phần thưởng văn học cao quý nhất của Anh quốc là giải Booker Prize.

Đề tài tiểu thuyết của Iris Murdoch rất rộng rãi ; cốt truyện phức tạp được dàn dựng trên những điều mà bà gọi là « những điều bí nhiệm dâm tình và những cuộc tranh đấu sâu thẳm giữa điều tốt và sự xấu.» Các nhân vật trong các tiểu thuyết mang nặng tính biểu tượng của bà thường đầy đam mê, quấn bện trong các tình cảm phức tạp của tình yêu, quan hệ đồng tính luyến ái, loạn luân, ngoại tình, tự tử, sát nhân và điên loạn.

Jean Iris Murdoch ra đời ở Dublin vào ngày 15-07-1919. Bà theo học trường Froebel Institute và trường Badminton, một trường tư dành cho nữ sinh ở Anh quốc. Sau đó, bà theo học Cổ ngữ và Triết học tại Somerville College, Oxford, nơi mà bà tốt nghiệp vào năm 1942. Bà từng gia nhập đảng Cộng Sản khi còn sinh viên nhưng chẳng bao lâu vỡ mộng và rời khỏi đảng.

Trong Đệ Nhị Thế Chiến, Iris Murdoch làm việc cho Bộ Tài Chánh Anh. Vào năm 1944, khi làm việc trong trại tị nạn ở Áo và Bỉ, bà chịu nhiều ảnh hưởng của phong trào hiện sinh. Bà cho in một quyển sách về triết gia Pháp Jean Paul Sartre vào năm 1953.

Bà từng bị từ chối một học bổng ở Hoa Kỳ vì hoạt động cho đảng cộng sản thời sinh viên ở Oxford.

Vào năm 1948, khi chỉ mới 29 tuổi, Iris Murdoch được nhận vào dạy triết học tại Oxford. Bà dạy học tại đây trong 15 năm nhưng sau đó đã từ nhiệm vào năm 1963 vì cho rằng công việc quá căng thẳng.

Năm 1961, trong một thời gian thật ngắn, tác phẩm «A Severed Head» của bà thành công rực rỡ.

Iris Murdoch được ban thưởng Huân chương Dame of the Order của Hoàng gia Anh - tương đương tước hiệp sĩ - vào năm 1987.

Tiểu Thuyết Dâm Tình Ăn Khách Ở Pháp

Hồi năm ngoái, một nhà xuất bản Anh quốc đã tuyên bố sẽ tung ra một loạt tiểu thuyết dâm tình do chính các nhà văn nữ viết. Các nhà văn nữ nổi tiếng và có thế giá nhất đều được mời viết. Tuy nhiên công trình này vẫn chưa thành hình được. Một phần vì các điều viết ra « không đủ dâm tình.» Phần khác là vì trong bầu khí nặng nề «politically and emotionally correct » như ở Anh, viết về chuyện dâm tình quả là thật khó khăn.

Ở Pháp thì lại khác. Dĩ nhiên. Vì chẳng có gì cần phải « correct »

hết. Gần đây cuốn tiểu thuyết mang tựa « Lila nói » của Chimo trở thành một bestseller điên cuồng bên Pháp. Đồng thời theo các nhà xuất bản Mỹ thì đây cũng là một tác phẩm ngoại quốc khêu gợi nhất trong vòng nhiều năm nay. Quyển sách mỏng chỉ 128 trang này lấy khung cảnh một khu xóm ở Paris, kể lại câu chuyện tình của Chimo đối với Lila. Người kể chuyện Chimo, tự cho biết mình là một thanh niên Á Rập 19 tuổi, đã dùng viết bic mà nguệch ngoạc câu chuyện của mình đầy hai cuốn sổ tay, rồi vất bỏ trước cửa một nhà xuất bản như vất một đứa bé vô thừa nhận. Theo quyển truyện thì Lila là một cô bé 16 tuổi đẹp như một thiên thần. Tuy nhiên Lila lại dùng thứ ngôn ngữ duyên dáng để nói chuyện tục tỉu với Chimo và khoe cho chàng trai xem chỗ kín của mình. Câu chuyện bất ngờ lại kết thúc bằng cái chết của Lila - bị mấy người bạn của Chimo hãm hiếp và ném cửa sổ.

Một nhà phê bình cho rằng, dựa theo các tình tiết trong truyện thì quyển « Lila nói » này có lẽ phải được đến ba người khác nhau viết chung: một nhà văn nữ Anh xồn xồn nhậy cảm, một gã trung niên đồng tính luyến ái ở Paris và sau cùng một tay viết văn khôn ngoan đầy tính toán.

Phần nhà xuất bản thì khoác lác cho rằng quyển « Lila nói » nằm tronmg truyền thống của quyển « The Story of O » của Pauline Réage và « Người Tình » của Margerite Duras. Quý vị độc giả Việt Nam có thể thử tìm đọc bản Anh ngữ « Lila Says » của Chimo do nhà Scribner xuất bản xem có thơ mộng hơn « Qua Khe Hở » hoặc « Út Lượm » nhiều không.

Một người viết kịch trẻ của Anh tự treo cổ chết

Một trong những kịch tác gia gây nhiều tranh luận nhất ở nước Anh hiện nay là Sarah Kane - qua các áp dụng graphic cho các màn bạo động về thể xác và tinh thần trên sân khấu, vừa treo cổ chết tại một bệnh viện.

Cảnh sát cho biết người ta tìm thấy xác của cô tại bệnh viện King's College ở phía Đông Nam Luân Đôn hôm 20-02.

Bạn bè cho biết có lẽ cái nhìn rất u ám về cuộc đời, thể hiện đậm nét qua các vở kịch của cô, đã khiến cô khủng hoảng trầm trọng và đưa đến sự tự sát của nữ kịch tác gia 28 tuổi này.

Vở kịch đầu tiên của Kane là « Blasted » xuất hiện trên sân khấy Royal Court tại Luân Đôn khi cô mới 23 tuổi. Giới phê bình đã chia tách ra làm hai trong các nhận định của họ, xuất phát từ những bày tỏ về tình dục và bạo động của vở kịch.

Vở kịch có các màn ghê rợn như ăn thịt người và hãm hiếp dàn ông và phụ nữ. Một màn trong vở kịch là cảnh một nạn nhân bị một người lính hãm hiếp trước khi móc mắt và ăn lưỡi.

Những cảnh trong vở kịch khác mang tên « Cleansed » của Kane có màn chính thẳng chất heroin vào mắt, chặt tay và tự sát.

Mặc dù một số nhà phê bình cho rằng kịch của Kane chỉ là thứ thối nát, một số khác lại cho rằng Kane đã viết bằng thứ « ngôn ngữ trần trụi của sự thật và thơ ca », mô tả một thết giới trong đó tình yêu và bạo động không tách rời nhau.

Sách tranh Nghiêu Đề

Đầu tháng ba năm 1999, Hội nghệ thuật tạo hình Việt Nam hải ngoại (tạp chí Thế Kỷ 21 tổng phát hành), sẽ giới thiệu đến những người yêu hội họa một tập sách tranh gồm những tác phẩm ưng ý nhất của họa sĩ Nghiêu Đề. Tập sách khổ lớn (8.50" X 11"), các tranh vẽ đều được in màu, cộng thêm năm bài viết của các cây bút tên tuổi trong họa giới và văn giới: Thái Tuấn, Đỗ Quí Toàn, Du Tử Lê, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Dạ Từ, và một bài phỏng vấn do Nguyễn Ngu Í thực hiện với Nghiêu Đề.

Họa sĩ Nghiêu Đề sinh năm 1937, vừa từ trần năm vừa qua (1998) vì bạo bệnh tại San Diego, California, nơi ông đã đến định cư cách đây khoảng 15 năm. Ông có tên trong Hội họa sĩ Trẻ Việt Nam, gồm Nguyễn Trung, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Phước, Nguyễn Cao Nguyên, Cù Nguyễn, Nguyễn Lâm, Nguyên Khai, Dương Văn Hùng, Đỗ Quang Em, Hồ Thành Đức, (Nghiêu Đề), Lê Tài Điển . Đinh Cường, Trịnh Cung, Mai Chửng.

Sau dấu mốc qua phân đất nước, 1954, song song với luồng gió mới trong văn học là tạp chí Sáng Tạo với những tên tuổi tiêu biểu: Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Nguyên Sa, Tô Thùy Yên..., lãnh vực hội họa, với Hội Họa sĩ trẻ Việt Nam, cũng đã có những khai phá rất táp bạo mới mẻ, tạo thành một nhan sắc mới cho nhân diện hội họa Việt Nam, vốn từ trước đó, được làm nên bởi những họa sĩ đa phần xuất thân từ trường Mỹ Thuật Đông Dương. Họa sĩ Nghiêu Đề, tất nhiên, là một trong những người tạo ra nhan sắc mới đó.

Nghiêu Đề vẽ ít, nhưng hầu hết tranh ông đều đạt đến một trình độ nghệ thuật tiêu biểu. Nhẹ nhàng, thơ mộng, thoáng. Đó là đặc điểm của Nghiêu Đề.

Ngoài tài năng hội họa, Nghiêu Đề cũng còn là một nhà văn, nhà thơ. Tập truyện Ngọn Tóc Trăm Năm của ông ngày nay đọc lại, người đọc vẫn không cảm thấy tác phẩm đã bị thời gian vượt qua, như

rất nhiều những tác phẩm khác, của những nhà văn cùng thời.

Hội Nghệ thuật tạo hình Việt Nam hải ngoại sưu tầm và xuất bản tập sách tranh Nghiêu Đề, nhằm mục đích giữ lại cho hội họa Việt Nam những tác phẩm giá trị của một họa sĩ tài năng, mà do hoàn cảnh riêng và chung, ngày nay, hầu hết đều phân tán, thất lạc.

Diễn Đàn Văn Nghệ

Do hoàn cảnh địa dư, hầu hết các nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, biên khảo tại hải ngoại rất ít có cơ hội gặp gỡ, trao đổi, thảo luận những vấn đề liên quan đến nghiệp vụ của mình.

Để khắc phục trở ngại đó, Nguyễn Hưng Quốc, Hoàng Ngọc Tuấn, Phùng Nguyễn đã đứng ra điều hành một Diễn Đàn Văn Nghệ trên mạng lưới internet, mà hội viên là những người cầm bút tên tuổi tại hải ngoại.

Diễn Đàn đã hoạt động gần một tháng qua, với sự tham gia trao đổi, "tranh biện" hào hứng của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận. Dĩ nhiên các đề tài được trao đổi, "tranh biện" đều nằm trong lĩnh vực văn học, và cũng dĩ nhiên, qua đó, khá nhiều vấn đề đã nẩy sinh, có khả năng trở thành những chủ điểm văn học quan trọng.

Hy vọng, qua Diễn Đàn, những người cầm bút sẽ cảm thấy... bớt cô đơn, do đó, có thêm năng lực sáng tạo, để trong tương lai, khai sinh được những tác phẩm có tầm vóc.

PHẠM NGUYỄN



NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU

Giới thiệu sách mới



TRIẾT LÝ LÝ ĐÔNG A, Triết Lý Tổng Thể Duy Nhân, khảo luận của Phạm Khắc Hàm, bìa Nguyễn Trường, Nhóm Diễn Đàn Địa Lý Nhân Văn Việt Nam xuất bản. Giá 20MK. Ngoai Mỹ 25MK. Địa chỉ nhà xuất bản: P.O.Box 247, Midway City, CA 92655. USA. Tel: 714-557-8450.

Trên nửa thế kỷ qua, tư tưởng Lý Đông A đã được khai triển và hệ thống hóa như là chủ thuyết của Duy Dân, một đảng cách mạng xuất hiện và hoạt động trong giai đoạn gay cấn nhất của cuộc vùng lên đòi lại chủ quyền đất nước.

Lý Đông A là một nhà cách mạng nhưng cũng là một nhà thơ, nhà tư tưởng. Ông đã duyệt xét, đánh giá lại toàn bộ vấn đề tri thức. Kết quả là một học thuyết đã ra đời, được gọi là Triết Lý Lý Đông A, hay Triết Lý Tổng Thể Duy Nhân. Học thuyết này tập đại thành mọi trường phái triết học, thống nhất ba ngành tri thức là Khoa, Triết, Sử để thiết lập một ý thức hệ hướng thượng, nhân bản, nhân chủ và nhân tính.

Sách dày gần 400 trang, ấn loát sáng sủa, trình bày trang nhã.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ SỐNG LÂU, Cửu Long Lê Trọng Văn &

bác sĩ S. Inthara. Mẹ Việt Nam xuất bản. Giá 16MK. Mua sách, liên lạc: Mr Le, P.O.Box 710091, San Diego, CA 92171. USA.

Giới thiệu và hướng dẫn những kiến thức phổ thông giúp con người vượt qua nhiều tật bệnh, bằng dinh dưỡng, tập luyện (tinh thần lẫn thể xác).

DƯỚI BÓNG TỪ BI, Thiện Xuân & Inna Malkhanova. Bìa Khánh Trường. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá 11MK, ngoài Mỹ 13MK.

Inna Malkhanova là một phụ nữ Nga mà tên tuổi của chị rất thân thiết với người Nga nghèo khổ, bất hạnh ở Moskva, cũng như với nhiều người Việt Nam trong, ngoài nước. Chị là một nhà Việt học lâu năm, có tình cảm đặc biệt với nhân dân, văn hóa Việt Nam. Chị cũng là một Phật tử thuần thành theo truyền thống Phật giáo Việt Nam, là sáng lập viên và Hội trưởng Hội Phật Giáo Thảo Đường tại Nga.

Cuốn sách cho người đọc thấy rõ sự tìm tòi vất vả con đường tâm linh của Inna Malkhanova, một người Âu sinh ra và lớn lên trong chế độ Sô Viết vô thần, độc tài & khắc nghiệt, nhưng dường như bẩm sinh lòng chị lại hướng về văn hóa, triết học, tôn giáo phương Đông, đặc biệt hướng về đạo Phật.

VẺ VANG DÂN VIỆT, tập IV, Trọng Minh. Bìa da, hai ngôn ngữ Việt - Anh. Bản tiếng Anh do Đỗ Khắc Siêm, Nhận sắc do Ruth Talovich. Giá 32MK. Liên lạc: Vũ Trọng Chất, P.O.Box 2133, Westminster, CA 92684. USA.

Đây là tập thứ tư, giới thiệu những khuôn mặt (Việt Nam), theo tác giả, đã làm "vẻ vang dân Việt" (nghĩa là không làm "nhục nhã giống nòi") trên mọi lĩnh vực: Văn chương, nghệ thuật, khoa học, y học, xã hội, học vấn, kinh tế, thương mại... hiện đang sinh sống trên khắp thế giới.

BÚT KHẢO VỀ XUÂN tập I & II, Lê Văn Lân. Bìa Khanh Trường. Nhà xuất bản Văn Nghệ. Giá tập I 18 MK, tập II 13MK. Ngoài Mỹ thêm 2MK cước phí.

Được viết dưới dạng "bút khảo", nghĩa là, theo tác giả, pha trộn giữa biên khảo và tùy bút, về mọi điều liên quan đến Xuân của người Việt Nam: Xuân và ăn uống; Xuân và chơi; Xuân và chúc tụng; Xuân và chữ nghĩa; Xuân và khí hậu, cỏ hoa; Xuân và tình yêu; Xuân và cúng kiến, bói toán.

Nhà văn Võ Phiến nhận xét: "Thái độ biên khảo của ông (Lê Văn Lân) thật ung dung khinh khoái. Ông làm việc như lấy vui. Kẻ bị

ông cuốn theo cũng lấy cái đọc làm vui... Sự say mẹ của ông Lê có sức lôi cuốn mạnh..."

CÔ ROM & NHỮNG TRUYỆN NGẮN, tập truyện Trần Mộng Tú. Bìa Khánh Trường. Văn Nghệ xuất bản. Giá 12MK. Ngoài Mỹ 14MK.

Tác phẩm thứ ba, sau Thơ Trần Mộng Tú (Người Việt, 1990); Câu Chuyện Của Lá Phong (Thế Kỷ 1994).

Hiền hòa, nhân ái, thấm đượm tình quê hương, tình người. 19 truyện ngắn trong tập truyện này là 19 cánh hoa làm thành đóa hoa mang tên Trần Mộng Tú gửi tặng cho đời, như một khẳng định: điều thiện sẽ giúp con người vượt qua mọi vực thẳm tối tăm.

MÂY MÙ THẾ KỶ, Bùi Tín. Bìa Khánh Trường, Đa Nguyên xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành. Giá 18MK. Ngoài Mỹ 20MK.

Mây Mù Thế Kỷ được trình bày với hình thức những câu hỏi (của những người đối thoại với tác giả) và các câu trả lời (của tác giả). Tuy đề cập nhiều đến chiến tranh, song vẫn trả lời nhiều câu hỏi về hiện tình đất nước, về tình hình "đổi mới" hơn mười năm qua, về cuộc đấu tranh của tất cả những người Việt Nam yêu nước và mong muốn một nền dân chủ cho một nước Việt Nam mới, hòa nhập hoàn toàn với thế giới hiện đại.

Sau Hoa Xuyên Tuyết, Mặt Thật & Ba Ông Thánh, Mây Mù Thế Kỷ là cuốn sách thứ tư của Bùi Tín, môt đại tá thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam, và cũng là một nhà báo, từng có mặt tại dinh Độc Lập ngày 30 tháng 4 năm 1975, hiện đang sốgg lưu vong tại Pháp.

LỐI KHÁC, thơ Hà Nguyên Du, tựa Du Tử Lê, bìa Khánh Trường, phụ bản Cao Bá Minh, Quan Trường, Lê Thánh Thư, phổ nhạc Vũ Thành An, Đỗ Lễ, Trần Duy Đức, Hoàng Linh Duy, Ngô Văn Tín, Tân Thư xuất bản. Giá 12MK. Liên lạc: Tân Thư, P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA.

Tập thơ trang nhã về hình thức. Nội dung gồm gần 200 bài thơ của một người làm thơ từ rất lâu, trên ba mươi năm trước.

Dù làm thơ từ rất lâu, và xuất hiện khá nhiều trên báo chí trước và sau 1975, nhưng đây là thi tập đầu tiên của tác giả, một người, theo Du Tử Lê, đã, "thứ nhất, chọn ở, thủy chung với thi ca. Và, anh đã ở được, như thiên nhiên, ở với địa cầu, như địa cầu, ở với vũ trụ. Thứ nhì, thịt, xương thi ca mang tên Hà Nguyên Du, trong những năm, tháng gần

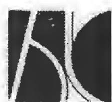
đây, đã là một thịt, xương khác. Nơi cõi thịt xương này, mặt nào đó, đã mang lại cho đời thơ Hà Nguyên Du những lượng máu sáng tạo cần thiết, cho tiến trình tự hủy để tựu thành một lên đường khác. Tôi muốn nói đó là sự hóa thân kỳ diệu của một con ngài, để trở thành cánh bướm..."

NGHIÊU ĐỀ, sách hội họa, khổ 8.50" X 11", gồm tranh và các bài viết của Thái Tuấn, Nguyễn Ngu í, Đỗ Quí Toàn, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Dạ Từ, Du Tử Lê. Lê Thọ Gíao chuyển sang Anh ngữ. Trình bày Khánh Trường, Nguyên Khai. Hội Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hải Ngoại xuất bản. Tổng phát hành Tạp chí Thế Kỷ 21. Giá 25MK. Ngoài Mỹ thêm 3MK cước phí. Liên lạc: Thế Kỷ 21, 11022 Acacia Parway # A, Garden Grove, CA 92840. Tel: 714-638-9510.

Họa sĩ Nghiêu Đề hẳn không xa lạ gì với giới thưởng ngoạn nghệ thuật Việt Nam. Ông nổi tiếng từ nhiều thập niên trước, không chỉ trong lĩnh vực hội họa, mà cả trong lĩnh vực văn chương, với tập truyện Ngọn Tóc Trăm Năm (Cảo Thơm xuất bản)

Nghiêu Đề là một tạp tranh không thể thiếu đối với những người yêu nghệ thuật. Tuy vẽ ít, những mỗi tác phẩm của ông là một công trình nghệ thuật hoàn chỉnh.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



Với văn hữu và bạn đọc



Ông **NGUYỄN VĂN KH**. (Tustin, California): Xin lỗi không thể trả lời bằng thư riêng. Do sơ ý, chúng tôi để thất lạc phong bì có ghi địa chỉ của ông. Rất mong được tha thứ.

Nội dung truyện ngắn NBCAT lạ, gây ấn tượng mạnh. Tuy nhiên, nếu tác giả chú trọng hơn nữa mặt văn chương, thì HL sẽ rất vui được giới thiệu với độc giả. Thân kính.

Ông **LÊ TH.** (Houston, Texas): Vâng, nếu có dịp sang bên ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ xin đến gặp ông, "lai rai vài ba sợi". Tin đồn thất thiệt đấy, thưa ông. Làm gì có chuyện "hủ chìm hủ nổi". Lâu lâu gặp gỡ bạn bè, bị "thuốc", tôi có "bốc sảng", uống liều năm ba ly, để rồi "chạm nóc thiên đường (hay địa ngục)" ngay (KT).

Những số HL cũ đã tuyệt bản: số 1, 3, 4, 6, 8, 12. Nếu người bạn của ông muốn back order, xin ông lưu ý hộ.

Nhà văn này hiện ở Việt Nam, vẫn viết đều và gửi đều đến HL. Nhà xuất bản Văn Nghệ đang sửa soạn in một tập truyện ngắn của bà ấy. Thân mến.

Ông **Nguyễn H.** (Los Angeles, Cali): HL có bán ở nhà sách Thăng Long, gần nơi cư ngụ của ông. Nếu không có thì giờ thăm viếng các nhà sách thường xuyên, đề nghị ông nên mua dài hạn. Chúng tôi sẽ

gửi báo đến tận nhà, đúng chu kỳ. Tiền cước phí, nếu mua hạng tư (four class), tòa soạn chịu. Nếu mua hạng nhất (fisrt class), người đọc chia với tòa soạn một phần. Ông nên mua hạng tư, vì nơi cư ngụ của ông không xa tòa soạn bao nhiêu (khoảng trên dưới 40 dặm), theo chúng tôi biết, báo sẽ đến tay ông trong vòng hai ngày. Kính.

Cô **Hoàng Bích L.** (Oregan): Đồng ý. Nhiều người đã thôi không viết nữa. Có thể vì họ có nhiều chuyện quan trọng và hứng thú hơn để làm, thay vì viết văn. Có thể áo cơm tất bật quá, họ không còn thì giờ dành cho văn chương. Có thể, đa số những người cầm bút đều đã lớn tuổi, tâm thức hoài cổ rất nặng, viết, với họ là một hình thức sống lại, sống cùng dĩ vãng. Nhưng kho tàng dĩ vãng rồi cũng phải vơi, trong khi, do tuổi tác, họ không thể hội nhập vào xã hội mới một cách thoải mái, trọn vẹn. Cho nên dù muốn viết về cái mới, cũng không làm sao viết được.

Cũng đồng ý với cô. "phái yếu" có vẻ lấn lướt "phái nam" trong những năm gần đây. Người nào viết cũng "tới" cả. Tình trạng này không phải chỉ ngoài nước thôi, trong nước cũng thế. "Âm thịnh dương suy". Tại sao? Thú thật, HL cũng không biết. Để chúng tôi hỏi ông.... Phạm Việt Cường (nhà thơ này "chuyên trị" các cây bút nữ) xem, nhiều phần trăn ông ấy rành. Thân mến.

Anh **Lê M.** (Pháp): Anh không cần phải mua money order, phiền phức. Lần sau, cứ gửi thẳng check gia hạ cùng phiếu gia hạn đến vị đại diện của Hợp Lưu tại Âu châu (Mr. Le tat Luyen, 15 Place Shouham, 75013. France - có ghi ở trang bìa hai). Chúng tôi liên lạc hàng ngày với nhau bằng e-mail, nên việc cập nhật hạn mua dài hạn sẽ nhanh và tiện hơn.

Nhân đây, một lần nữa, xin lưu ý tất cả các độc giả cư ngụ tại Âu châu và Đông Âu: Mua dài hạn, gia hạn hoặc khiếu nại báo thất lạc, xin liên lạc với vị đại diện của HL tại Paris. Kính.

Cô **Trần Thị Mai Ng.** (Sài Gòn,Việt Nam): Thành thật xin lỗi cô. Chúng tôi đã hợp đồng với công ty KC để đưa HL trở lại Internet, nhưng không hiểu tại sao công ty này vẫn chưa làm. Có lẽ họ quá bận rộn. Vậy cô cảm phiền chờ thêm một thời gian nữa. Chúng tôi sẽ liên lạc lại với KC, nếu vì lý do nào đó họ không thể đưa HL lên "lưới", chúng tôi sẽ nhờ một cơ sở khác. Cảm ơn những lời khích lệ của cô. Vâng, chúng tôi có biết, một tờ báo mỗi khi về được đến VN, lập tức được "nhân bản" lên bằng máy photocopy, rồi chuyền tay nhau rộng

rãi. Đó là một an ủi lớn đối với chúng tôi. Sẽ chuyển lời khen ngợi của cô đến nhà văn ấy. Thân mến.

Bà **Lê Th.** (Australia): Xin bà đừng cho câu trả lời sau đây có vẻ... "huề vốn", bởi, quả thật chúng tôi đã nghĩ như thế này: Tất cả các tạp chí bà vừa nêu tên đều đáng mua và đáng đọc cả. Mỗi tờ một bản sắc. Đồng ý với bà người viết ở hải ngoại không nhiều, tờ nào thì cũng những tên tuổi quen thuộc ấy. Nhưng, như nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc từng nhận xét trong một bài viết, rằng cá tính, nội lực, khuynh hướng, quan niệm của mỗi vị chủ bút sẽ tạo được cho mỗi tờ báo một dấu ấn riêng, một sắc thái đặc biệt. Và người viết, trước khi gửi bài đến các tòa, họ cũng biết bài nào nên gửi cho báo nào. Nhờ vậy, tuy vẫn những cây bút quen thuộc ấy, nhưng đọc họ ở tờ báo A, sẽ khác khi đọc họ ở tờ báo B... Thân kính.

Cô **Hoàng Linh Ph.** (Virginia): Chuyện ấy khá tế nhị, không tiện trả lời trên báo, nếu có dịp diện kiến, chúng tôi sẽ trình bày để cô rõ.

Nhà văn ấy cũng ở cùng nơi cô cư ngụ. Lâu nay không xuất hiện trên HL, có lẽ vì bận rộn công việc. Cô có thể tìm đọc một truyện ngắn mới nhất của bà ta trên tạp chí Việt, rất hay, và mới mẻ.

Đừng bao giờ tin vào những "tin đồn" một cách tuyệt đối cả. Thường, những "tin đồn", qua tai và miệng nhiều người, sẽ càng lúc càng biến dạng, đến độ, khi so với sự thật nguyên thủy, người ta không tìm thấy một liên hệ nào giữa "sự thất" và "tin đồn" cả. Thân mến.

Anh **Nguyễn Quang Th.** (San Jose, California): Vâng, chúng tôi sẽ nhắn hộ anh.

Có dịp xuống miền Nam, cứ ghé chơi thoải mái. Nếu đừng "nạp" quá, thì có thể theo anh lai rai tàn cuộc được. Thực ra, rượu, chỉ là cái cớ, nó giúp mình hưng phấn, nói năng thoải mái, cởi mở, tự nhiên hơn, chứ không phải là động cơ chính.

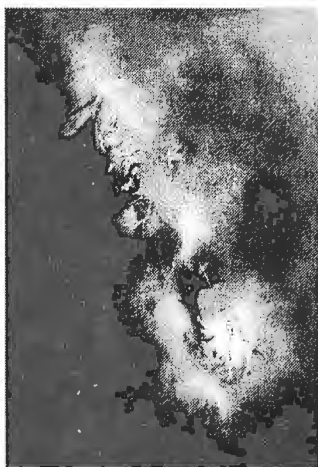
Chúng tôi không biết cuốn sách ấy hiện nay tại Việt Nam có còn không. Lâu quá rồi, đã gần hai mươi năm.

Ở Hà Nội, cũng như Sài Gòn có nhiều hiệu sách cũ, nếu có dịp về, hoặc người thân về, anh nhờ họ tìm xem, may ra. Rất tiếc, cuốn sách dày quá - trên 1000 trang - không thể photocopy giúp anh được. Thân mến.



TRẦN LONG HỒ

Nhận diện văn thi sĩ



LTS: *Nhà văn Trần Long Hồ, giám đốc nhà xuất bản MINH VĂN, gửi đến độc giả HỢP LƯU một "trò chơi" mang tính văn học, với ba giải thưởng tượng trưng trị giá (bằng sách):*

Giải nhất: US$300.00
Giải nhì: US$200.00
Giải ba: US$100.00

Mời độc giả tham dự "trò chời" qua thể lệ chi tiết dưới đây.

HỢP LƯU

Mỗi nhà văn, nhà thơ thường có một văn phong, thi pháp riêng. Khi đọc một phần tác phẩm, chúng ta có thể nhận ra tác giả. Đó là một loại căn cước riêng, tuy không được tạo nên bởi hình ảnh hay dấu lăn tay. Nó không phải là một thẻ bọc nhựa, nó không được một chính quyền nào xác nhận, nhưng nó có một giá trị đặc biệt. Nó được hình thành bởi tác giả và độc giả. Nó hiện diện, vô hình, trong sinh hoạt văn chương. Nó đi theo, bám riết, suốt hành trình sáng tạo của mỗi tác giả.

Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, căn cước không có dấu vết sắc nét, khiến độc giả có thể lầm, nhận không ra một tác giả. Đặc biệt ở những tác giả có văn phong hao hao, thi pháp từa tựa.

Thế thì, nắm căn cước để nhận định tác giả, đôi khi không phải dễ.

Đi vào thực tế hơn, chúng tôi mời quí vị tham gia một trò chơi. Trong trò chơi này, quí vị đọc một đoạn văn hay một phần thơ được trích từ tạp chí Hợp Lưu, từ số 1 cho tới số 44, nhưng không ghi tên tác giả (những trích đoạn chỉ thuộc hai lĩnh vực văn và thơ, không trích từ các bài biên khảo hay các bài viết thuộc các thể loại khác).

Trò chơi có hai phần. Phần đầu là các đoạn văn và thơ được xếp theo thứ tự từ 1 cho đến 52. Phần hai là tên tác giả được xếp từ A và AA đến Z và ZZ. Sau khi đọc và nghiền ngẫm, quí vị chỉ cần lấy chữ ghép vào số cho thích hợp (chúng tôi sẽ hướng dẫn cụ thể ở trang 254). Xong, gởi mẩu trả lời về địa chỉ:

MINH VĂN
2808 Graham Road, Falls Church, VA 22042.

Ngoài bao thư xin đề "Nhận diện VT sĩ".

Có thể gửi mẩu trả lời qua email (là webmaster minhvan.com), hoặc fax: (703) 538-6403.

Xin đừng gọi điện thoại.

Để tăng phần hào hứng cho cuộc chơi. Nhà xuất bản Minh Văn đặt ra 3 giải tượng trưng.

Giải nhất: 300 đô

Giải nhì: 200 đô

Giải ba: 100 đô

Tất cả 3 giải tính bằng giá trị sách của Minh Văn. Tức là, quí vị trúng giải sẽ chọn sách trong thư mục Minh Văn (đăng kèm phiếu trả lời ở trang 254). Nếu số tiền của giải trúng nhiều hơn số sách của nhà xuất bản, chúng tôi sẽ gởi sách của các nhà xuất bản khác, tùy theo ý muốn của quí vị.

Bởi vì số tác giả nhiều mà căn cước mỗi vị không phải lúc nào cũng rõ ràng, hơn nữa, có khi chúng ta đọc cả một truyện hay nguyên một bài thơ còn chưa đoán đúng được tác giả, huống hồ chỉ đọc một đoạn. Vì thế, trong sự tương đối, chúng tôi đồng ý rằng, các giải trúng, không nhất thiết phải trúng hoàn toàn. Chúng tôi sẽ chọn ra 3 người trả lời đúng gần với mức hoàn toàn nhất theo thứ tự.

Điều kiện tham dự: tất cả độc giả và tác giả (kể cả các tác giả có văn, thơ được trích trong "trò chơi"). Ngoại trừ nhân viên và ban điều hành nhà xuất bản Minh Văn.

Xin mời quí vị bắt đầu vào cuộc chơi "Nhận Diện Văn Thi Sĩ".

Phần một: Các đoạn văn và thơ trích từ tạp chí Hợp Lưu.

1. Tôi ôm chặt nàng vào vòng tay khờ khạo của mình, lòng đê mê rạo rực. Hương! Hương! Hương cộng thêm hương dịu dàng của tóc nàng, hương chín mùi của thịt da nàng làm tôi ngây ngất, mắt lờ đờ, hai tay ôm vòng eo nàng, hai tay nàng quấn quít lấy cổ tôi, tôi để mặc tình cho nàng hướng dẫn... Đã quên hết sầu chưa... lời dìu dặt theít tha... Điệu luân vũ chậm quyện lấy chúng tôi không rời, mỗi nhịp mạnh, chân tôi sấn tới giữa hai chân nàng ngoan ngoản giật lùi nửa bước, cọ sát mơ hồ, khêu tưởng, gợi dục trong lòng đứa con trai mười chín tuổi... nàng là đùi non... nàng là gò tình... Tiếng kèn hắc tiêu đuổi riết. Tôi quên hết trời đất, mắt lim dim những tưởng áng đèn xanh đỏ là những vì sao sáng trên trời.

2. Dạo đến sống với chị Châu, đời Thư đã tàn lắm. Ngày xưa, Nhã Ca viết mấy câu thơ: tôi bỏ nhà đi năm mười chín tuổi, đêm trước ngày đi nằm đợi tiếng chuông... Thư đọc sao mà thấm thía. Làm như bà Nhã hiểu thấm tim gan Thư, lấy dao lam rọc da đầu, xát muối hột rồi vắt thêm chanh cho xóc óc. Chỉ có hai câu thơ mà nghe ai oán, buồn bã lạ lùng, nỗi buồn thấm vào từng thớ thịt, ăn sâu quãng nhức âm thầm như có ngàn mũi kim châm từ cái tiếng chuông không ngớt đổ lạnh lẽo gióng từng hồi vào giữa đêm khuya sâu hun hút... Đêm giông gió tuổi trẻ nằm đợi trước giờ vào đời.

3. Người đi lúc chậm lúc mau
Trăng vàng có lúc đổi màu xanh um
Xin người cứ nói một lời
Rằng tôi chẳng rõ cái đời của tôi
Bây giờ chốc nữa mai sau
Nước non từ viễn tượng nào về chơi
Người đi thương nhớ đầy vơi
Bỏ sông xứ sở sương trời hoàng hoa
Tuy nhiên như thế thiệt là
Chép câu gây cấn ngoài ra vẫn còn

4. Ta về, với nước cùng non
bao năm khói lửa
vẫn còn ngẩn ngơ
máu nào
cạn tự thuở xưa
người lên núi ngóng
kẻ chờ bến sông
Ta về, em có biết không?
lòng xưa đã nguội, chẳng mong ta về.

5. Thời mạt thế người ta yêu nhau bằng Cái Búa
Và tặng nhau hàng chục nhát dao găm
Anh kẻ chập chờn giữa càn khôn lảo đảo
Tặng cho em nguyên một đóa trăng rằm

6. tôi mở em ra là tôi phục sinh em.
tôi phục sinh hồ ao sông núi ruộng đồng
tôi phục sinh tình yêu tôi,
trong khu rừng nhỏ. Cỏ mọc quanh năm.
hãy mở tung tất cả những cánh cửa.
mỗi người hãy mở tung cánh cửa của chính mình
những cánh cửa đang đóng kín.
cái đẹp sẽ ùa ra mọc đầy trái đất.
cái đẹp của người chân thật.
mỗi người hãy mở tung cánh cửa của chính mình
để thấy được chung quanh.

7. Ôi! Đã đến lúc em có quyền giao phối thách thức
Ăn nằm trinh nguyên với những giọt tinh trùng ngân hàng
Em chỉ cần trả một trăm bốn chục đô cho một "sample" động cỡn
Đường tinh anh sẽ không sợ mất mùa hạn hán
Máu của anh nhất định sẽ được thí nghiệm kỹ càng
Em yên tâm khỏi phải cầu kinh sám hối
Nhân danh đứa bé
Em tuyên bố cuộc giao hoan này vô tội!

8. Khi các con đã yên giấc
Xin cho anh trân trọng bắt đầu

Làm lễ kỷ niệm 16 năm hạnh phúc
Và khấn lời thề yêu em 100 năm
Cho anh gửi bàn tay táy máy
Cho anh mượn đôi môi có sức hút nam châm
Và một chỗ úp mặt êm ái
Và một đêm lập lại đêm ban đầu

9. Một hôm, mới lối năm giờ chiều mà đã hoàng hôn. Cả bầu trời trên đầu tôi đã sẫm màu. Xa kìa, phía Tây, ánh mặt trời lặn lóa lên. Đanh chạy, tôi dừng lại, đứng chết sửng. Trên không, có một đám mây lớn, thật lớn, nằm dài. Đám mây có hình dáng một người. Một người đàn bà . Trần truồng. Tôi phải nói ngay là đám mây "có hình dáng", vân vân. Vì tôi hoàn toàn tỉnh táo. Tôi biết đó không phải là một ảo giác. Đó không phải là một người đàn bà. Đó là một đám mây. Màu hồng trắng lộng lẫy trong bầu trời xám ngọc trai loáng thoáng những gợn tím nhạt. Tôi biết đó là một đám mây có hình dáng một người, như bao nhiêu lần trong đời tôi từng thấy những đám mây có hình dáng cái này, cái kia. Chẳng có gì lạ lùnh cả. Bức tranh vân cẩu vẽ người tang thương! Nhưng hôm đó, đang chạy tôi dừng lại, ngẩn nơ. Tim đánh mạnh. Tôi xúc động quá sức.

10. Oản tù tì Vô
Ra cái gì
Ra cái này oản tù tì
Ra cái kéo Ra cái gì
Ra cái búa Mười tám
Ra tờ giấy mười chín
hai mươi tuổi

11. Tôi gạt ngang, tôi hiểu mẹ tôi ngập ngừng không dám buông lời kết luận. Một mắt My Cơ bị hư, hư từ trong nhà tù. My Cơ dạy Anh văn ở trường Trung học Gò Công, đang định xin về làm Tham Vụ Ngoại Giao. Ở tỉnh nhỏ, cô giáo Anh văn nổi danh như cồn, những kẻ cầm quyền bính sau 75 buộc tội cô giáo là CIA hạng gộc. My Cơ ra tù, lại yêu một chàng tuổi trẻ lẫm liệt chưa nếm mùi hèn. Chàng tham dự phong trào Phục Quốc, My Cơ lại khăn gói vào xà lim. Mắt đã hư, My Cơ bị thêm bệnh ngoài da. Màu da ngô sữa ngày xưa mịn như lụa, nay sần sùi như da cóc, trét bao nhiêu thuốc, bao nhiêu nghệ vẫn không tìm đâu xuân sắc ngày cũ.

12. Người đàn ông không nói gì. Anh nhìn tới người đàn bà định khuyên giải đôi điều mà chẳng mở miệng được. Mọi thứ rồi sẽ qua đi. Ban đầu, cái gì dính tới bộ đội đều là đồ dõm hết ráo. Giờ thì có thứ còn dõm hơn mấy ông "cù lần" kia. Tiếng xăng chảy ồng ộc xuống bình chứa, tiếng nấc của người đàn bà và tiếng thì thầm của đám trẻ vây quanh. Có khi tai anh không nghe ra những âm thanh ấy. Trước đây, anh từng tập cho mình làm sao để gạt được mọi tiếng động ra ngoài lỗ tai bằng cách tập trung suy nghĩ một chuyện gì đó. Dần dà, nó thành tựu và biến ra một thói quen vô ý thức. Anh đang nghĩ tới số tiền khá lớn mà mình sẽ có khi trở lại Huế. Vợ anh sẽ mừng ra mặt và dĩ nhiên anh sẽ dấu nhẹm chuyến thồ lạ lùng này.

13. đâu có dễ dàng gì. ngần ấy buổi chiều.
ngần ấy sớm mai. ngần ấy đêm. ray rức.
sức nặng của mùi hương em. nỗi dịu dàng. sự vắng mặt.
tôi với cuộc đời xa biệt biết bao nhiêu.

14. qua đèo nay, nhớ trấn xưa
hoang vu đồi hạ, đôi bờ cỏ may
từ bên ấy sang bên này
con sông vẽ một nét mày bắc ngang
em về bên ấy sao đang
tôi thương cổ thụ hai hàng lệ xưa
cồn hoang dã, bến lau thưa
trơ thân cỏ dại nằm chờ nước sông
của trời đã khép đôi khung
suy tư bước nhỏ ngại ngùng chân em
dòng ơi, sông nước êm đềm
trả hoang vu, lại cho mình hoang vu

15. Vẫn những tay lao phóng ngược về
Những vòng xe ngược dốc điên mê
Khi em hé cửa mùa chim chết
Tôi ngủ hoàng hôn rợn máu kia
Có thể là sông là đôi cánh tay
Trăng còn thơ ấu bấy lâu nay
Và tôi rộng rãi xa xôi mãi

Em vẫn điên nào ai có hay.

16. Em nằm phơi rốn với chân
chiều đờ đẫn trải một sân nắng vàng
đúng vừa lúc tôi về ngang
con mắt cứ níu hai bàn chân đi
đố em tôi đã nghĩ gì?
hình như trục trặc cái chi trong lòng
nắng trời ai bẻ cong cong
cái tâm bằng phẳng là không phải người

17. Em uốn cong hơi thở
Trán cuối hôn bàn chân
Những ngón chân không khéo
Nhận hụt bao nhiêu lần
Duỗi thẳng rồi xoay ngang
Chân buông tay nới lỏng
Thở nhẹ như làm thơ
Giữa bình minh lồng lộng
Lưng áp sát mặt đất
Đầu gối co lên mình.
Hai tay nâng sức nặng
Nghe âm dương tỏ tình
Nắng nhảy múa trên vai
Máu hồng dồn lên mặt
Em uống cạn bình minh
Vào đáy hồn chất ngất

18. Hồi còn sống ông cậu tôi thường khoe cậu là người được ngoại tôi yêu nhất nhà. Cậu làm tôi ngạc nhiên. Bà tôi có hai người con. Mẹ tôi là một, còn cậu tôi là người thứ hai. Lẽ nào cậu tôi là người được ngoại yêu nhất, thế còn mẹ tôi ở đâu? Chẳng lẽ những bà mẹ trên thế giới này chỉ yêu có con trai mình thôi à? Mà có lẽ như vậy thật. Khi người ta sống trong một xã hội trọng nam khinh nữ thì chuyện thương ghét kiểu này cũng chẳng lạ chi.

19. Khách ăn rất lâu, có vẻ như thể ăn dè. Hay đây là miếng lương khô cuối cùng? Hay trong tay nải vẫn còn lương khô nhưng

chặng đường đi còn xa? Không biết. Khách hẳn là người đã từng nếm nhiều gian khó. Những kẻ không thủ đắc điều gì, không chuyên tâm điều gì không ăn như thế. Những người quen sống no đủ không ăn như thế.

20. Bầu trời chùng thấp một màu chì bẩn. Mưa lất phất. Chiếc áo khoác dùng để "diện" của thời tiết Cali quanh năm nắng ráo không đủ giữ hơi ấm. Hắn ngồi thụt sâu vào trạm đợi, khuất sau tấm bảng quảng cáo, tránh gió. Lại đưa tay xem đồng hồ. Không phải giờ cao điểm nên các chuyến bus có vẻ thưa. Bực bội. Hắn đứng lên định quay lại nhà thôi không đi nữa thì nó đến. Nó, con vật kềnh càng mang số 615B bò vào chỗ đậu. Hắn thở phào dập điếu thuốc hút dở, leo lên, bước vội đến chiếc ghế trống chỗ cửa sau. Gã tài xế gọi giật Monsieur. Hắn quay lại. Gã tài xế đưa tay chỉ chiếc hộp sắt. Hắn sực nhớ chưa bấm thẻ. Pardon, hắn nói. Đút thẻ vào khe bấm.

21. Trong một cuộc đời học trò, từng năm học đi lên, mỗi năm lại gặp một người thầy, nhưng trong tất cả những người thầy đó, thường vẫn chỉ có một người mà về sau lúc đã giã từ cửa lớp, ở mãi chỗ sâu xa cách biệt trong cuộc đời, mỗi lần nhớ lại là người học trò lại nhớ ngay đến người thầy ấy. Tại sao? Có thể vì một nét mặt, một giọng nói, được khắc sâu hơn vào dĩ vãng. Có thể vì một sự bắt buộc nào đó, trừu tượng và siêu hình, khiến cho tương quan tình cảm vượt khỏi mức bình thường, chứa dựng một ý nghĩa rộng lớn hơn.

22. Thật ra, bao nhiêu hăng hái vui vẻ sáng nay vì sẽ lại được một buổi rong chơi vô tích sự, lâng lâng nhẹ nhõm với Giang, tôi dự định vừa đi coi nhà vừa như đi dạo xóm, lại có Giang kè kè bên cạnh, hẳn là ăn đứt những buổi chen lấn trong đống chợ búa, người sống, cá thịt chết, xe cộ, bụi bặm hồng trần, hay những hôm mưa rơi rã rích, hai đứa chôn chân mãi trong quán cà phê đầu xóm nặng trĩu những mùi ẩm mốc và hơi thuốc khét lẹt, Giang bảo hình như em chỉ còn có một tuần nữa thì phải, tới phiên tôi lại ậm ờ... Nhưng quả là có ít nhiều niềm vui sáng nay cũng có bay theo gió.

23. sông chú thích: núi nghìn năm góa bụa
trái đất tròn: chú thích lệ lăn xuôi

ngực héo, cằn: chú thích lẻ / đôi / nơi
chiều chú thích: nỗi niềm xa, vắng bạn
mẹ chú thích: mai này em xuất hiện
tóc ngắn (?), dài (?): chú thích nắng theo mưa
ngón ái tình: chú thích cây kem trưa
môi chú thích: nhụy hoa đời rất ngọt

24. Bàn tay
chầm chậm đưa lên
bạn cài cổ áo
cho rền thổ âm
đuôi mắt nheo
cười rất thầm
cỏ lau
và sợi tóc bầm
nắng sương
ngó về đầu hạ
khe
truông
đầu đông
có giọt mưa buồn ướt tranh
qua rừng
cây cối còn xanh
về thành
thoắt đã
ngọn ngành nghiêu ngung

25. Xin em cho tôi chút hoang đường
Mùa xưa thu áo trắng như gương
Để mỗi ngày qua đời đắp đổi
Soi chút lòng man mác dư hương
Xin em cho tôi chút tội tình
Chập chờn trong giấc ngủ mộng tinh
Lỡ mai đời cạn dần mơ ước
Còn chút hư tình giữa lặng thinh
26. Hạnh phúc và bất hạnh
vui và buồn, nhớ và quên
cọ vào nhau xiết vào nhau
bốc lửa.

Cháy tiêu đi những buổi sáng
trong sương mù những dặm đường biền biệt
bắt đầu một ngày
khói mù đi những buổi chiều
trở về nhà khi đèn đường đã thắp
tháng ngày quay cuồng
anh em chạy hoài chạy hoài mà đích đến còn xa

27. trời xuống thấp nửa lòng trăng vừa hé
con đường gầy còn mấy nẻo phân ly
đến ngã phố rẽ hồn vô thành nội
bến sông nào rồi cũng đợi thuyền đi
xin cổ tích một mùa thu của Huế
cho em đầy hai vạt nắng đong đưa
bay lên trời những nỗi buồn đất đá
cho em về xanh nụ giữa ban trưa
28. Em đến hài nghiêng in gót thơ
Ru ta bằng tiếng suối mơ hồ
Tình ta như thác ngàn cao đổ
Như sóng trào dâng nước đậm bờ
Đừng để ta nghe nhịp trái tim
Ta cần một khoảng không gian im
Tay ta lẫn với hồn ta khắc
Tên em, cho đời khỏi lãng quên
Em cứ hồn nhiên, cứ thản nhiên
Mặc ta dông tố với ưu phiền
Đời ta yên chẳng là ta nữa
Ta chỉ là ta khi bão lên

29. Nhưng nói như thế không có nghĩa là anh không tìm thấy những lúc thoải mái, vui tươi trong quá khứ Việt Nam Cộng Sản. Anh đã hiểu từ lâu hạnh phúc của con người chỉ là những khoảnh khắc, những điều tương đối. Do đó trong hoàn cảnh nào, dù khốn cùng đến đâu, anh cũng tìm ra được những niềm vui, dù khiêm tốn. Khi còn ở mặt trận, bảy ngày liền không được tắm, bộ đồ trận khô cứng mồ hôi và bùn đất, mùi hôi nồng nặc, anh chịu đựng dễ dàng, bởi vì biết rằng khi rút về đồn, anh sẽ được hưởng cái thú xối nước giếng mát lạnh từ đầu xuống đến chân. Để rồi sau đó thay bộ đồ mới giặt còn thơm mùi

nắng, anh ra khỏi đồn đến ngôi chợ quê ngồi uống cà phê túi mà thấy ngon hơn cả café Thái Chi hay La Pagode. Về tình yêu cũng vậy. Cuộc sống của một đơn vị tác chiến làm anh nhớ vợ vô cùng nhưng chịu đựng được bởi vì mỗi khi được trở về gần gũi nhau, anh được hưởng cái thú khám phá lại thân xác nhau từ đầu, để nỗi niềm kích thích đưa cả hai đến những lối hôn cực điểm mà bình thường các đôi vợ chồng thường xuyên sống bên nhau sẽ quên đi.

30. Thị Yến ngày chưa vào cung là một thôn nữ mạnh khỏe, sức lực dẻo dai, nàng từng ôm những thân dừa to tướng trườn lên hàng chục thước để hái trái xuống đãi bạn. Hay một mình, giữa trưa hè nóng bức, chạy băng qua động cát mênh mông đuổi bắt bằng được vài con dông lửa về mẹ ram cho cha uống rượu mà không đổ một giọt mồ hôi. Làng Vân Trình xơ xác ngày ấy, hình bóng nàng lồng lộng như vầng trăng đêm rằm tháng tám, thanh thoát thơm tho, mơn mởn như nhánh lúa nàng hương mới đơm đòng. Và, cả một dải hạ lưu sông Hương ngày ấy, đôi mắt xanh thẳm trời thu của nàng cùng với mái tóc bồng bềnh lau sậy hoang vu làm cho sông nước thêm chập chùng, bao la.

31. Đực nhìn quanh cười cầu tài, một tay cầm cặp muỗng gỏ vào tay kia làmnhịp, rồi bắt đầu hát. Hát đâu độ hai ba câu "những đóm mắt hỏa châu", Đực lại chuyển qua "Xuân này con không về". Tiếng hát trông bộ cũng mùi mẫn, thỉnh thoảng kèm theo vài cái nấc, cái láy kiểu Chế Linh. Khách khứa vừa ăn vừa liếc nhìn. Người ta nghe tiếng hát thì ít mà nhìn bộ điệu của Đực thì nhiều. Đực có thể làm cử động theo nhịp hai cái dái tai, lỗ mũi và cả cục thịt thừa nơi cái chân cà vẹt của Đực.

32. Đêm kia bỗng một đóa hồng
Nở ra giữa cõi vô cùng tịch nhiên
Đêm kia tôi mộng bình yên
Làm sương rơi rụng trên miền vô thanh
Làm trăng cho gió lay cành
Làm mưa cho nắng tan tành cơn khô
Làm sông cho bến xa bờ
Làm người cho lệ hoen mờ mắt ai
Làm hoa cho bướm lạc loài
Làm thơ cho đất nhớ hoài chiêm bao

33. Hừng đông hùng vĩ và thanh thản
Sương hứa nguyên ngày nắng rực say
Ta dậy khi gà truyền nhiễm gáy
Chân mây rách đỏ vết thương dài
Ta ngồi trước ngõ nghe xao động
Trời đất bào thai cựa cựa nhanh
Mầm cỏ ngoi ngoi lên rạo rực
Con chim chèo bẻo hót lanh chanh

34. ơi bờ ao và ơi khu vườn biếc
em gái hiền đứng đợi trước gương xưa
em gấy ốm một đời không áo lụa
em xin trời chút nắng để cho thơ
người thi sĩ với những tờ bản thảo
uống nước mưa và thở chút khí trời
hồn có rộng đi trên đường gió bụi
mắt hôm xưa còn dõi bóng cuộc đời

35. anh suốt đời tìm, cuối đời bắt gặp
mắt em nhòa đêm đen
giọt lệ thầm vương ngọn tóc
giọt lệ thầm chưa quen
gửi nhau niềm cơ cực
em nửa đời chờ anh
dù chưa tin chân trời có thật
tiếng reo từ bình nminh
tới hoàng hôn giá buốt
không reo thì không đành

36. Giọng em nghe từng câu từng chữ
Câu chuyện đều đều câu chuyện êm
Buổi chiều xám và mùa Đông lạnh
Đêm ngủ một mình em sợ ma
Và giọng em như vang bên tai
Em trốn nơi nào trong ngực tôi
Có lúc muốn về nơi em ở
Thăm một lần thành phố nhiều cây

37. Tôi chưa kịp nhìn. Chỉ nghe. Người điên mà hát hay thế. Như đã qua nhạc viện. Cái cách nhả tiếng ấy... Dâng hiến. Mê đắm. “Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng... Nếu là hoa tôi sẽ là một đóa hướng dương... “. Một bài hát cũ. Nếu là tôi tôi sẽ không hát thế bây giờ. Đơn giản vì tôi chỉ muốn được là tôi. “Là mây theo làn gió tôi bay khắp trời... là người xin một lần khi nằm xuống cùng anh em đứng lên phất cao ngọn cờ”. Thường khi hát những câu thế này trên sân khấu đầu tiên ca sĩ sẽ giang rộng hai tay, xong thu lại áp trước ngực, đầu ngẩng, mắt ngước nhìn mông lung. Trên ấy thì có quỷ gì, toàn thiêu thân mê đèn. “Là người xin một lần khi nằm xuống... nhìn anh em phất cao ngọn cờ...”. Phố vắng teo và nắng. Người điên hát mê man.

38. Thạnh móc trong túi ra một miếng vải được buộc chặt bằng lạt tre, cẩn thận gỡ sợi lạt. Một dúm muối hột đen bẩn hiện ra. Thạnh trân trọng, nâng niu múc, vừa chẫn được hai thìa, đổ vào bát của Tường. Tường chăm chú nhìn Thạnh đong muối. Xong xuôi, Tường chùi cái lưỡi câu thêm một lần trước khi đưa cho Thạnh. Thạnh cầm cái lưỡi câu, mắt nhìn với theo bát muối trên tay Tường. Còn một ít muối vụn dính vào miếng vải, Thạnh thè lưỡi chấm chấm. Vị ngọt lan nhanh trong miệng, nước bọt ứa ra.

39. Tôi đã nghe tiếng nói của bà, không phải, đúng hơn là tiếng kêu thất thanh của bà khi cơn mưa bất chợt phủ chụp xuống khu chung cư. Tiếng kêu hoảng hốt của bà, gọi giật đứa con gái đang chơi trên sân cỏ. Tiếng kêu chính thật như âm vang tự những ngày xa xưa. Tôi đã nhìn thấy bà bên kia những hàng xe đậu ngổn ngang. Tôi đã thấy lại dáng dấp bà sau những năm dài lao đao trong cuộc sống và trơn trợt trên đường đời. Bà chạy trong mưa, lướt trên cỏ, dáng bà không khác hơn hai mươi năm trước. Mái tóc của bà đen nhánh, mượt mà, xổ tung, lất phất trong mưa vẫn là tóc của ngày xưa cũ.

40. Nhã trốn trại hai lần đều bị bắt lại. Trong ánh mắt Nhã tất cả mọi người đều giống nhau. Không ai hơn, kém. Cái nhìn trong veo như của trẻ thơ. Nhã rất khéo tay. Nếu được đào tạo Nhã sẽ trở thành một nhà điêu khắc. Trong tay Nhã, với một cái đinh, phút chốc viên phấn đã trở thành một hình người, một con thú. Cán bộ trại hay nhờ Nhã làm búp bê bằng gỗ cho con chơi. Hết người này đến người khác nhờ. Nhã làm liên miên, say mê. Sau, có dụng cụ tốt Nhã đục hình người bằng

đá, chỉ cần nhìn tấm hình Nhã đục giống hệt. Nhã làm đàn ghi ta cổ điển, âm thanh rất chính xác. Tât nhiên Nhã được cán bộ trại thương.

41. Bốn chiếc chén vây quanh tô súp chua ngọt. Ba chiếc chén cái. Một chiếc chén đực. Chén đực là của Tịnh. Ba chén cái là của ba thế hệ bà, mẹ, và tôi. Mỗi thế hệ chỉ có một chữ âm nghe cọc cạch lạnh lẽo. Người bồi bàn vén khéo chất súp nâu nâu rền rền vào từng chiếc chén đều nhau tăm tắp. Chiếc muỗng lớn lượn lên lượn xuống nghiêng chỗ này một chút ngã chỗ kia một chút. Như một cánh chim quảng giao rối rít thăm hỏi chung quanh. Khi cánh chim đã bay về nằm gọn trong lòng tô súp mới vơi đi phân nửa, người bồi bàn xòe bàn tay điệu nghệ kịch cỡm. Xin mời!

42. ngó em xuân nữ ở truồng
thoát nhiên đại ngộ giữa sương sa mù
niết bàn tìm kiếm đâu xa
thiên nhai cửa ấy vào ra phiêu bồng

43. Mắc đái là mắc đái
Làm thơ cũng cùng hình thái
Không còn chi để phải nói lại
Trừ cái sự vụ hai trứng dái
Săn cón lên báo giờ quan ngại
Trong khi thơ rụng như cây chín trái
Khôn ngoan ta đưa tay hái

43. Trời xanh, bầy chim én
tha về mảnh hồng nhan
mùa xuân em, đã đến
những tiếng gọi thời gian.
Chiếc nôi vàng trái đất
có lời ru tỏ tình
giữa hoàng hôn hủy diệt
còn hơi thở bình minh.
Vết thương loài đá ấy
đã lành lớp rêu non
trên những cành khô dậy
nở một đóa hồng đơn.

45. Em đã bay qua biển
Để xích lại gần anh...
Em đã bay qua núi,
Đến một nơi em gọi: cõi tình
Em đã bay cao hơn mây
Nhìn xuống những vật li ti dưới đất
Nhìn lên bầu trời xanh rộng
Chung quanh em, những chùm mây trắng
Lững lơ như cuộc tình mình...
46. Chiều rơi rớt cái mong manh
hồn trong con mắt trổ nhành xanh xao
giốc ra toàn lực hư hao
tất lòng chếnh cháng rượu vào lời ra

47. Cháy đến vàng rơm đá muôn thuở
Nằm cho nắng tới hiện thân
Trần truồng khô khan hơi gió hạ
Đầu gục xuống giữa chân
Như người giấy mực không tội lỗi
Hôm qua bị xử bắn trên đồng
Suối chảy bàng hoàng hoa nở đỏ
Mắt ráo cổ xé đi còn ngoái trông
Xóm làng vẫn bên đèn vàng cửa sổ
Cháy như bao giờ dưới chân đồi
Buổi sáng xanh đầu tim đèn ửng
Banh cổ kèn đồng sao mai không thể mắt không nguôi.

48. Em đã xa
rơi rớt bụi tàn ảm đạm
anh như tro muốn sống hết mình nuôi ấm tàn than
Ngày đông qua
kiên tâm với nỗi buồn đặc quánh
anh như con thú chịu nạn
tự liếm vết thương
Em đã xa
nỗi đau tro than
mong ủ chín hạt nhớ lặng thầm

49. Ngay đến dòng sông trước mặt Quỳ lúc này, một dòng sông lạ hoắc, không bến không thuyền, cách biệt hoang vu; vẫn thể hiện đầy đủ nét thê lương sầu thảm của một cái gì vừa gãy đổ, vừa vô cùng tàn lụn: đám lá mục, đám cành cây rụng trôi lềnh mặt nước không là tàn tích chết chóc đọng lại từ mùa thu trước và trước nữa... hay sao? Hai bên bờ, cây hoang mọc um tùm, gốc rễ bị nước xói mòn phơi ra u nần trắng hếu; có vẻ từ lúc hiện diện chưa hề được ai để chân đến. Xen kẻ giữa đám cây chi chít, đặc biệt có vài loại cây rễ đâm xiên tua tủa từ thân mẹ.

50. Cho tôi nói
để tôi cười
công tôi
đã tập nói cười
bao năm

Ừ Mai
gió cuốn về trời
nằm trong hạt bụi
quên người
quên tôi

51. Chừng ấy núi với tình tứ núi
chừng ấy sông anh nặng mấy ngàn sông
trước ngưỡng cửa mùa thu những đêm chớm lạnh
lanh lãnh ở trên trời, ấm áp dưới biển sâu
Từng ấy ngón tay trên từng cúc áo
anh ăn mặc tân thời bằng quốc phục Ngọc Anh
xứ sở Ngọc Anh phong cảnh thanh tú
như mặt trời trong thế giới Việt Nam

52. Ta ngồi lưng núi mơ màng
Tưởng đâu lá rụng suối mang hịch truyền
Ta ngồi hỏi cỏ xanh lên
Biết đâu chốn cũ là nền nhà thơ
Chừng như trong khói lam mờ
Lách lau còn dựng ngọn cờ chẩy quân
Đồi đồi sim tím dưới chân
Hoa tung còn tưởng xa gần áo bay

Phần hai: Tên các tác giả.

A. Nguyễn Thị Hoàng Bắc
AA. Nguyễn Thị Thanh Bình
B. Trang Châu
N. Hoàng Lộc
NN. Sương Mai
O. Huỳnh Liễu Ngạn

BB. Lâm Chương
C. Phạm Việt Cường
CC. Hồ Minh Dũng
D. Triều Hoa Đại
DD. Võ Đình
E. Bùi Giáng
EE. Lê Minh Hà
F. Lệ Hằng
FF. Đặng Hiền
G. Luân Hoán
GG. Trần Nghi Hoàng
H. Nguyễn Xuân Hoàng
HH. Trần Long Hồ
I. Khoa Hữu
II. Cao Xuân Huy
J. Đỗ Kh.
JJ. Hoài Khanh
K. Cao Đông Khánh
KK. Vi Khuê
L. Trầm Phục Khắc
LL. Hồ Phổ Lại
M. Du Tử Lê
MM. Nguyễn Vĩnh Long
OO. Hồ Đình Nghiêm
P. Trần Doãn Nho
PP. Thường Quán
Q. Trân Sa
QQ. Nguyễn Bắc Sơn
R. Nguyễn Đức Sơn
RR. Hoàng Xuân Sơn
S. Kiệt Tấn
SS. Phan Ni Tấn
T. Song Thao
TT. Mai Thảo
U. Nguyễn Xuân Thiệp
UU. Trần Hoài Thư
V. Lê Thánh Thư
VV. Phạm Thiên Thư
X. Nguyễn Mạnh Trinh
XX. Khánh Trường
W. Trần Mộng Tú
WW. Trần Vũ
Y. Kinh Dương Vương
YY. Thế Uyên
Z. Tô Thùy Yên
ZZ. Ngu Yên

PHIẾU TRẢ LỜI
(có phần hướng dẫn ở trang kế)
Điền và cắt phiếu này gửi về nhàxuất bản MINH VĂN

PHIẾU TRẢ LỜI
NHẬN DIỆN VĂN THI SĨ

Tên họ: ....
Bút hiệu (nếu có): ....
Địa chỉ: ....
....
Điện thoại: ....
Fax: .... E-mail: ....

Mẩu trả lời:

1........................	14.....................	27....................	40......................
2.......................	15.....................	28....................	41......................
3.......................	16.....................	29.......	42......................
4.......................	17.....................	30....................	43......................
5.......................	18.....................	31....................	44......................
6......................	19.....................	32....................	45......................
7.......................	20.....................	33....................	46.....................
8.......................	21.....................	34.......	47.....................
9.......................	22.....................	35.................. ...	48.....................
10.....................	23.....................	36....................	49.....................
11.....................	24.....................	37.......	50.....................
12.....................	25.....................	38....................	51.....................
13.....................	26.....................	39....................	52.....................

Tổng cộng câu trúng: *(để trống, của NXB)*.................................

Hướng dẫn: Ví dụ đoạn văn hay thơ trong **phần một** có số thứ tự là số **1**, quí vị *nghĩ rằng* của tác giả Hồ Đình Nghiêm, thì xin ghi **OO** vào chỗ chấm lửng sau số **1** trong **Mẩu trả lời** phía trên (Ở **Phần hai**, tên tác giả Hồ Đình Nghiêm mang mẫu tự **OO**) :

1........**OO**..........

Nếu trúng giải, nhà xuất bản Minh Văn sẽ liên lạc trực tiếp với quí vị.

Độc giả ghi danh mua dài hạn hoặc tái hạn HỢP LƯU sẽ được bớt 15% trên giá bán của bất cứ tác phẩm nào do VĂN NGHỆ xuất bản. Nhà xuất bản bao cước phí.

PHIẾU MUA SÁCH của nxb VĂN NGHỆ

(Dành cho độc giả **Hợp Lưu** mua dàu hạn hay tái hạn))

Họ & tên ____________________

Địa chỉ ____________________

____

Điện thoại __________ | Email __________

đặt mua những tác phẩm do nhà VĂN NGHỆ xuất bản sau đây, sau khi đã trừ 15% tính trên giá ghi ở bìa sau mỗi đầu sách:

	Tên tác phẩm	**Tên tác giả**	**$ (đã -15%)**
1.			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			

Gồm (*bao nhiêu?*) [ ] tác phẩm, giá tổng cộng: [ ]

- Gửi phiếu này về VĂN NGHỆ, P.O.Box 2301,Westminster, CA 92683. USA kèm check (ngoài nước Mỹ bằng Money Order), trả cho VĂN NGHỆ, cùng bản sao (photocopy) phiếu Mua hoặc Tái hạn Hợp Lưu.
- Chọn sách trong thư mục trang kế.

Thư Mục

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O.Box 2301, Westminster, CA 92683. USA

(Những cuốn đã tuyệt bản chúng tôi không ghi trong list này)

1. Mười câu chuyện văn chương, *tiểu luận văn học* Nguyễn Hiến Lê - 7MK
2. Con đường thiên lý, *tiểu thuyết* Nguyễn Hiến Lê - 9MK
3. Hồi ký *tập I* - 14MK
4. Hồi ký *tập II* - 15MK
5. Hồi ký *tập III* - 9MK
6. Tôi tập viết văn tiếng Việt, Nguyễn Hiến Lê - 7MK
7. Chiếc cầu trên sông Drina, Nguyễn Hiến Lê dịch - 14MK
8. Ý cao tình đẹp, Nguyễn Hiến Lê *tuyển dịch* - 8MK
9. Bài học lịch sử, Will và Ariel Durant, N. H. Lê & Trần Lương Ngọc *dịch* - 8MK
10. Kinh dịch (*sách viết sau 75, tái bản*), Nguyễn Hiến Lê - 20MK
11. Khổng Tử (*viết sau 75, mới in tại Mỹ*), Nguyễn Hiến Lê - 12MK
12. Lịch sử văn minh Trung Quốc, Will Durant, Nguyễn Hiến Lê d*ịch* - 14MK
13. Luận ngữ, Nguyễn Hiến Lê - 13MK
14. Đời nghệ sĩ, Nguyễn Hiến Lê 9MK
15. Einstein, đời sống và tư tưởng, Nguyễn Hiến Lê - 8MK
16. Lịch sử thế giới, Nguyễn Hiến Lê - Thiên Giang - 25MK
17. Kiếp người (*tiểu thuyết* W.S. Maugham, Nguyễn Hiến Lê *dịch* - 13MK
18. Tùy bút I (*tái bản*), Võ Phiến - 15MK
20. 20 năm văn học miền Nam (*biên khảo*), Võ Phiến (*in lần 2*) - 14MK
21. Truyện ngắn II, Võ Phiến - 14MK
22. Tạp luận (*còn ít*), Võ Phiến - 15MK
23. Tiểu thuyết I, Võ Phiến - 15MK
24. Tiểu thuết II, Võ Phiến - 15MK
25. Tiểu luận, Võ Phiến - 14MK
26. Tạp bút, Võ Phiến - 16MK
27. Truyện thật ngắn (*tái bản*) Võ Phiến - 8MK
28. Thơ miền Nam *tập I* (*trong bộ* Văn học miền Nam), Võ Phiến - 6MK
29. Thơ miền Nam *tập II* (*trong bộ* Văn học miền Nam) Võ Phiến - 11MK
30. Truyện miền Nam *tập I* (*trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 6MK
31. Truyện miền Nam *tập II* (*trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 10MK
32. Truyện miền nam *tập III* (*trong bộ Văn học miền Nam*), Võ Phiến - 10MK
33. Quê, *tập truyện* Võ Phiến - 6MK
34. Viết, Võ Phiến - 10MK
35. Đối thoại, Võ Phiến - 8MK
36. Ký, bút, kịch miền Nam (*trong bộ VHMN*), Võ Phiến - 10MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

37. Xuôi dòng, *truyện ngắn* Nguyễn Mộng Giác - 7MK
38. Bèo giạt (Mùa biển động IV), *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 15MK
39. Tha Hương (MBĐ V), *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 21MK
40. Đường một chiều, *tiểu thuyết* Nguyễn Mộng Giác - 7MK
41. Ký thác (*tái bản), tập truyện* Bình Nguyên Lộc - 7MK
42. Cuống rún chưa lìa (*tái bản), tập truyện* Bình Nguyên Lộc - 8MK
43. Thơ hiền, *thơ* Như Chi - 6MK
44. Hóa ra nét chữ lên đàng quẩn quanh, *thơ* Ngu Yên - 6MK
45. Tựa đề ở bên trong, *thơ* Ngu Yên - 8MK
46. Hỡi ơi, *thơ* Ngu Yên 6MK
47. Trầm mặc cây rừng, *tập truyện* Võ Hồng - 6MK
48. Con suối mùa xuân, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 7MK
49. Hoa bươm bướm, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 9MK
50. Như cách chim bay, *tiểu thuyết* Võ Hồng - 13MK
51. Hợp Lưu, *truyện dài* Hồ Trường An - 7MK
52. Mùa hè một nơi khác, *tập truyện* Phan Thị Trọng Tuyến - 10MK
53. Một chút riêng tư, *tập truyện đầu tay* Mai Kim Ngọc - 10MK
54. Đêm dài một đời, *truyện dài* Lê Tất Điều - 7MK
55. Một quả cười Xuân, *phiếm luận* Kiều Phong - 7MK
56. Thư về Bloomington Illinoise, *tập truyện* Lê tất Điều - 11MK
57. Cao Tần, *thơ* - 6MK
58. Vòng đai xanh, *truyện dài* Ngô Thế Vinh - 8MK
59. Mặt trận ở Sàigòn, *truyện ngắn* Ngô Thế Vinh - 8MK
60. Mây bão, *tiểu thuyết* Ngô Thế Vinh - 12MK
61. Xứ sấm sét, *tập truyện* Võ Đình - 8MK
62. Sao có tiếng sóng, Võ Đình - 13MK
63. Lầu xép, bảy chuyện, tám truyện Võ Đình - 11MK
64. Yoga căn bản (*dễ tập & thực dụng*), Võ Đình Mai *hướng dẫn bằng hình* - 8MK
65. Nụ cười tre trúc, *tập truyện* Kiệt Tấn - 11MK
66. Lớp lớp phù sa I, *truyện dài* Kiệt Tấn - 13MK
67. Yêu con, dạy con nên người Việt (*tái bản*), Đỗ Quí Toàn - 8MK
68. Cỏ và tuyết, *thơ* Đỗ Quí Toàn - 8MK
59. Tìm Phật ở đâu? (*tái bản*), Minh Tâm - 9MK
70. Tù ngục và tâm thức lưu đày, *thơ* Nguyễn Ngọc Thuận - 6MK
71. Nơi trại trừng giới, *tuyển tập dịch* Vũ Huy Quang - 10MK
72. Long lanh hạt bụi, *tập truyện* Nguyễn Thị Hoàng Bắc - 10MK
73. Chinh phụ ngâm và tâm thức lãng mạn của kẻ lưu đày, Lê Tuyên - 10MK
74. Thềm hoang, *truyện dài* Nhật Tiến - 8MK
75. Tiếng kèn, *tập truyện* Nhật Tiến - 8MK
76. Ngày N+..., *hồi ký về cuộc di tản quốc lộ 7*, Hoàng Khởi Phong - 11MK
77. Nguyệt thực, *tập truyện* Hồ Đình Nghiêm - 7MK
78. Thần người & đất Việt, khảo luận Tạ Chí Đại Trường - 16MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

79. Căn nhà ngói đỏ, *tập truyện* Nguyễn Xuân Hoàng - 8MK
80. Quê Hương, *thơ* Định Nguyên - 8MK
81. Một thuở làm "trùm", *tập truyện* Nguyễn Tấn Hưng - 8MK
82. Gió đêm, *tập truyện* Trần Thị Kim Lan - 7MK
83. Nghĩ về *thơ*, biên khảo Nguyễn Hưng Quốc - 9MK
84. Văn học VN dưới chế độ Cộng sản (*tái ban*), Nguyễn Hưng Quốc- 16MK
85. Thơ, v.v... và v.v..., Nguyễn Hưng Quốc - 14MK
86. Võ Phiến, Nguyễn Hưng Quốc - 12MK
87. Hoa sen trên tuyết (*tái bản*), Nguyên Phong *dịch* - 9MK
88. Minh triết trong đời sống, Nguyên Phong *dịch* - 12MK
89. Khi những lưu dân trở lại, *khảo luận văn học* Nguyễn Văn Xuân - 7MK
90. Ngoài giấc ngủ - *thơ* Thường Quán - 11MK
91. Vài chú giải về thiền đốn ngộ, Nguyên Giác Phan Tấn Hải - 8MK
92. Tiểu thuyết vô đề (*tái bản), trong nước gửi ra*, Dương Thu Hương - 13MK
93. Đặc khảo Trường Sa - Hoàng Sa, nhiều học giả - 12MK
94. Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm & Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam
(*tái bản lần I, còn khoảng 20 cuốn, bìa cứng*), Hồ Sĩ Khuê - 25MK
95. Tự do trong lưu đày (*tái bản lần 3*) *Hồi ký* Đức Đạt Lai Lạt Ma,
Chân Huyền *dịch*, Chân Văn *nhuận sắc* - 14MK
96. Truyện của một người di cư nhức đầu vừa phải, Nguyễn Bá Trạc - 10MK
97. Việt Nam máu lửa quê hương tôi (*tái bản lần 9, bìa cứng*), Đỗ Mậu - 35MK
98. Sài Gòn tạp pín lù (*tức* Sài Gòn năm xưa II. III), Vương Hồng Sển - 15MK
99. Hơn nửa đời hư (*bản đầy đủ hơn bản in trong nước*),
hồi ký Vương Hồng Sển - 20MK
100. Nửa đời nhìn lại, *Hồi ký* Vương Hồng Sển - 18MK
101. Dấu chân cát xóa, Doãn Quốc Sĩ - (NK
102. Người vái tứ Phương, Doãn Quốc Sĩ - 10MK
103. Mình lại soi mình, Doãn Quốc Sĩ - 16MK
104. Cò Đùm, *truyện* Doãn Quốc Sĩ - 8MK
105. Thư gửi bạn ta I, *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
106. Thư gửi bạn ta II, *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
107. Thư gửi bạn ta III. *phiếm luận* Bùi Bảo Trúc - 16MK
108. Viết cho mẹ và quốc hội (*thêm hai tài liệu: bản báo cáo của nhóm công tác viên số 6CB, Quyết định của UBND thành phố Hồ Chí Minh lưu hành, tịch thu sách. Tái bản*), Nguyễn Văn Trấn - 20MK
109. Chân Trần, *tập truyện* Y Chi - 12MK
110. Thực phẩm rau đậu qua lăng kính khoa học, Tâm Diệu - 12MK
111. Công lý đòi hỏi, *tiểu luận* Nguyễn Minh Cần - 12MK
112. Về vùng chiến tuyến, *hồi ký* Lê Xuân Nhuận - 15MK
113. Lý luận và phê bình 20 năm văn học VN ngoài nước, Bùi Vĩnh Phúc - 27MK
114. Cấu trúc thơ, *biên khảo* Thụy Khuê - 13MK
115. Sóng từ trường, *tiểu luận, phê bình* Thụy Khuê 12MK

XEM TIẾP TRANG KẾ

PHIẾU TẶNG



Tôi tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________
____
____

Điện thoại: ______________ Email: ______________
gửi tặng (*1 hoặc 2*) [ ] năm tạp chí HỢP LƯU đến:

Họ tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________
____
____

Điện thoại: ______________ Email: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho chúng tôi biết (*bằng thư, điện thoại, hoặc điện thư*) khi nhận được PHIẾU TẶNG này, cùng với ngân phiếu.

PHIẾU GIỚI THIỆU



Tôi tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________
____

đề nghị tòa soạn gửi tặng một số HỢP LƯU mới nhất đến:

Họ tên: ______________________________
Địa chỉ: ______________________________
____

Nếu người thân của tôi bằng lòng với nội dung của tờ báo, họ sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 265-1394. Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail
Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years
Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ & Gia Nã Đại (US & Canada):

- *Một năm / One year*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$40.00. Hạng nhất / First class: ☐ US$50.00
- *Hai năm / Two years*
  Hạng tư / Four class: ☐ US$78.00. Hạng nhất / First class: ☐ US&96.00

Âu châu (Europe):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US&50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$136.00

Úc, Á châu (Australia & Asia):

- *Một năm / One year*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$50.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years*
  Đường thủy / Surface: ☐ US$96.00. Máy bay / Air mail: ☐ US$156.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) đề HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HO LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



